NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Fondateur propriétaire
Sáng-lập Chủ-nhân } PHẠM QUỲNH

TOME XXXII

N°s 180 185

JANVIER — JUIN

1933

IN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
80-82, Rue du Chanvre, Hanoi

NAM - PHONG TẠP - CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ XXXII (*từ số 180 đến số 185*)

Số trang

Số 180 — Janvier 1933

Nguyễn Tràng-Tô trên lịch-sử Việt-Nam. 1
Socrate hay Citroën. 12
Phép giáo-dục của thầy giáo Tâm. 16
Lịch-sử Phật-giáo nước Tàu. II 19
Quốc-âm thi-văn tùng-thoại. VII. 30
Sưu-tập thơ-văn cổ VI. (Tráng-hận ca). 34
Việt-Nam tổ-quốc túy-ngôn. IX 39
Khảo về luân-lý học-sử nước Tàu. VIII. 47
Việt-Nam địa-dư ngữ-ngôn thi. III. 55
Hát chèo (truyện Tú-Uyên). II 70
Văn-uyển 80
Thời-đàm 85
Quốc-ngữ đính-ngoa I 107

Số 181 — Février 1933

Tâm-lý người Pháp 117
Cái bệnh của thanh-niên nước Đức. 124
Vấn-đề quốc-văn. 128
So sánh tiếng An-Nam với tiếng Pháp. 147
Việt-Nam tổ-quốc túy-ngôn. X. 155
Hồn ai ? 163
Quảng-nghĩa tỉnh chí I 168
Sưu-tập thơ-văn cổ. VII. (Tì-bà hành) 180
Hát chèo (Truyện Tú-Uyên). III. (Hết). 184
Văn-uyển 191
Thời-đàm 195
Quốc-ngữ đính-ngoa. II. 209

Số 182 — Mars 1933

Ngự-giá nam-tuần hành-trình ký. 221
Cùng ai trong bạn tây-học 236
So sánh nhân-vật trong lịch-sử Trung hoa. 243
Gương sĩ-hoạn — Gương nữ-giới. 251
Vấn-đề quốc-văn 260
Sưu-tập thơ văn cổ. IX. (Dịch thơ Trạng-nguyên nói về học trò thi đỗ. Văn tế mẹ) 280

Số trang

Quảng-ngãi tỉnh chí. II. 287
Hát tuồng (Văn-phòng tứ-bảo). I. 294
Văn uyển 300
Thời-đàm 304
Quốc-ngữ đính-ngoa. III 317

Số 183 — Avril 1933

Tán-dương quyển sách 327
Ngự-giá nam-tuần hành-trình ký. II. 333
Học-thuyết thầy Mạnh. 340
Việt-Nam tổ-quốc túy-ngôn. XI. 351
Lịch-sử Phật-giáo nước Tàu. III. 357
Quảng-ngãi tỉnh chí. III. 368
Sưu-tập thơ-văn cổ X. (Vịnh trăng ba mươi đêm). 378
Câu truyện tình trong giấc mộng. 382
Hát tuồng (Văn-phòng tứ-bảo). II 386
Văn-uyển 393
Thời-đàm 398
Quốc-ngữ đính-ngoa. IV 411

Số 184 — Mai 1933

Việc cải-cách trong triều-đình Huế 423
Nam-du đến Ngũ-hành-sơn I 437
Phương thuốc chữa bệnh buồn gầy của một nhà đạo-sĩ. . 448
Nguyễn-triều trong thời-kỳ sơ-khởi. 450
Quảng-ngãi tỉnh chí. IV 466
Phê-bình văn-chương ca-dao 478
Luận-ngữ quốc-văn giải-thích. IX. 483
Hát tuồng Văn-phòng tứ-bảo . III. 493
Văn-uyển 505
Thời-đàm 508
Quốc ngữ đính-ngoa. V. 521

Số 185 — Juin 1933

Vận-mệnh nước nhà. 529
Có nên dạy toàn quốc-văn ở các trường hương-thôn không? . 547
Bàn về nhân-vật Lương Khải-Siêu. 549
Nam-du đến Ngũ-hành-sơn. II. 559
Khảo về luân-lý học-sử nước Tàu. IX. 570
Việt-Nam tổ-quốc túy-ngôn. XII. 583
Thơ Đường diễn nôm. 595
Quảng-ngãi tỉnh chí. V. 602
Hát tuồng (Văn-phòng tứ-bảo). IV. 611
Văn-uyển 619

Số trang

Thời-đàm 624
Quốc-ngữ đính-ngoa. VI 635

Các tranh ảnh

Số 180 — Ảnh Ngự-giá miền bắc Trung-kỳ. Chùa Diệu-viên làng Thanh-thủy và tháp mộ Kiết-ma hòa-thượng chùa Tường-vân, Huế.

Số 181 — Ảnh Ngự-giá miền bắc Trung-kỳ. Trước lăng đức Gia-long.

Số 182 — Ảnh lăng đức Khải-định và Hoàng-thượng ngự thăm tầu Jeanne d'Arc.

Số 183 — Ảnh nhà thờ lớn ở Nha-trang và dân Mọi ở Phú-yên.

Số 184 — Ảnh Hoàng-thượng duyệt đội tầu bay ở Phù-bài. Xem tập diễn-nghi ở Giao-đàn và mả Mọi ở Kon-toum.

Số 185 — Ảnh Hoàng-thượng thăm viện *Pasteur* ở Nha-trang. Hoàng-thượng nghe một trò gái đọc lời chúc mừng ở trường học Nha-trang. Năm quan Thượng-thư mới ở Huế.

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

La leçon des ancêtres. 1
Causes morales de la crise. 3
Le port d'escale, de transit et de défense de l'Indochine 5
Une Conversation avec l'ancien Empereur de Chine. 9
Les Prix littéraires de l'Académie française. 11
La cérémonie de Nam-giao 21
Hué et ses chansons. 25
Un poète populaire. 26
Un grand journaliste : AUGUSTE GAUVAIN. 27
La Chine. 41
Au Siam. 50
L'origine du plaisir 51
La lecture 54
Une cour d'amour au Laos. 57

N° 180 Janvier 1938

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NGUYỄN TRÀNG-TỘ

玩長祚

Trên lịch-sử Việt-Nam

Nay chúng ta càng thâm-tín rằng những sự-nghiệp thay cũ đổi mới, khiến cho nước nhà được vững bền, xã-hội được tiến-hóa, nòi-giống được thịnh cường, không phải một nhờ ở cái tri-thức đặc-biệt của một đôi người, mà phải trông cậy cả vào cái tri-thức phổ-thông của số nhiều hợp lại giúp nên mới thành được. Tức như Nguyễn Tràng-Tộ tiên-sinh ở Việt-Nam về cận-thế vậy.

Chúng ta những lúc đêm thanh cảnh vắng, trước án sách, dưới ngọn đèn tàn, đốt đỉnh hương trầm, giở tập di-văn của Nguyễn tiên-sinh ra mà đọc ; thấy bao nhiêu là những kế-sách thiết-thực cho nước cho dân, bao nhiêu là những kiến-thức mới về cuộc đời. Điều-hòa được cả mới cũ, lựa hợp được cả Đông Tây, dem đại-cục của thiên-hạ, tân-trào của thế-giới mà trung-cáo cảnh-cấp cho thời-cục, tỉnh-thức cho quốc-nhân, kịch-liệt lâm-ly biện-bạch thống-thiết, nay còn chan-chứa trên tờ giấy, chúng ta không khỏi không lấy làm thương tiếc vô-cùng.

Chúng ta thương tiếc cho cái tài-học cái kiến-thức của Nguyễn tiên-sinh mà toại-thành vô-ích cho đời. Chúng ta thương tiếc cho nước nhà ta, cho xã-hội ta, cho nòi-giống ta có Nguyễn tiên sinh mà không được hưởng tóc-tơ về cái ơn huệ của tài-học kiến-thức ấy. Ôi, há không phải cái nghĩa chỉ có tri-thức đặc-biệt mà không có tri thức phổ-thông giúp vào cũng không đủ cậy như trên đã nói đấy dư? Không thế thì sao Khổng Phu-tử là một bậc đại-triết, yêu-thương cái nước cha mẹ là dường nào, mà không cứu được nước Lỗ khỏi suy-vong. Mạnh-tử là một bậc đại-hiền, nông tang giáo-dưỡng, hoài-bão bao nhiêu chính-kiến hay, mà không cứu được đời Chiến-quốc biến loạn. Khóc thương tổ-quốc, thà rằng mắt nhắm, chẳng thà lòng đau, thiên *Ly-tao* còn văng vẳng oan hồn họ Khuất. Thương ôi ! Hiền-tài phụ đời chăng? Đời phụ-phàng với hiền-tài chăng? Thực thì hiền-tài với đời không hề có phụ-phàng gì nhau, chỉ vì kẻ biết có một mà kẻ không biết thì nhiều mà thôi vậy.

Đương hồi đầu thế-kỷ thứ 19, ngọn trào tây-học tràn ngập hai bờ biển Thái-tây rồi ầm-ầm bốc lên như núi như non, thế cao muôn trượng, sức mạnh vô-cùng, qua Hồng-hải, Ấn-độ-dương mà lướt sang bờ cõi Đông-Á. Bấy giờ bắt đầu tưng-bừng vui vẻ ra tiếp-thụ lấy cái văn-minh, cái học-thuật hoạt-bát mới-mẻ ấy, mà hoàn-toàn lĩnh-hội được chỗ tinh-vi, chỗ chân-chính của văn-minh cùng học-thuật ấy có ba bậc vĩ-nhân, mà đều là ba nhà nho cũ cả. Ba nhà ấy tức là Phúc-trạch Dụ-cát 福澤諭吉 ở Nhật-bản, Khang Hữu-Vi 康有爲 ở Trung-hoa và Nguyễn Tràng-Tộ ở Việt-Nam. Ba nhà chủ-trương khác nhau, hoàn-cảnh khác nhau, mà sự-nghiệp một thành một bại cũng không giống nhau vậy.

Phúc-trạch tiên-sinh chủ-trương về phương-diện giáo-dục, tiên-sinh vốn là một nhà nho cũ, bắt đầu học vần chữ Anh, rồi đem bộ tự-điển Anh-Hoa ra đọc một lượt và viết ra một lượt. Thế là hiểu văn-lý, bèn đọc sách Anh, thâm thấu và khuynh-hướng về chủ-nghĩa công lợi. Tiên-sinh mới lấy những sách văn-lý giản-dị về chủ-nghĩa ấy dịch ra Hòa-văn. Lại mở một trường tư-thục ở Đông-kinh, lấy niên-hiệu nhà vua mà gọi là Khánh-ứng nghĩa-thục. Lại lập một tờ báo để mà giáo-hóa cổ-vũ cho thiếu-niên. Người nước cả tỉnh-ngộ, đua nhau gây thành sự-nghiệp duy-tân, Phúc-trạch tiên-sinh thực có công lớn.

Khang Hữu-Vi thì chủ-trương về phương-diện chính-trị. Tiên sinh cũng vốn là một nhà nho cũ, đã đỗ tiến-sĩ rồi mới đọc sách chữ Anh, bèn đi du-lịch các nước Âu-châu, tham khảo các phép chính-trị, học-thuật Thái-tây, về nước xin vua biến-pháp cho nước thịnh dân cường. Ngờ đâu bị bọn quyền-gian nhà Mãn-Thanh vì tư-lợi bày mưu đạp đổ, tiên-sinh phải bôn-bá ra nước ngoài, đồ-đệ bị hình lục. Bao nhiêu cái kế-hoạch của Tổng-lý nha-môn, trong vài tháng bèn như tuyết tiêu tro lạnh, mà hai họ Mãn Hán đến lao-tao khốn-đốn như ngày nay.

Coi đó thì biết Phúc-trạch tiên sinh sở-dĩ thành, Khang tiên-sinh sở-dĩ bại, há không phải ở cái chỗ chủ-trương khác nhau dư! Chủ-trương giáo-dục là cầu cho trong nước trước có được một cái trí-thức phổ-thông. Chủ-trương về chính-trị là vận-động với một số ít trí-thức đặc-biệt có thế-lực ở trong nước. Lấy hiệu-lực mà nói thì giáo-dục chậm kết-quả mà chính-trị chóng thành-công. Song chính-kiến tuy mĩ-thiện mà dân-trí chưa mở-mang thì khó lòng mà thi-thố cho nên, mà dù có thi-thố cũng khó lòng mà giữ cho khỏi ngã nghiêng phúc-bại. Đến như giáo-dục thì không thế. Giáo-dục đã thấm-thía vào nhân-tâm sâu-xa, thì cái công-hiệu lại càng rộng lớn mà vững-vàng. Bao nhiêu những cuộc cách-cố đỉnh-tân, hưng-lợi trừ-hại trên lịch-sử xưa nay cũng đều như thế cả. Vậy Phúc-trạch mà thành, Khang mà bại, một bên thì chủ-trương về cái công-phu truyền-bá, một bên thì chủ-trương ở cái mục-đích thực hành đó mà thôi.

Tuy nhiên, đó là muốn đem cái chỗ chủ-trương khác nhau nói để cho biết cái chỗ nhỡ-nhàng thường xảy ra ở trong lịch-sử chính-trị, làm bất-hạnh cho bao nhiêu người hiền-tài phải mang di-hận, mà đời cũng không được thừa-hưởng cái phúc thăng-bình mà thôi. Chớ cái chỗ tài-học, cái chỗ lo nước yêu dân của họ Khang nào có kém gì họ Phúc-trạch.

Nguyễn Trang-Tộ tiên-sinh thì về phái họ Khang, nghĩa là cũng chủ-trương về chính-trị. Song Nguyễn tiên-sinh lại còn bất-hạnh nhiều. Là Khang tiên-sinh còn gặp được vua Quang-tự nhà Thanh nghe minh, tuy biến-pháp mới vài tháng mà ảnh-hưởng đã truyền đi khắp trong nước. Thế mà Nguyễn tiên-sinh thì bao nhiêu tư-tưởng học-thuật đều bó chặt vào trong một tập tấu-thư, cất kín lên trên cao-các. Quốc-dân bấy giờ không ai hề được biết đến. Chúng ta đứng ở giữa cái thế-cục ngày nay, hồi-tưởng lại thời-thế sáu bảy mươi năm về trước, không dám trách nước không có người trí-thức đặc-biệt, mà chỉ tiếc không có cái hạng người trí-thức phổ-thông vậy. Nay đem thân thế và sự-nghiệp của Nguyễn tiên-sinh giải luận ra như sau này:

Nói về thân-thế. — Nguyễn Trang-Tộ tiên-sinh sinh ở một nhà Thi Lễ tỉnh Nghệ-an. Năm 1828 Minh-mệnh thứ 9. Cha là Nguyễn Quốc-Thư nho-y đều nổi tiếng. Tiên-sinh sở-đắc cái nguồn học-vấn của gia-đình từ thuở nhỏ. Có khiếu thông-minh mà hiếu-

học. Mười tám tuổi, nhà di-cư đến ở làng Tân-ấp trước cửa nhà thờ đạo Thiên-chúa. Bấy giờ học-nghiệp đã tấn-tới lắm. Đọc sách đến đâu là suy nghĩ cho đến cùng-lý. Thầy học là Tú-tài Giai tiên-sinh có nhiều chỗ không trả lời được. 24 tuổi vào tập văn ở trường một quan Huyện đã về hưu. Nhưng tiên-sinh bấy giờ đối với những cái học từ-chương khoa-cử đã lấy làm chán lắm, mà có ý muốn lưu tâm về cái học cách-vật tri-tri. Một hôm cụ Huyện đưa học-trò lên chơi núi Lư-sơn. Anh em ai nấy đều vịnh thơ tả cảnh. Tiên-sinh ngồi một chỗ âm-thầm nghĩ ngợi rồi hỏi người bạn rằng: «Núi này cao bao nhiêu trượng? Diện-tích bao nhiêu thước? Người bạn không trả lời được.

Sau nhà dòng trong Tân-ấp mời tiên-sinh vào làm thầy giáo dạy hán-tự. Ông Linh-mục họ Ngô thấy tiên-sinh thông-minh lấy làm phục lắm. Bèn dạy cho tiên-sinh học chữ Pháp và những sách khoa-học phổ-thông bằng chữ Pháp. Ngô Linh-mục thấy tiên-sinh chóng hiểu về tân-học lắm. Năm 1860, nhân bấy giờ có lệnh cấm Giáo-dân ngặt lắm. Ngô Linh-mục bèn đưa tiên-sinh về Tây. Qua La-mã vào yết Giáo-hoàng, rồi sang *Paris* lưu-học. Học được vài năm thâm-đắc được nhiều môn học. Mỗi lúc có thì giờ, tiên-sinh hằng để ý khảo-sát về chính-trị, học-thuật kỹ-nghệ của nước Pháp. Đoạn rồi về nước, nhân tầu ghé bến Hương-cảng, tiên-sinh gặp một vị Giám-mục người Anh, cùng nhau ý-hợp tâm-đầu. Giám-mục mời tiên-sinh ở chơi vài tháng, khi ra về Giám-mục tặng tiên-sinh vài trăm bộ sách. Giữa đường bị giặc bể cướp lấy mất cả, chỉ còn có mấy quyển chữ Hán mà thôi. Bấy giờ tiên-sinh đã 33 tuổi. Ở Hương-cảng có đề một đôi câu đối vào miếu ông Hạng Vũ rằng:

英雄用武非無地
Anh-hùng dụng võ phi vô địa,
戰勝成功蓋有天
Chiến thắng thành công cái hữu thiên

Dịch:

Há rằng đất hẹp không nơi múa,
Nên biết trời cao đã xếp trò.

Lại họa với khách làng thơ một bài lên chơi núi ở Quảng-đông rằng:

乘閒屣履直登山
Thừa nhàn tỷ lý trực đăng san,
足下風生轉覺寒
Túc hạ phong sinh chuyển giác hàn;
汗漫已窮芒蓬外
Hãn mạn dĩ cùng xương mãng ngoại.
徘徊如在碧雲端
Bồi hồi như tại bích vân đoan;
三環城市分明看
Tam-hoàn thành-thị phân minh khán.
兩廣江山指掌間
Lưỡng Quảng giang-sơn chỉ chưởng gian;
萬里扶搖如可借
Vạn lý phù dao như khả tá,
凌空回國不應難
Lăng không hồi quốc bất ưng nan.

Dịch:

Nhân lúc thư-nhàn dạo núi chơi,
Gió đưa thoang-thoảng lạnh bên người;
Ngao-du chân đã quanh vòng đất,
Lơ-lửng thân như đứng giữa trời;
Thành-thị quát-thu vào trước mắt,
Nước non chỉ-điểm khắp đôi nơi;
Muốn nhờ cơn gió đưa muôn dặm,
Về nước tênh-tênh chẳng mấy hơi.

Coi đó thì biết tiên-sinh tuy qui-y đạo Thiên-chúa chịu cái tư-tưởng coi thế-giới quần-sinh như một, không có phân-biệt bờ cõi giống nòi. Nhưng một tấm lòng son đối với cái nơi chôn giau cắt rốn, nơi mình thác-sinh ra đời, tức là nơi tổ-quốc thì bao giờ gột rửa cũng không phai. Mà sở-dĩ lao-tâm khổ-tứ để theo đòi về đường học-vấn, kỷ-khu

tham-khảo về chính-trị văn-hóa của nước văn-minh kia, cũng là chỉ chực để vì ai cống-hiến. Tưởng cũng là cái thường-tình của cái đạo làm người đứng trong vũ-trụ, mà cũng là cái đạo «Thờ trời yêu người» nên như thế vậy. Cho nên đọc hai câu kết của bài thơ trên ấy thì biết tiên-sinh bấy giờ nhớ mến tổ-quốc là dường nào. Có lẽ tiên-sinh sở-dĩ tùng giáo để qua Tây cũng là vì tiền-đồ học-thuật của nước nhà vậy.

Năm 1863 tiên-sinh ở Hương-cảng về đến nước. Tiên-sinh bắt đầu đem những điều sở-học mà thi-hành ra thực-tế để làm lợi-ích cho nước cho dân. Nào lập nên một cái tân-ấp cho thôn Xuân-mĩ trong hạt nhà, khu-hoạch ra đường-xá xóm-làng cớ đội-ngũ, có trật-tự chỉnh-tề. Nào đứng đốc-công xây dựng một tòa nhà thờ, phòng-ốc cùng trường học nhà dòng theo kiểu tây. Nào vào Sài-gòn đứng xây một cái nhà tu cho các bà sờ, lớn đến mười vạn gọi là «Nhà trắng» nay hãy còn. Người đời mới biết đến cái tài thực-học của tiên-sinh từ đó.

Trong hạt Nghệ-Tĩnh có đào một con sông, gọi là Thiết-cảng. Người đốc-công cắm lối trước, đào xuống bị nhiều đá vằng không làm thế nào được. Quan Tổng-đốc là Hoàng Tả-Viêm nghe tiếng tiên-sinh, bèn đưa thư mời tiên-sinh đến giúp cho. Tiên-sinh cắm lại lối khác, việc làm có vài tháng thì xong.

Các quan tỉnh rất lấy làm khen-ngợi bèn dâng sớ cử tiên-sinh vào Triều. Tiên-sinh đem thân ra hiến cho nước từ đó. Khi thì sung phái-bộ đi Tây mua máy móc và đón thợ bên Tây sang khai mỏ. Khi thì sung Sứ-bộ sang Pháp thương-đồng việc giao-thiệp, khi thì sung làm thông-ngôn để đi bạn-tiếp sứ-thần bên Pháp. Song đó đều là những sự-vụ cung-chức mà thôi, đây bất-tất tường-thuật tế-toái, để nhường những nhà chép lịch-sử tiên-sinh sẽ kể đủ. Duy trong một hồi từ năm 1866 đến năm 1870, tiên-sinh trông thấy thời-cục ngày một nguy-nan, quốc-thế ngày một xúc-bách, lấy làm lo sợ xót thương, bèn thổ-tận can-tràng, phơi bày tim óc, thảo ra mấy tờ thư điều-trần, mong người trên tỉnh lại. Ấy ngày nay chúng ta còn được phảng-phất cầu thấy cái tâm-sự của tiên-sinh, thấy cái học-thuật tư-tưởng của tiên-sinh là ở đó

Bấy giờ là năm Tự-đức thứ 15 tức tây lịch 1862. Xứ Nam-kỳ đã nhường cho nước Pháp. Đại-thế đã định, cõi nước tuy rút nhỏ, mà vẫn còn có cái thế khả-vi. Tiên-sinh do cái lòng khổ-trung mà thổ-lộ ra những lời khích-thiết, ý muốn đem mấy liều thuốc đắng mà chữa cho cái bệnh trầm-trệ lâu năm. Song những phái đương-cục bấy giờ vẫn bo-bo giữ lấy cái tính sợ bệnh ghét thầy lang. Nên bao nhiêu tập điều-trần của tiên-sinh đều bị yêm-lưu vào một chỗ.

Quốc-luận lúc đó có hai phái: Một phái chủ-chiến, một phái chủ-hòa. Song chỉ biết chiến là chiến, hòa là hòa, còn hỏi đến thế-lực đối-phó ra sao, xử-trí thiện-hậu thế nào, thì hai phái đều không trả lời được. Tiên-sinh biết cái thế trứng chọi với đá, chiến càng thêm nguy, nên chuyên chủ-hòa. Song hòa là để kết tình lân-hiếu bởi cái thế đã khiến nên, để có thời giờ mà cầu học, mà duy-tân, trừ bỏ tích-tệ mà lo việc tự-cường tự-trị. Ngờ đâu kẻ nói thì khô hầu bỏng cổ, mà người nghe thì như bưng tai. Khiến cho tiên-sinh uất ức thành bệnh đau khổi ở trong bụng mà mang di-hám về thiên-đường. Ngày mồng 10 tháng 10 âm-lịch Tự-đức 24. Tiên-sinh mệnh-chung ở quê nhà. Thọ 41 tuổi.

Nói về học-vấn. — Nay lục ra còn thấy có bảy bài. 1° Bài trần-tình-khải

陳情啓, ngày 20 tháng 3 năm Tự-đức 16. Bài này đưa cho một vị quan triều để biện-minh cái lòng của mình khi bị bô-bá, quan Pháp mời tiên-sinh làm thông sự ở Nam-kỳ. Tiên-sinh đã cố từ, nhưng sau thấy sự-thế nước nhà gian-nan, mới nhận chức ấy để vào trong mà liệu chiều châu-toàn che-chở. Đó cũng là một mối khổ-tâm vì nước mà khó tỏ bày ra được. Trong bài có dẫn hai câu thơ đưa cho bạn để chứng thực u-hoài. Hai câu rằng:

寄身曹氏徐元直
Ký thân Tào-thị Từ Nguyên-Trực,
不帝嬴秦魯仲連
Bất đế Doanh-Tần Lỗ Trọng-Liên.

Dịch nôm:

Từ-công khúm-núm bên Tào
Trọng-Liên thà thốt chẳng theo đế-Tần.

Cuối bài nói nếu Nhà-nước xét đến bản-tâm mà tha cái hình-tích cho, thì xin đem thân ra hiệu-dụng.

2º Bài điều-trần về đại-thế trong thiên-hạ. Trước nói thế-lực người Âu-châu đương thịnh, cơ-khí tinh, quân-sự luyện, thế-giới vô-địch, thì nên hòa để mưu cầu học. Tiên-sinh nói «...Dân đã yên rồi thì sai những kẻ hiền-tài trẻo non vượt bể đi học lấy những phép công thủ của nước lớn, tập lấy những nghề khôn khéo trong thiên-hạ. Vả người mình đã giao-thân lâu với người các nước, thì so sánh mà hiểu biết được tài đức của mình với người ta. Học đã tinh thì nghề tự khéo. Khéo cực thì thành mạnh. Dưỡng-uy súc-nhuệ để mà đợi thời, có mất đàng nọ cũng thu được đàng kia, cũng không muộn gì. Việc ấy hiện có chứng thực. Tôi đã xem xét khắp nhân-tài của các nước Đông-phương, họ cũng không hơn gì người nước mình. Họ cũng phục là người nước Nam có nhiều trí khôn. Như khi tôi còn ở bên Tây, phàm những cái học về thiên-văn, địa-lý, cách-vật, trí-xảo, hỏa-xa, hỏa thuyền và làm đồng-hồ, v. v. người ta đã phải khen là người nước Nam học chóng hiểu chóng giỏi lắm. Duy người ta chê là mình hay bo-bo thủ-cựu, chỉ chuyên tập văn-chương, không biết tìm ra nước ngoài, cho nên kiến-văn chưa rộng, nên người ta cười mà thôi. Như thế mà những bậc danh-nho cao-sĩ nước ta được đi lại các nước thì không ngoài mươi năm có thể như câu thơ của Đỗ Phủ đã nói: «*Giang-đông đất sản nhân tài, sau này có dịp đỗ-hồi biết đâu...*»

Cuối bài tiên-sinh nói một cách thống-thiết và đoan-đích rằng: «Hàn-công nói: «Biết mà không nói là kẻ bất-nhân, nói mà không nói hết là kẻ bất-nghĩa.» Thế cho nên thân tôi tuy ở chốn giang-hồ mà lòng vẫn gửi nơi lang-miếu. Tôi thực không nỡ nhìn thấy nước nhà đổ nát, trăm họ lưu-li, cho nên không tự nghĩ phận hèn mà dám phạm vào lỗi nói thẳng. Nếu cho lời tôi là khi-trá, hoặc là có ai xui, thì xin đem tờ biểu này treo ở trước cửa quốc-môn để sau này làm chứng.»

Ôi, không khác gì Ngũ Tử-Tư bảo vua Ngô khoét mắt mình mà treo ở cửa thành vậy.

3º Bài điều-trần về thời-sự. Bài này khuyên rằng Gia-định đã nhường rồi thì nên hòa. Đây trích một đoạn đầu như sau: «Tôi trộm nghĩ, người khéo biết lo toan là biết cái cơ nó sắp đến mà không có thể thôi đi được, thì thuận theo cái thế của nó mà đưa đi để tránh cái hại sẽ phát-động tới, như Hán Cao-tổ lúc nhận lời Hạng Vũ phong cho mà đến ở Ba-thục. Biết thế nước không có thể giữ trọn-vẹn được, thì bỏ nơi bờ cõi xa đi mà giữ lấy chỗ cội-gốc, như họ Thạch nhà Tấn bỏ đất Lư-long, vua Bình-vương nhà Châu bỏ đất Kỳ-phong.

« Lại cũng có khi hẳng bỏ đấy mà không tranh vội, mà nhờ cái thế ấy để ngăn cái lo khác, như khi nhà Tống hòa với rợ Liêu để mà dẹp yên các nước nhỏ. Thế cho nên người trí-giả thấy cái cơ-sự nó sắp tới thì đón ngay lấy nó từ ngoài muôn dặm mà không để cho nó vào nhà mình. Tránh cho nó khỏi làm nhiễu việc mình đến lâu đời về sau. Phân cho cái thế nó sang bên trái để mình được thong-dong mà làm việc bên tay phải. Dắt cho nó ra mà chống-chọi với bên ngoài, để mình được rộng rãi mà lo tính ở bên trong.

« Cho nên có câu : « Kẻ trí-giả như cái vòng quay, không có nhất-định được ». Thế cho nên kẻ trí-giả là phải suy trước nghĩ sau, không dùng cái mưu đã định trước, mà tìm lấy cái mưu sở-dĩ phải mưu. Không theo cái phép đã thành rồi, mà lập lấy cái phép sở-dĩ phải lập. Thế cho nên những bậc ấy mới làm được những việc tùy thời thay đổi, tùy đất lập công, chứ không có như người gẩy đàn mà gắn chặt cả mấy cái trục lại... »

4° Bài lục-lợi từ (六利詞 nói về sáu điều lợi). Bài này nói về thực-học, thực-lợi. Giảng-minh cho biết cái cấp-vụ là sự làm cho giàu có. Lược bày những cái học về cách làm hạt nổ, đúc súng chế-tạo ngũ-kim, quang-học, trọng-học, hóa-học và các phép khai mỏ. Kế nói đến những cái lợi như : hải-lợi thì cá muối là trọng, lâm-lợi thì gỗ củi là trọng, thổ-lợi thì tơ gai là trọng, khoáng-lợi thì đồng thiết là trọng.

Bài này lý-thuyết và sự thực rất thiết-đáng. Thông thiên là một bài luận mà hàm có tính-chất điều-trần. Đệ trình ngày 23 tháng 7, Tự-đức thứ 19. Nay trích dịch vài đoạn lý-thuyết như sau này :

« — ... Nay tóm lại mà nói. Loài người cùng một trời che, cùng một đất chở, cùng một mặt trời chiếu, cùng một mặt trăng soi, cùng một thứ khí để nuôi, cùng một thứ nóng để cho ấm, cùng một thứ nước để cho nhuận, cùng một thứ gió để cho mát, cùng một cái lý để thống-trị, cùng một cái tính để ở với nhau. Kỳ-thủy là một rồi phân ra nhiều, sau lại hợp làm một. Ấy thế mới thành ra cuộc công-dụng của trời đất.

« Ấy vì thế mà đấng tạo-vật-chủ không nỡ để cho cái lẽ lớn trong vũ-trụ cứ mờ ám mãi đi. Ngài cũng không nỡ để cho những sự nhật-dụng của loài người chỉ có thế mà không tiến lên được nữa. Nên ngài bày ra nhiều cách khai-dụ và chuyển-thiên đi, để cho được tới cuộc đại-đồng.

« — ... Thế-vận ngày một khác đi, người đời đều đua nhau về tài-lực. Người ta đã muốn tranh cái lợi của mình, thì sao mình không biết cầu lấy cái lợi ở người ta. Trong cái đạo đầu — báo phải như thế. Hoặc-giả nói : « Kẻ đứng đầu dân chỉ cốt làm điều nhân-nghĩa thì tự-nhiên có lợi, hà tất phải mở ra cái đường hiếu-lợi để mà tranh-cạnh với dân ». Nhưng không biết rằng thuyết ấy rất có hại cho quốc-chính. Ý đấng tiên-hiền nói thế là cốt để cứu cái tệ lúc bấy giờ, là vì sợ rằng kẻ làm điều lợi mà không dựa vào nhân-nghĩa, nên nói như thế đó thôi. Hậu-nho không hiểu ý ấy mà lập ra những lời viển-vông cho cao thể-diện. Song xét đến cái dấu hành-vi của họ thì thường vì sự lợi hại mà đến bỏ mất cả những điều vẫn trì thủ đi. Thật là « nói thì ngông mà làm thì hèn » vậy.

« Sao không xem, kia Yên-vương nước Tử làm điều nghĩa mà nước bị diệt. Tử-Khoái nước Yên bắt chước ông Nghiêu nhường ngôi, mà thân bị giết. Ai-công nước Lỗ sùng-trọng nho-giả mà nước bị suy. Vua nước Đại tin đạo Mặc mà càng tàn-nhẫn. Học theo lối cổ, không phải là không hay, thế mà bốn gã kia thì học cổ mà bại-vong cả, chỉ là vì gặp việc đời nó khác đó mà thôi.

« Ăn cướp gì to bằng ăn cướp nước. Ấy thế mà được thì làm vua, như các vua Chư-hầu ngày xưa tranh ngôi cướp nước, thế mà những bọn nghĩa-sĩ vẫn tìm đến nương nhờ.

« Thế cho nên dùng ra phải thời thì là nhân-nghĩa, mà trái thời thì là bạo-ngược. Kẻ nho hủ không biết biến-hóa, thường thường đối với những việc thành bại đã xong rồi, đã tỏ rạng như gương rồi, mà vẫn còn múa mép để nghị-luận người anh-hùng. Tôi chắc nếu bọn đó mà đứng vào cảnh-ngộ ấy, không những mê đi không biết thi-thố ra làm sao, mà đến thế nào là nhân với nghĩa, phải với trái, cũng chẳng phân-biệt cho đúng được. Xét ra cũng chỉ là vì họ chưa làm đến địa-vị đó, mà ngông-nghênh đặt ra những lời cao xa mà không ai nghĩ tới, để cùng tự tiêu-bằng cho nhau. Để cầu những kẻ quyền-lực ở đời trọng đến. Thế có khác gì người chỉ thích vẽ ra những cái hình con ma con quái, mà ghét những kẻ vẽ ra những cái hình con chó con ngựa không? Đại-phàm ở đời, mượn tiếng hay mà làm việc dở là kẻ ngu, chịu tiếng xấu để thành việc tốt là kẻ trí. Cho nên khéo dùng thì thành được tiếng hay, mà không khéo dùng thì thành ra tiếng xấu; chính là việc tài-lợi đó, nếu hay khéo thu lợi thì thu nhiều đó mà không ai oán. Thu đã không ai oán mà lại khéo đem dùng thì chính là cái nền móng sự nhân nghĩa vậy. Thế cho nên lúc tạo-vật chưa sinh ra loài người thì đã sinh ra trời đất với vạn-vật rồi. Lời kinh *Dịch* nói: « Có trời đất vạn vật rồi mới có trai gái », thực đã có chứng cớ rõ ràng. Đời thượng-cổ loài người mới đông đúc thì đã phải đặt ra cách « họp chợ giữa ngày », để mà đổi trao sự nhu-dụng với nhau. Vì đó mà giáo-hóa mới dần dần hưng-thịnh.

« Đấng tạo-vật vốn có lòng thương loài người, cho nên trước run-rủi cho biết điều cần, sau mới mở-mang cho biết điều hoãn. Cho nên phàm những việc nhật-dụng thường-hành của loài người, từ thượng-cổ, trung-cổ đến mạt thế, không việc gì là không bởi đấng tạo-vật xui-khiến nên. Mà xui-khiến cho người ở trên dân được cầm lấy cái quyền ấy, để mở mang vật-chất tạo-thành công việc.

« Đấng quân-thượng đã thay quyền tạo-vật để làm lợi-ích cho dân, thì phàm việc gì có lợi-ích cho dân, há không nên tự mình ra tay làm để xướng-suất cho dân dư? Đời trung-cổ người ta không hiểu lẽ đó, xướng ra cái thuyết « Không nên tranh lợi với dân » thực là bậy. Tức như nói: « Người làm quan Đại-phu không nên cho vợ làm nghề canh-cửi nữa ». Nói thế không biết rằng trị nước mà để cho công tư đều túng thiếu đến nghèo hèn, không ngóc đầu lên được, chính là bởi những thuyết ấy. Sao không nghĩ rằng đấng quốc-quân mà cầu giàu thịnh có phải là vì một mình không. Nếu vì một mình, thì trừ những cách cùng-xa cực-sỉ ra không kể, còn thì cũng dùng đến đủ thì thôi chớ để làm gì. Chẳng qua cũng là vì nước vì dân mà thôi. Vì như cha mẹ cần-khổ kiếm tiền, mong để dành lại cho con. Thế mà kẻ không biết lại cười cha mẹ đi làm những việc vất-vả đê-hèn, thì có trái với cái lòng thương con của cha mẹ không?...

— « ... Tạo-vật vốn hiếu-sinh vô-cùng, đã cho nước ta có địa-lợi qui, lại cho nước ta có nhân-vật tốt, là muốn cho ta thịnh-vượng để hợp thành một cuộc đại-quan trong vũ-trụ. Vậy ta phải vâng theo những sự khai-đạo cảnh-sách của ngài, mà chuyển điều họa ra làm điều phúc, xoay việc bại ra làm việc nên. Để dùng cho hết cái trí khôn mà ngài đã phú-dữ cho. Để mà mở-mang cho hết cái kho bí-tàng của trời đất. Kẻ hủ-nho kia không hiểu thời-biến, câu chấp-giữ lấy những cái

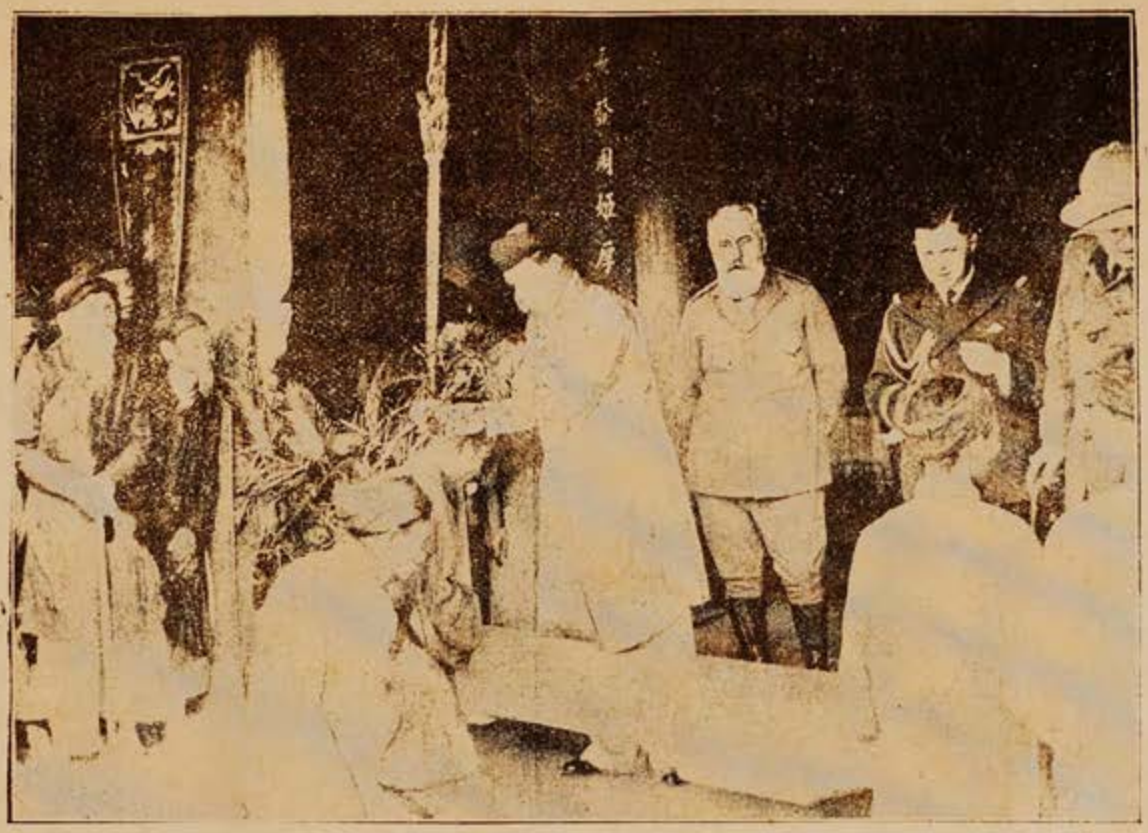

Cuộc ngự-giá miền Bắc Trung-kỳ

Hoàng-thượng ban huy-chương cho các kỳ-lão làng Qui-hương (Thanh-hóa)
Đứng giữa là quan Toàn-quyền Pasquier

nghĩa-lý đã ấn-định lâu đời, nói càn rằng Triều-đình mở cửa mà mời cướp vào nhà. Họ có biết đâu rằng cái thời-thế nó đã đến thì không át được, mà nó đã đi thì không giữ lại được. Cơ trời đã bày ra như vậy, mà ta không biết quyền-nghi, tạm giao-thông với người ta, để tìm kế tự phấn-khởi cho hợp với ý trời... »

Ấy lý-thuyết của tiên-sinh thiết-thực là như thế, nhưng tiên-sinh còn mải vận-động về chính-trị, lo để cứu cái cấp-nạn cho nước, chưa kịp viết ra thành sách thì đã từ-trần. Cho nên cái tư-tưởng triết-học về nhân-sinh, duy có bài này hơi thấy biểu-lộ ra mà thôi.

5° — Bài bẩm-minh về công việc sứ-bộ sang tây, ngày 19 tháng 2, Tự-đức 21.

Bài này nói nên theo lễ-tục Thái-tây mà đừng giữ lễ-tục bản-quốc, cho khỏi trướng-ngại con mắt người ta. Như là các quan đem nhiều người đi hầu, chân đi đất, hộp trầu, v.v., đều nên bỏ cả. Còn lễ-tục Tây-phương như thế nào tiên-sinh dặn dò kỹ-càng lắm. Nào bít tất, giầy đi, áo lót, khăn mũi phải cho sạch-sẽ. Những nước khác người ta tiếp đãi thì nên có quà tặng lại. Tiên-sinh nói: « Sứ-thần là vận-mệnh của nước. Một người là một nước. Nếu không hợp thể-thống, là tất khởi cái ngòi cho người ngoài họ khinh nhờn và dòm hành mình.... Vả nhân-tình hễ thấy giống nhau thì yêu, khác nhau thì cười. Cho nên ngày xưa vua Hạ Vũ đi vào một nước, người đều ở truồng, thì ông ấy cởi truồng ra mà đi vào. Sở-dĩ bỏ cái thói cũ của mình đi như thế, là muốn cho thuận tình với người ta cho được việc mình vậy. Năm nọ người nước Xiêm sang sứ nước Pháp, họ lên đến bến rồi, thấy đô-hội phiền-hoa lắm, họ giở cả áo chầu quốc-phục ra mặc mà đi vào sứ quán, trước hôm vào yết vua Pháp một ngày, họ giả làm ra thất-hỏa mà đốt phắt hết những áo triều-phục cũ ấy đi. Vì thế người Pháp phải may áo triều kiểu Âu-lễ để cho họ mặc vào chầu. Đến khi họ về nước rồi người Pháp mới biết ra là cái mưu quỉ-quyệt của họ. Ấy người nước Xiêm họ khôn ngoan như thế... »

6° — Bài điều-trần về việc giao-thông, ngày 16 tháng 2, Tự-đức 24.

Bài này nói nên thân-thiện với người Tây, người ta đến thăm nước mình, không nên nghi-hoặc người ta quá. Không nên cấm các quan không cho giao-tế tiếp-đãi đi lại với người Tây. Không nên cấm dân-gian giao-tiếp với người Tây, để dân-gian sợ hãi, hễ thấy người Tây thì trốn tránh. Tiên-sinh giải cái nghĩa giao-thông như thế này:

« Thông nghĩa là gì, là lấy cái tình của mình mà suy ra cái tình của người ta. Thế thì thiên-hạ tuy có nhiều cái khác nhau, nói khác tục khác không giống nhau, nhưng cũng là sinh-loại chung một phú-tính cả. Thế thì cứ lấy cái cách xử với mình thế nào mà xử với người ta như thế. Thì thi-hành ra khắp bốn bể đông tây cũng đều đúng cả.

« Mỗi phương có một tính riêng, thánh-nhân chỉ dùng có một điều trí khôn mà châu-toàn được cả vạn-sự, mà dùng ra đến vô-cùng. Thế cho nên có muôn vàn cái khác nhau là *phú*. Không cái gì là không thu tàng được là *đại*. Chứa-chất tích-lũy lại mà không cái gì lồng trồng là *xảo*. Hợp được cả mọi cái thế-lực khác lại là *diệu*. Trời sinh vạn-vật, không phải chỉ vì một kiểu mẫu, một phương-diện, một chức một làng nào, mà phải sinh ra nhiều hình lắm cách để chi-phối khắp cả. Thế mới thực là phú đại xảo diệu, loài người cũng thế. Thử xem những nước cường-đại ở trong thiên-hạ, không nước nào là không phải sưu-tầm lấy mọi cái hay ở đời mà đem về nước mình. Mà cốt lấy cái đạo công-

Chùa Diệu-viên (chùa Sư-nữ)

Tại làng Thanh-thủy, cách Kinh-thành 4 cây số

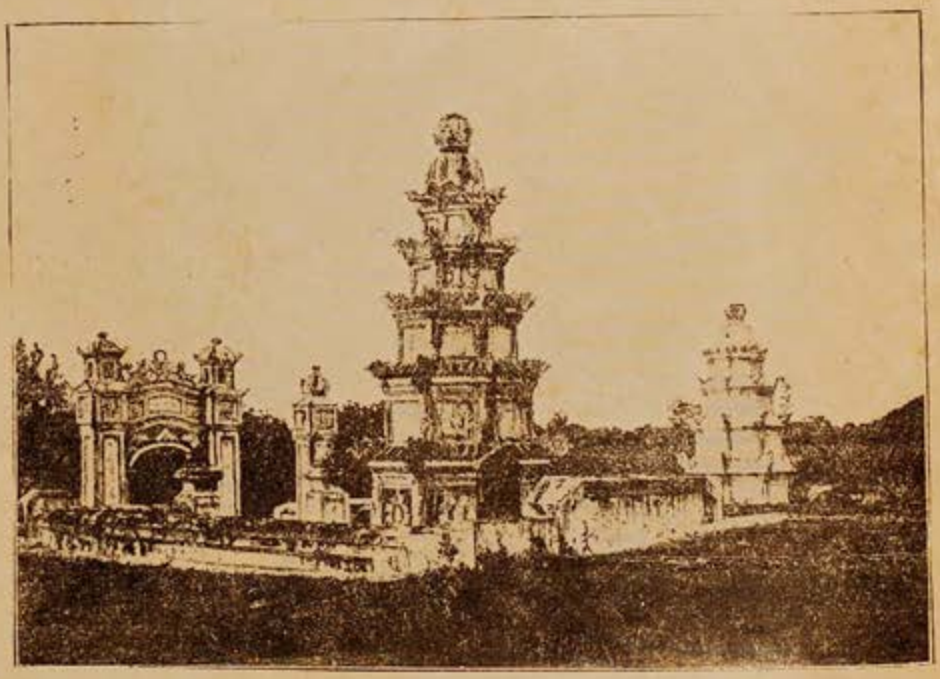

Tháp-mộ ngài Kiết-ma

Hòa-thượng chùa Tường-vân (Huế)

Kinh ảnh Tôn-thất Lương

bình để đối-đãi, thì người ta mới đem cái hay mà hiến cho mình. »

6o Bài điều-trần về nông-chính, ngày 20 tháng 8. Tự-đức 21.

Bài này cũng là tính-cách bài luận. Nói về nông-chính mà bao hàm cả xâm-lâm, địa-chất, khí-hậu và địa-dư trong nước, thật là tường-tế minh-bạch và thiết-thực. Về khoa nông-học thực-hành, tiên-sinh thực đã lưu-tâm nghiên-cứu nhiều lắm.

Đầu bài lược dẫn mấy lời ở các kinh truyện Đông Tây để chứng-minh cái đạo dân-sinh là trọng. Rồi tiên-sinh nói : — « Một nước cũng như một thân người, đạo trời đã định. Cái lý-thế phải liên-lạc quan-hệ với nhau, tuyệt không ai tránh khỏi. Cha mẹ với con, trước thì nuôi nấng, sau thì dạy bảo, khiến cho học tập nghề nghiệp để mà mưu-sinh. Con có thành-lập thì cha mẹ mới được trông mong về lúc già. Quốc-gia với nhân-dân là một đấng cha mẹ lớn vậy. Thế mà không gây-dựng được cho con giàu có, không nuôi-nấng được cho con nẩy-nở, mà chỉ biết đòi lương thúc thuế, lại còn bắt phải cung-đốn đủ các khoản, thì còn gọi là cha mẹ được sao. . . Người ta hễ có thừa thì nhường nhau, mà không đủ thì tranh nhau. Một chữ *nhường* là cái gốc thịnh-trị, một chữ *tranh* là cái mối đại-loạn. Thế cho nên có đủ ăn thì mới giữ được điều tín, cùng khốn thì phải làm xằng, từ cổ đến nay chưa có bao giờ dân nghèo mà nước thịnh được. Nay bất-tất nói đến những việc xa mấy nghìn năm trước, mà cứ xem ngay những việc mắt thấy ở trong thế-giới bây giờ. Các nước ngày nay sở-dĩ phú-cường là chuyên lấy sự thực dụng mà dạy dân. Mà dạy lại càng tường bị hơn ngày xưa nhiều. Thử xem các nước ở Âu-châu và Mĩ-châu ; phàm làm người trên là cốt đốc-suất cho dân giàu-thịnh làm đầu. Còn những luật-lệ, kiện cáo, văn-án đều là việc còn thong-thả được ».

Ấy những ý-kiến dãi bày muốn cho người nghe thâm-nhập mà mãnh-tỉnh, nên đều có cái giọng chân-thành thống-thiết như thế cả. Song đương-đạo vẫn nghe quen những lời tán-dương xưng-tụng nịnh-nọt phỉnh-phờ, bỗng thấy cái giọng bộc-trực như thế, nghi-hồ trái tai, dù có cái hay cũng không để ý đến nữa. Song thiết-tưởng lúc bấy giờ văn-minh Âu Mĩ đã dao-động khắp đất Á-đông rồi, mà các nhà đương-đạo còn cho lời của Nguyễn tiên-sinh làm lạ, thì cũng lạ thay !

Tiên-sinh thuật hết những chế-độ canh-nông ở bên tây rồi khuyên Triều-đình nên đặt ra trường nông-học, kén những cử-nhân, tú-tài còn ở nhà cho vào học. Lại soạn ra sách nông-thư nói về những thổ-nghi trong nước. Học thành thì bổ đi các hạt coi về việc nông-phố cho dân. Sau tiên-sinh kết-luận về việc nông-chính có mười điều lợi : « Một là ruộng bờ đã phân-minh, dân khỏi tranh nhau mà quan dỡ bận. Hai là dùng hết địa-lợi thì giàu thịnh dễ như chơi. Ba là nhân đó mà biết ngay là trong nước những chỗ nào dễ làm ăn. Bốn là thủy-lợi lúc khai lúc đóng, đường sá xửa đắp khang-trang thì địa-thế lại lợi cho việc binh nữa. Năm là trồng nhiều cây cối, vừa rợp đường lại là khô rụng xuống thành chất bón, thành thán-khí thấm xuống đất thêm nhiều mầu. Vả đồng-điền không thành ra mưỡu rậm, móc mưa vì đó điều hòa, thế là lấy nhân-lực mà chuyển cơ tạo-hóa. Sáu là thuế khóa ngày càng thu được nhiều ra, không đâu khiếm-khuyết. Quan không bận mà dân không khốn. Bảy là nơi được mùa, nơi mất mùa xan xẻ cho nhau. Lập ra nhà Xã-thương, nhà Nghĩa-thương để

chứa thóc phòng khi đói kém, thì giá thóc gạo không bao giờ cao hạ quá. Tám là lập ra sở đấu-xảo cho dân đua nhau về nghề thực-dụng. Nghiên-cứu phép trồng cây cấy lúa cho thêm tinh. Chín là vì việc khuyến-nông, quan dân càng thân nhau. Quan lấy điều bình-dị gần với dân, thì dân càng mến-phục. Mười là hình thế trên mặt đất đã hiểu-thấu cả thì khoa địa-lý về binh-pháp nhân đấy mà càng tinh.»

Xét mười điều lợi của nông-chính trên ấy, điều nào mà không lợi cho nước cho dân, ai cũng biết thế. Nhưng trong có ba điều lợi cho việc nông mà lại lợi cho cả việc quân-sự, lợi cho cả việc chính-trị nữa. Như điều thứ bốn vì đường sá khang-trang lợi cho việc binh, điều thứ mười vì hiểu hình-thế mặt đất mà càng tinh khoa địa-lý của binh-pháp, đó là lợi cho việc nông mà lợi cả cho việc quân-sự. Điều thứ chín vì khuyến-nông quan lấy binh-dị gần dân thì dân càng mến phục, đó là lợi cho việc nông mà lợi cả cho việc chính-trị. Coi đó thì biết cái học phú-cường của tiên-sinh tiện-lợi là đường nào! Thiết-thực là đường nào!

7o — Bài xin mở rộng đường học-tập để trừ bị nhân-tài, dệ lên các quan triều, tháng 9 năm Tự-đức 24.

Bài này tiên sinh nói phải lấy sự học-tập để mà trừ-bị lấy nhân-tài. Nhưng học thì phải lấy khoa-học thực-dụng thực-hành làm trọng, chứ không phải như cái học khoa-cử từ-chương cũ, mà cũng không phải cái học chỉ đọc qua những sách khoa-học trong nhà trường như bây giờ, mà cũng gọi là học đâu. Tiên-sinh có so-sánh hai cái lịch-sử học-thuật của hai cõi Đông-Tây, để cho biết thực-học với hư-văn lợi hại cho đời là đường nào. Tiên-sinh cho rằng ở Đông-Á từ đời các vua Hy, Nông, Hoàng-đế cho đến đời các ông Châu-công, Thái-công nhà Châu, đều là những người mở-mang sự-vật làm lợi ích cho nhân-sinh cả. Chớ có ai là nổi tiếng văn hay đâu. Lại từ nhà Châu đến nhà Nguyên nhà Minh, các vua sáng-nghiệp, các ông tướng văn tướng võ như bọn Quản-Trọng, Tô Tần, Khổng Minh, Tử Nghi cũng không có ai là nổi tiếng văn-chương. Xuống đến nhà Tống nhà Minh chuyên sự văn-học nên hèn yếu mà bị mất với Mãn-Thanh, tuy nói là vận-hội, nhưng thực là vì hiếm người tài giỏi.

Ở Âu-châu cũng thế. Lúc La-mã nhất-thống, có nhiều những sự chế-tác kỳ-dị, đến sau bọn sĩ-hoạn mới chỉ sùng-thượng văn-từ, bỏ thực-học, nên đến nỗi La-mã đế-quốc suy vong. Các rợ Bắc hồ tràn vào chiếm cứ, cắt chia bờ cõi. Vì thế ngày nay người Tây-phương lấy làm gương, hết sức tuyệt bỏ lối học hư-văn. Bây giờ trong thiên-hạ, trừ Trung-quốc, Cao-ly và Việt-Nam ra thì không đâu còn có cái học hư-văn nữa. Sau tiên-sinh xin 14 khoản về việc mở trường khoa-học và trấn-hưng khuyến-khích thực-nghiệp. Khoản nào cũng có lược kê chương-trình rõ ràng, vậy xin tóm dịch các mục-lục ra sau đây.

1) Các trường công tư, các khoa thi-cử đều lấy thực-học làm trọng và rộng cầu lời trực-ngôn; 2) Khoa-học hải-lợi; 3) Khoa-học sơn-lợi; 4) Khoa-học địa-lợi; 5) Khoa-học thủy-lợi; 6) Chế-tạo khí-vật; 7) Cách ướp những đồ ăn khô; 8) Nghiên-cứu thuốc Nam; 9) Lấy giống cây ở ngoại-quốc về trồng; 10) Hợp-cổ thương-mại, mua tàu xuất-dương; 11) Lập nội cứu-tế, khuyên dân bỏ tiền mua quốc-trái, và việc thầu khoán kiến-trúc; 12) Mở trường dạy tiếng ngoại-quốc; 13) Chia cho dân đất công ở các thành-thị để làm nhà gạch mà phải triệt hết nhà tranh đi; 14) Mở viện dục-anh.

.·.

Học-thuật tư-tưởng của tiên-sinh đại-khái đã giải ra như trên ấy. Nay đọc văn tiên-sinh chúng ta mới tỉnh-ngộ ra mà biết được cái phương-pháp giảng-cầu tây-học của người Đông-phương, thì trước phải có cái học Đông-phương để làm cơ-sở đã. Xem ngay như tiên-sinh học Nho đã gần 30 tuổi mới sang Tây du-học, cho nên tiên-sinh mới biết điều-hòa dung-hợp cả hai cái học mới cũ lại mà làm cho thích-hợp với xã-hội mình, không trái với tư-trào của thế-giới.

Người Nhật-bản, người Trung-quốc lúc mới thâu-thái tây-học cũng đều tuyển-cử những người đã thâm-thấu về cựu-học, chứa chan về cái tư-tưởng quốc-gia, chủng loại, rồi mới sang tây du-học. Cho nên hay tạo-thành được nhiều nhân-tài hoàn-toàn tư-cách, phiên-dịch và chứ-tác được nhiều sách vở nghị-luận, làm cơ-sở cho cái văn-minh mới ở Đông-phương, không phải là không có cớ. Chớ như cái cách đi học ngày nay, một đứa trẻ mới bắt đầu học, mà vỡ lòng ngay bằng tiếng ngoại-quốc, rồi cho đi du-học tha-phương, mà mong lấy được kết-quả hay thâu-thái tinh-hoa của người, đem về dung-hợp với văn-hóa thuần-mĩ của mình, để đúc nên cái lâu-đài tân-văn-minh cho đất nước, thì thực khó lắm thay!

Chúng ta cứ xem các nhà tây-học ở Trung-quốc ngày nay, nhiều người sinh-trưởng ở các phụ-đầu hoặc ở ngoại-quốc, học tây từ thủa bé, đến khi tốt-nghiệp các khoa-học rồi về giúp việc cho chính-phủ quốc-dân, thì thấy nhiều người đối với phong-tục tính-tình bản-quốc bỡ-ngỡ như người xứ lạ phương xa, còn mong có sự-nghiệp gì nữa. Điều đó chính các báo Tàu đã nói, nay người ta đang lo cứu lại cái tệ ấy.

Lại xét về văn của Nguyễn tiên-sinh trong tập điều-trần bằng chữ Hán, khác hẳn cái giọng điệu phù-hoa khuyên-sáo của lối khoa-cử bấy giờ. Thực đáng so sánh với những áng văn thực-dụng của Triều Thố đời Hán và những bài hiến-sách của Nguyễn Công-Trứ nước ta, còn như triết-lý thì tiên-sinh nói: « Người nào có cái học cách trí mới hay thâm-thấu được các lẽ của loài người và loài vật, mà gây nên được cái căn-bản chân-chính đạo-đức 能明其才蘊者。方能深曉人物之理。而養成道德之根。» Đó là tiên-sinh lấy lý-học để làm cơ-sở cho đạo-học vậy.

Về luân-lý thì tiên-sinh nói: « Phàm kẻ bất trung với nước, tức là kẻ bất trung với chính thân mình 凡不忠于國者。即是不忠于己者。». Đó thật là một ý rất mới mẻ trong luân-lý-học.

Than ôi! Lấy tài-học như tiên-sinh, kiến-thức như tiên-sinh, nếu chuyên theo về đường chứ-thuật, đường giáo-dục như Phúc-trạch tiên-sinh, thì sự-nghiệp chắc còn nhiều ảnh-hưởng đến đời sau. Thế mà tiên-sinh chỉ vì nhiệt-thành muốn cứu ngay cái thời-tệ lúc bấy giờ, mà người đời không biết dụng. Khiến cho cái chí lớn vì nước vì dân của tiên-sinh, chỉ thành ra một cuộc ảo-mộng, không khác gì Khang tiên-sinh, tiếc thay!

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

SOCRATE HAY CITROËN?

Socrate là tổ luân-lý Hi-lạp đời xưa. Citroën là chúa ô-tô nước Pháp ngày nay. Hai người không những xa-cách nhau mấy nghìn năm, mà lại phản-trái nhau về tinh-thần nữa. Một người thì tâm-chí chuyên cả về « hình-nhi thượng », một người thì tài-trí xoay hẳn về « hình-nhi-hạ ». Một người thì trọng đạo-đức, một người thì trọng công-lợi.

Thế-giới văn-minh trong mấy nghìn năm, ở Hi-lạp cũng như ở Chi-na, chỉ biết theo chân nối gót phái Socrate, trọng bề đạo-đức mà khinh hẳn bề công-lợi. Cái mộng đạo-đức vẫn là cao-thượng lắm, đủ ru ngủ cho loài người trong bao lâu, khiến cho siêu-việt hẳn ra ngoài vòng vật-chất mà ưu-du ở trong cõi tinh-thần. Nhưng mà người ta là sinh-trưởng ở trong vật-chất, có biết chế-ngự, có biết lợi-dụng vật-chất thì mới sống được ở đời một cách đầy đủ. Nếu nhất-thiết khinh-bỉ vật-chất cả, thì sự sống tất là bần-cùng eo-hẹp, có ảnh-hưởng không tốt đến tinh-thần, mà ngăn-trở cả đường tiến-hóa của nhân-loại.

Cho nên câu cách-ngôn thiên-cổ của Socrate : « Phải tự mình biết lấy mình », vẫn là phải lắm, nhưng hiểu một cách hẹp-hòi cho là chỉ nên biết tâm-tính của loài người mà thôi, còn vạn-vật ở ngoài không ngó xét tới, thì lầm to.

Bấy lâu ở cả Đông-phương cũng Tây-phương, vì hiểu lầm câu cách-ngôn đó, nên quá thiên-trọng về đạo-đức luân-lý, chỉ biết có cõi tâm-lý mà thôi, còn thế-giới vật-chất bên ngoài nhất-thiết khinh-bỉ cả. Không biết rằng Socrate bên Hi-lạp cũng như Khổng-tử bên Chi-na, dù là ông thánh luân-lý thật, nhưng cái công với nhân-loại có lẽ không to bằng công người rừng đời thượng-cổ đã tìm ra lửa, chế ra sắt, tạo-thành các khí-cụ lúc hồi đầu.

Tuy-nhiên, cái cổ-điển luân-lý dù mạnh thật, mà cái trí tìm-tòi, cái tài sáng-khởi của người ta lại còn mạnh hơn. Cho nên đời ấy sang đời khác vẫn có những bậc thiên-tài phát-minh ra lẽ nọ, chế-tạo ra vật kia, đem tài-trí mà thi-thố ra ngoại-vật, khiến cho nhân-loại ngày một bước tới trên con đường tiến-hóa, nếu không thì ắt ngưng-trệ lại đó, lâu ngày chỉ thành ra một giống hóa-thạch mà thôi. Song những bậc ấy mãi cho đến cận-thế, rất là hiếm lắm, mấy trăm năm mới nẩy ra một người, thời bị cái hoàn-cảnh không lợi mà cũng không phát-siển ra hết được. Trong khoảng hai ba trăm năm nay, Âu-Tây thoát-li dần ra khỏi cái phạm-vi của luân-lý mà quả-quyết xoay về đường khoa-học, thời thấy tấn-tới lạ-lùng, khiến cho người đời tiếc rằng sao không thoát-li sớm cho được tiến-bộ mau hơn. Trong khi ấy thì Đông-phương ta vẫn cứ triền miên trong giấc mộng đạo-đức mãi, thành ra chậm kém hơn người. — Socrate hay Citroën? Đời nay quyết là đời Citroën, không phải đời Socrate nữa, nhưng cái đạo của Socrate đã tiềm nhiễm người đời sâu-xa lắm, cũng không thể nhất-đán bỏ đi được.

Socrate ou Citroën?

Dans nos petites villes endormies et éteintes, le soir, deux centres de lumière continuent de rayonner : le cinéma et le garage. Comment sentir mieux que par ce contraste nocturne de Cholet ou d'Alençon tout le caprice du progrès humain, de la pensée tâtonnante, soumise au génie for-

Socrate hay Citroën?

Ở các nơi tỉnh-thành nhỏ trong xứ ta, êm-đềm tịnh-mịch, tối đến chỉ có hai chỗ đèn thắp sáng chưng : là rạp chớp-bóng và sở xe hơi. Cái cảnh chung-quanh đêm tối, hai chỗ sáng choang đó, là cảnh những nơi như Cholet hay Alençon, coi đó thời đủ biết cái công-phu tiến-hóa của loài người thật cũng chất-chưởng éo-le, cái công-

tuit des grands hommes, et qui a tant peiné pour passer de l'âge du renne à celui de l'essence et de la pellicule ?

Ayant consacré ma jeunesse à préparer l'agrégation de philosophie, j'ai dû attendre d'avoir fait, dans ma maturité, le voyage de Delphes pour saisir enfin le sens de la parole oraculaire : « Connais-toi toi-même. » J'ai compris du même coup que Socrate, en faisant un sort à ce précepte, avait rendu un grand service à l'humanité, mais qu'il lui avait causé un préjudice non moins considérable. Il avait eu raison, en effet, de tenir pour peu sérieuses les élucubrations de ses devanciers sur le rôle du feu ou de l'eau dans la composition de l'univers, mais il eut tort de décourager les recherches des physiciens sous prétexte qu'elles n'avaient encore servi à rien : « Connais-toi toi-même », c'est bien, mais à la condition que la maxime ne signifie point : « ne connais que toi-même ». Or, tel était précisément le sens donné à sa formule par Socrate, qui montrait assez par là qu'il cherchait moins la vérité que le bonheur, moins une science qu'une morale. La seule chose qui l'intéressât, comme l'enfant, comme le sauvage, c'était lui-même, je veux dire l'homme. Plus ingénus encore, comme il arrive toujours, et plus outranciers, se montrèrent ses disciples, principalement ce raisonneur d'Aristote, par qui l'humanité a été condamnée, pour des siècles, à cette échelle de Sisyphe : essayer d'atteindre la vie par la logique.

On admire volontiers la rapidité du développement intellectuel de l'humanité : je m'étonne bien davantage de sa lenteur. Entre l'invention de la scie, de la roue, du moulin et la découverte de la vapeur il a fallu des millénaires. La vérité, c'est que les sages ont trompé notre espèce en la dé-

trình tư-tưởng của người ta thật cũng mập-mờ do-dự, chỉ tùy cái thiên-tài ngẫu-nhiên của các bậc vĩ-nhân và đã khó-nhọc biết bao nhiêu mới bước tự thời-kỳ vẽ hươu vẽ vượn cho đến thời-kỳ dùng dầu sáng dùng phim ảnh.

Thủa thanh-niên tôi chuyên học để thi bằng giáo-thụ về khoa triết-học, nhưng phải đợi đến tuổi thành-niên, đi du-lịch thành Delphes *rồi mới hiểu nghĩa câu cách-ngôn của* Socrate : *« Phải tự mình biết lấy mình ». Đồng-thời lại hiểu rằng* Socrate *xướng lên câu cách-ngôn đó là có công to với nhân-loại, nhưng cũng làm hại to cho nhân-loại nữa. Thật thế :* Socrate *cho những lời phiếm-luận của tiền-nhân về công-dụng của chất thủy chất hỏa trong việc tạo-thành ra vũ-trụ là vô-bằng-cứ là phải lắm, nhưng lấy cớ rằng những sự nghiên-cứu của các nhà lý-học từ trước đến nay không dùng được việc gì mà làm cho người ta nản lòng không muốn tìm-tòi nữa, thì không phải : « Phải tự mình biết lấy mình », câu ấy phải lắm, nhưng không nên hiểu ra nghĩa rằng : « chỉ biết mình mà thôi ». Nay câu cách-ngôn của* Socrate *lại chính là hiểu ra nghĩa đó, đủ tỏ rằng ý ông không phải là cầu lấy chân-lý, chỉ cầu lấy hạnh-phúc, không phải là cầu lấy cách-vật, chỉ cầu lấy luân-lý vậy. Cũng như đứa con trẻ, cũng như người dã-man, ông chỉ thiết-tha về chính ông, nghĩa là về loài người mà thôi. Tỏ để ông lại thật-thà hơn mà làm quá nữa,— ấy lệ thường vẫn thế,— nhất là thầy* Aristote *hiếu-biện nọ, thầy muốn cho nhân-loại đời đời phải chịu cái tội khổ-sai này : là lấy lý-luận mà đạt tới cõi sinh-hoạt.*

Người ta thường khen là nhân-loại phát-đạt mau về đường tri-thức : tôi lại lấy làm lạ là phát-đạt chậm. Từ ngày chế ra cái cưa, cái bánh xe, cái cối xay, cho đến ngày phát-minh ra hơi nước, đã trải qua biết mấy nghìn năm. Thực ra thì các nhà hiền-triết đã lừa dối loài người mà khiến cho

tournant de ses premiers travaux et de ses techniques pour la pensée. L'antiquité, le moyen âge continuant les anciennes traditions chinoises, ont eu l'horreur et même la crainte du savoir. Voilà pourquoi il y a seulement trois siècles que Galilée a pu reprendre la tradition de son lointain ancêtre de la préhistoire inventeur des premiers outils, et que l'industrie a recommencé ! Enfin l'usine allait remplacer le temple, la T. S. F. l'oracle.

Or, entre cet idéal antique — grec et chinois, — qui redoutait la science et le nôtre qui l'idolâtre, comment et par quelle cause s'est effectué le passage ? Est-ce le changement d'idéal qui a libéré la science, ou l'avènement de la science qui a changé l'idéal ?

Dans le premier cas notre machinisme ne serait pas né de la machine, mais d'un ensemble de conditions économiques et sociales. Au dix huitième siècle, lorsqu'il va faire son apparition, on voit, en effet, après 1783, l'Amérique ouvrir ses débouchés et, après 1789, la France changer d'esprit : en troisième lieu, on voit que, de ces deux nouveautés, américaine et française, c'est l'Angleterre qui a profité à cause de sa situation commerciale. On n'a donc pas manqué de conclure, en interprétant ainsi les faits, que si la même conjoncture matérielle et le même renversement moral s'étaient présentés plus tôt le même phénomène industriel se serait produit aussi et la société d'aujourd'hui serait déjà très ancienne ou même périmée.

On peut alléguer, au contraire, qu'il a tout de même fallu, qu'elles qu'aient pu être les conditions morales et matérielles du moment, attendre que Watt ait découvert la vapeur pour procéder à ses applications : là le machinisme serait né de la machine.

Où est la vérité ?

Le professeur William Collins, qui fut président de la Compagnie de la pêche

nhãng bỏ những sự-công cùng kỹ-thuật hồi đầu để mà chuyên về đường tư-tưởng cả. Đời tiền-cổ, đời trung-cổ, cứ theo cổ-điển của Tàu, hình như không ưa mà lại sợ cái học cách-vật. Bởi thế nên mới ba trăm năm nay Galilée *mới lại tiếp-tục được cái học-thống của ông tổ xa từ đời sử tiền, đã chế ra các khí-cụ hồi đầu, mà kỹ-nghệ mới lại trùng-hưng khởi-phục vậy. Từ bấy giờ thời nhà máy thay cho điện thờ, và máy vô-tuyến thì thay cho lời phán-bảo của thần-minh.*

Nay cái lý-tưởng đời tiền cổ, — ở Hi-lạp cùng ở nước Tàu, — là sợ cái học cách-vật, mà lý-tưởng đời nay thời lại sùng cái học đó, bởi duyên-cớ gì mà có sự chuyển-dịch như vậy ? Có phải là đổi lý-tưởng mà giải-phóng cho khoa-học, hay là nhân khoa-học thắng mà lý-tưởng đổi ?

Thuộc về trường-hợp thứ nhất, thời cái cơ-giới chủ-nghĩa của ta, không phải bởi lạm-dụng máy-móc mà ra, nhưng bởi nhiều các duyên-cớ về kinh-tế và xã-hội. Về thế-kỷ thứ 18, khi chủ-nghĩa ấy xuất-hiện thời sau năm 1783 thấy nước Mĩ mở các thương-phụ, và sau năm 1789 thì thấy nước Pháp đổi tâm-trí ; thứ nữa thời thấy hai sự đổi mới của nước Mĩ và nước Pháp đó, lại lợi cho nước Anh, vì cái tình-thế thương-nghiệp của nước ấy. Nhân đó, cứ suy sự-thực mà ra, không khỏi kết-luận rằng nếu cùng một cái cơ-hội về vật-chất đó, cùng một sự thay đổi về tinh-thần đó, mà xuất-hiện ra sớm hơn, thời cũng cùng một hiện-tượng về công-nghệ đó ắt cũng xảy ra như vậy, và xã-hội hiện thời có lẽ đã cũ lắm rồi, mà dễ thường quá cũ cũng có.

Trái lại, cũng có thể viện lẽ rằng dù cái tình-trạng vật-chất tinh-thần về đương-thời thế nào mặc lòng, cũng phải đợi cho người Anh Watt *phát-minh ra hơi nước, rồi mới đem ứng-dụng ra máy-móc được : như vậy thời chủ-nghĩa cơ-giới là ở máy-móc mà ra.*

Thế thì sự-thực ở đâu vậy ?

Giáo-sư William Collins, *là chủ-tịch công-ti đánh cá ở nước Mĩ có nhận*

aux Etats-Unis, a remarqué que les canots des différents peuples d'Amérique correspondent exactement au type des cours d'eau ; de même, les maisons des Esquimaux creusées dans la glace, les pagodes chinoises et la tente de tous les nomades offrent une adaptation aux climats qui ne diffère point de celle des bateaux aux rivières : ainsi se précise le travail de l'intelligence humaine dans la pratique de la vie. Si nos organes sont des instruments naturels, nos instruments sont des organes artificiels, suivant l'heureuse formule d'Henri Bergson. On comprend donc que les besoins, les idées et les croyances aient influé sur l'évolution intellectuelle et sociale, et c'est ainsi que le dédain des anciens pour l'observation expérimentale a arrêté la marche de la science et de l'industrie ; mais on comprend aussi que les hasards du génie aient fini par emporter le barrage de cette tradition.

Sans doute Socrate n'eût témoigné que du mépris à l'égard de M. Citroën (la réciproque n'est pas vraie, d'ailleurs), mais il n'en reste pas moins évident que c'est l'imprimerie qui a permis la circulation des idées et la découverte de Branly qui a achevé de rendre mondiaux la parole et le chant. Avant de changer d'idéal, il faut en avoir les moyens. L'homme fabrique les outils, mais les outils façonnent l'homme, et l'ancêtre préhistorique n'est devenu l'électeur de nos démocraties que par l'outillage. L'histoire de l'outil est celle de l'intelligence, comme l'histoire de l'organe est celle de l'instinct. Ainsi les philosophes d'Athènes sont bien excusables, en vérité, de n'avoir point tenu compte de la science, puisqu'elle n'existait pas. Ce n'est pas une raison, d'ailleurs, pour que nous tombions aujourd'hui dans un défaut contraire, en oubliant leur culture, parce qu'elle n'existe plus.

GASTON RAGEOT

(*Le Temps*)

rằng phàm thuyền bè của các dân-tộc Mĩ-châu là theo đúng như các dòng sông trong bản-xứ cả ; lại kiểu nhà của giống Esquimaux *đục vào trong nước đá, kiểu đền chùa của người Tàu, kiểu nhà màn của các dân du-mục cũng là thích-hợp với khí-hậu mỗi nơi, không khác gì tàu bè thích-hợp với dòng sông vậy : như vậy thời rõ công-dụng của tri-tuệ người ta trong việc cư-xử ở đời. Cái cơ-quan của ta là những khí-cụ tự-nhiên, thời các khí-cụ tức là những cơ-quan nhân-tạo, theo như câu của nhà triết-học* HENRI BERGSON *nói rất đúng như vậy. Coi đó thời hiểu những sự yếu-cần, những tư-tưởng cùng tín-ngưỡng là có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa về tri-thức cùng xã-hội, và bởi thế nên vì cổ-nhân khinh-thường sự quan-sát kinh-nghiệm nên làm cho khoa-học cùng công-nghệ bị ngăn trở không tiến lên được ; nhưng cũng lại hiểu rằng cái thiên-tài nó có lắm sự tình-cờ, làm cho cái cổ-điển ngăn-trở cũng không lại.*

Vẫn biết rằng SOCRATE *giá biết ông* CITROËN *thì khinh-bỉ lắm (trái lại ông* CITROËN *vẫn kính-phục* SOCRATE*), nhưng sự thực hiển-nhiên là nhờ có phát-minh ra nghề in sách thời tư tưởng mới lưu-thông được, và nhờ có ông* BRANLY *phát-minh ra điện-thoại thời lời nói và tiếng hát mới truyền ra khắp thế-giới vậy. Trước khi đổi lý-tưởng thời phải có phương-tiện đã. Người ta chế ra khí-cụ, nhưng khí-cụ đoàn-luyện người ta, và ông tổ đời sử-tiền kia trở nên nhà bầu-cử ở các xã-hội dân-chủ ta, cũng là nhờ ở khí-cụ vậy. Lịch-sử khí-cụ là lịch sử tri-tuệ, cũng như lịch-sử cơ-quan là lịch-sử bản-năng. Như vậy thời cứ thực-tình mà nói, các nhà triết-học thành* Athènes *không biết đến khoa-học cũng không nên trách, vì đời ấy đã có khoa-học đâu. Vả lại ta cũng không nên vì lẽ đó mà ngày nay ta lại mắc vào cái tật trái lại với họ, nghĩa là quên hẳn cái cổ-học của họ, vì ngày nay không còn nữa.*

H.-N. *dịch*

PHÉP GIÁO-DỤC CỦA THẦY GIÁO TÂM

(Câu truyện triết-lý)

Phương Đông có thầy giáo Tâm, thầy dạy học, lấy bầu trời đất làm trường học, lấy cuộc cổ-kim làm tài-liệu. Thầy ở núi Ngưu-sơn 牛山, thầy chăm trồng cây, quanh năm không đem rìu ra đẵn, không thả dê ra chăn, cho nên cây Ngưu-sơn vẫn thường xanh-tốt (1). Phép giáo-dục của thầy đời gọi là Ngưu-sơn giáo-dục.

Một hôm có một số người kể là hạng người tai mắt trong làng vật-dục, trong xóm cạnh-tranh, đến cửa thầy xin làm đệ-tử. Thầy xem ra đều là những hạng người sáng tai họ điếc tai cày, lòa yếm thắm không lòa trôn kim, dở lành dở điếc, nửa sáng nửa lòa, hạng người ấy không thể dẫn vào cõi đạo vua Nghiêu vua Thuấn được, thầy đều cự tuyệt không dạy.

Chẳng bao lâu có người tai quả điếc, điếc tai họ điếc cả tai cày; lại người mắt quả lòa, lòa yếm thắm lòa cả trôn kim, đến cửa thầy xin làm đệ-tử. Lại chẳng bao lâu có người mũi quả ngạt tắc, ngửi hơi đồng đã ít mê; người lưỡi đã líu-lô, nói chữ lợi đã không thạo; người tay đã ngượng-nghịu, nắm chữ danh đã không chắc; người chân đã khấp-khểnh, ruồi đường lợi đã chẳng nhanh, cũng đều đến cửa thầy xin làm đệ-tử.

Khi ấy các người đều than rằng :

— Nếu chúng tôi được học cửa thầy tự thuở tai chửa điếc, mắt chửa lòa, mũi chửa ngạt-tắc, lưỡi chửa líu-lô, tay chửa ngượng-nghịu, chân chửa khấp-khểnh, thì tiến-ích biết bao nhiêu. Nay khá tiếc thay !

Thầy giáo Tâm sửa-soạn nếp áo ngồi chểnh-chện mà đáp rằng :

— Đều không hại chi cả. Các anh ngồi đó, ta sẽ giải-thích cho nghe.

Rồi thầy giáo Tâm nhắc từng người mà bảo cho rằng :

— Anh đệ-tử bệnh tai kia ôi ! Nếu tai anh còn sáng-suốt mà anh nghe nhạc, thì anh chỉ nghe được cái thanh-âm nó réo-rắt, chửa tất anh đã nghe được cái ý-nghĩa sâu-xa, nay ta còn muốn tiến cho anh nghe được cái ý-nghĩa sâu xa nữa. Chẳng xem ông Khổng-tử khi ở nước Tề được nghe nhạc Thiều (2), khi đã về nhà trong ba tháng chẳng biết mùi thịt là ngon. Trong cái thời-kỳ ba tháng đó, ông Khổng-tử nghe nhạc bằng thần-kinh gì, anh nên cầu lấy.

Anh đệ-tử bệnh mắt kia ôi ! Nếu mắt anh còn sáng tỏ mà anh xem vật, thì anh chỉ trông thấy được cái vật hữu-hình, chưa tất anh đã trông thấy được cái vật vô-hình. Nay ta còn muốn tiến cho anh trông thấy được cái vật vô-hình nữa. Chẳng xem ông Phật Đạt-Ma (3) ngảnh mặt vào vách chín năm, nhắm mắt lại để cầm lấy cái chân-lý trong cõi Nát-bàn. Trong cái thời-kỳ chín năm đó, ông Phật Đạt-Ma xem vật bằng thần-kinh gì, anh nên cầu lấy.

Anh đệ-tử bệnh mũi kia ôi ! Nếu mũi anh còn chưa tắc mà anh thưởng hoa, thì anh chỉ thưởng thức được cái hương

(1) Sách Mạnh-tử : Cây núi Ngưu vốn tốt là ví tính người vốn thiện ; rìu búa trâu dê là ví đường vật-dục nó làm hại.

(2) Khúc nhạc của vua Thuấn, diễn ra cái tinh-thần chí-đức và cái khí-tượng thái-hòa.

(3) Đời Lục-triều có vị cao-tăng là Đạt-Ma, tu ở núi Chung-sơn, học lối tọa-thiền nhật-định mà thành Phật.

ở trong hoa, chửa tất anh đã thưởng-thức được cái hương ở ngoài hoa. Nay ta còn muốn tiến cho anh thưởng-thức được cái hương ở ngoài hoa nữa. Chẳng xem ông Chu Liêm-Khê thưởng-thức cái hoa sen mà biết ra được cái phẩm đạo-học của người quân-tử (1). *Trong khi thưởng-thức hoa sen đó, ông Chu Liêm-Khê thưởng-thức bằng thần-kinh gì, anh nên cầu lấy.*

Anh đệ-tử bệnh lưỡi kia ôi! Nếu lưỡi anh còn chửa nhụt mà anh hay nói, thì anh chỉ nổi danh là người trí, chửa tất anh đã nổi danh là người ngu. Nay ta còn muốn tiến cho anh nổi danh là người ngu nữa. Chẳng xem ông Nhan Hồi (2) *khi tiếp chuyện ông Khổng-tử, ông Khổng nói gì thì nói, Nhan Hồi chỉ nín-lặng như người ngu. Kịp Nhan Hồi lui về, cái tài-trí lại đủ phát-minh được lời nói ông Khổng, ông Khổng phải khen rằng: « Hồi vậy chẳng ngu! » Trong khi tiếp chuyện với ông Khổng đó, ông Nhan Hồi tiếp chuyện bằng thần-kinh gì, anh nên cầu lấy.*

Anh đệ-tử bệnh tay kia ôi! Vì khiến tay anh còn chửa bệnh mà anh mang vác trong cuộc đời, anh chỉ mang vác được cái gánh trăm nghìn cân ta, chửa tất anh đã mang vác được cái gánh vạn-cổ cương-thường, nay ta còn muốn tiến cho anh mang vác được cái gánh vạn-cổ cương-thường nữa. Chẳng xem ông Văn Thiên-Tường (3) *khi ngồi trong xe tù bị tống lên Bắc-kinh, cái tay đã bị trói, mà lại làm ra bài ca* Chính-khí *để vãn-hồi lấy thiên-trụ, chống giữ lấy địa-duy. Trong khi mang vác đó, ông Văn-Thiên-Tường mang vác bằng thần-kinh gì, anh nên cầu lấy.*

Anh đệ-tử bệnh chân kia ôi! Vì khiến chân anh chửa bệnh mà anh đi chơi trong vũ-trụ thì anh chỉ đi chơi được một hai cõi, chửa tất anh đã đi chơi được đủ cả tám cõi, nay ta còn muốn tiến cho anh đi chơi đủ cả tám cõi nữa. Chẳng xem ông Văn-Vương khi bị cầm ở ngục Dữu-lý (4), *cái chân đã bị cùm, lại đi đến cõi « trời » mà diễn ra lời quẻ* Kiền, *đi đến cõi « đất » mà diễn ra lời quẻ* Khôn, *đi đến cõi « nước » mà diễn ra lời quẻ* Khảm, *đi đến cõi « lửa » mà diễn ra lời quẻ* Li, *đi đến cõi « sấm » mà diễn ra lời quẻ* Trấn, *đi đến cõi « gió » mà diễn ra lời quẻ* Tốn, *đi đến cõi « núi » mà diễn ra lời quẻ* Cấn, *đi đến cõi « chằm » mà diễn ra lời quẻ* Đoài, *cấu-tạo ra một kho triết-lý trong kinh* Dịch. *Trong khi đi đến đó, ông Văn-Vương đi đến bằng thần-kinh gì, anh nên cầu lấy.*

Các đệ-tử kia ôi! Các anh cứ về nhà mà cầu lấy, đã có thầy sẵn ở trong đó, đến khi sự học tự mình tấn-ích được thế nào, sẽ lại báo-cáo cho ta hay.

Chẳng bao lâu người đệ-tử có bệnh tai báo-cáo rằng:

— Đệ-tử tôi đã nghe thấy được cái tiếng đàn không dây của ông Đào

---

(1) Ông Liêm-Khê có bài « *Ái-liên-thuyết* » khen hoa sen rằng: « Sen là phẩm quân-tử trong hoa » để ngụ-ý nói về đạo-học.

(2) Nhan Hồi là một vị học-trò thông-minh độ-nhất trong cửa Khổng, tựa như người ngu mà chính là người trí.

(3) Văn Thiên-Tường là một vị danh-nho danh-tướng nhà Tống. Khi nhà Tống mất, Thiên-Tường vì hai chữ cương-thường không chịu làm quan với nhà Nguyên mà đành chịu ngồi ở trong ngục, rồi sau lại bị giết ở Bắc-kinh, có làm bài *Chính-khí ca*, đời sau vẫn truyền-tụng.

(4) Ông Văn-vương nhà Chu là người có thánh-đức gặp vua Trụ là kẻ bạo-quân, từng nghe lời gièm mà giam Văn-vương ở ngục Dữu-lý. Văn-vương khi ở trong ngục có nhân đồ Tiên-thiên bát-quái của vua Phục-Hi mà diễn ra lẽ kinh *Dịch*.

Uyên-Minh nhà Tấn (1); *tiếng đàn ấy bình-đạm thanh-cao mà bao-hàm có ý-tứ thương xót cho sơn-hà xã-tắc nhà Tấn và xâu-hổ làm bầy tôi họ Lưu.*

Thầy giáo Tâm vỗ tay khen rằng :

— Anh đã khéo nghe rồi đấy, anh không điếc đâu! Nay đem anh mà so ra, tưởng thiên-hạ cũng còn nhiều người điếc.

Lại chẳng bao lâu người đệ-tử có bệnh mắt báo-cáo rằng :

— Đệ-tử tôi đã trông thấy được chữ huyền của Lão-tử, biết rằng chữ huyền là hợp với chữ thanh-tĩnh mà nói, thường làm căn-bản cho đạo-đức. Tôi lại trông thấy chữ không của họ Phật, biết rằng chữ không là theo về chữ trí-tuệ mà nói, thường làm nhân-quả cho chúng-sinh.

Thầy giáo Tâm lại vỗ tay khen rằng:

— Anh đã khéo trông rồi đấy, anh không lòa đâu! Nay cứ đem anh mà so ra, tưởng thiên-hạ cũng còn nhiều người lòa.

Lại chẳng bao lâu người đệ-tử có bệnh mũi báo-cáo rằng :

— Đệ-tử tôi đã ngửi thấy mùi khói hương ở trên chín tầng mây, nhận ra mới biết rằng là cái khói-hương của ông Triệu Biện (2) *nhà Tống, vì cái tâm ông lúc nào cũng giữ được chính-trực thanh-cao, ban ngày hành-vi sự gì, nửa đêm ắt đốt hương thề-nguyền kính-cáo với đấng thượng-đế.*

Thầy giáo Tâm lại vỗ tay khen rằng :

— Anh đã khéo ngửi rồi đấy, anh không ngạt tắc đâu! Nay cứ đem anh mà so ra, tưởng thiên-hạ cũng còn nhiều người ngạt tắc.

Lại chẳng bao lâu người đệ-tử có bệnh lưỡi báo-cáo rằng :

— Đệ-tử tôi ở nhà đã nói rõ chữ hiếu-đễ, ở nước đã nói rõ chữ trung, đối với bè bạn đã nói rõ chữ tín, đối với thiên-hạ đã nói rõ chữ anh-hùng, chỉ còn chữ tự-do là còn ngập ngọng chưa nói rõ thôi.

Thầy giáo Tâm lại vỗ tay khen rằng:

— Anh đã nói sõi rồi đấy, anh không ngập-ngọng đâu! Nay cứ đem anh mà so ra, tưởng thiên-hạ cũng còn nhiều người ngập-ngọng.

Lại chẳng bao lâu người đệ-tử có bệnh tay báo-cáo rằng :

— Đệ-tử tôi ở cái thời-đại hủ-bại đã nâng cao được cái chủ nghĩa duy-tân ; ở cái thời-đại văn-minh đi lầm đường, đã nén thấp được cái chủ-nghĩa vật-chất ; tôi học lối cứu-khổ cứu-nạn, chẳng học lối nghênh-hợp thời-thế, nghênh-hợp phong-trào.

Thầy giáo Tâm lại vỗ tay khen rằng:

— Anh là người tay đã cứng-cáp rồi đấy, anh chẳng hèn yếu đâu! Nay cứ đem anh mà so ra, tưởng thiên-hạ cũng còn nhiều người ngượng-yếu

Chẳng bao lâu người đệ-tử có bệnh chân báo-cáo rằng :

— Đệ-tử tôi đã đi thăm qua nhân-vật đời thượng-cổ, trung-cổ, lại đi thăm qua nhân-vật đời cận-kim. Tôi đã đi xem qua hình-thế phong-cảnh một nước, lại đi xem qua hình-thế phong-cảnh năm châu. Người ta đi chơi bằng xe bằng thuyền, tôi chỉ đi chơi bằng sách vở bút nghiên ; người ta phải bước mà đi chơi một hai phương, tôi chỉ nằm mà đi chơi nghìn vạn dặm.

Thầy giáo Tâm lại vỗ tay khen rằng:

— Anh là người đi chơi đã khỏe rồi đấy, anh không hèn biếng đâu! Nay đem anh mà so ra, tưởng thiên-hạ cũng

---

(1) Đào Tiềm là một kẻ xử-sĩ nhà Tấn, từng chơi cái đàn không dây để gửi ý nhàn-tĩnh, có thơ rằng : « *Đàn đắc cầm-trung thú, hà lao huyền-thượng thanh* », nghĩa là chỉ chơi cái thú trong đàn, nhọc gì cái tiếng trên dây.

(2) Triệu Biện là kẻ danh-thần nhà Tống, chuyên-cần về phép tu-trị cái tâm.

còn nhiều người hèn biếng. Nay lò Ngưu-sơn ta xuất-hiện đã nhiều nhân-tài, giáo-dục đã có thành-hiệu. Ta sẵn có mấy cái huy-hiệu chân-trọng để tặng cho các anh:

Đại-thông tiên-sinh 大通先生 (1) *để tặng người đệ-tử thứ nhất.* Thiên-nhãn cư-sĩ 千眼居士 (2) *để tặng người đệ-tử thứ hai.* Viễn-hương đạo-giả 遠香道者 (3) *để tặng người đệ-tử thứ ba.* Quảng-tràng thiệt-sư 廣長舌師 (4) *để tặng người đệ-tử thứ tư.* Thiên-thủ-khách 千手客 (5) *để tặng người đệ-tử thứ năm.* Tiệp-tức ông 捷足翁 (6) *để tặng người đệ-tử thứ sáu.*

Các anh đã đủ cái tư-cách giáo-dục cho người. Hiện trong thế giới ngày nay còn có mấy nơi hủ-bại, vậy ta đặc-phái các anh đi khai-hóa cho họ, đành chớ quản công. Hễ tình-trạng và hiệu-quả thế nào, sau này lại về Ngưu-sơn báo-cáo cho ta biết.

TÙNG-VÂN

LỊCH-SỬ PHẬT-GIÁO NƯỚC TÀU (7)

II

TIẾT THỨ II

Phật giáo đời Nam Bắc-triều (40-588). — Đời Đông-Tấn đã bị Lưu Dụ diệt mất, lập ra nhà Lưu-Tống; (sau khi Phật tịch 963 lịch tây 420) vua Thái-Vũ-đế đời Hậu-Ngụy bình-định phương bắc (sau khi Phật tịch 982 lịch tây 439) trong nước Tàu mới chia ra làm Nam-Bắc hai triều, trong đời hai triều ấy thường có sự rối-loạn tranh cướp, đến đời Tùy mới thống-nhất, tóm vào khoảng 150 năm, gọi là thời-đại Nam-Bắc-triều, khi ấy thiên-hạ rối beng không ngày nào yên, nhưng các vua đời ấy lại hay tin sùng Phật-giáo, bởi vậy Phật-giáo mới thịnh lên.

Nam-triều: Tống, Tề, Lương, Trần.

Bắc-triều: { Tây-Ngụy — Bắc-châu, Hậu-Ngụy { Đông-Ngụy — Bắc-Tề } Tùy

1) *Nam-triều với Phật-giáo.*

Các vua đời Tống duy có vua Văn-đế rất là tôn-sùng Phật-giáo. Khi ấy có ông Khương-Lương-Gia-Xá tự nước Tây-vực mới lại, vua khen là kỳ-dị. Khương-Lương-Gia-Xá tức là một vị sư dịch ra pho Quan-vô-lượng-thọ-kinh. Vua lại cho nhà sư Huệ-Lâm được vào tham-dự triều-chính, người đời bấy giờ gọi là Hắc-y tể-tướng, đó là khi bắt đầu mới cho nhà sư được tham-dự chính-sự.

(1) Cái tai cả sáng, thấu-triệt mọi lẽ.

(2) Cái mắt rất là sáng-sủa như nghìn mắt khác.

(3) Cái hương của hoa càng xa càng thanh ví với cái phẩm của người càng có đạo càng quí.

(4) Lưỡi rộng dài, là giỏi về lời thuyết-pháp.

(5) Cái tay rất mạnh-mẽ như nghìn tay khác.

(6) Người nhanh-chân, ví với người có tài-cao.

(7) Theo bản *Trung-quốc Phật-giáo tiểu-sử* của Trần Bân-Hòa. Xem *Nam-Phong* từ số 177.

Đến năm Nguyên-gia thứ bảy (sau khi Phật tịch 973 lịch tây 430) bên Thiên-trúc có nhà sư Tam-tạng là Cầu-Na-Bạt-Ma mới sang nước Tàu. Ông ấy nguyên trước làm vua nước Ấn-độ, sau bỏ ngôi vua xuất-gia đi tu, đức-hạnh cao-thượng chúng đều kính-ngưỡng. Những nước thuộc-quốc chư-hầu và vua các nước khi bấy giờ đều theo ông ấy thụ-giới cả, nổi tiếng sang đến triều nhà Tống ; lũ sư Huệ-Quang mới tâu với vua cho đón sang, vua mới sai lũ Sa-môn là Đạo-Xung sang đón. Khi sư Tam-Tạng đến triều nhà Tống, vua cho ở chùa Chi-hằng, thường giảng kinh *Pháp-hoa* và kinh *Thập-địa-phẩm*, vua thường đem cả bày tôi ra giảng đàn nghe kinh. Tiệc giảng kinh đời trước chửa thịnh như thế bao giờ. Lại năm Nguyên-gia thứ 11, có thiết-lập giới-đàn ở chùa Nam-lâm để cho các tăng-ni thụ-giới ; đó là khi nước Tàu mới bắt đầu lập ra giới-đàn. Nối sau vua Văn là vua Hiếu-Vũ cũng tôn-sùng Phật-giáo. Niên-hiệu Thái-minh năm đầu (sau khi Phật tịch 1000 năm, lịch tây 457) nước Cao-đồ làm phản, có quan-hệ lây đến sư Đàm-Tiêu, vua bèn nghiêm lệnh hễ từ sau người sư nào giới-hạnh kém thì phải trở về tục. Nhưng mệnh ấy vẫn không thi-hành. Đến năm hứ 6, các quan tâu vua định ra qui-chế bắt các Sa-môn phải lạy đấng vương-giả, thi-hành được bốn năm, đến đời vua Phế-đế lập lên, thì lại đình-chỉ lệnh ấy.

Đời nhà Tề cũng dốc tin Phật-giáo, vua Cao-đế về năm Kiến-nguyên nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1022, lịch tây 479) vua ra ngự chùa Trang-nghiêm, để nghe Tăng-Viễn giảng *Duy ma-kinh*, Vũ-đế lại cho lũ sa-môn là Pháp-Hiến, Pháp-Sướng được tham-dự triều-chính, khi ấy đều gọi là : Hắc-y nhị-kiệt.

Vũ-đế nước Lương là vua về Nam-triều, mà là người rất là tôn-sùng Phật-giáo. Khi trước vua vốn theo Đạo-giáo, đến năm Thiên-giám thứ ba (sau khi Phật tịch 1047, lịch tây 504) vua mới đem đến hơn hai vạn người, vừa về phái đạo với phái tục lên điện Trùng-vân bày làm ra một cái nghi-thức bỏ Đạo theo Phật. Từ đó vua mới sùng-tín Phật-giáo.

Khi ấy có sư Pháp-Vân ở chùa Quang-trạch, sư Trí-Tạng ở chùa Khai-thiện, sư Tăng-Bân ở chùa Trang-nghiêm, đều gọi là ba vị đại-pháp-sư, nổi tiếng khắp cả trong triều ngoài dã. Vua Vũ-đế dốc lòng tin mà y-qui, tự chú-thích pho *Đại-phẩm bát-nhã kinh*, mời sư Pháp-Vân làm bề tôi để giảng kinh, lại vời sư Tăng-Bân ở điện Huệ-luân đến giảng pho *Thắng-man-kinh*, vua đều thân đến nghe kinh. Vua lại tự xin thụ-giới ; năm Phổ-thông nguyên-niên (sau khi Phật-tịch 1063, lịch tây 520) có dựng một cái viên-đàn ở trong cung-cấm, đón Huệ-Ước pháp-sư, đến xin thụ-giới, từ đó theo Huệ-Ước thụ-giới, từ thái-tử vương-công cho đến kẻ đạo kẻ tục kể đến bốn vạn tám nghìn người.

Năm Đại-thông nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1070 lịch tây 527) có ông Bồ-Đề Đạt-Ma đại-sư tự nước Nam-thiên-trúc vượt bể đến Quảng-châu, vua Vũ-đế sai nghênh-tiếp, hỏi rằng: « Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, nào là dựng chùa, viết kinh, độ tăng, không biết bao nhiêu mà kể, chẳng hay có công-đức gì không ? » Đạt-Ma đáp rằng : « Không có công-đức gì cả. » Vua nói rằng : « Sao lại không có công-đức gì. » Đạt-Ma nói rằng : « Đó tuy là cái quả nhỏ về đạo trời người, nhưng cái nguyên-nhân còn sót, không phải là chân-công-đức. » Vua nói : « Thế nào là chân-công-đức ? » Đạt-Ma rằng : « Rộng rãi không có biết mình là thánh. » Vua nói : « Thế thì đối với trẫm là ai ? » Đạt-Ma rằng : « Không biết. » Vua Vũ-đế vẫn không biết được huyền-chỉ của đạo Phật, bởi vậy Đạt-Ma lưu ở nước

Lương vài ngày rồi đi sang nước Hậu-Ngụy, trụ-trì ở chùa Thiếu-lâm núi Tung-sơn, suốt ngày chỉ ngồi ngoảnh mặt vào vách đá.

Khi ấy có ông Thần-Quang chặt cánh tay đi cầu pháp ở Đạt-Ma, sau đổi tên là Huệ-Khả. Vua Hiếu-minh nhà Hậu-Ngụy ba lần triệu Đạt-Ma đến, nhưng ông không chịu ra. Năm Đại-đồng nguyên-niên đời nhà Lương (sau khi Phật tịch 1078, lịch tây 535) ông Đạt-Ma tịch-diệt, vua Vũ-đế nghe tin báo, thân soạn bài văn dựng bia ở núi Chung-sơn.

Sư Đạt-Ma là một vị sơ-tổ về dòng Thiền-tông nước Tầu. Những ông Huệ Khả, Đạo Dục, Đạo Phó Ni-tồng-trì đều là học-trò giỏi của ông Đạt-Ma cả. Đạt-Ma có làm ra *Phá-tướng-luận*, *Ngộ-tính-luận*, *Huyết-mạch-luận* đều là những sách có tiếng ở đời.

Vua Vũ-đế về năm Trung-đại-thông thứ ba (sau khi Phật tịch 1074, lịch tây 531 có ra ngự chùa Đồng-thái, giảng *Nát-bàn-kinh* và *Bát-nhã-kinh*. Năm Đại-đồng thứ tư, vua lại ngự ra chùa Đồng-thái, mở ra Vu-lan-bồn hội, đó là khi nước Tàu mới bắt đầu có Vu-lan-bồn hội.

Năm Thái-thanh nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1190, lịch tây 557 nước Tây-thiên-trúc có sư Chân-đế tam-tạng, theo đường bể sang đến Nam-hải, vua Vũ-đế nghe tin, sai đón đến ở điện Pháp-vân chuyên làm việc dịch kinh. Về sau có kẻ hàng-tướng là Hầu-Cảnh dem quân vây vua Vũ-đế, vua phẫn mà chết. Hầu Cảnh tự lập làm vua, chửa được bao lâu lại bị phải Trần Bá-Tiên diệt mất, đổi quốc-hiệu gọi là nhà Trần.

Khi ấy Nam-triều thường nhiễu-loạn luôn, sư Chân-đế phải tị-nạn đi sang phía tây đến ở chùa Chế-chỉ đất Quảng-châu, nhân lũ sa-môn là Đông-Khải mời ở lại, ông mới tạm lưu lại chuyên công về việc dịch kinh, dịch thành được những bộ : *Đại-thừa khởi-tín luận*, *Nhiếp-đại-thừa-luận*, *Nhiếp-đại-thừa luận-thích*, *Duy-thức-luận*, *Câu-xá-luận*, tất cả là một trăm hơn bốn mươi quyển. Từ khi *Đại-thừa khởi-tín-luận* dịch ra rồi, trong nước Tàu mới xướng lên theo về Chân-như-duyên-khởi pháp-môn ; đó là Phật-giáo nước Tàu lại là một lần đệ-nhị-biến.

Lại nhân Nhiếp-luận dịch ra mới khởi lên cái mối về Nhiếp-luận-tông. Chân-đế khi ấy muốn trở về Tây-trúc trước sau hai ba lần, đều vì kẻ chúng lưu lại. Đời vua Tuyên-đế nước Trần, năm Đại-kiến nguyên-niên (sau Đại-thanh nguyên-niên 12 năm) ông Chân-đế đã 71 tuổi mới tịch diệt.

Huệ-Tư thiền-sư sinh về năm Diên-xương thứ tư, đời vua Tuyên-vũ nước Hậu-Ngụy, ở đất Vũ-tân châu Dự, 15 tuổi đã xuất-gia đi tu, khi đã thụ được giới luật đủ rồi, mới đi theo học đấng Huệ Văn thiền-sư ở Bắc-Tề, truyền-thụ được pháp-môn Pháp-hoa ; hiểu thấu rõ-ràng, bị kẻ chúng ghen ghét đã từng ba lần họ chực ám-sát, Huệ-Tư biết không thể ở đấy được, mới đem đệ-tử hơn 40 người đi nam-du vào ở núi Nam-nhạc đất Kinh-châu, chuyên công đi khuyến hóa, người ta gọi là Nam-nhạc đại-sư, đó là một ông tổ đệ-nhị về tông Thiên-thai nước Tàu. Ông có làm ra những sách : *Đại-thừa chỉ-quan pháp-môn*, *Pháp-hoa-kinh*, *An-lạc hành nghĩa*, *Chư-pháp vô-tính tam-muội pháp-môn*, đó đều là truyền thụ cho học trò chép lấy. Năm Đại-kiến thứ 9 đời Trần (sau khi Phật tịch 1120, lịch tây 577) ông thọ được 64 tuổi, sau vào tịch ở Nam-nhạc, kẻ đệ-tử truyền được y-bát là Trí-Khải.

Trí-Khải sinh về năm Đại-đồng thứ tư đời Lương ở đất Hoa-dung châu Kinh, 18 tuổi xuất-gia đi tu, sau khi thụ-giới rồi, 23 tuổi đi yết-kiến Huệ-Tư

thiền-sư ở núi Đại-tô châu Quang. Từ đấy Trí-Khải học được pháp-môn Pháp-hoa ở Huệ-Tư. Khi Huệ-Tư đi nam-du rồi, Trí-Khải vào ở núi Thiên-thai, khi bấy giờ đã 38 tuổi, rồi cứ trụ-trì luôn ở đấy nên gọi là đấng Thiên-thai đại-sư.

Trần-chúa rất là tín-ngưỡng Trí-Khải, thường mời ông đến giảng kinh ở đông-đường điện Thái-cực. Khi nhà Trần diệt rồi, nhà Tùy nổi lên, Tấn-vương Quảng cũng đốc lòng tin Phật-giáo, năm Khai-hoàng thứ 11 (sau khi Phật tịch 1134, lịch tây 591). Vua có mời Trí-Khải đến Dương-châu, mở ra Thiên-tăng-hội, vua tự-thụ-giới Bồ-tát, cho Trí-Khải hiệu là Trí-giả đại-sư.

Trí-Khải là một vị đệ-tam-tổ về dòng Thiên-thai nước Tàu, lại là một người hay làm mở-mang cho bản-tông; sau đến năm Khai-hoàng thứ 17, ông tuổi 60 vào tịch ở núi Thiên-thai. Chủ-yếu ông làm ra những sách: *Pháp-hoa huyền-nghĩa*, *Pháp-hoa văn-cú*, *Ma-a-chỉ-quan*, người ta gọi ba bộ sách ấy là *Thiên-thai tam-đại-bộ*, đều do kẻ đệ-tử là Trương An truyền-thụ mà biên chép.

1° — *Thiền-tông* 禪 宗.

Tông-danh. — Tông này tu-dưỡng cốt lấy ngồi thiền-định làm chủ, nên gọi là Thiền-tông, cũng gọi là Phật-tâm-tông.

Truyền thống. — Ông Già-Diệp là tổ đệ-nhất tông này, ông Đạt-ma là tổ thứ hai-mươi tám truyền-pháp Ấn-độ, lại là thủy-tổ về Thiền-tông nước Tàu. Truyền đến Huệ-Khả, Tăng-Xán, Đạo-Tín, Hoằng-Nhẫn; Hoằng Nhẫn có hai người đệ-tử là Huệ-Năng và Thần-Tú, Huệ-Năng truyền Phật-pháp ở phương nam, Thần-Tú mở rộng tôn-giáo ở đất Bắc; từ đó Thiền-tông mới chia làm Nam-tông Bắc-tông hai phái.

Sau này Nam-tông có phân-biệt ra năm nhà với bảy tông, năm nhà là: Lâm-tế, Vì-ngưỡng, Tào-đồng, Thoại-môn, Pháp-nhãn. Đến sau phái Lâm-tế môn-đồ lại có Dương Kỳ, Hoàng-long hai tông, hợp với năm nhà trên, thành là bảy tông.

Giáo-nghĩa. — Giáo-nghĩa tông này thiết trỏ về nhân-tâm, sao cho kiến-tính thành Phật, giáo-ngoại có phép biệt-truyền, không làm ra sách-vở, chẳng câu-nệ gì từng chữ từng nghĩa, chẳng có ý theo cái cách giáo-hóa ở trong kinh-luận Đà-la-ni; chỉ cốt là tự mình dụng lấy công-phu, mà khải-giác lấy Phật-tính ở trong tâm mình.

2° — *Nhiếp-luận-tông* 攝 論 宗.

Tông-danh. — Tông này lấy bài *Nhiếp-đại thừa-luận* làm y-cứ, nên gọi là Nhiếp-luận-tông.

Truyền-thống. — Từ khi bản *Lương-luận* dịch xong, Tuệ-Khoáng mới theo sư *Chân-đế tam-tạng* để thụ-giáo, lại có Pháp-Thường, Trí-Nghiễm, Đạo-Nhạc, Tuệ-Hưu mọi người cùng nghiên-cứu thâm-vi, và làm cho phổ-thông ra; tông này thịnh nhất về khoảng đời Trần đời Tùy; đến đời Đường có ông Huyền-Trang tam-tạng mới dịch ra bài *Tân-luận*, nên tông này mới đồng-hóa với tông Pháp-tướng.

Giáo-nghĩa. — Giáo-nghĩa tông này chỉ cốt về pháp-môn «duy-thức», giống như tông Pháp-tướng, sẽ tường ở sau.

3° — *Thiên-thai-tông* 天 台 宗.

Tông-danh. — Trí-giả đại-sư nguyên tu ở núi Thiên-thai, nên mới gọi là Thiên-thai-tông, để cho tỏ rõ cái đức của tôn-tổ; nếu cứ theo kinh mà gọi tên thì gọi là Pháp-hoa-tông.

Truyền-thống. Tông này lấy ông Long-Thụ làm đệ-nhất-tổ, rồi thứ đến Huệ-Văn, Nam-Nhạc, Trí-Giả, Chương-An, Trí-Uy, Huệ-Uy, Huyền-Lãng, Trạm-Nhiên, Đạo-Thúy, mọi người

cùng thừa-kế nhau. Đến ông Thanh-Tủng có người môn-đồ là Chí-Nhân theo học, mới phân ra Sơn-ngoại, Sơn-gia hai phái. Tông này thịnh nhất ở khoảng đời Trần, Tùy.

Phán giáo. – Tông này lấy năm-thì và tám-giáo để phân-thích giáo-nghĩa. Năm thì là: Hoa-nghiêm-thì, A-hàm-thì, Phương-đẳng-thì, Bát-nhã-thì, Pháp-hoa nát-bàn-thì. Tám-giáo phân ra Hóa-nghi bốn giáo với Hóa-pháp bốn giáo. Hóa-nghi bốn giáo là: Đốn, Tạm, Bất-định, Bí-mật. Hóa-pháp bốn giáo là: Tàng, Thông, Biệt, Viên.

Giáo-nghĩa. — Giáo-nghĩa tông này cốt là nhất-tâm tam-quan. Nhất-tâm nghĩa là cốt ở trong tâm-niệm người ta, đủ cả tam-thiên chư-pháp. Tam-quan nghĩa là xem cái tâm minh tức là không, là giả, là trung, tóm gọi là nhất-tâm tam quan.

2) *Bắc triều với Phật-giáo*

Đời Bắc-lương năm Nguyên-thủy nguyên-niên (sau khi Phật-tịch 955, lịch tây 412) khi ấy có ông Đàm-Vô-Sấm ở Trung Ấn-độ mới đến đất Cô-tang, chúa Lương là Mông-Tốn đón vào Trung-quốc, chuyên học tiếng Hán. Năm Huyền-thủy thứ ba dịch thành kinh *Nát-bàn*; song vì phẩm-số không đủ, lại trở về Tây-vực để tìm. Đến năm Huyền-thủy thứ 10 (năm Vĩnh-sơ thứ 2 đời Tống) dịch thành được 40 quyển. Sau ông Vô-Sấm lại trở về nước để tìm thêm sách, Mông-Tốn tưởng ông ấy bỏ mình mà đi, sai người đón đường giết chết, khi ấy mới 49 tuổi.

Về sau kinh *Nát-bàn* truyền đến Nam-triều, là đời vua Văn-đế nhà Tống năm Nguyên-gia thứ 13 (sau khi Phật tịch 979, lịch tây 437) có ông Huệ-Quan cùng với Huệ-Nghiệm, Tạ Linh-Vận cùng tu-chỉnh lại kinh ấy, thành ba-mươi sáu quyển, vẫn gọi là *Nam-bản Nát-bàn kinh*, để cho khác với *Bắc-bản Nát-bàn kinh*. Từ khi Đàm Vô-Sấm dịch ra kinh *Nát-bàn* mới có tông Nát-bàn.

Đến sau nhà Bắc-Lương bị vua Thái-vũ nhà Hậu-Ngụy diệt đi, đất bắc mới thống-nhất về nước Ngụy, uy-thanh ngang với Nam-triều gọi là Bắc-triều.

Vua Thái-vũ cùng với kẻ bề tôi là Thôi Hiệu rất tin kẻ đạo-sĩ là Khấu Khiêm-Chi. Hiệu lại càng ghét Phật-giáo, thường khuyên vua trừ bỏ Phật-giáo đi. Chợt khi ấy là năm Thái-bình chân-quân thứ 7 (sau khi Phật tịch 980, lịch tây 446) vua vào đất Trường-an, chợt đến một chùa Phật bắt được người đàn bà và đồ võ khí, Hiệu lại khuyên vua trừ diệt bỏ Phật-giáo trong thiên-hạ đi, vua động lòng nghe theo, sắc xuống bầy tôi đem chôn giết cả bọn tăng-lữ, phá hủy cả kinh Phật, tượng Phật và các chùa tháp.

Khi ấy có thái-tử vẫn là tôn-tín Phật giáo, không cho việc vua làm như thế là phải, thường can ngăn luôn mà vua vẫn không nghe; mới sai người đi các nơi mách bảo các nhà sư, vì thế các nhà sư được khỏi nạn, nhưng còn kinh sách với tượng tháp chùa chiền thì đều bị phá hủy cả. Nhà Phật gọi là cái ách « Tam-võ nhất tông », đây là Võ-ách thứ nhất.

Bốn năm sau vua mắc bệnh đau, quần-thần đều bảo là bởi tại hủy phá Phật-tượng. Vua mới xuống sắc lại hưng Phật-giáo. Đến năm sau thì vua mất.

Vua Văn-thành nối lên, lại sai chấn-hưng Phật giáo. Sau đến hai đời vua Hiến-văn, Hiếu-văn cũng đều tin Phật-giáo. Vua Hiếu-văn đến bảy lần xuống tờ sắc chấn-hưng Phật-giáo, Phật-đạo nhân thế mới lại được trùng-quang. Đời vua Tuyên-vũ năm Vĩnh-bình nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1051, lịch tây 508). Khi ấy ở bắc Ấn-độ có một người du-hóa-tăng là Bồ-đề-chi-lưu tam-tạng sang du-lịch. Vua sai đón cho

ở chùa Vĩnh-ninh đất Lạc-dương; từ năm Thiên-bình thứ hai đến năm thứ hai-mươi-tám nhà sư chỉ chuyên ý phiên-dịch các kinh, tựu-trung có những sách *Thập-địa-luận*, *Tĩnh-thổ-luận* là chủ ý dịch-thuật.

Bồ-đề-chi-lưu khi phiên dịch *Thập-địa-luận*, vua thường thân đến chịu hầu bút mực, bắt đầu dịch từ năm Vĩnh-bình nguyên-niên, đến năm thứ tư mới xong. Đồng-thời lại sai Lặc-Đa-Ma-Đề phiên-dịch nữa. Đến khi hai bản dịch xong, Quang-Thống luật-sư mới tâu xin vua tự xét lại bản chữ phạm, rồi hợp cả hai bản làm một, đó tức là bản kinh Tông Địa-luận y theo, Quang-Thống luật-sư tức là vị tổ-sư tông này.

Vua Tuyên-vũ lại là người thông-đạt giáo-lý, năm Vĩnh-bình thứ 2 có họp cả chư-tăng và triều-thần ở điện Thức-hiền giảng *Duy-ma kinh*, cố sức mong cho Phật-giáo hưng-thịnh. Bởi vậy khi ấy các vị sa-môn tự Tây-vực đến, nhiều đến hơn ba nghìn người, trong nước chùa-chiền nhiều đến một vạn hơn ba nghìn sở, tổng số các tăng-lữ đến hai trăm vạn người; thực là khi Phật-giáo thịnh nhất ở phương bắc.

Đến đời Đông-Ngụy có ông Đàm-Loan đại-sư mới sang. Phật-giáo lại càng nổi lên. Đàm-Loan sinh ở đời Hậu-Ngụy vua Hiếu-văn năm Thừa-minh nguyên-niên (sau khi Phật-tịch 1019, lịch tây 476) ở đất Nhạn-môn, mười-lăm tuổi xuất-gia, chỉ chuyên công học về bốn bài luận, thành là người giỏi về tông học ấy. Ông thường làm sách *Đại-tập-kinh chú-thích*, mới được nửa thì bị đau, nghĩ rằng không sống lâu thì khó làm cho xong được, mới vào yết-kiến vua Vũ đế nước Lương, vua bảo vào yết-kiến ông Đào Ẩn-Cư, lấy được tiên-kinh mười quyển đem về.

Đàm Loan khi về qua chùa Vĩnh-ninh vào yết-kiến ông Bồ-đề-chi-lưu, ông Bồ-đề bảo rằng: « Phép tiêu ở đất này, nếu hay trường-sinh được, nhưng chỉ lưu-chuyển ở trong cõi tam giới; nếu muốn chân-chính trường-sinh, thì phải cầu ở Phật-pháp. » Ông Bồ-đề bèn cho một quyển *Tĩnh-thổ-luận*, Đàm Loan xem rồi hoảng-nhiên tỉnh-ngộ, liền đốt bỏ Tiên-kinh đi, y-qui về Tĩnh-thổ, khi ấy là đời Hậu-Ngụy năm Vĩnh-an thứ hai (sau khi Phật tịch 1072, lịch tây 529).

Từ đó Đàm Loan trụ-trì ở chùa Đại-nghiêm châu Tinh và chùa Huyền-trung châu Phần, hết sức mở đường Pháp-môn gia công niệm Phật, đức-trạch khắp cả bốn phương. Chúa Ngụy là vua hiếu-tĩnh, tôn xưng ông là Thần-loan. Vua Vũ-đế nước Lương thường ngoảnh mặt về phía bắc lễ bái, tôn ông gọi là Loan-bồ-tát. Đời Đông-Ngụy năm Hưng-hòa thứ tư, sau khi Phật tịch 1085, lịch tây 542), ông thọ 67 tuổi, tịch ở chùa Giao-sơn châu Phần. Có làm ra những sách: *Tĩnh-thổ-luận-chú* và *Tán A-di-đà phật-kệ*, rất là trứ-danh. Tông Tĩnh-thổ mà phát-dương quang-đại lên được là nhờ về sức ông vậy.

Phật giáo ở Bắc-triều rất là cực-thịnh, đến đời Bắc-châu vua Vũ-đế lại gặp một ách-nạn lớn. Vũ-đế thường tin kẻ đạo-sĩ là Trương Tân ghét Phật giáo; năm Kiến-đức thứ ba (sau khi Phật tịch 1117, lịch tây 574) vua muốn phế bỏ Phật-giáo. Một hôm họp cả trăm quan lại, cho các sa-môn cùng các đạo-sĩ biện bác, khi ấy có nhà sư là Tri Huyền, Huệ Viễn hết sức kháng-biện, vua không thể làm khuất được; sau vua mới xuống tờ sắc bỏ cả Đạo-giáo và Phật-giáo, lấy các chùa chiền cho làm dinh-thự các vương công. Còn những chư-tăng thì bắt đem xung quân. Huệ Viễn lấy làm lo, mới vào ẩn ở núi Thanh-liên, làm chủ sở cho kinh *Nát-bàn*; đến đời Tùy, vua Văn-đế lại đón ra cho ở chùa Tĩnh-ảnh đất Lạc-dương, nên gọi là Tĩnh-ảnh đại-sư.

Về sau vua Vũ-đế nhân nhà Bắc-Tề suy-loạn, mới diệt đi mà chiếm lấy cả đất; Phật-giáo ở phương bắc khi ấy đều tiêu-thanh nặc-tích hết cả, đó là vô-ách thứ hai.

Khi ấy có kẻ sa-môn là Đạo Lâm lấy tài bác-học được gần vua Vũ-đế, thường cùng với vua biện-luận hơn hai mươi ngày, vấn-đáp đến bảy-mươi hồi, vua không thể khuất-phục được, mới có cái ý lại chấn-hưng Phật-giáo, nhưng chẳng được bao lâu vua mất, nên việc ấy lại thôi.

Đến đời vua Tuyên-đế lên ngôi, Đạo Lâm lại ra tấu thỉnh, vua nghe theo, năm Đại-thành nguyên niên (sau khi Phật-tịch 1121, lịch tây 578) vua lại cho chấn-hưng Phật-giáo.

1) *Nát-bàn-tông* 涅槃宗

Tông-danh. — Tông này y-cứ theo kinh *Nát-bàn* nên gọi là tông Nát-bàn.

Truyền-thống. — Tông này lấy ông Đàm Vô-Sấm làm sơ-tổ, sau đến đời Tống thì có ông Huệ-Tĩnh, Đàm Vô Thành, Tăng-Trang, Đạo-Uông, Tĩnh-Lâm, Tuệ-Định, Đàm-Mân, Siêu-Tiến, Pháp-Giao, Đạo-Đăng, Đàm-Độ, Đạo-Thịnh mọi người đều làm ra chương-sớ để tỏ rệt giáo-nghĩa. Ông Tĩnh-Ảnh đời Tùy cũng thuộc tông này. Sau lại có ông Trí-Huy, Pháp-Lệ, Đạo-Xước, mọi người. Lại như lũ ông Đạo-Tuyên cũng thuộc về tông này. Đến ông Pháp-Bảo ra đời thịnh-xướng nghĩa tông này. Về sau tông Thiên-thai thịnh lên, thì tông này bèn thuộc về tông Thiên-thai.

Giáo-nghĩa. — Tông này cho là nhất-thiết chúng-sinh đều có Phật-tính, chủ-trương nhất-thiết chúng-sinh đều hay thành Phật được cả.

2) *Địa-luận-tông* 地論宗

Tông-danh. — Tông này y cứ theo *Thập-địa-luận*, nên gọi là tông Địa-luận.

Truyền-thống. — Tông này thì lấy ông Quang-Thống Luật-sư làm cao-tổ, sau có những ông Tuệ-Thuận, Đạo-Thận, Linh-Dụ, Tuệ-Tạng, Tĩnh-Ảnh, Trí-Cự, Đạo-Tôn, Pháp-Lữ, Linh-Cán, Biện-Tướng, Tuệ-Giác ra đời, thịnh xướng nghĩa tông này. Sau tông Hoa-Nghiêm thịnh lên, tông này cũng thuộc về đó.

III. — Thời đại Phật-giáo hưng-thịnh—Tùy, Đường

TIẾT THỨ I

Phật-giáo đời Tùy (581-618)

Vua Tuyên-đế đời Bắc-châu lên ngôi chửa được bao lâu thì bị phải kẻ ngoại-thích là Dương-Kiên cướp mất, tự lập lên là vua Văn-đế đời Tùy, lại sai Tấn-vương là Quảng đi đánh diệt nước Trần, bèn thống-nhất cả thiên-hạ.

Văn-đế rất là sùng-phụng Phật-giáo, nhiệt-tâm hết sức bảo-hộ cho Phật-giáo. Năm Khai-hoàng thứ 20 (sau khi Phật tịch 1143, lịch tây 600) vua có sắc lệnh rằng hễ ai phá-hoại tượng Phật thì luận tội là đại-nghịch bất-đạo. Đến năm sau sai các chư-hầu xây dựng bảo-tháp đem chia cho tinh xá-lị để cho kính thờ. Khi vua ở ngôi, độ cho tăng ni ba mươi vạn người, khởi-lập hơn năm nghìn chùa tháp; lại sai những người đạo, tục có tài phiên-dịch hai-mươi-bốn người chuyên công dịch các kinh luận, được đến 500 quyển, thực là thịnh lắm vậy!

Đến đời vua Dưỡng-đế lên ngôi, cũng y-qui Phật-giáo, vua cho đón sư Trí-Khải mở ra Thiên-tăng-hội, tự đến thụ-giới Bồ-tát. Năm Đại-nghiệp thứ ba (sau khi Phật-tịch 1150, lịch tây 607) vua phát tờ sắc ra độ cho nghìn thầy tăng, vua tự-xưng là « Bồ-tát giới-đệ-tử ».

Khoảng đời Tùy, Đường xuất-hiện được nhiều vị cao-tăng, tựu-trung đời

Tùy trước có ông Thiên-Thai, sau có ông Gia-Tường.

Gia-Tường tên là Cát-Tạng, sinh về năm Đại-thanh thứ ba (sau khi Phật tịch 1092, lịch tây 549) đời Lương, ở đất Kiến-khang, lên bảy tuổi đã xuất-gia, theo học ông Pháp-Lãng về dòng Tam-luận-tông. Khi 33 tuổi, Pháp-Lãng tịch-diệt đi rồi, Cát-Tạng gặp đời cuối nhà Trần phải đi tị-loạn, bỏ đất Kiến-khang đi sang phía đông-nam châu Việt, trụ-trì ở chùa Gia-tường, có làm chú-sớ các bài *Trung-luận*, *Bách-luận*, *Thập-nhị-môn-luận*, người ta gọi là đấng Gia-Tường đại-sư.

Văn-đế Dưỡng-đế đời Tùy đều rất là tôn kính Gia-Tường, Dưỡng-đế lại đặc-thiết Tuệ-nhật đạo-tràng ở Dương-châu, để cho Gia-Tường trụ-trì. Lại để cho ông ấy ở cả Nhật-nghiêm đạo-tràng đất Trường-an. Gia-Tường mới hết sức tán-dương cho tông Tam-luận thịnh lên, nên tông ấy mới đại-thành được.

Nhà Tùy mất, vua Cao-tổ nhà Đường lại vẫn ưu-đãi Gia-Tường; năm Vũ-đức thứ sáu (sau khi Phật tịch 1163, lịch tây 623) ông Gia-Tường mất, thọ 75 tuổi, làm được nhiều sách như *Trung-luận-sớ*, *Bách-luận-sớ*, *Thập-nhị-môn-luận-sớ*, *Tam-luận huyền-nghĩa* đều là trứ-danh.

Tiết thứ II

Phật-giáo đời Đường (618-907)

Vua Dưỡng-đế đời Tùy chỉ chăm về việc thổ-mộc với việc chinh-chiến, ba lần đi đánh nước Cao-ly đều đại-bại, bởi thế quần-hùng nổi lên như ong. Đường công là Lý Uyên đem quân lấy đất Trường-an lên ngôi vua, tức là vua Cao-tổ nhà Đường. Về sau trong khoảng bảy năm đi chinh-phục giẹp hết được quần-hùng các nơi, lập nên cơ-nghiệp đời Đường.

Cao-tổ rất là tôn-tín Phật-giáo, quan Thái-sử-lệnh là Phó Dịch bài-bác đạo Phật, bảy lần dâng sớ lên tâu vua. Ý vua cũng phải chuyền, mới đem những bài tấu sớ bảo cho chư-tăng, và chất-vấn rằng: « Xuất-gia đi tu có ích gì với quốc-gia không? » Bởi thế ông Pháp-Lâm mới làm bài *Phá-tà-luận*, ông Huệ-Thừa làm bài *Biện-chính-luận*, ông Minh-Khải làm bài *Quyết-đối-luận*, tỏ ra cái ý đi tu vẫn là ám-trợ cho quốc-gia. Vua xem các bài luận, mới biết Phó Dịch là chỉ đẳng theo với Đạo-giáo mà hủy-báng Phật-giáo, liền ra sắc-lệnh đào-thải bớt những người tăng-đạo nào giới-hạnh bất-chính ở trong hai giáo, đều bắt cho hoàn-tục. Những chùa chiền nào bỏ hoang thì đều bỏ đi. Và định cái chế kinh-thành lập ba chùa, còn mỗi châu một chùa, đó là về hồi tháng năm năm Vũ-đức thứ chín (sau khi Phật tịch 1169, lịch tây 626).

Chẳng được bao lâu con thứ Cao-tổ là Thế-Dân lập lên là vua Thái-tôn, xuống chiếu đại-xá cho thiên-hạ, còn những chiếu sắc trước đều đình-chỉ cả.

Cuộc thịnh-trị năm Chinh-quán đời vua Thái-tôn, trong thì tứ-dân yên-nghiệp, ngoài thì phát-dương quốc-uy, giao-thông với nước ngoài càng thịnh, bởi thế có những *Yêu-giáo*, *Ma-ni-giáo*, *Hồi-giáo* tự nước Ba-tì đem lại. Môn-đồ Cảnh-giáo là A-la-bạng cũng đem kinh đến đất Trường-an, nhất-thời đều thịnh-hành cả.

Tự đời vua Thái-tôn đến Cao-tôn có những ông Cao-tăng là: Đỗ Thuận, Đạo Xước, Thiện-Đạo, Huyền-Trang, Đạo-Tuyên mọi người xuất-hiện, nên Phật-giáo càng ngày càng thịnh.

Đỗ Thuận sinh về năm Vĩnh-định thứ hai (sau khi Phật tịch 1107, lịch tây 558) đời Trần, ở đất Ung-châu, khi ông ấy xuất-gia đi tu có nhiều sự-tích lạ, lúc mới vua Văn-đế nhà Tùy rất trọng; đến đời Đường vua Thái-tôn

cũng rất kính tin, cho hiệu là: Tâm-tôn-giả, là tổ đệ-nhất về tông Hoa-nghiêm, mở mang tông-nghĩa Hoa-nghiêm rất thịnh; đến năm Chính-quán thứ 14 (sau khi Phật tịch 1183, lịch tây 640) Tôn-Giả thọ 83 tuổi mới tịch, có làm ra những sách: *Ngũ-giáo chỉ-quan, Pháp-giới quan-môn*. Người đệ-tử truyền y-bát là Trí-Nghiễm.

Trí-Nghiễm là tổ đệ-nhị tông Hoa-nghiêm, trụ-trì ở chùa Chí-tướng núi Chung-nam, nên cũng hiệu là Chí-tướng đại-sư.

Đạo-Xước thiền-sư sinh về đời Bắc-Tề năm Thiên-bảo thứ mười-ba (sau khi Phật tịch 1105, lịch tây 562) ở sông Vấn-thủy, khi 14 tuổi xuất-gia, làm nhà học-giả về tông Nát-bàn.

Đạo-Xước khi 48 tuổi đi đến chùa Huyền-trung châu Phần, xem thấy bài văn bia của ông Đàm-Loan đại-sư liền bỏ tông Nát-bàn, qui về tông Tĩnh-thổ. Về sau ông đi truyền-giáo những đất Tấn-dương, Thái-nguyên, Vấn-thủy, giảng kinh đến 200 lần, lưu-hành rất thịnh, đến năm Trinh-quán thứ 19, ông thọ 84 tuổi mới tịch. Sách làm ra có tập *An-lạc* là trứ-danh nhất, truyền giáo cho đệ-tử là Thiện-Đạo.

Thiện-Đạo đại-sư sinh về đời Tùy năm Đại-nghiệp thứ chín (sau khi Phật tịch 1156, lịch tây 613). Khi ông mới xuất-gia thì tụng kinh *Pháp-hoa* và kinh *Duy-ma*. Sau muốn tìm lấy được một kinh có duyên mới vào Đại-tạng, cố ý xem xét, lấy được *Quan-vô-lượng-thọ-kinh* về tông Tĩnh-thổ, từ đó chỉ chuyên-tụng kinh ấy. Sau đến yết-kiến Đạo-Xước thiền-sư nghe giảng giáo; về sau hơn ba-mươi năm, hoặc khi ông trụ-trì ở núi Chung-sơn, hoặc ở chùa Quang-minh, hằng niệm Phật nhật-khóa từ một vạn đến mười vạn lần. Lại viết *A-di-đà-kinh* mười vạn quyển, họa bức Tĩnh-thổ biến tướng hơn ba trăm vách tường, đi đến đâu gặp chùa đổ nát là tu-bổ lại không biết bao nhiêu mà kể.

Khi ấy kẻ đạo người tục đất Trường-an không ai là chẳng thụ-giáo Thiện-Đạo đại-sư, thịnh đến nỗi chợ Trường-an chẳng ai mua thịt về ăn cả. Năm Vĩnh-long thứ hai (sau khi Phật tịch 1224, lịch tây 681) sư thọ được 69 tuổi mới tịch, đức-trạch kịp đến đời sau nhiều lắm. Sách làm ra có những: *Huyền-nghĩa-phân, Tự-phân-nghĩa, Định-thiện-nghĩa, Quan-niệm-pháp-môn, Vãng-sinh-lễ-tán, Pháp-sự-tán, Ban-chu-tán*. Người ta gọi là năm bộ chín quyển, tựu-trung có bốn quyển trước gọi là *Tứ-thiếp-sớ* đều thịnh-hành cả.

Khi bấy giờ có Huyền-Trang tam-tạng sang cầu pháp bên Tây-vực trở về lại chấn-hưng Phật-giáo. Tam-tạng sinh về đời Tùy năm Khai-hoàng thứ hai-mươi (sau khi Phật tịch 1143, lịch tây 600), ở đất Lạc-dương, khi 15 tuổi đã xuất-gia thụ-giới, học thông khắp kinh-sách, thường thấy các bản sách dịch đời trước có nhiều chỗ sai-lầm, rất lấy làm ân-hận. Năm Trinh-quán thứ ba (sau khi Phật tịch 1172, lịch tây 629) ông mới quyết ý lẻn bỏ đất Trường-an ra đi, sang cầu pháp bên Tây-vực.

Khi ấy ông đi qua đường Trung-ương Á-tế-á, sang đến Vương-xá-thành đất Trung-Ấn-độ, chính là năm Trinh-quán thứ bảy; ông theo học Giới-hiền luật-sư ở chùa Na-lạn-đà, chuyên học về duy-thức pháp-môn; lại đi khắp cả các nước Ấn-độ, tìm được bản kinh chữ phạm; lại đi qua Trung-ương Á-tế-á, đến năm Trinh-quán thứ mười-chín mới về đến đất Trường-an.

Vua Thái-tôn rất là tôn-trọng Tam-tạng, cho ở chùa Đại-từ-ân và chùa Hoằng-phúc để chuyên dịch kinh-điển. Sau lại đổi Ngọc-hoa-điện làm chùa để cho ông ở; ông mới xướng-minh pháp-

môn duy-thức, tông pháp-tướng bởi thế mới thịnh lên.

Huyền-Trang thọ được 65 tuổi, đến đời vua Cao-tôn năm Lân-đức nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1207, lịch tây 664) ông mới tịch, vua vì bãi triều ba ngày, lại truyền sắc đem quan vàng quách bạc liệm-táng. Ông dịch được kinh luận phát ra đến bảy-mươi-nhăm bộ, một nghìn ba trăm ba-mươi quyển.

Hiện nay lấy ông Huyền Trang làm ông Thái-tổ về sách dịch mới, còn những bản dịch trước gọi là sách dịch cũ. Đó là Phật-giáo nước Tàu lần đệ-tam biến vậy.

Những sách dịch của ông thì có: *Giải-thâm-mật-kinh, Du-già-luận, Hiển-dương-luận, Biện-chung-biên-luận, Nhị-thập duy-thức-luận, Quan-sở-duyên duyên-luận, Tạp-tập-luận, Thành-duy-thức-luận, Nhiếp-đại thừa-luận, Nhiếp-đại-thừa luận-thích, Câu-xá-luận* đều là sách cốt yếu cả. Lại còn quyển *Đại-Đường Tây-vực-ký* rất là trứ-danh. Có môn-đồ ba nghìn người, thông-đạt được bảy-mươi người, những người học trò giỏi là: Khuy-Cơ, Phổ-Quang, Pháp-Bảo, Thần-Thái.

Khuy-Cơ tức là Ân-Tử đại-sư, làm ra một trăm bản sớ để tường-giải nghĩa về thuyết của thầy, tựu-trung có bài *Thành-duy-thức luận-thuật-ký, Thành-duy-thức-luận-xu* là sách cốt-yếu cả. Đệ-tử ông Tử-Ân là Tuệ-Chiểu có làm bài *Thành-duy-thức-luận liễu-nghĩa-đăng*; đệ-tử ông Tuệ-Chiểu là Chi-Châu có làm bài *Thành-duy-thức-luận diễn-bí-sao*, đều để phát minh về tông-nghĩa pháp-tướng. *Xu-yếu, Liễu-nghĩa-đăng, Diễn-bí-sao* ba bài ấy, người ta gọi là « Duy-thức tam-sớ » rất là có danh tiếng.

Thứ đến ông Phổ-Quang, Pháp-Bảo, Thần-Thái đều tinh-thông tông-nghĩa Câu-xá, có làm ra chú-sớ, người ta gọi là « Câu-xá tam đại-gia », từ đó tông Câu-xá cũng thịnh-hành.

Thứ đến Đạo-Tuyên luật-sư sinh về đời Tùy năm Khai-hoàng thứ mười-sáu (sau khi Phật tịch 1139, lịch tây 596) ở đất Trường-an, mười-bảy tuổi đã cắt tóc theo học Chi-Thủ luật-sư, chuyên học giới-luật, truyền thụ giới câu-túc; năm Trinh-quán thứ mười-chín có cùng với ông Huyền-Trang dịch sách, đều suy-tôn là bậc bút-dịch hơn cả.

Ông Đạo-Tuyên lấy luật tứ-phân làm bản-tông mà đại-thành lên được, nên mới nổi tiếng; trước-thuật nhiều nhất xưa nay chưa ai bằng, tóm được hơn 200 quyển, tựu-trung có những bộ: *Hành-sự-sao, Giới-sớ, Hiệt-ma-sớ, Thập-tì-ni-nghĩa-sao, Tì-khâu-ni-sao*, người ta gọi là Nam-sơn năm bộ lớn rất là có tiếng; lại còn những sách *Cao-tăng-truyện, Tục-cao-tăng truyện, Quảng-Hoằng-minh-tập*, đều là sử Phật-giáo nước Tàu, ai muốn nghiên-cứu cũng phải cần đến. Đời vua Cao-tôn năm Kiền-phong thứ hai, (sau khi Phật tịch 1210, lịch tây 667) ông thọ 72 tuổi, mất ở núi Chung-nam.

Vua Cao-tôn mất, vua Trung-tôn lên ngôi, bà Vũ-hậu lại phế vua Trung-tôn, lập Dự-vương là Đán lên làm vua chửa được bao lâu lại phế, bà tự-lập, làm vua, tức là Tắc-thiên hoàng-đế, chính là Phật-giáo thời-đại toàn-thịnh.

Bà Tắc-thiên cho kinh *Hoa-nghiêm* cũ không được hoàn-toàn, năm Chứng-thánh nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1238, lịch tây 695) có sai sứ sang nước Ư-điền, cầu lấy bản kinh *Hoa-nghiêm* chữ phạm, và một người học-giả chữ phạm, vua nước Ư-điền mới sai Thực-xoa-nan-đà sang phó-nhiệm, bà Tắc-thiên cả đẹp lòng, với đến ở chùa Đại-biến-không, cùng với những nhà sư đến trước là: Nam-Thiên-trúc, Bồ-đề Lưu-chí tam-tạng cùng phiên-dịch kinh *Hoa-nghiêm*. Sau lại có Pháp-Tạng, Phục-Lễ, Nghĩa-Tính mọi người giúp

việc; đến năm Thánh-lịch thứ hai (sau khi Phật tịch 1242, lịch tây 699) dịch thành được 80 quyển, gọi là kinh *Bát-thập hoa-nghiêm*, sau khi dịch xong lũ Thực-Xoa nan-đà làm biểu dâng lên, bà Tắc-thiên làm bài tựa đề đầu, đem ra điện Thái-cực tuyên bảo cho trăm quan.

Pháp-Tạng sinh về đời vua Thái-tôn, năm Trinh-quán thứ mười-bảy ở đất Trường-an, đến đời vua Duệ-tôn, năm Tiên-thiên nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1255, lịch tây 712) thì ông mới tịch, thọ 70 tuổi. Khi xưa ông theo học ông Trí-Nghiễm, học về giáo-nghĩa *Hoa-nghiêm*, nên mới đại-thành được tông ấy.

Tắc-thiên hoàng-đế rất là tôn tín Pháp-Tạng, năm Thiên-sách-vạn-tuế nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1238, lịch tây 695) Pháp-Tạng có phụng-mệnh bà Tắc-thiên, giảng kinh *Hoa nghiêm* ở chùa Thái-nguyên, hiển-hiện ra điềm lạ, nhân cho hiệu là Hiền-Thủ, cho được dự vào chùa Đại-biến không đề cùng dịch kinh.

Về sau kinh *Hoa nghiêm* dịch xong, năm Trường-an nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1244, lịch tây 702) ông lại phụng-mệnh đến ở chùa Phật-thụ-ký đất Lạc-dương giảng kinh *Tân-Hoa-nghiêm*, quần-chúng nghe rất cảm-động, lập tức được triệu vào điện Trảng-sinh, nói lại giảng nghĩa cho nghe; khi ấy ông Hiền-Thủ trỏ ngay vào con sư-tử vàng ở góc điện mà nói ví để thuyết-minh cái lẽ huyền kinh *Hoa-nghiêm*, bà Tắc-thiên hay lĩnh-hội được cả, sau họp lại những lời thuyết-pháp khi ấy, tức là *kim Sư-tử chương*. Ngoài ra ông làm sách cũng nhiều, mà cốt-tử là sách *Hoa-nghiêm-kinh-thám-huyền-ký*, *Ngũ-giáo chương*, *Khởi-tín-luận-nghĩa-ký*.

Nghĩa-Tĩnh Tam-tạng người Tề châu, khi nhỏ xuất-gia, 15 tuổi đã có chí muốn đi Tây-du, khi 37 tuổi bèn cùng với đồng-chí mười người theo cái vết sau sư Pháp-Hiền, sư Huyền-Trang, từ Quảng-châu theo đường bể sang Ấn-độ, khi ấy là đời vua Cao tôn năm Hàm-hanh thứ hai (sau khi Phật tịch 1214, lịch tây 671). Mọi người đồng-chí đều nửa đường trở về, duy Nghĩa-Tĩnh không chịu khuất, mới hay đạt được chí-nguyện.

Sau khi Nghĩa-Tĩnh sang đến Ấn-độ, đi khắp các nước, để cầu lấy kinh và tượng, rồi lại theo đường bể đi về. Năm Thánh-lịch nguyên-niên (sau khi Phật tịch 1241, lịch tây 698) mới trở về đến Quảng-châu; Tắc-Thiên nghe tin cho đón về ở chùa Phật-thụ-ký, chửa được bao lâu lại cho vào chùa Đại biến-không để cùng dịch kinh *Hoa-nghiêm*. Về sau ông lại đến ở những chùa Đại-phúc-tiên ở Lạc-dương, chùa Tây-minh, chùa Đại-tiến-phúc ở Trường-an, có dịch ra những bản kinh chữ phạm mới đem về hơn 60 bộ, hơn 230 quyển; đến năm Tiên-thiên thứ hai (sau khi Phật tịch 1256, lịch tây 713) mới tịch. Sách ông làm ra là: *Nam-hải ký-qui-truyện*, cùng với quyển *Phật-quốc-ký* của Pháp-Hiền, *Tây-vực-ký* của Huyền-Trang, đều là những sách quí-báu, nghiên-cứu đến lịch-sử Ấn-độ là phải cần đến.

Đồng-thời với ông Hiền-Thủ, Nghĩa-Tĩnh lại có ông Huệ-Năng, ông Thần-Tú, phát-minh về giòng Thiền-tông, hai ông ấy đều là học-trò Hoằng-Nhẫn thiền-sư, tổ thứ năm giòng Thiền-tông. Huệ-Năng người đất Giang-nam, sinh về đời vua Thái-tôn năm Trinh-quán thứ mười-hai (sau khi Phật tịch 1181, lịch tây 638), khi 24 tuổi đã phục-dịch theo ông Hoằng-Nhẫn thiền-sư ở Hoàng-mai hiệu là Lư-cư-sĩ.

Về sau Hoằng-Nhẫn mới truyền y-bát cho Lư-cư-sĩ, họp cả đệ-tử hơn 700 người, sai mỗi người thuật một câu kệ để nghiệm xem đã giác-ngộ chửa. Khi

ấy ông Thần-Tú học-hạnh hơn cả quần-chúng, quần-chúng suy tôn lên ngôi đệ-nhất, Thần-Tú cũng tự-nhiệm chẳng ngần-ngại gì, mới viết lên trên vách hành-lang một câu kệ rằng:

Thân là cây bồ-đề,
身是菩提樹
Tâm như đài minh-kính;
心如明鏡台
Thời thường lau chùi luôn,
時時勤拂拭
Chớ để bụi-bặm dính.
勿使惹塵埃

Lư-cư-sĩ trông thấy, tự cầm đuốc sai đứa đồng-tử viết lên bên cạnh câu kệ của Thần-Tú rằng:

Bồ-đề chẳng phải cây,
菩提本非樹
Minh-kính cũng không đài;
明鏡亦非台
Không có vật gì cả,
本來無一物
Bỏi đâu bợn trần-ai.
何處惹塵埃

Ông Hoằng-Nhẫn trông thấy, cho là Lư-cư-sĩ truyền được phép mình, mới truyền cho y-bát và bảo lánh bỏ phương Nam để theo hầu khuyến-hóa. Bởi vậy Huệ-Năng bỏ phương Nam đi, trong khoảng mười-lăm năm không thấy có hình tích, đến năm 39 tuổi mới xuất-gia trụ-trì ở chùa Bảo-lâm núi Tao-khê châu Thiều, phát-minh được phép Phật, đời gọi là Lục-tổ đại-sư.

Vua Trung-tôn kính-ngưỡng Lục-tổ, triệu ra mãi mà ông không chịu ra, nhân ban cho ông áo cà-sa và bình, bát mọi đồ để tỏ lòng kính-ngưỡng. Đời vua Huyền-tôn năm Khai-nguyên thứ hai (sau khi Phật tịch 1257, lịch tây 714) ông thọ được 76 tuổi mới tịch, vua Hiến-tôn cho thụy là: Đại-giám thiền-sư.

Huệ-Năng là khai-tổ giòng Nam-tông, Thiền-tông nước Tàu từ đấy lại nhất-tân diện-mục.

Thần-Tú là người đất Trần-lưu, theo học ông Hoằng-Nhẫn, về sau mở ra dòng Bắc-tông, bà Tắc-thiên hậu-đãi lắm, vua Trung-tôn đãi lấy lễ quốc-sư, ông thọ hơn một trăm tuổi, năm Thần-long thứ hai mới tịch, được tứ thụy hiệu là Đại-thông thiền-sư.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN HỮU-TIẾN *biên-thuật*

QUỐC-ÂM THI-VĂN TÙNG-THOẠI

VII

Quốc-văn ta xưa nay truyền lại, chỉ có vận-văn, còn đến tản-văn, thì xem ít lắm, vì tản-văn là một lối văn không vần mà khó nhớ, cho nên khó nỗi mà lưu-truyền lại được, tuy vậy trong các sách-vở chép lại, cũng hãy còn nhiều bài hay, nay thử trích một đôi đoạn như sau này:

Như bài văn ông Chiêu-Lý tế cô Trương Quỳnh-Như rằng:

Nương-tử ơi!

Chương-cần ấy bởi vì đâu?
Oan-thác ấy bởi vì đâu?
Cho đến nỗi xuân tàn hoa nụ, thu lần trăng rằm!

Lại có điều đau-đớn thế, nhà huyên vì có năm có bảy, mà riêng một mình nàng đeo phận bạc, thì lửa nguội nước vơi còn có lẽ.

Thương-hại thay! Hoa có một ngành; Tuyết có một quãng, Nguyệt có một vầng; Mây có một đám.

Than là than hiếm-hoi là chừng ấy, nỡ nào lấy đôi-mươi tuổi làm một kiếp, mà ngơm ngớm chốn non Bồng nước Nhược, đinh gì không đoái đến cõi phù-sinh.

Vì dù kiếp mà tiên thù với tục, sao xưa kia vâng mệnh xuống trần chi? Nay đã nguyện thân này cho vẹn kiếp, thì cũng trọn ba vạn sáu nghìn ngày cho đủ lệ, nọ xuân huyên, kia phu tử, góp với trần-gian chung chút bận, rồi sẽ giong chơi chín suối, cớ gì riêng, bỗng vội vàng chi?.....

Chỉ xem một đoạn, đủ thấy tản văn được như vậy, thật là hùng-hồn tao nhã, đọc mấy bận cũng không thấy chán, văn như thế mới có thể cảm người, mà mới gọi là văn có hồn

Văn-tế xưa nay không thiếu gì câu hay, mà rất nhiều là văn biền-ngẫu (có đối nhau.

Như câu:

Cảm cảnh thay! Ân-tình bao trả được, cùng lúc này ắt là thông lúc khác, hãy thấu cho bát nước vu hương;

Bồi-hồi thay! Lễ-nghĩa gặp cơn này, bạc khi nay nào biết hậu khi nao, gọi là chút lưng rau đĩa muối.

Câu này là câu của ông Phủ-chúc (người nhà Lê) tế vợ, trong một câu văn tả ra hết gia-tình và ân-ái, ai đọc cũng phải động lòng.

Lại như mấy câu của Ngọc-hân công-chúa tế vua Quang-trung:

Liều trâm-thoa xin theo chân chân-du, tơ tóc trăm thân nào có tiếc;

Ôm vương-bảo luống ngập-ngừng di-thể, sữa măng đôi chút lại thêm thương!

Thật là tả đến cái cảnh bơ-vơ, tình đau-đớn, giọt lệ rưới theo ngọn bút, quả tim tím ngắt máu hồng, văn đến như thế, mới gọi là văn vậy.

Xưa nay văn tế, có nhiều câu trào-phúng buồn cười, cũng đủ truyền đời, như câu của Lão Quỳnh tế mụ Cường rằng:

Da trắng như mun;
Răng đen như bột.
Tử-tế hơn ai hết thảy, chẳng ăn tham mà chẳng để dành;
Học-hành tuy chẳng bao lăm, không nói chữ mà không ra đốt.

Ấy những câu như vậy, đều là dụng cái cách nói trái lại, mà tỏ ra ý mỉa-mai, khéo biết chừng nào.

Ông Mạc Đĩnh-Chi nhà Trần, sinh ra có cái tư-chất hơn người, học thông-minh lắm, lúc ông mới mười-hai tuổi, nhân trong làng có một ả con gái bị rắn cắn mà chết, ông có bỡn làm câu văn tế rằng:

Tiếc xuân xanh chưa ai điều cho,
Thương mệnh bạc bị con xà cắn.

Xanh đối với *bạc*, *điều* đối với *xà*, đã là khéo dụng tiếng, mà ngoài câu văn lại có ý bướng-bỉnh nữa, ai đọc cũng phải bựt cười, khen cho bé con mà có cái tứ làm văn được như vậy, tương-lai thế nào cũng có sự-nghiệp to chớ chẳng không, quả-nhiên sau ông tới học tại nhà trường của Hoàng-tử Trần Ích-Tắc lập ra, thi đỗ trạng-nguyên, ra làm quan, khi sang sứ Tàu, nổi tiếng ở ngoại-quốc, đến nay phần nhiều người còn nhớ dật-sự của ông, mà nhất là câu văn tế đó, thì ai ai cũng truyền tụng.

Xưa có người vịnh thơ con voi, tả ra cái hình tượng con voi, rất là buồn cười, tiếc chỉ nhớ có mấy câu:

Thơ rằng:

Con chi trăng trắng lớn hai sừng,
Lỗ mũi lòng-thòng ở dưới chân;
Một tấm da đen thui-thúi-thủi,
Bốn chân xương cứng sững sừng-sững...

Ấy chỉ có bốn câu ấy, mà hình-dung ra được con voi như ở trước mắt, đọc

nghe thần-tình lắm, tiếc bốn câu nữa, thì không nhớ được.

Thơ tả tình-tình, rất là rõ rạch, nên ai ở cảnh-ngộ nào, có thể tả ra cái cảnh-ngộ ấy, khiến kẻ đọc ngâm đến câu thơ mà xét được con người. Xem như thơ trong tập *Ni tần thi-tập*, là thơ của một người cung-nữ trước đã xuất-gia, sau bị vua đòi vào cung, sung làm cung tần, tục nhân xưng là Ni tần, mà những bài thơ của Ni-tần làm ra, tả ra tâm sự cảnh-ng giống như hệt, như bài :

Thu-ngâm :

Đổi thay hạ nắng lại thu mưa.
Chốn Thượng-dương đà mấy sớm trưa ;
Triều mượn phấn-son lòng hãy thẹn,
Mùi pha cá-thịt dạ chưa ưa ;
Bên hoa triện ngọc ngồi ngơ-ngẩn,
Dưới nguyệt rèm châu đứng thẫn-thờ ;
Qua lại chị em như có hỏi,
Thẹn-thùng còn chửa biết lời thưa.

Đông-ngâm :

Kể đã ba trăng chốn ngọc-đài,
Lần-lần ngày vàng lại đêm đà ;
Vội nằm trướng cuốn thường quên rủ,
Ngại ngủ trâm rơi những biếng cài ;
Sớm mặc hoa rơi bên đóa liễu,
Khuya đầu trăng ngả dưới cành mai;
Không ai ghen, cũng không ai ghét,
Mà có ghen ai có ghét ai.

Câu xưa nói : Văn hệt như người, quả thật không sai.

Thi-văn ta xưa cũng đã có nhiều điều lạ như mấy bài ca của ông Chiêu Lý, thật là khác hẳn với các thi văn khác.

I

Tuyết sương lác-đác nguyệt mờ-mờ,
Quế nhạt hương đưa,
Sen nhạt hương đưa.
Rải-rác trên không nhạn lửng-lơ,
Oanh cũng thờ-ơ,
Bướm cũng thờ-ơ.
Chồi ngô gió thổi là bơ xơ.
Mai ủ hình thơ ;
Trúc ủ hình-thơ
Khác đa-thanh-ca khéo hững-hờ,
Cung Quảng xa-xa,
Cầu Thước xa xa.

II

Trăng soi vằng-vặc vóc noa mở
Oanh nói u-ơ,
Yến nói u-ơ
Trời in một sắc nước vanh lờ,
Lan thoảng hương đưa,
Cúc thoảng hương đưa
Cành buồm chở nguyệt gió lay sơ.
Lốm-đốm sao thưa,
Phấp phới sương thưa.
Chính-nhân thổi địch lẳng ơ-hờ.
Thiều nhạc không xa,
Hoan-hỉ không xa.

Những điệu ấy, đều là điệu văn đặc-biệt, mà nghe mới mẻ lắm.

Phong-lưu diễm-sử, là một điều xấu của xã-hội, nhưng ở trong đời, hễ có việc hay, thì tất có việc dở, nếu bỏ hết việc dở đi, thì là mất hẳn cái bề trái của xã-hội, tức là mất hẳn cái chân-tướng của xã-hội, nên luận việc xã-hội, nên xét hết hai mặt là mặt phải và mặt trái, mà luận đến thi-văn cũng phải vậy.

Xưa có một thầy-đồ ngồi dạy học ở nhà quê, đề độ nhật mà đến tập bài lại các trường lớn, thầy thấy có một cô con gái ở láng diềng, tư dung rất đẹp, có ý muốn giở tình tài-tử giai-nhân, nhân vịnh một bài thơ, sai học trò đem đến tặng cho cô kia.

Thơ rằng:

Da trăng trắng, tóc trơn-trơn,
Lịch sự như cô mi ít kẻ hơn ;
Ai thấy cô mi mà chẳng muốn,
Muốn vì da trắng-trắng, tóc trơn-trơn.

Cô kia cầm bút trả lời ngay rằng :

Văn luống-thuống, phú chưa trơn,
Tài học như thầy mi hiếm kẻ hơn ;
Ai thấy thầy mi mà chẳng ghét,
Ghét vì văn luống-thuống, phú chưa trơn.

Đứa học trò cầm thơ về cho thầy, thầy tự biết mình là anh đồ dốt, không dám lại trêu ghẹo gì cô kia nữa, mà cũng nhân đó sinh lòng hổ thẹn, cố sức học tập, sau thi đỗ tiến-sĩ, làm quan, có sự-nghiệp vẻ-vang ở đương-trời.

Ấy cũng một con người, khi không biết lập-chí, lo chơi mà không biết lo học, đến nỗi dốt nát, khi bị người khinh rẻ, mới biết thân hèn, cố sức tự lập, sau mới học-thành danh-toại, rửa mặt với đời, một người cũng vậy cho đến một nước cũng vậy, nếu có sức mà lo tự-lập, thì sao không tự-lập được.

Lại xưa có một người lập-chí ra đi học, khi đi từ-biệt với vợ, rồi viết mấy câu Trạng-nguyên-thi lên trên tường rằng :

Bạch nhật mạc nhân quá,
白日莫閒過
Thanh xuân bất tái lai ;
青春不再來
Song tiền cần khổ học,
窗前勤苦學
Mã thượng cầm y hồi.
馬上錦衣回

Sau mỗi khi về thăm nhà, đọc qua câu thơ ấy, rồi lại đi ngay, chăm nom sự học, nhờ có mấy câu thơ ấy cảnh-tỉnh. Sau có một người bạn đến chơi, hỏi thăm người vợ cậu ấy rằng : bấy lâu nay anh có hay về chơi không? Người vợ thuật lại rằng nhà tôi cũng có khi về, nhưng thường đứng trước tường ngâm mấy câu kia, rồi lại đi ngay, không biết tại cớ sao, vì người đàn bà ấy là một người đàn bà vô-học. Người bạn hỏi rằng thế thì chị có muốn anh về không? Người đàn bà cười mà không trả lời, người bạn biết ý chị ta, nhân lấy bút viết thêm mấy chữ vào trên mấy câu thơ ấy rằng :

Quân tuy bạch nhật mạc nhân quá,
君雖白日莫閒過
Thiếp diệc thanh xuân bất tái lai ;
妾亦青春不再來
Tự cổ song tiền cần khổ học,
自古窗前勤苦學
Kỷ nhân mã thượng cẩm y hồi,
幾人馬上錦衣回

Không bao lâu, người học trò ấy về thăm nhà, lại cũng tới trước bức tường kia đọc bài thơ cũ, ngâm nga một hồi, rồi ở nhà luôn không đi học nữa. Ấy cũng là một bài thơ, chỉ thêm có tám chữ, mà khiến cho người chán nản như vậy, cho nên xem văn thơ cũng nên xem những bài có ích mới được.

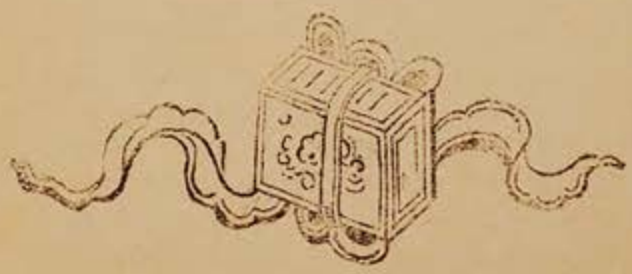

SƯU-TẬP THƠ VĂN CỔ

VII

Tràng-hận-ca

長恨歌

(Của ông Bạch Cư-Dị vịnh Dương Qui phi)

(唐白居易詠楊貴妃作)

I

漢皇重色思傾國
御宇多年求不得

1. — Vua nhà Hán chuộng người nhan-sắc,
Bấy lâu nay tiếc tức còn chưa.

楊家有女初長成
養在深閨人未識

Nhà Dương có gái vừa to
Buồng hương ai đã là thơ chỉ hồng.

天生麗質難自棄
一朝選在君王側

2. — Thân vàng ngọc khôn cùng lang-chạ
Một mai vào hầu hạ bên vua.

回眸一笑百媚生
六宮粉黛無顏色

Miệng cười trăm thứ tươi đua,
Sáu cung son phấn đều thua một mình.

春寒賜浴華清池
溫泉水滑洗凝脂

3. — Buổi xuân mát ao Thanh cho tắm,
Mảnh hồng-trang cáng ấm cáng trơn.

侍兒扶起嬌無力
始是新承恩澤時

Nâng-niu một má kiều nhan,
Mây mưa vừa lúc thừa-ân vừa rầy.

雲鬢花顏金步搖
芙蓉帳暖度春宵

4. — Chau nét ngọc tóc mây mườn-mượt,
Màn phù-dung ấm-ướp đêm thâu.

春宵苦短日高起
從此君王不早朝

Đêm xuân đêm ngắn ngày mau,
Quân-vương ngêm giấc trưa chầu từ đây.

承歡侍宴無閒暇
春從春遊夜專夜

5. — Tiệc noan-yến biết ngày nào chán,
Cuộc xuân-du nào hạn đêm nào.

後宮佳麗三千人
三千寵愛在一身

Hậu-cung mấy mặt má đào,
Ba nghìn yêu giấu đổ vào một thân.

金屋妝成嬌侍夜
玉樓宴罷醉和春

Nhà vàng lúc cảnh xuân lưu-luyến,
Lầu ngọc khi cạn chén vui say.

姊妹弟兄皆列土
可憐光彩生門戶

6. — Đất chia anh chị đều tay,
Cửa nhà lừng-lẫy nặng dầy ân trên.

遂令天下父母心
不重生男重生女

Lòng sinh-dục xui nên cha mẹ,
Quí điềm xà mà rẻ điềm lân.

驪宮高處入青雲
仙樂風飄處處聞

7. — Cung cao mây tót mấy lần,
Nhạc tiên gió quạt cõi trần đâu đâu.

緩歌慢舞凝絲竹
盡日君王看不足

Dịp hát mùa pha câu dân dịch,
Trọn cả ngày chưa thích nghề chơi.

漁陽鼙鼓動地來
驚破霓裳羽衣曲

Cổ-bề dâu đã tới nơi,
Xiêm nghê áo vũ rụng rời khúc ngâm.

九重城闕煙塵生
千乘萬騎西南行

8. - Chốn thành-khuyết ầm ầm khói lửa,
Cõi tây-nam xe ngựa ruổi băng.

翠華搖搖行復止
出都門百餘里

Cờ đi đi lại phút dừng.
Đường trăm dặm mới khỏi chừng Đô-môn.

六軍不發無奈何
宛轉蛾眉馬前死

Nỗi ngang trở kể còn sao xiết,
Trước ngựa đành vĩnh-quyết cho xong.

花鈿委地無人收
翠翹金雀玉搔頭

9. — Hoa rơi ai nhặt tàn hồng,
Nào trâm cài tóc nào bông giắt đầu.

君王掩面救不得
回看血淚相和流

Quân-vương cũng mặt rầu khôn cứu,
Ngảnh lại càng giọt máu khôn theo.

黃埃散漫風蕭索
雲棧縈紆登劍閣

10. — Dặm trường bụi ngút gió hưu,
Thang mây lần bước qua đèo Kiếm-môn.

峨嵋山下少人行
旌旗無光日色薄

Dưới ghềnh nọ lối mòn vắng vẳng,
Trông vẻ cờ bóng nắng buồn tênh !

蜀江水碧蜀山青
聖主朝朝暮暮情

11.—Ngậm-ngùi nước biếc non xanh,
Quân vương luống những nặng tình bôm mai.

行宮見月傷心色
夜雨聞鈴斷腸聲

Chốn hành điện trăng phơi sắc tủi,
Giọt sương đêm dứt mối can-tràng.

天旋日轉迴龍馭
到此躊躇不能去

12. Hồi-loan trải mấy dặm trường,
Dùng-dằng vì nỗi đoạn-trường chi đây.

馬嵬坡下泥土中
不見玉顏空死處

Vũng nê-thổ chốn này chưa lạ,
Mà ngọc-nhan đã hóa nơi đâu.

君臣相顧盡沾衣
東望都門信馬歸

Mặt nhìn mặt càng thêm sầu,
Đoạn rồi giong ngựa thẳng vào Đô-môn.

歸來池花皆依舊
太液芙蓉未央柳

13. — Ngó phong cảnh hãy còn như cũ,
Sen đầy hồ liễu rủ đầy cung.

芙蓉如面柳如眉
對此如何不淚垂

Mặt sen mày liễu não-nùng,
Nhớ người mến cảnh ai không đầm-đìa.

春風桃李花開日
秋雨梧桐葉落時

Hoa đào lý nở kỳ xuân gió,
Lá ngô-đồng rụng độ thu mưa.

西宮南內多秋草
落葉滿階紅不掃

Vườn nam cỏ rậm hơn xưa,
Đầy sân lá đỏ dãi thưa mầu hồng.

梨園弟子白髮新
椒房阿監青蛾老

Vườn Lê đã pha dòng tóc bạc,
Buồng Tiêu cùng kém nước mày xanh.

夕殿螢飛思悄然
孤燈挑盡未成眠

14. — Đền khuya rầu-rĩ bóng huỳnh,
Đèn tàn khêu lọn giấc mình chưa êm.

遲遲鐘鼓初長夜
耿耿星河欲曙天

Trông canh khắc thâu đêm dằng-dẵng,
Dải Ngân giăng trời sáng tờ-mờ.

鴛鴦瓦冷霜花重
翡翠衾寒誰與共

Ngói uyên nặng giọt sương hoa,
Lạnh lùng chăn thúy ai mà riêng chung.

悠悠生死別經年
魂魄不曾來入夢

Kiếp ly-biệt mấy trùng sương nắng,
Hồn bình-sinh sao vắng chiêm bao.

臨邛道士鴻都客
能以精誠致魂魄

15. — Lâm cùng đạo-sĩ tay cao,
Chiêu hồn có phép thông vào u-minh.

爲感君王輾轉思
遂教方士殷勤覓

Cảm vì nỗi mối tình còn bận,
Sai du-phương dò dặn khắp nơi.

排雲馭氣奔如電
升天入地求之偏

16. — Thần thông chớp nhoáng khôn dời,
Lần thâu dưới đất trên trời đòi phương.

上窮碧落下黃泉
兩處茫茫皆不見

Trải trời biếc suối vàng mấy mấy.
Đều mênh mang nào thấy tăm hơi.

忽聞海上有仙山
山在虛無縹渺間

17. — Núi Tiên nghe ở trên vời,
Mịt mù mấy đỉnh cách khơi trần-hoàn.

樓閣玲瓏五雲起
其中綽約多仙子

Khoảng lâu-điện mây tràn năm vẻ,
Khách Quảng-hàn nhiều kẻ nhởn nhơ.

中有一人字太眞
雪膚花貌參差是

Có người phảng phất Dương-cơ,
Mặt hoa da tuyết in như một nhường.

金闕西廂叩玉扃
轉教小玉報雙成

18. — Gõ cánh cửa tây-sương chực hỏi,
Cậy thị-tỳ gửi mối âm-hao.

聞道漢家天子使
九華帳裡夢魂驚

Chợt nghe Hán-sứ xin vào,
Trong màn thoắt giấc chiêm-bao tỉnh liền.

攬衣推枕起徘徊
珠箔銀鉤迤邐開

19. — Vơ áo gối ngồi lên bỡ-ngỡ,
Thác mành the sẽ mở lần ra.

雲鬢半偏新睡覺
花冠不整下堂來

Tóc mây nửa bối nửa xòa,
Mũ hoa xốc-xếch trên nhà xuống ngay.

風吹仙袂飄飄舉
猶似霓裳羽衣舞

20. — Tay áo nhẹ gió bay phất phới,
Sắc hà-quang chấo-chới vũ-nghê.

玉容寂寞淚闌干
梨花一枝春帶雨

Châu tran ngọc rót đầm-đìa,
Hoa-lê một nhánh nặng-nề mưa xuân.

含情凝涕謝君王
一別音容兩渺茫

21. — Ngừng giọt lệ ân-cần gửi tạ,
Cách xuân-dong chốc đã bấy nay.

昭陽殿裡恩愛絕
蓬萊宮中日月長

Đề Chiêu từ dứt nghĩa dầy,
Non Bồng vui với tháng ngày độ thân.

回頭下望人寰處
不見長安見塵霧

22. — Ngảnh trông lại phàm-trần chốn ấy,
Thấy bụi mù nào thấy Tràng-an.

惟將舊物表深情
鈿合金釵寄將去

Của tin gọi chút hoa tàn,
Thoa vàng xin gửi thiên-nhan làm tình.

釵留一股合一扇
釵擘黃金合分鈿

23. — Nửa đưa gửi nửa đành làm tích,
Thoa chải vàng hợp tách cuống bông.

但教心似金鈿堅
天上人間會相見

Xin cho vàng đá một lòng,
Xa xôi âu cũng tương-phùng có khi.

臨別殷勤重寄詞
詞中有誓兩心知

24. — Lâm-biệt lại nhắn về gần bó,
Lời thề khi họa có thấu tình.

七月七日長生殿
夜半無人私語時

Canh Ngưu Nữ với Tràng-sinh,
Chuyện riêng vắng-vẻ với mình nửa đêm.

在天願作比翼鳥
在地願爲連理枝

Ở trời muốn làm chim liền cánh,
Ở đất xin làm nhánh liền chồi.

天長地久有時盡
此恨綿綿無絕期

25. — Cao dầy còn có khi thôi,
Giận này dặc-dặc biết hồi nào khuây!

II

1. — Nhà vàng nhớ gái bồng-nhan,
Nhiều phen trướng gấm mơ-màng xuân xanh.
Họ Dương có gái trưởng-thành,
Buồng hương cài khóa yến-anh chưa tường.

2. — Trời sinh hà có phụ phàng,
Một mai dâng đến điện vàng chầu vua
Một cười miệng nở trăm hoa,
Sáu cung phấn sắc ai mà phần hơn.

3 — Tiết xuân cho tắm ao vàng,
Suối tuôn nước nóng sạch màng mỡ đông.
Gái hầu nâng giấc mình hồng,
Nhờ ơn mãi mãi sực nồng hơi hương

4. — Tóc mây mà phấn gót vàng,
Đêm xuân đầm-ấm trong màn phủ-dung.
Chửa khuya đã tỏ vẳng hồng,
Vua đương thong-hả chửa lồng áo xiêm.

5. — Tiệc vui vui hãy chưa êm.
Chơi xuân xuân mãi chơi đêm đêm trăng
Hậu-cung người đẹp ba ngàn,
Ba ngàn yêu giấu một nàng quí-phi.
Nhà vàng trang-điểm dung-nghi,
Tiệc say lầu ngọc li-bì với xuân.

6. — Đất ban khắp kẻ tôn-thân,
Cửa cao sáng nở hoa xuân thơm nồng.
Xui lòng thiên-hạ ước mong,
Đẻ con muốn được má hồng cho xinh.

7. — Cung Ly cao ngất mây xanh,
Nhạc tiên gió thổi rành rành nghe xa.
Tưng-bừng tiếng trúc tiếng tơ,
Ngày trời vui-vẻ xem chưa chán chường.
Đất ầm tiếng trống Ngư dương,
Xiêm nghê áo vũ tan phường ca-công.

8. — Cửa thành thấp-thoáng khói lồng,
Muôn nghìn xe ngựa ruổi cùng ải nam.
Lá cờ phơi-phới dừng tăm,
Cửa tây ra thẳng ngoài trăm dặm dài.
Sáu quân chẳng động tiếng còi,
Phất-phơ hồn hướm bùi-ngùi trước yên.

9. — Hoa rơi nào thấy ai nhìn,
Vàng trong vành cánh ngọc trên cài đầu.
Dừng xe che mặt thảm chiều,
Mắt trông đầm-thắm giọt châu chan hòa.

10. — Vội vàng tan tác gió sa,
Cầu mây quanh quất này là Kiếm-sơn.
Núi Nga vắng khách đi đường,
Cờ đào xiêu bóng chiêng vàng mỏng manh.

11. — Quản-bao nước biếc non xanh,
Tưởng khi khuya sớm nghĩ tình nguồn cơn.
Cung trăng thấy bóng nhớ thương,
Đêm mưa nghe tiếng chuông vàng xót mong.

12. — Trời xoay đất chuyển xe rồng,
Tới nơi ngừng bước ngại ngùng khôn qua.
Cát lầm đôi ngựa phôi-pha,
Chẳng hay chốn ấy người đà hóa tiên.
Áo bào tuôn giọt cùng nhìn,
Cửa đông giong ngựa trên yên ruổi về.

13 — Ao vườn phong-cảnh như y.
Sen đầy bến ngự liễu kề đền mây.
Sen tựa mặt liễu tựa mây,

Đoái trông sao chẳng nỗi này châu sa.
Gió xuân đào lê nở boa,
Đêm thu mưa tưới la-đà lá ngô.
Cung Tây vườn lắm cỏ thu,
Lá hồng chẳng quét lơ-thơ thềm nhà.
Vườn Lê mái tóc sương pha,
Buồng tiêu mấy ả thanh-nga lỡ chiều.

14 — Đèn đêm cái dóm đìu hiu,
Ngọn đèn lụn bấc chửa thiu giấc hòe.
Đồng hồ thăm-thẳm canh khuya,
Sông Ngân vắng-vặc trời kia rạng đông.
Ngói hoa sương ướt lạnh-lùng,
Bức chân phi-thúy đắp cùng với ai.
Ngùi-ngùi chia nẻo cách khơi,
Chiêm-bao chẳng tới trêu người hồn hoa.

15. — Kẻ Lâm-cùng khách Hồng-đô,
Khéo dùng phép thuật thăm do phách-hồn.
Vì vua tư-tưởng những buồn,
Đánh đồng đi kiếm tiên-hôn rước về.

16. — Mở mây cưỡi gió ruổi xa,
Lên trời vào đất tìm đà khắp phương.
Trên vầng biếc dưới suối vàng,
Hai nơi thăm-thẳm nào nhìn thấy đâu.

17. — Bỗng nghe bể có núi cao,
Núi tiên thẳm ngất trông vào Thiên-thai.
Vẻ mây chấp-chới lâu đài,
Lắm cô thanh-lịch khác người phàm-gian.
Một người tên gọi Thái-chân,
Mặt hoa da tuyết ngẩm chừng như in.

18. — Nhà vàng cửa ngọc hé then,
Nhắn lời ả Ngọc báo tin cô Thành.
Rằng vua sai khách sứ-tinh,
Hồn hoa trong trướng sực kinh mơ-màng.

19. — Giẹp chăn xếp gối vội-vàng,
Chống rèm châu bạc mở màn bình-phong.
Tóc mây mới tỉnh giấc hồng,
Mũ hoa biếng ngắm thềm rồng bước lên.

20. — Gió đưa phơi-phới cánh tiên,
Xênh xang áo vũ múa rờn xiêm nghê.
Mình vàng êm lặng ủ-ê,
Mưa xuân gieo nặng hoa lê một cành.

21. — Ngậm-ngùi lạy tạ thánh-minh,
Đôi nơi cách-biệt chữ tình xa-xôi.
Ái ân giã khách Dương-đài,
Cõi tiên ngày tháng còn dài vui chơi.

22. — Ngảnh đầu ngó xuống cõi đời,
Tràng-an chẳng thấy thấy nơi bụi hồng.
Chút đem vật cũ tạ lòng:
Thoa vàng hạp bạc xin cùng gửi qua.

23 — Một bức hạp một đôi thoa,
Thoa chia vàng thếp hạp chia hoa cài.
Lòng như của ấy chớ dời,
Người tiên ắt vói người đời gặp nhau.

24. — Ân cần gửi nhắn mấy câu,
Trong lời dãi hết tình đầu đôi bên.
Trăng thu mồng bảy lên đền,
Canh khuya vắng vẻ nói riêng và lời.
Muốn chim liền cánh ở trời,
Muốn cây ở đất tốt tươi liền cành,

25. — Dài so đất thẳm trời xanh.
Nhớ nhau mãi mãi chút tình nào nguôi,

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

IX

XI. — Đạo-đức

368— Ai mà phụ nghĩa quên công,
Thì đeo trăm đóa hoa hồng chẳng thơm (1)

369 — Ăn miếng chả, giả miếng bùi (2).

370 — Ăn cơm chúa, múa tối ngày (3)

371— Ăn một miếng, tiếng để một đời (4).

372— Ăn mặn nói ngay, hơn ăn chay nói dối (5).

373— Của ngang chẳng góp, lời tà chẳng thưa (6).

374 — Có bịch thóc khấn trời làm mất mùa (7).

375 — Có hoa sói tình-phụ hoa ngâu (8).

376— Coi đồng tiền như cái liếp (9).

377— Coi đồng tiền như cái rơm cái rác (10).

1) Hoa hồng là thứ hoa vừa đẹp vừa thơm, có nhiều giống: Hồng bạch, hồng đỏ, hồng nhung, v. v... Tây gọi là « *la rose* », Tàu gọi là hoa văn-khôi hay là hoa nguyệt-quí. Có biết đền công giả nghĩa mới là người có đạo-đức, trọn đạo luân-lý, xứng-đáng làm người. Nếu người nào mà đã phụ nghĩa quên công với đời, với các nơi mà mình đã phải nhờ ơn, thì kẻ ấy dù có được phú-quí hiển-vinh đi nữa, cũng vẫn là kẻ lỗi đạo làm người. Cái hoa hồng kia, người ta được đeo một đóa còn thấy thơm phưng-phức cả quanh mình, nhưng kẻ phụ nghĩa quên công thì dù đeo đến trăm đóa vào mình cũng không thấy hương-vị gì. Nghĩa là cái ô-danh uế-hạnh nó làm át đi, người ngoài coi không lấy làm thơm, mà tự mình kẻ ấy cũng không tự biết thơm.

2) *Chả* là thịt nướng từng miếng, *bùi* là đồ ăn ngon bùi. Đây là nói thụ ơn của ai, phải tùy sở-đáng mà báo đền.

3) Đây là nói kẻ làm công không có đạo đức. Ăn cơm của chủ mà làm chẳng nên việc gì, chỉ múa mang che mắt chủ cho tối ngày mà thôi.

4) Răn kẻ tham ăn, một miếng ăn có là bao, thế mà khi không đáng ăn mà ăn thì bị mang tiếng là ngu là tham ăn, để người cười một đời.

5) Đạo-đức quí ở chân-thực, chứ không quí ở giả dối. Xem như kẻ qui Phật kia, kiêng « sát sinh » nên không ăn đồ cá thịt gọi là « ăn chay ». Nhưng mà vẫn nói dối để lừa đời, thì sao bằng cứ theo cái lệ sinh-hoạt thường, ăn cá thịt gọi là « ăn mặn » mà nói lời chân-thực giữ đạo thẳng vậy.

6) Của ngang tức là hoạnh-tài, cái của không bởi đạo thẳng mà được. Lời tà là lời nói về đường dâm-tà hoặc bất-nghĩa. Không góp là không thèm lấy mà góp lại. Không thưa là không ứng đáp với kẻ nói lời ấy.

7) Bịch là cái chum to, chứa độ mươi thúng thóc. Đây là chê kẻ ích-kỷ hại-nhân, mới có mươi thúng thóc đã mong mất mùa để mà cho vay lãi cho được nặng, chóng giàu có.

8) Hoa ngâu hình sắc giống hoa sói, mà cùng là hoa thơm cả. Tình-phụ cũng như phụ tình, tức là xử bạc, ruồng bỏ không kể cái tình cũ. Đây là chê kẻ phụ bạc, trước chỉ có một hoa ngâu thì yêu giấu, tới khi có hoa sói lên thì tình phụ ngay hoa ngâu. Nghĩa là giàu sang lên có hầu đẹp, bạn quí thì tình phụ ngay vợ cũ, bạn xưa.

9) Liếp là cái đồ đan bằng tre bằng nứa để che nắng mưa trước cửa, vuông đầy gian nhà. Đồng tiền mà coi như cái liếp, nghĩa là nó che khuất cả mắt không cho trông thấy điều nghĩa phải

tiêu, cũng như cái liếp nó che không cho trông thấy trời đất gì ngoài sân nữa.

10) Câu này có hai nghĩa : Một là khen người khôn, biết dùng đồng tiền tiêu việc nghĩa-cử. Thực là kẻ hào-hiệp, trọng nghĩa mà khinh tài. Tức Hán-văn gọi là «*Huy-kim như nê* 揮金如泥 = Quăng vàng ra như quăng bùn.» Một là chê người dại không biết dùng đồng tiền vào việc phải, mà chỉ đem tung phá hoang-đãng đi không tiếc.

. ·.

378 – Bao-dung hạt cải, rộng-rãi trôn kim (1).
379— Mướp đắng giả dưa chuột, mạt cưa giả cám, hai bên một phường (2).
380— Có mới nới cũ (3).
381— Của trọng hơn người (4).
382— Có lá lốt tinh-phụ xương-xông, Có chùa bên bắc để miếu bên đông tồi-tàn (5).
383— Coi người bằng nửa con mắt (6).
384 – Chưa qua cầu đã chực cất dịp (7).
385— Chó ghét đứa gậm xương, mèo thương người hay nhử (8).
386— Chủ bạo chủ khôn, tôi dát tôi trốn, tôi hãy còn đây (9).
387— Chị kia có quan tiền dài, có bị gạo nặng, coi ai ra gì (10).
388— Chữ « nhẫn 忍 » là chữ tương vàng, Hễ ai nhẫn được thì càng sống lâu (11).

1) Nói kẻ hẹp lượng, biển lận.

2) Có câu chuyện cũ : Một anh đem mướp đắng đi bán giả làm dưa chuột. Một anh đem mạt cưa đi bán giả làm cám. Tối vào nhà hàng hai anh gặp nhau, bàn với nhau rồi đổi hàng cho nhau. Ai nấy đều mừng thầm là lừa được người. Mai đi sớm mỗi người một ngả. Đến lúc giở ra xem thì ra cùng phường đi lừa mà cùng bị lừa, cùng vô-đạo-đức gặp nhau.

3) Cũng là kẻ vô-đạo-đức, không nhớ nghĩa.

4) Có hai nghĩa : Một là về cách xử-thế, trọng của của mình mà khinh thể-diện tính-mệnh của người ta. Một là về cách tự-cung, trọng của mà khinh thân mình, lăn vào chỗ ô-uế, chỗ nguy-hiểm để lấy lợi, hoặc giàu mà ốm đau không dám chịu tốn thuốc thang tư-bổ.

5) Lá lốt với lá xương-xông đều là thứ lá gia-vị thơm như nhau. Chùa thờ Bụt, miếu thờ Thần, đều là nơi tín-ngưỡng. Thế mà cái có sau, liền xử tệ ngay với cái có trước. Thật vô-đạo-đức.

6) Trông người bằng cả con mắt là cách đối-đãi phải chú-ý, nay trông bằng nửa con mắt là cách đối-đãi không để ý đến, tức là khinh người. Còn đạo-đức gì nữa.

7) Ở đời việc gì cũng vậy, người đi trước phải dìu-dắt cho người đi sau. Công-đức 公德 bắt buộc như thế. Nay qua sông phải có cầu, mình đến trước qua được là nhờ có cầu, thế mà mình chưa qua hẳn đã chực cất cái dịp cầu đi, không để cho người đến sau cũng được qua sông như mình. Thật là cái bụng hiểm-ác.

8) Chó, mèo là hai con súc-vật trong nhà, tiếng Pháp gọi là « *Les animaux domestiques* », nghĩa là giống vật đầy-tớ. Vì nó giúp công-việc cho trong nhà mình cũng như kẻ đầy-tớ, cũng vất-vả. Nghĩa là mình phải nuôi và bù-trì cho nó. Vả nó có cảm ơn mình thì nó mới mến yêu, nếu xử tệ thì nó cũng ở bạc được. Thế cho nên chủ nào ăn mà gặm kỹ cái xương không để thừa phần cho chó thì chó nó ghét, mà chủ nào hay nhử mèo cho nó ăn thì nó yêu thương quấn-quít lắm. Suy ra đối với người đầy-tớ cũng vậy.

9) Đó là lời của kẻ «cầu-miễn 苟免», nghĩa là bất-luận hay dở, qui-hồ cầu-thả cho qua nạn lấy thân mình thì thôi.

Thế nhưng lại còn cười lại người bạo, thì lại đáng bỉ nữa.

10) Cậy của khinh người, thật là kẻ vô-đạo.

11) *Nhẫn* 忍 là nín-nhịn. *Tương vàng* là thếp vàng để treo. Nghĩa là để mà trông cho được nhớ luôn. Có ba nghĩa: Một là nhẫn để mà tu, về Phật-giáo. Như « nhẫn nhục dĩ độ sân khuể 忍辱以度嗔恚 = nhẫn để độ cho tính giận dữ ». Một là nhẫn với trong nhà, về luân-lý. Như: « *Bách nhẫn đường-trung hữu thái-hòa* 百忍堂中有太和 = *Trăm điều nhẫn cả, trong nhà rất được hòa vui* ». Một là nhẫn về việc làm, về đức-tính. Như: « Có nhẫn-nại mới thành công ». Còn ngoài ba nghĩa trên ra mà chỉ nín-nhịn để cho được sống lâu mà thôi thì lại là hèn.

. . .

389— Chưa được thì khấn một trâu. Được rồi thì có trâu đâu cho bà (1).
390 – Lòng chim dạ cá (2)
391— « Dĩ hòa vi quí » (3).
392— Đổi trắng thay đen (4)
393— Đục nước béo cò (5).
394 – Đá trôi lăng không trôi (6).
395 — Đánh lệnh giết bò nhà (7)
396 – Đi đến nơi về đến chốn (8).
397 – Đừng khinh khó, chớ cậy giàu (9).
398— Đóng cửa đi ăn mày (10).
399 – Đường chẳng đi đường còn lại (11).
400 – Đường mòn nhưng nghĩa không mòn (12).

1) Khấn là tình-nguyện xin như thế. Bà là người đàn-bà nào có quyền-thế về việc ấy, như bà vua, bà chúa, bà quan, v.v.. Đây là nói kẻ đi lo việc mà dối trá quịt lễ. Lúc đến nhờ lo cho thì nó khấn xin tạ bà một trâu, xong việc thì nó chẳng có trâu nào cả. Thế là sự thất-tín. Sự thất-tín là sự rất bất-đức.

2) Về triết-học của ta, nói: Lòng, dạ, ruột, bụng đều chỉ vào con tâm cả. Chim với cá sinh-hoạt khác nơi, lòng dạ khác nhau. Thế mà một người cái tâm lúc là tâm con chim, lúc là tâm con cá, thì phân-trắc biết là đường nào.

3) « *Dĩ hòa vi quí* » do chữ ở sách *Luận-ngữ*: « *Lễ dĩ hòa vi quí* 禮以和爲貴 = Lễ lấy sự hòa làm quí ». Cho nên người ta ở với nhau, từ gia-tộc đến bang-quốc, đến thế-giới, đều phải lấy chữ hòa làm quí hơn hết. Chữ hòa là gốc các đạo-đức.

4) Đổi trắng ra thay đen vào, đổi đen vào thay trắng ra. Đó là thói điêu-gian lật-lọng. Về văn-án việc quan thì là đổi tờ giấy đã viết án tội rồi ra mà thay tờ giấy trắng vào mà viết lại, cho tội nhẹ ra nặng, tội nặng ra nhẹ, để kiếm tiền. Về xử-thế thì trắng là lẽ phải, đen là lẽ trái, cho trái làm phải, cho phải làm trái. Hai hạng trên ấy đều là kẻ giở-giáo gớm-ghê. Còn biết gì là đạo-đức.

5) Đây là lời nói lối và nói ví. Nước là nước non, đồng-âm với nước là nước nhà, nay dùng hàm cả hai nghĩa thế là nói lối. Nước hồ ao để lặng thì trong, đùa lên thì đục. Đục thì tôm cá nổi cả lên. Cò chỉ chực kiếm ăn tôm cá kia, không vất-vả gì mà thừa cơ béo mẫm. Cũng như việc làng việc nước, hòa với nhau thì hơn, nếu quyết-liệt với nhau làm cho rối-loạn, thì chỉ làm béo cho kẻ lợi-kỷ kiếm ăn nọ mà thôi. Vậy biết cò với kẻ lợi kỷ là tư-tâm cả.

6) Lăng của các nhà vua quan, xây bằng đá cho bền. Đây nói cốt ở đạo-đức thực mới bền, chứ vật-chất bề ngoài không bền. Cho nên đá xây lăng kia rồi có ngày nó trôi lở đi. Nhưng cái công-nghiệp để đời do dưới lăng ấy thì không bao giờ trôi lở, nghĩa là không bao giờ mà người ta quên đi được.

7) Làng có việc to như rước đám, kéo gỗ, v. v., thì người đàn anh cầm

lệnh đánh để ra hiệu lệnh cho trai và quan-viên phải theo nhịp mà làm việc. Khi có việc như thế thì phải mổ bò của công cho làng ăn, mà người đánh lệnh thì được ăn lại được phần biếu. Nay người này làm đàn anh, phải đánh lệnh mà lại phải giết bò của nhà cho làng ăn. Đã không có lợi lại thiệt của nhà. Nghĩa này ở kẻ tiểu-nhân chỉ tư-kỷ thì ra ý ân-hận, mà ở người quân-tử giàu công-đức thì tỏ ra vui lòng hi-sinh cho việc nghĩa.

8) Đây là lời dạy về ấu-nghi, đạo-đức của trẻ con. Cha mẹ cho đi đâu thì phải đi cho đến nơi ấy, được việc ấy, chớ tạt ngang đi chơi nơi khác. Khi về thì tới tận chốn cha mẹ mà thưa lại việc của mình đã đi làm.

9) Khó là nghèo. Mình giàu mà có làm được nhiều việc ơn-huệ với xã-hội cũng không nên tự-căng, càng phải khiêm-tốn để người ta tự yêu đến. Nếu không làm được việc gì mà cậy của thì người ta càng thêm ghét. Còn như thấy người nghèo thì nên thương mà cho nhờ, thì mới xứng-đáng là kẻ có của. Nếu thấy nghèo mà khinh thì người ta cũng chẳng trọng gì mình.

10) Tục-truyền ở về Kiến-an có làng Ma-vải, theo tục mê-tín mỗi năm người làng ai đến lượt, giàu mặc lòng cũng phải đi ăn mày. Đó là thói ngu nên bỏ đã cố-nhiên. Còn nghĩa thường thì nói về kẻ giàu mà bụng dạ đê-tiện hay keo-đẽo bạn-hữu, thấy giàu sang thì bám lấy mà xin-xỏ, nói những giọng túng-bấn khổ-sở, mà nhà thì vẫn phong-túc. Đó cũng là điều trái với đạo-đức.

11) Cái chỗ mình vẫn đi đến để giao-du với ai, thì chỗ ấy là chỗ tình-nghĩa không bao giờ quên được. Nay vì cớ gì mà mình không đến được, thế là cái đường ấy nay chẳng đi nữa. Nhưng mình không nên xử tệ làm rấp lối, là để còn có dịp lại trùng-hội với nhau.

12) Đường mòn là đường mỗi ngày bẻ dần mãi đi, tức là ít đi lại với nhau. Tuy trước năng đến nay thưa, nhưng cái nghĩa với nhau thì không bao giờ quên được.

401— Đẽo đòn gánh đòn gánh đè vai (1).
402— Buôn có bạn, bán một mình (2).
403— Đi nói dối cha, về nhà nói dối chú (3).
404— Đánh kẻ chạy đi, ai đánh kẻ chạy lại (4).
405— Đứa ở xét công, vợ chồng xét nhân-nghĩa (5).
406— Đã gian lại ngoan, đã đi làm đĩ lại toan cáo làng (6).
407— Đào thầm thì đào lại phai,
Bồ nâu dãi nắng thì mài chẳng ra (7).
408— Đừng khôn-ngoan chớ vụng về,
Đừng cho ai lận, chớ hề lận ai (8).
409— Ghét người yêu của (9).
410— Gần chùa gọi Bụt bằng anh,
411— Thấy Bụt hiền-lành, bế Bụt đi chơi (10).

1) Đây là nói kẻ nhờ người ta gây dựng, đề-bạt cho mình lên được cái địa-vị ấy, rồi bèn mượn thế-lực ấy mà áp-ức lại người ta, chẳng khác gì cái đòn gánh bởi tay người đẽo nên rồi nó liền đè lên vai người vậy. Thực là kẻ vô-đạo-đức.

2) Lúc đi buôn hàng về thì biết rủ bạn để mua được giá rẻ. Đến lúc bán thì hoặc gièm pha hàng nhau, hoặc bán phá-giá để cướp khách, mà cầu lợi lấy một mình. Đó là sự vô-đạo-đức trong nghề buôn bán.

3) Cha, chú đều là bậc làm chủ bậc tôn-thân trong nhà, kẻ làm con cháu đi đâu làm việc gì, phải nói thực. Thế mà kẻ đã nói dối cả cha cả chú để đi làm bậy thì là bất-đức.

4) Đây là nói cách đối-đãi với những kẻ thân-thuộc bậc dưới. *Chạy đi* là nó bất-tùng mình mà bỏ mình, *chạy lại*

là nó biết hối mà phục-tùng lại về với mình. Thế thì lúc nó chạy đi mình giận mà đánh là phải. Còn như lúc nó đã chạy trở lại thì dung-thứ cho nó, chớ còn giận mà đánh nó làm gì nữa.

5) Trong một nhà, có chồng với vợ là chủ. Giúp việc thì có đứa ở trai hoặc gái. Vậy cách đối-đãi với đứa ở thì phải xét cái công khó-nhọc của nó ở với mình thế nào, mà thương đến nó. Với vợ với chồng thì phải xét cái nhân nghĩa của nhau mà yêu quí nhau. Nếu với đứa ở chỉ bắt làm mà không xét công, thì nó không ở được. Với vợ với chồng chỉ trọng bề ngoài mà không xét đến nhân-nghĩa thì rồi đến chán ghét nhau. Đều trái với đạo-đức cả.

6) *Gian* là việc làm trái lẽ, *ngoan* là cách khéo che đậy sự gian đi. Cổ-tục trong làng có gái tư-tình hoặc ngoại-tình thì gọi là « đồ đĩ », nếu đủ tang-chứng thì làng bắt khoán lỗi. Đây nói kẻ đã gian thì nó lại hay điêu-ngoan, cũng như cái gái đã tự mình làm đĩ kia, tang-chứng đã đủ, biết không khỏi bị làng bắt lỗi, bèn tự đi cáo-giác với làng rằng mình bất-ngờ bị hiếp để cho miễn tội. Như thế là giảo-quyệt lắm.

7) *Đào* là mùi hồng nhạt như mùi hoa đào. *Thắm* là đỏ thẫm. *Bồ-nâu* là mùi đỏ tím nhuộm bằng chất củ bồ-nâu. Đây là nói chất-phác thì bền chặt hơn hoa hòe. Đem hai cái áo nhuộm cái mùi đào với thắm kia mà so với cái áo nhuộm mùi nâu thì ai không bảo hai mùi trước là tươi tốt đẹp đẽ hơn mùi sau nhiều. Nhưng đào với thắm là hai mùi rất chóng phai, phai thì hết đẹp. Còn mùi nâu nọ nó đã dãi nắng quen rồi, dẫu mài cũng không thôi ra nữa. Thế thì mùi nâu lại đẹp hơn.

8) *Lận* là lập mẹo để đánh lừa người ta. Khôn ngoan quá thì hay lận người, mà vụng-về quá thì hay bị người lận. Cho nên ở đời cốt lấy công-bình, không chịu để ai lận mà cũng không muốn lận ai, thế là người có đạo-đức.

9) Đây là chê kẻ có tính khắc-bạc mà tham. Đối với người thân-thuộc nào không hợp thì ghét bỏ nói xấu nói hồ, thế nhưng vẫn bòn rút tiền của của nó. Hoặc nó cho cái gì thì thích ý lấy ngay.

10) *Bụt* là tiếng Phạm, Ấn-độ (Bouddha) nghĩa là thánh, Trung-quốc dịch âm là Phật. Đạo Bụt vốn từ-bi phả-độ, không có những điều mê-tín uy-linh quật chết người hỗn-hào như cách thờ thần vẫn tin, nên những kẻ vô-đạo hay khinh nhờn. Nó ở gần chùa thì nó gọi Bụt là anh, nó thấy nói Bụt từ-bi thì nó bế cả cái tượng Bụt đi chơi. Đó là cái trình-độ tri-thức và đạo đức còn thấp kém. Cho nên ở những xã-hội chưa khai-hóa mà kém lòng tín-ngưỡng thì hay có thói chỉ sợ kẻ uy-quyền mà khinh người đạo-đức.

. . .

412— Giây máu ăn phần (1).
413— Giàu điếc sang đui (2).
414— Giết người không dao (3).
415 – Giàu về nén chẳng giàu về sén bờ [(4).
416 – Năng tậu hơn dài ngũ (5).
417— Giết nhất cò cứu vạn tép (6).
418— Giàu nhân-ngãi, hãy giữ cho giàu, Khó tiền-bạc mựa lo rằng khó (7).
419— Hàm huyết phún nhân, tiên ô tự khẩu (8).
420— Kẻ trước bắc cầu, người sau noi theo (9).
421— Khác nào quạ mượn lông công, Ngoài hình xinh đẹp trong lòng xấu xa (10).

1) Đây là nói kẻ không hết lòng với công-vụ mà cứ hưởng phần lợi. Như đám mổ trâu bò kia, ai phải làm việc vào đấy thì được phần chia. Kẻ không hết lòng với công-vụ, chẳng chịu làm việc gì khó-nhọc, chỉ dây tí máu vào tay để làm chứng là mình có công để mà ăn phần chia.

2) Kẻ giàu nghe nói việc nghĩa, sợ phải bỏ của ra giúp thì giả-cách mãn-ngơ đi, như không nghe thấy, nên gọi là giàu điếc. Kẻ sang trông thấy việc bất-công, sợ phải cứu-vãn mà thiệt mất lợi riêng, thì giả-cách làm thinh như không nom rõ, nên gọi là sang đui. Hoặc nghĩa là chê kẻ giàu sang hay có tính kiêu, không thèm nhìn-nhận hỏi-han ai cả. Đó là tả những thói bất-đức của kẻ giàu kẻ sang.

3) Kẻ hung-ác giết người bằng dao, mà kẻ âm-ác hiểm-độc thì dùng lời nói mưu sâu mà khiến người phải nguy-khốn hoặc đến chết. Nên gọi là giết người không dao.

4) *Nén* là nén bạc nén vàng, mỗi nén nặng 10 lạng. Những kẻ tham hay sén vào bờ để cho ruộng mình rộng thêm ra. Nhưng làm như thế cũng không giàu được, vì nó không rộng ra được là bao nhiêu. Phải biết giàu là thêm được từng nén vàng nén bạc trở lên, chớ sén bờ vừa hại của công mà không lợi gì là mấy. Lại đeo tiếng bất-nhân thì không nên làm.

5) Kẻ tham khi tậu ruộng đất, bẻ cái *ngũ* (dài năm thước hay là hai *mètres*) để đo thì bẻ cho dài ra một ít. Nhưng không biết nếu mình có chí làm ăn mà năng tậu thì được nhiều ruộng đất một cách có nghĩa-lý, chứ tham mà bẻ dài cái ngũ ra một ít thì được là bao nhiêu, mà lại để tiếng xấu.

6) *Có* vì với kẻ ác hay làm hại người lương thiện, *tép* vì với người lương-thiện. Giết cò tuy là việc bạo tay, nhưng cò cứ hay ăn thịt không biết bao nhiêu tép, thì giết có một cò mà cứu muôn vàn tép, tức là việc nghĩa của kẻ có đạo-đức, có hiệp-khí, chứ không phải là ác.

7) *Ngãi* là nghĩa mà đọc trạnh ám ra. *Mựa* là không có, là há. Đây nói người đạo-đức lấy nhân-nghĩa làm giàu cũng như người phú-ông lấy tiền của làm giàu. Có lòng tốt lắm mới làm được nhiều điều nhân-nghĩa, trái lại có lòng tham lắm mới làm được nhiều tiền của. Nhiều tức là giàu. Giàu nhân nghĩa thì danh thơm, giá quí lâu dài, mà giàu tiền của thì chúng ghét mà không bền. Bởi thế giàu nhân-nghĩa mới cho là cách giàu-có đáng quí, mà không làm được nhân-nghĩa tức là nghèo-khó về nhân nghĩa, cái khó ấy mới đáng lo. Còn giàu về tiền bạc với khó về tiền bạc thì không đáng lấy làm lo với mừng vậy. Nay tuy thời-đại vật-chất, tiền bạc là trọng, nhưng nhân-nghĩa cũng không bao giờ bỏ được. Ta đừng vội cho lời cách-ngôn này là viển-vông không thiết sự-thực.

8) *Hàm huyết phún nhân tiên ô tự khẩu* 含血噴人先污自口 = Ngậm máu phun người tự mồm mình bẩn trước. Đó là một câu ngạn-ngữ của Tàu, ta dùng đã quen rồi. Nghĩa bóng là mình dùng những lời thô-tục, ô-uế để nói xấu người ta thì nó đã xấu ngay tự mồm mình rồi. Vậy kẻ đạo-đức thanh-khiết không nên dùng lời thô-tục ô-uế mà nói xấu ai, sợ những lời thô-tục ô-uế ở miệng mình ra cũng như những vật thô-tục ô-uế vậy.

9) Đường cách khe ngòi phải có cầu mới đi thông được. Nhưng không phải ai đi đến cũng bắc lấy cầu mà đi. Vậy phải nhờ ở người bắc trước. Cũng như việc đời nhiều việc khó-khăn cách-trở, phải nhờ người trước mở đường đắp nấm giúp cho người sau. Người sau lại giúp cho người sau nữa. Cuộc đời nhờ đó mà tiến-bộ. Nếu ở đời mà chỉ vị-kỷ không nghĩ đến ai thì là kẻ vô-đạo-đức.

10) Câu này giống với bài thơ ngụ-ngôn trong tập thơ *La Fontaine* : « Sáo mượn lông công. *Le geai pare des plumes du paon* ». Mà tinh-thần thì khác. Bài của *La Fontaine* thì nói về sự *tá tài* 借才 mượn tài. Câu này thì nói về sự giả-đạo-đức. Cho nên con sáo của *La Fontaine* lấy lông công cắm vào mình để giả làm công thật. Đến

khi công thật nó đánh rụng hết lông mượn ra thì lại hoàn sáo đen. Còn quạ ở đây thì dù mượn lông công mà làm giả công, không bị ai đánh cho rụng lông công ra, ngoài hình vẫn xinh đẹp nghiễm-nhiên là một chim công đáng quí mặc lòng, nhưng trong lòng thì vẫn là cái lòng xấu-xa ăn bẩn của quạ.

. .

422 — *Khen ai khéo tạc bình-phong,*
Ngoài long, lân, phượng, trong lòng gạch vôi (1).

423 — *Khó thì hết thảo hết ngay,*
Công cha cũng bỏ nghĩa thầy cũng quên (2).

424 — *Bạc vào cửa quan như than vào lò* (3).

425 — *Làm phúc nơi nào cầu ao không bắc* (4).

426 — *Làm phúc quá tay, ăn mày không kịp* (5).

427 — *Lúc khôn đã giả, lúc biết ăn bớt đã ra lão làng* (6).

428 — *Lẳng lơ chết cũng ra ma,*
Chính chuyên chết cũng khênh ra đầy đồng (7).

*429 — *Lập nghiêm ai dám tới gần,*
Bởi quan đủ-đớn cho dân mới nhờn (8).

430 — *Lỗ miệng thì nói « Na-mô ».*
Trong lòng thì dựng ba bồ dao găm (9).

431 — *Lưỡi người độc quá đuôi ong,*
Xui người tan hợp dứt lòng nghĩa-nhân (10).

432 — *Miếng ăn quá khẩu thành tàn* (11).

1) *Bình-phong* 屏 風 là cái đồ chắn gió để ở trước cửa trong nhà. Thường làm bằng gỗ cả hoặc bằng khung gỗ mà căng vải, hoặc một bức hoặc chia từng cánh xếp. Đều nhẹ mang đi được. Đều có sơn vẽ cho đẹp. Còn một cái hình cũng giống thế mà xây bằng gạch ở ngoài sân trước cổng đi vào và giữa cửa nhà trông ra thì gọi là *Tắc-môn* 塞門, để ngăn con mắt kẻ ở ngoài thoạt vào không trông rõ nội-dung trong cái cửa tôn nghiêm ấy. Tiền-cổ thì đền vua mới có. Đời Xuân-thu Quản-Trọng làm tướng Tề, trong phủ cũng xây tắc-môn, Khổng-tử chê là tiếm-lễ. Về sau thì đình miếu, tòa công từ phủ huyện trở lên đều thông-dụng cả. Nay các đình miếu và đình tòa cung-điện nào còn để cổ-phong thì còn di-tích cái tắc-môn ấy. Xem thế thì đây nói : « trong lòng gạch vôi » là chỉ vào cái tắc-môn chứ không phải là cái bình-phong. Hoặc-giả vì cái hình giống nhau mà cái tên thành thông-dụng chăng.

Cái bình-phong gạch này mà ngoài đắp long, lân, phượng tất phải là cái đồ ở nơi cung-phủ của vua-chúa, tể-tướng gì ngày xưa, chứ thường thường như ở đình miếu và tòa công các địa-phương thì chỉ trơn cả hoặc có đắp vẽ cũng đơn-sơ thôi. Đây là nói giả trang-tác cho qui-quyền bề ngoài, chứ thực thì trong bụng cũng là chất tầm-thường mà thôi. Tác-giả mượn cái bình-phong mà ám-chỉ những người ở trong cái bình-phong ấy vậy. (Câu này đặt lầm, sau sẽ đem lên mục nhân-cách).

2) Đây là lời của kẻ nghèo khó tự than thân. Nói là mình vẫn sẵn lòng thảo ngay, nhờ công cha mẹ, nhờ nghĩa thầy dạy, nhưng mà vì cái nghèo nó bó buộc, không lấy gì mà tỏ ra lòng biết ơn nghĩa được. Thành thử nhớ đó mà ra bỏ, nhớ đó mà ra quên. Câu nói đáng thương cho kẻ có lòng mà không có của.

3) Than cho vào lò thì bao nhiêu cũng cháy hết, không còn biết thế nào là vừa. Lễ tiền bạc vào quan thì bao nhiêu cũng là ít không biết thế nào là nhiều. Đó là câu của kẻ đi lo việc quan phải nhớ. Coi đó thì biết cái thói làm quan tham-nhũng thậm-tệ là dường nào. Thật là thói đáng khinh và nên bỏ đi.

4) Ở nhà quê rửa ráy hay dùng nước ao. Phải bắc cái cầu tre hoặc xây bậc ở bờ. Đây là lời nói chê những người

tự xưng là đạo-đức hay làm phúc. Thế mà sao chính ngay ở chỗ xóm mình người ta không có được một cái cầu ao mà rửa ráy thì không làm phúc đi, vả cái cầu ao có đáng là mấy mà sao không làm, mà cứ khoe làm phúc ở đâu ?

5) Đây là lời của kẻ vị-kỷ biển-lận, lấy cái lo xa về sự hết của để trốn việc làm phúc. Cho rằng làm phúc mà không liệu chừng, quá tay ra hết của thì chết đói, chứ không kịp đi ăn mày nữa. Thế nhưng sự làm phúc là do ở cái lương tâm của kẻ cao-thượng, cái khí-lượng của kẻ hào-hiệp, có khi vì việc phúc việc nghĩa mà nguy đến thân cũng chẳng từ, nữa là của. Cho nên kẻ có lòng làm phúc không có tính đến sự hết của đi ăn mày, mà kẻ đã lo hết của phải đi ăn mày thì không khi nào dám làm phục. Nữa là còn sợ gì quá tay.

6) Một kẻ giúp việc làng trọn đời mình cho đến khi ra lễ lão mà không hề ăn bớt, thật là người có công-tâm với đoàn-thể đáng qui. Ngờ đâu kẻ ấy lại hối, cho trước là dại chứ không phải là khôn, là không biết ăn bớt chứ không phải là liêm. Làm lâu mới biết được cái khóe ăn bớt thì đã cáo lão thôi việc mất rồi, thành ra chưa từng ăn bớt được gì bao giờ. Người ấy hối thế là lầm. Việc công là việc mình có một phần vào đấy. Lợi cho công là lợi cho mình, hại công là hại cho mình. Cái khóe ăn bớt của công mà đời cho là khôn, chỉ là cái khôn khi-trá, cái khôn làm hại đàn mà tự hại cho mình. Ta cứ xem phàm việc công nào có nhiều cái khôn ấy thì phải bại, bại thì người trong đó, cả kẻ có cái khôn ăn bớt ấy đều bị hại, thì ta biết cái khôn khi-trá ấy là dại. Còn trọn đời giúp việc công mà không ăn bớt thì chính là khôn chân-thực, khôn viễn-đại, chứ không phải dại. Nếu ông lão kia mà lấy thế làm hối, thì có thể gọi cho ông là : «Lúc sắp hóa dại thì đã già rồi ».

7) *Lẳng-lơ* là tính-cách phong-tình đĩ-thõa, *chính-chuyên* là đức-hạnh chân-chính trong sạch. Đây là lời của kẻ lẳng-lơ cho người đời ai cũng chết cả. Việc đời cái gì rồi cũng quá-khứ cả. Lẳng-lơ cũng chết, chính chuyên cũng chết, khen chê rồi cũng quên cả. Thì tội gì mà chẳng lẳng-lơ. Song không biết rằng chết là cái cuộc tận-số của vạn-vật, người ta qui hơn vật-loại là có lương-tâm, có lương-tâm mới tự định được vinh nhục, nếu kẻ đã bị mất lương-tâm không biết thế nào là vinh-nhục thì có khác gì cầm thú. Còn sự chết có kể chi.

8) *Quan* là kẻ thi-hành pháp-luật cho quốc-gia. *Dân* đây là trỏ về những cá-nhân dưới pháp-luật. Còn nghĩa chữ *dân* về cả đoàn-thể thì khác. *Đú-đởn* là tính-cách không nghiêm-chỉnh, hay đùa bỡn lẻo nhẻo. Muốn pháp-luật có hiệu-lực thì kẻ làm quan phải lập ra cách tôn-nghiêm, nghĩa là cứ phép công mà làm, không vì tình riêng, không vì tiền-tài mà xử trái phép, thì ai còn dám tới gần mà xin mà lễ nữa. Vậy thì những quan mà bị kẻ dân cá-nhân họ khinh nhờn, hoặc họ lấy tiền mà sai khiến, tất là những quan có tính đú-đởn cả.

9) *Na-mô* hoặc *Nam-mô* là một tiếng phạm Ấn-độ, nghĩa là lạy. Tiếng ấy ở ta thì chuyên là lạy Phật, lạy Phật thì là tu theo đạo từ-bi thương người của Phật. *Dao găm* là thứ dao nhọn nhỏ mà sắc của trộm cướp giắt trong mình để giết người. Đây là chê kẻ giả đạo-đức. Lỗ miệng thì nói lời tu đạo từ-bi mà lòng thì chứa đầy những mưu độc ác.

10) Đuôi con ong thì có nọc đốt người buốt và đau vai ngày thì khỏi. Lưỡi người thì không có nọc, nhưng lưỡi ấy có thể nói mà xui khiến cho người ta đang hợp với nhau phải lìa tan nhau ra, làm tuyệt dứt cái lòng

nghĩa-nhân của người ta đi, thì độc hơn đuôi con ong biết thế nào mà kể.

11) Đây là lời răn cho kẻ hay tham ăn. Vì lắm kẻ bởi tham ăn mà đến nhục thân, nên câu này tỏ cho biết rằng ăn để dưỡng-sinh, nhưng qua miệng tiêu-hóa rồi thì nó thành chất hủ-bại ngay, chứ có chứa để làm của báu mãi được đâu, mà tham một miếng ăn để tiếng một đời.

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ-NAM

KHẢO VỀ LUÂN-LÝ-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

VIII

TIẾT THỨ III — *Trang-tử* 莊子

Trang-tử tên là Châu 周, tên tự là Tử-hưu 子休. Đời sau gọi là đấng Nam-hoa lão-tiên 南華老仙, hoặc gọi là Nam-hoa chân-nhân 南華眞人, người đất Tống-mông (tức là huyện Qui-đức tỉnh Hà-nam nước Tàu). Ra đời về khoảng trước kỷ-nguyên bốn trăm năm, đồng thời với thầy Mạnh, nhưng không có khi nào cùng hội-diện với thầy Mạnh. Có thường làm Tất-viên-lại, Tất-viên là tên một cái thành thuộc về tỉnh Hà-nam; làm kẻ lại không biết rõ là quan-chức gì. Khi ấy các nước chư-hầu đua nhau cạnh-tranh, đón rước người hiền về nước để dùng; vua Uy-vương nước Sở nghe nói Trang-tử là người hiền, muốn đón về làm chức Khanh-tướng, Trang-tử mới dẫn truyện con trâu làm hi-sinh tế Giao để nói ví, rồi cười nhạt mà từ chối, không chịu ra làm quan.

Thầy học của Trang-tử là ai? Có nhiều thuyết khác nhau: Chu-tử cho Trường-Tang công-tử 長桑公子 là thầy học của Trang-tử — Trường-Tang công-tử là bậc cao-đệ học-trò Quan Lệnh-doãn. Hàn Phi cho Trang-tử có đến học ông Điền Tử-Phương 田子方 là người hiền nước Ngụy. — Điền Tử-Phương là học-trò thầy Tử-Hạ. Song xét ra Trang-tử là thuộc về chính dòng Đạo-gia. Ông ấy được cái thiên-tính bác-lãm cường-chí, tài cao học rộng, không những là thông hết cả các môn học thời bấy giờ, và lại giỏi văn-chương, tài nghị-luận. Tư-tưởng ông xem như một quyển *Trang-tử* thì khá biết. *Hán-thư-nghệ-văn-chí* có nói rằng sách *Trang-tử* năm mươi ba thiên, nay còn truyền chỉ có ba-mươi-ba thiên, tập-thành ra làm ba bộ là: *Nội-thiên*, *Ngoại-thiên* và *Tạp-thiên*. *Nội-thiên* có bảy bài, đều lấy cái yếu-chỉ trong từng bài mà đặt tên thiên; Ngoại-thiên mười-lăm bài; Tạp-thiên mười-một bài; đều lấy hai chữ đầu bài đặt làm tên thiên. Trong ba bộ thì văn-chương bộ Nội-thiên là hay hơn cả, mà ý-tứ nghị-luận lại u-huyền sâu-xa, thực là tự tay Trang-tử viết ra. Văn-chương nghị-luận *Ngoại-thiên* với *Tạp-thiên* đều không bằng *Nội-thiên*, chừng là tự tay các học trò làm ra.

Trang-tử là một tay cự-phách triết-học về phái Đạo-gia, tư-tưởng của Lão-tử, đến Trang-tử lại càng phóng-quang-thái tỏ thêm ra. Sau khi Khổng-tử mất rồi hơn trăm năm, thì có thầy Mạnh

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phố-đằng-tác; Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa Đường dịch ra chữ Hán. Xem *N.-P.* từ số 168.

ra mới hô-hào cho rõ cái bản-nghĩa Khổng-học, khi ấy thuyết họ Dương họ Mặc cũng làm cho thiên-hạ hóng gió lướt theo, đồng-thời ấy Trang-tử cũng tung hoành nghị-luận ; thực là một vẻ đại-vĩ quan về trên triết-học-sử nước Tàu.

Thuyết Triết-học. — Thuyết triết-học của Trang-tử, cái tư-tưởng căn-bản của ông ấy cũng giống như Lão-tử, mà lại có phần tường tận hơn, những phép biện-chứng mà họ Lão họ Liệt chửa thử dùng đến, thì ông ấy lại càng chú ý hết sức.

Luận về vũ-trụ. — Trang-tử cũng như Lão-tử cho đạo là bản-thể của vũ-trụ. Và bảo rằng đạo tuy là có cái tinh vô-tình, nhưng vốn là điềm-đạm tịch-mịch, thì thực là vô vi. Tuy rằng có cái tiu vô-thường, nhưng vẫn trông nó chẳng thấy, thì thực là vô-hình. Nguyên vì bản thể đạo nó là hư vô, là tuyệt-đối không có si-biệt, mà siêu-tuyệt cả thời-gian với không-gian. Tư tưởng ấy đại-khái cũng giống như Lão-tử, nhưng so với Lão tử luận về bản-thể, lại tiến lên một bậc nữa ; trên cái cõi « không » của Lão-tử, Trang-tử lại bảo còn có cái cõi « không không » nữa. Xét ra muôn vật nguyên gốc là không, cái cõi « không » ấy lại còn có lúc « không » ; đã tiến lên cõi « không không », lại bảo còn có lúc « không » nữa, thế thì thành ra cõi «không, không, không ». Trang tử cho rằng trên cái cõi không, lại còn vô-số là không, không, chẳng khỏi là cái cách suy-tính đùa bỡn, rất là vô-vị. Lão-tử cho đạo là vô-danh, rồi mới sinh ra muôn vật trong khoảng trời đất ; Trang-tử cũng bảo như thế, cho rằng đạo là tự cô-bảu, là bảu-thể của trời đất muôn vật. Trời đất muôn vật không cái gì là chẳng phải đạo, đạo không đâu là chẳng có. Xem như lời Trang-tử đáp Đông Quách-tử cũng bảo rằng dẫu loài sâu bọ, mấy kê, ngói gạch, són đái, không chỗ nào không phải là đạo ở đó. Đấng đại-tôn-sư nói đạo vốn ở trong muôn vật, có bảo rằng : « Đạo vốn không cái gì là chẳng đưa, không cái gì là chẳng dồn, không cái gì là chẳng hủy, không cái gì là chẳng thành. Tên nó là *Anh-ninh* 攖 寧, *Anh-ninh* nghĩa là xúc-phạm phá-hủy đi mà làm cho thành ra. » Lại cắt nghĩa về hai chữ « *Anh-ninh* » là vướng mắc ngụ ở trong muôn vật, mà giữ-gìn lấy cái thể hằng-thường bất-biến. Trang-tử thì giải-thích đạo là tinh-thần, gọi là chân-quân 眞君, chân-tể 眞宰 ; tuy thân-thể diệt hết đi mà đạo vẫn không mất. Đạo đã là chân-quân chân-tể, thì ngoài đạo ra không nhận cái gì là linh-trí cả, mà ngoài đạo ra cũng không có thần gì chủ-tể được cả vũ-trụ.

Nhân-sinh-quan. — Trang-tử tuy là ghét đời chê tục, nhưng luận về nhân-vật không phải tuyệt-đối là yếm-thế, chỉ cho đời người là cái hang rất thống-khổ ; cũng không phải là nhân-vật hay coi một cách lạc-thiên (vui thú trời), chỉ cho đời người là một cõi đời rất hiền-lành; thế là cho cõi đời không phải là đáng chán mà cũng không đáng vui.

Vạn-vật cùng là một thể. — Trang-tử luận về bản-thể lại bởi đó mà xướng ra cái thuyết vạn-vật nhất-thể, đối với giá-trị loài người, kết-luận có cái ý bi-quan. Vả lại đã cho cả muôn vật trong cõi hiện-tượng, đều là bởi bản-thể phát-chiển ra, thì không cứ là loài người, hoặc là muôn vật lúc sinh ra, chắc không phải là tất-nhiên mà là ngẫu-nhiên cả. Loài người cùng muôn vật đã là cùng một bản-thể phát-hiện ra, thì trong cõi hiện tượng, tuy là có phân ra loài người với loài muôn vật khác nhau, nhưng cứ tự bản-thể mà xem ra, thì không có phân-biệt gì cả. Đời người cũng chẳng có cái gì đáng mừng.

Thuyết túc-mệnh. — Loài người đã do bản-thể mà ngẫu-nhiên phát-hiện ra, thì cứ phó mặc cái tâm ông Tạo xoay vần, nhất-thiết đều là mệnh trời cả, cũng giống như loài muôn vật mà thôi. Người ta thường vin lấy cái lời bàn túc-mệnh mà cho rằng nhất-thiết giàu sang, nghèo hèn, hiền ngu, đều là thuộc về vận-mệnh cả ; Trang-tử lại tiến lên bậc nữa bảo rằng những công việc người ta làm, đều là qui về mệnh trời cả. Theo như cái thuyết ấy thì trên đời không có công việc gì là bởi người ta làm ra cả, cái cách hành-vi của loài người, thực là bởi mệnh trời, không làm không được ; tuy rằng loài người ta cũng là có làm, nhưng kết-cục đều là nhờ về cái sức vận-mệnh cả. Đó tức là cái thuyết túc-mệnh tuyệt-đối vậy.

Xét về sống chết. — Trang-tử nhân khi vợ chết, khái-nhiên đỗng-khốc, nhân hiểu biết được cái chí-lý của trời đất mà rằng : « Xét kỳ-thủy, ngươi vốn vô-sinh, ngươi vốn vô-hình, ngươi vốn vô-khí, chỉ lẫn ở trong khoảng mờ-mịt, rồi biến ra thành có khí, khí biến ra thành có hình, hình biến ra mới có sinh, nay lại biến đi mà chết, cũng như là xuân, hạ, thu, đông, bốn mùa lần chuyển đi vậy. » (thiên Chí-lạc). Nay lấy con mắt đạt-quan mà xét xem đạo lớn, thì trong khoảng sống với chết không có phân-biệt gì, vậy nên sống cũng không lấy làm mừng, mà chết cũng không lấy làm thương. Đời người chỉ như giấc mộng mà thôi ; một đời sống của loài người, ví như một giấc mộng trong lúc ngủ thì rất dài, song ví như cái kiếp chết vĩnh-biệt, thì cũng chẳng qua là một giấc mộng chớp mắt. Đời người nếu hay chân-chính giác-ngộ, chẳng qua như một giấc mộng ngắn, cũng như sau khi ngủ mà tỉnh dậy, mới biết là mộng. Trang-tử thường mộng thấy mình hóa ra con bướm-bướm, thỏa-sướng lạ lùng, quên hẳn mình là Trang Châu ; chợt tỉnh dậy thì thấy mình không phải là bướm-bướm, vẫn y-nhiên là Trang Châu. Như thế thì Trang Châu mộng hóa ra bướm-bướm, hay là bướm-bướm mộng hóa ra Trang-Châu, cũng không thể biết được. Trang-tử cứ theo cái lệ ấy mới nói rằng đời người chẳng qua là một giấc mộng con, để khuyên bảo cho những người hay sợ chết, mà nói một cách giải-thoát bảo rằng chết cũng chẳng việc gì mà sợ. Khi người ta sinh ra cũng như người tuổi trẻ bỏ nơi cố-hương ra đi, ít lâu rồi quên hẳn nơi chân-chính cố-hương đi, mà cho cái chỗ mình ở hiện-tại bây giờ là cố-hương, không muốn về nơi chân-chính cố-hương nữa. Người mà sợ chết chẳng khác gì cái người không muốn trở về nơi chân-chính cố-hương vậy. Những hạng người hay giải-thoát được như thế, Trang-tử cho là bậc chí-nhân chân-nhân hay là thánh-nhân.

Phép biện-chứng. — Trang-tử hết sức chú-ý về phép biện-chứng. Phép biện-chứng tức là một cái thuật về cách luận-lý. Cuối đời Xuân-thu sang đến đời Chiến-quốc, cái thuật luận-lý mới hơn phát-đạt. Khi bấy giờ việc quốc-tế giao-thiệp quan-hệ cũng rất là phức-tạp, nào là cái chước hợp-tung liên-hoành để liên-kết nước nọ đánh nước kia, trong cái khoảng bàn nói chiết-sung, giải-quyết cũng rất nhiều vấn-đề, nên phải cần đến cái miệng lưỡi biện-bác cho giỏi. Hễ người nào biện-bác giỏi, thì kết-quả nhảy vọt lên đường vinh-đạt ngay, tức như bọn Tô Tần, Trương Nghi. Đó là bởi cái su-thế về thời-đại ấy, nó xui nên cái cách biện-luận phải phát-đạt, nên những người có tài khẩu-biện giỏi, lũ-lượt kéo ra. Xưa kia trong Khổng-môn đã có thầy Tề-Ngã thầy Tử-Cống giỏi về việc từ-lệnh ; nổi tiếng thành ra một nhà

biện-luận danh-gia, bắt đầu từ thời ấy đã có. Trang-tử cũng chịu cái ảnh-hưởng về thời-đại ấy, nên cũng trọng cái thuật biện-luận, phép biện-chứng là cốt để tự-thuật cái thuyết triết-học của mình. Những lời biện-chứng trứ danh sẽ giới-thiệu ra như sau.

Một là biện về thuyết tương-đối, đại-khái như trong thiên *Tiêu-dao-du* luận về cái cách tương-đối thì không đủ làm gì được, đến cõi tuyệt-đối thì mới hay tiêu-dao tự-đắc. Xem như các vật có thứ lớn thứ nhỏ đó là cái danh tương-đối đấy ; nhưng không phải là tự cái vật-thể nó đã phân ra lớn nhỏ vậy. Thiên *Tiêu-dao-du* nói rằng : « Ở phía bắc cõi cùng-tột, có bể Minh-hải là cái ao trời vậy. Có con cá, nó rộng lớn và nghìn dặm, chửa biết là nó dài bao nhiêu, tên nó là cá Côn. Lại có con chim, tên nó là chim Bằng, lưng nó như núi Thái-sơn, cánh nó như mây rủ ngang trời, vùng cơn gió bão bốc lên mà bay đi đến chín vạn dặm, tuyệt ngang khí mây, đội trên trời xanh, toan bay sang phía Nam và định dời đến bể Nam vậy. Con Xích-án cười mà rằng : « Chẳng hay nó định bay đi đâu ? Ta đây bay nhảy vọt lên chẳng qua vài nhận, rồi liệng xuống bay nhảy ở khoảng bụi rậm, bay thế đã là cao tít rồi. Chẳng hay con chim Bằng kia nó định bay đi đâu ? » Nay xét về cái cõi tương-đối, thì con chim Bằng lớn mà con Xích-án nhỏ ; Xích-án cười chim Bằng, là tại nó chỉ lấy cái trí-khôn nhỏ mà không biết cái chí lớn của con chim Bằng vậy. Song cứ lấy một đàng lớn một đàng nhỏ mà nói, thì vẫn không ngoài cái cõi tương-đối, còn là phân-biệt lớn nhỏ ; nhưng kể về phần tuyệt-đối, thì không có phân gì lớn nhỏ cả. Chim Bằng tỉ với con Xích-án vốn là to, nhưng nếu không gặp được mây với gió, thì cũng không làm trò gì được, thế thì cũng không phải là thật lớn. Lìa hẳn cõi tương-đối ra mà đạt đến cõi tuyệt-đối, thì lớn nhỏ đều là một cả, thế mới là thật lớn. Người nào hay đạt được cái cõi tuyệt-đối, hợp được cả đạo trời với người, thuận được cả tính muôn vật, chơi ở ngoài vòng biến-hóa mà vẫn tự-nhiên thành-tập, thế mới thực là người tiêu-dao, đó là bậc chí-nhân, thần-nhân, hay là thánh-nhân. Xem thế thì Trang-tử do cái phép biện-chứng mà lại bàn đến cái cõi giải-thoát.

Hai là biện về nghĩa đại-đồng. Trang-tử thuật ra ở trong thiên *Tề-vật* đều đã phá hết những lời bàn về vật, vẫn lưu-hành ở thiên-hạ, mà qui cả về cõi không có phân-biệt khác nhau gì cả. Khi bấy giờ các phái Nho-gia, Mặc-gia, Danh gia, Pháp-gia, mỗi nhà đều giữ một thuyết để cùng tranh-biện. Trang-tử bảo rằng những kẻ chỉ khư-khư câu-nệ về cái thuyết si-biệt là ngu, để khải-phát cho những điều mờ tối, đem cái kiến-thức lớn ấy mà luận chứng ra, cho rằng thiên-hạ luận về vật cãi nhau phân-vân, đều bởi tại người đời mắc ở cái cớ hay phân-biệt tương-đối, nên mới không biết được đến tuyệt-đối không có phân-biệt gì cả. Trí-khôn người ta vì có phân ra lớn với nhỏ, nên suy xét cũng vì đó mà khác nhau, đều khen những điều phải, chê những điều trái, mà sinh ra bàn luận phân-biệt các vật. Nếu người ta đều đến được cái cõi đại-trí, thì không luận gì đến sinh-vật cả. Kẻ tiểu-nhân nó mê-hoặc về cái trí-khôn vặt, không hay đạt được đến cái cõi đại-trí, lại phải cái tình nó làm phương-hại. Tình có mười hai thứ : Hỉ (mừng), nộ (giận), ai (thương), lạc (vui), lự (lo), thán (than), biến (biến đổi), nhiệt (nóng), diêu (tốt đẹp) dật (phóng-dật) khải (khai mở), thái (vẻ dáng). Người ta vì có những tình ấy mới sinh ra lòng thiên-lệch, không những là kẻ ngu mới như thế, dẫu người trí-khôn cũng không khỏi có cái lòng thiên-lệch ấy. Nếu người ta chỉ lấy cái lòng thiên-lệch của mình, mà

phán-đoán sự phải trái của người khác, rồi thành ra cái điều mà người này cho làm phải, thì người khác lại chê; cái điều mà người nọ cho làm trái, thì người kia lại cho làm phải; phải với trái tranh-biện rối beng, đạo lớn bởi thế mới không tỏ rõ ra được. Những kẻ chỉ khoe khoang điều trí nhỏ, quyết đoán bởi lòng thiên, sở-dĩ thế đạo-lý mới càng mờ-tối. Nếu biết xét xem đến cỗi gốc lớn, thì đạo mới tỏ, mới biết ra rằng những lời bàn phải trái đều là hư-vô cả. Trang-tử mà làm ra thiên *Tề-vật-luận* là bởi cái ý-kiến cho là tuyệt-đối không có sỉ-biệt, để biện-bác với những kẻ chỉ câu-nệ cho là tương-đối mà có phân-biệt.

Thuyết luân-lý. — Thuyết luân-lý của Trang-tử cũng căn-cứ ở cái thuyết triết-học, cho rằng luân-lý với triết-học có cái quan-hệ mật-thiết không thể rời ra được, cũng giống như thuyết của Lão-tử.

Luận về mục-đích. — Trang-tử cho cái đạo lại trở về bản-thể vũ-trụ, là cái mục-đích cứu-cánh về đường luân-lý. Nguyên là đạo vốn hư-vô, siêu-việt cả thời-gian với không-gian, tuyệt-đối không có sỉ-biệt. Đến khi lại trở về gốc đạo, thì đã vượt ra ngoài cái thế-giới tương-đối mà có hạn, tự tiêu-dao ở trên cái thế-giới tuyệt-đối mà vô-hạn. Trang-tử gọi những hạng nhân-vật lý-tưởng mà đã trở về đạo gốc là những bậc chí-nhân, thần-nhân, chân-nhân, lại thuật rõ cái nhân-cách đặc-chất của những bậc người ấy, nói rằng: « Cái người ấy, cái đức ấy, bao-la cả muôn-vật, tự-nhiên phó mặc đời mà chẳng loạn, cần gì phải khó nhọc, mà cứ chăm-chút việc thiên-hạ làm gì; mà mọi vật cũng chẳng hại đến, lụt lớn cũng chẳng ngập đến, đại-hạn chảy cả vàng đá, cháy cả đất núi mà cũng chẳng nóng đến; coi vật gì cũng như tấm cám bụi-bặm, có thể đúc được ra khuôn Nghiêu Thuấn, cần gì phải chăm-chút đến những việc lặt-vặt ». (*Tiêu-dao du*) Lại nói rằng: « Bậc chân-nhân xưa, chẳng hại kẻ quả, chẳng tự xưng hùng, chẳng giận gì ai cả; như thế dẫu lầm-lỗi mà chẳng hối-hận, đương nỗi việc mà cũng chẳng tự-đắc. Như thế thì lên cao cũng chẳng run sợ, vào nước cũng chẳng ướt-át, vào lửa cũng chẳng nóng bỏng, thế là đã hay thấu đến được cỗi đạo vậy. Bậc chân-nhân xưa, khi ngủ chẳng mơ-màng, khi thức chẳng lo-sợ, khi ăn chẳng cần ngon, hơi thở thâm-trầm. Hơi thở của bậc chân-nhân tự ở dưới gót, hơi thở của kẻ chúng-nhân tự ở trên hầu. Bậc chân-nhân chẳng biết vui cái sống, chẳng biết ghét cái chết, khi ra chẳng kêu nài, khi vào chẳng chống-cự, vụt cái ra đi, lại vụt cái trở về mà thôi. Chẳng quên lúc kỳ-thủy, mà chẳng cầu lúc sở-chung, nhận lấy thì vui mừng, quên đi lại trở về, như thế thì chẳng vì cái tâm mà bỏ quên mất đạo, chẳng lấy trí người mà giúp thêm cho trời, đó mới thực là bậc chân-nhân. Thế thì tâm người ấy hình như quên những, dáng người ấy hình như điềm-tĩnh, nét mặt thì vẻ buồn hình như thu, hồng-hào hình như xuân, khi mừng lúc giận hòa-thông cả bốn mùa, cùng mọi vật đều thích-nghi, mà chẳng biết đâu là cùng-cực. » (*Đại-tôn-sư*) Trang-tử cho rằng đã đạt đến cái cỗi chí-nhân, thì lửa chẳng thiêu được, nước chẳng đắm được. Bậc chí-nhân ấy tức là nhân-cách bậc thần-nhân mà tự Trang-tử tâm-linh lý-tưởng hóa-hiện ra vậy. Cái cỗi thế-giới tuyệt-đối mà vô-hạn, cái cỗi trời người hợp-nhất, vật ngã nhất-thể, mà sống chết cũng như một, vượt hẳn ra ngoài cỗi đời sinh diệt lưu-chuyển, mà là cái cỗi vĩnh-viễn bất-diệt. Đạt được đến cái nhân-cách cỗi tuyệt-đối ấy, Trang-tử tâm-linh tưởng tượng cho là có cái sức thần-thông vượt hơn người. Bàn-luận như thế

cũng không thể bài-bác cho là quái-dị được.

Luận về cách tu-vi. — Trang-tử luận về cách tu-vi, chỉ cốt nói về cái phương-pháp tu cho đạt đến bậc chí-nhân. Vậy nên cách tu-vi chỉ cầu sao cho giải-thoát. Vì là đạt đến cái cõi chí-nhân, thì chính là lìa bỏ cái cõi đời tương-đối mà hữu-hạn ra, tự tiêu-dao ở cái cõi đời tuyệt-đối mà vô-hạn. Cái phương-pháp tu cho đạt tới bậc chí-nhân thì như thế nào? Cứ theo như lời Trang-tử mà lược thuật, thì là theo cái phép tự-nhiên vô-vi, để cho trong tâm mình hư-vô là được. Cái cách để cho tâm hư-vô, thì Trang-tử nói cần phải trừ-bỏ sáu cái hại trong bốn điều. 1) Sáu cái hại về chí là : Quí, phú, hiền, nghiêm, danh, lợi. 2) Sáu cái hại về tâm là : Dung, động, sắc, lý (viện lẽ) khí, ý. 3) Sáu cái hại về đức là : Ố (ghét), dục (muốn), hỉ (mừng), nộ (giận) ai (thương) lạc (vui). 4) Sáu cái hại về đạo là : Khứ (đi), tựu (tới), thủ (lấy), dữ (cho) và tri với năng (biết với tài-năng). Trang-tử thường bảo người ta phải tự-nhiên vô-vi, cốt nhất phải vô-dục mà bỏ hẳn cái lòng thiên-lệch đi, cốt tu cho hư-vô cái tâm, để tiến lên cái cõi tuyệt-đối mà không sỉ-biệt gì cả. Cái cách tu-vi, Trang-tử kể ra có thứ-tự mà rằng : « Tu được đến ba ngày, thì hay vượt ra ngoài cả thiên-hạ. Đã vượt ra ngoài thiên-hạ rồi, ta lại giữ được đến bảy ngày, thì hay vượt ra ngoài mọi vật. Đã vượt ra ngoài mọi vật rồi, ta lại giữ được đến chín ngày, thì hay vượt ra ngoài cõi sống. Đã vượt ra ngoài cõi sống rồi, thì tự-nhiên là hay sáng-suốt ; đã sáng suốt rồi thì tự hay xét biết một mình ; đã hay xét biết một mình thì không còn có phân ra cổ với kim ; không có phân cổ kim, thì hay tiến đến cõi bất-tử bất-sinh » (Đại-tôn-sư). Sáng-suốt nghĩa là hay tỉnh-ngộ ; xét thấy một mình nghĩa là hay thấy được bản-tính.

Bài-xích nhân-nghĩa. — Trang-tử cực-lực bài-xích nhân-nghĩa cho rằng nệ theo nhân-nghĩa thì không hay tu đến cõi giải-thoát được, mà nó lại làm phương-hại cho đường giải-thoát. Nệ nhân-nghĩa quá thì lại hại mất cả cái tính-tình tự-nhiên, mà làm lụy cho dưỡng-sinh. Những kẻ tục-nhân cho rằng người nào tuẫn theo nhân-nghĩa, là bậc quân-tử ; người nào tuẫn theo hóa-tài là kẻ tiểu-nhân, cùng đều là một cách tuẫn theo cả. Nói về cái hại làm tàn-sinh làm tổn-tính, thì người quân-tử cũng không khác gì kẻ tiểu-nhân ; chú trộm Chích ông Bá-Di cũng khó mà phân-biệt ra được. Nói điều nhân không những là chẳng hay cấm-chỉ được tội ác, mà lại làm môi-giới để nống thêm ác lên. Xem như đứa ăn trộm vòng thì phải tội, đứa ăn trộm nước thì lại được phong hầu ; nhà vua chư-hầu vẫn là giữ gìn nhân-nghĩa đấy; kẻ đại-ác nó lại lợi-dụng cái nhân-nghĩa ấy để làm đồ võ-khí hộ-vệ cho mình, mà tranh lấy nước. Vậy nên thánh-nhân thuyết nhân-nghĩa để mà cấm-chỉ tội-ác, mà kết-quả lại là giúp thêm cho kẻ đại-ác. Phương-chi nhân nghĩa là một thứ đạo-đức không có thích-hợp với thời-thế, ông Khổng chuyên-trọng cái đức-giáo đời cổ nhà Châu, chẳng qua là cái ý trọng cổ khinh kim mà thôi. Trang-tử vì cái lẽ như trên ấy mà ra sức bài-xích nhân nghĩa, bảo nên theo cái đạo tự-nhiên vô-vi, có nói rằng : « Tuyệt bỏ hẳn thánh với trí đi, thì quân trộm lớn tự khắc hết ; vất bỏ hẳn châu với ngọc đi, thì kẻ trộm nhỏ tự khắc thôi ; đốt bỏ ấn tỉ-phù đi thì dân tự-nhiên chất-phác, đập đấu bẻ cân đi thì dân tự-nhiên là không tranh nhau nữa ; bỏ hết cả thánh-pháp trong thiên-hạ đi, thì dân tự được có quyền nghị-luận » (*Khiếp-khíp-thiên*). Trang-tử chỉ cốt là tu cho giải-thoát, nên trái khác với những điều nhân-nghĩa đạo-đức lúc bấy giờ.

Luận về cách xử-thế. — Thoát-ly hiện-thế, tự tiêu-dao ở ngoài cõi vô-hà-hữu, siêu-nhiên mà toàn-vẹn lấy tuổi thọ của trời, đó là cái mục-đích xử-thế của Trang-tử do cái thuyết luân-lý giải-thoát mà kết-thúc lại như thế. Nói về tích-cực thì Trang-tử bảo nên gác bỏ hết việc đời, chỉ theo một cách sinh-hoạt điềm-đạm ; nói về tiêu-cực thì bảo đừng nên làm kẻ nhân-vật cần cho đời dùng. Xem ngay như loài cây, cây nào hữu-dụng được thì bị chặt sớm ngay không thể toàn-thọ mãi được. Vậy nên hữu-dụng thì chỉ làm hại thân mình, mà vô-dụng mới là cái cách xử-thế hay hơn cả. Đó là cái lời phẫn-khích về đời loạn mà nói như thế vậy. Trang-tử chỉ căn-cứ ở cái tư-tưởng giải-thoát ở trong tâm mình, mà thuật ra cái cách xử-thế siêu-việt, lại nói những cách giáo-huấn cơ-vi về đường nhân-tình. Trang-tử cũng thừa-nhận cái lẽ cá-nhân có quan-hệ với xã-hội ; loài người ta ở đời không thể chỉ đan-độc mà sống còn được, Trang-tử cũng tin như thế, cho rằng người ta sinh ra trên đời, tất phải có ngôi quân-chủ để bảo-hộ cho ta, tất phải có cha mẹ để sinh nuôi ta ; cái lẽ vua tôi cha con có quan-hệ với nhau, không thể tuyệt đi được. Con đối với cha là mệnh vậy ; tôi làm quan với vua, là nghĩa vậy. Mệnh là tự trời phú-bẩm cho, nghĩa là tự người làm ra, đều là cái qui-chế không thể thoát-ly ra được. Nên Trang-tử gọi mệnh với nghĩa là điều đại-giới vậy.

Thuyết chính-trị. — Trang-tử chỉ cốt thoát-ly hiện-thế để đạt lên cái cõi tuyệt-đối, là cái mục-đích cứu-cánh của đời người, cho nên không lưu-ý đến chính-trị, chẳng thèm bàn đến. Khi ấy vua nước Sở có cho dón Trang-tử định dùng làm tướng, Trang-tử có thuật cái cách xử-thế bàn về cái nghĩa vô-dụng trường-sinh, cho rằng con bò định dùng làm hi-sinh để tế, tuy là được đãi-ngộ rất hậu, nhưng đến lúc tế, thì phải liều bỏ sinh-mệnh đi ; nếu làm con bò mà phải hi-sinh cái mệnh mình đi, thì thà rằng làm con rùa lấm ở trong ngòi mà được trường-sinh mãi. Vậy nên từ ngôi tướng mà không thèm làm. Thế là Trang-tử coi khinh chính-trị vậy. Song học-thuyết ông ấy cũng có điều thích-hợp về chính-trị ; người đời sau theo về học-phái Trang-tử mới suy xét cái ý-chỉ của Trang-tử, cho rằng phép chính-trị thấy nói ở thiên *Tại-hựu* 在宥 rằng : « Văn tại hựu thiên-hạ, bất văn trị thiên-hạ. 聞在宥天下。不聞治天下 ». *Tại* 在 nghĩa là giữ-gìn săn-sóc luôn mà không bỏ mất, cứ phó mặc tự-nhiên mà chẳng cần thêm gì cả. *Hựu* 宥 nghĩa là đừng để cho phóng-túng ra, mà phải vây nhốt ở trong vườn. *Tại* là phải giữ gìn sợ thiên-hạ nó dâm đãng mất cái tính đi ; *hựu* là phải chăm-chủ, sợ thiên-hạ nó dời bỏ mất cái đức đi. Thiên-hạ đã không dâm-đãng mất cái tính, không dời bỏ mất cái đức, thì đã khá lắm rồi, cần gì mà phải trị thiên-hạ. Nói tóm lại thuyết chính-trị ông ấy chỉ cốt là vô-vi để cho dân yên-ổn tính-tình vui vẻ, là cách cai-trị hay hơn cả, cũng giống như thuyết chính-trị của Lão-tử. Lão-tử bài-xích bỏ hình-phạt, Trang-tử cũng thế, nhưng cái lý-do có hơi khác nhau. Lão-tử cho rằng dùng hình-phạt có cái hại làm cho người ta sợ hãi ; Trang-tử thì cho rằng muốn cho rộng thêm nhân-dân thiên hạ, thì không nên dùng đến hình-phạt, chẳng thà là bỏ hẳn đi. Trong thiên *Tại-hựu* thuật ra như thế, tuy không phải chính là thuyết của Trang-tử, nhưng cũng là cái ý-kiến như thế vậy.

TIẾT THỨ IV. — *Chi-phái Đạo-gia*

Hạt-quan-tử 鶡冠子. — Người nước Sở, không biết họ tên là gì, thường ẩn ở trong núi sâu không ra, hay lấy cách chim hạt (giống chim trĩ) làm mũ, người

ta không biết rõ tên là gì, mới gọi là Hạt-quan-tử. Ở về sau đời Trang-tử với Mạnh-tử, có làm ra sách *Hạt-quan-tử* ba quyển mười-chín thiên. Cái tư-tưởng thì đúng như Hàn Dũ nói tạp cả thuyết Hoàng Lão, hình-danh, nhưng xét xem cái đại-thể thì là thuộc về dòng Lão-tử.

Thuyết triết-học.— Cho đạo là bản-thể của vũ-trụ, mà thuật rõ cái thứ-tự bởi đạo sinh ra nguyên-khí, rồi bốn mùa mới vận-hành mà thành ra muôn vật. Cứ theo cái thuyết ông ấy thì cho cái bản-thể của vũ-trụ nguyên-thủy tồn-tại là *nhất*. *Nhất* là khởi-nguyên ra muôn-vật, cho nên gọi là *thái-nhất* 泰一. Bởi *Nhất* trước sinh ra là khí, gọi là khí *thái-hồng* 泰鴻, là mới khởi-thủy ra nguyên-khí. Khí sinh ra rồi sau mới có ý ; ý sinh ra rồi sau mới có đồ-tượng ; có đồ-tượng rồi sau mới có danh ; có danh rồi sau mới có hình ; có hình rồi sau mới có việc ; có việc rồi sau mới có ước. Đủ cả tám cái như trên ấy, nhưng vẫn chưa lìa khỏi cái cõi hỗn-luân. Khi ước đã quyết rồi thì mùa mới sinh ra, mùa đã lập rồi thì vật mới thành ; xét tự nguồn gốc đều bởi khí phát-sinh ra cả, mà sở-dĩ hay thông-suốt được là bởi đạo. Cho nên nó thành ra đều phải noi theo trong phép. Phép là chi-phối cả vũ-trụ, không xa gần đâu là chẳng hóa, Quan-hạt-tử gọi nó là thần. Còn như bàn về cái thứ-tự phát-chiển, cũng giống như cách vũ-trụ-quan của Liệt-tử.

Thuyết luân-lý. — Quan-hạt-tử cho rằng vũ-trụ chi-phối cả muôn vật, không xa gần đâu là chẳng hóa, lý-pháp nó rất nghiêm ; muôn vật đều bởi cái lý-pháp ấy mà phát-sinh ra, thì gọi là mệnh. Muôn vật bởi mệnh mà sinh, nên cũng phải do mệnh mà chi-phối hết cả. Theo như thuyết ấy thì duy thánh-nhân mới hay biết mệnh, có đạo-đức mới hay thể-nhận được mệnh, vậy nên nói rằng : « Thánh-nhân bắt chước tiết trời để đoán-định, bày đất ra để giữ, chia dân ra từng bộ ; cho kẻ rét được áo, kẻ đói được ăn, kẻ oan được thân-lý, kẻ nhọc được nghỉ-ngơi, thánh-nhân kỳ-vọng như thế vậy. » Hạt-quan-tử cũng quí nhân-nghĩa, trọng lễ-nhạc, giống in như ông Khổng ông Mạnh. Nhưng lại nói rằng : « Đạo đấng thánh-nhân trọng cái gì trước ? Trọng người trước. Đạo người trọng cái gì trước ? Trọng việc binh trước. » Đó lại là bắt chước cái thuyết phái Binh-gia vậy.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU *biên-dịch*

VIỆT-NAM ĐỊA-DƯ NGŨ-NGÔN THI

越南地輿五言詩 (1)

III

TIẾT THỨ XVI

Tài-chính

Tài dùng tư giúp nước,
Nước phong bởi dụng-tài;
Kinh-lý sao cho khéo,
Đủ dùng thì mới hay.

Nước ta thuở Hùng-vương,
Buổi thái-bình hữu-đạo;
Vua quan chẳng trưng-cầu,
Tài-chính không được hiểu.

Trải qua khi Bắc-thuộc,
Quân Tàu tham-nhũng sao;
Các thuế hết tham-cầu,
Các mỏ hết trưng-thâu.

Hoàng Lý khi trị vì,
Thủ dân rất là nhẹ;
Điền mẫu thóc ba thưng,
Châu thổ sáu hạng thuế.

Núi non chứa bảo-khí,
Sông bể họp kỳ-trân;
Nảy ra vàng đỏ ối,
Chảy ra bạc trắng ngần.

Hoàng-Trần khi đắc-quốc,
Thủ dân cũng nhẹ sao;
Cùng-đinh đều miễn-xá,
Phú-hộ phải trưng-thâu.

Giang-sơn cảnh thái-bình,
Đuốc ngọc soi càng tỏ;
Xã-tắc hồi trị-an,
Âu vàng càng củng-cố.

Hoàng Lê khi sáng-nghiệp,
Tài-chính vượt Lý Trần;
Miễn trưng người quan quả,
Quyên-xá người lão-nhân.

Điền-viên và đầm-trạch,
Châu-thổ với bi trì;
Thu-dụng có thành-pháp,
Cung nạp có thường-qui.

Đến khi Lê mạt-vận,
Phủ-khố càng tiêu-hao;
Nào ngựa xe giong ruổi,
Nào sông núi tiêu-dao.

Sửa-sang nơi cảnh Phật,
Vẽ vời chốn cung tiên;
Bán quan và mua tước,
Nhân-dân đều oán-than.

Ôi tài là đại-chính,
Có nước nên dè dùng;
Đừng khoi nguồn hữu-hạn,
Mà lấp mạch vô-cùng.

Của tan thì dân họp,
Của họp thì dân tan;
Dùng mau thì dân quẫn,
Dùng chậm thì dân khoan.

Hoàng-Nguyễn khi khai-sáng,
Tài-chính có thành-qui;
Trong Nam và ngoài Bắc,
Đều có sổ đạc-chi.

Pháp-quan nay bảo-hộ,
Tài-chính rất tinh-vi;
Thương-công và kế-lợi,
Không sót một hào-ly.

Tuế nhập bốn trăm muôn,
Tuế xuất ước gần thế;
Ghi sổ chi tiêu chung,
Năm năm có thành-lệ.

Nhủ khuyên nhà tài-chính,
Phải xét gốc tài-nguyên;
Nghĩ sao thư quốc-kế,
Và lại ích dân-thiên.

---

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 178.

Ích trên và tổn dưới,
Sự đó tất không sướng;
Ích dưới mà tổn trên,
Sự đó tất không được.

Phải nên thế nào nhỉ,
Dụng-trung thì mới hay;
Là phép định trời đất,
Là lẽ thường xưa nay.

Binh tài là quốc-chính,
Đã biết đại-lược rồi;
Suy ra xem dân-chính,
Kinh-lý thế nào đây.

TIẾT THỨ XVII

Dân-chính

Nước là của chung dân,
Dân là phần con nước;
Nước bởi dân mới thành,
Dân có nước mới được.

Dân ta là dân Việt,
Khởi tự đức Hùng-vương;
Họp nhà thành ra họ,
Họp họ thành ra làng.

Phần chia ở núi non,
Phần chia ở sông biển;
Quân-dân cùng tương-thân,
Gọi là nước Bách-Việt.

Dân-chính đương khi ấy,
Trống bụng với dân môi;
Không kém dân Nghiêu Thuấn,
Chẳng khác dân Cát Hoài.

Trải qua khi Bắc-thuộc,
Là thì-buổi vô-quân;
Nước đã chẳng ra nước,
Dân lại chẳng thành dân.

Khúc-chúa khi tự-chủ,
Hộ-tịch mới lập thành;
Lý-Hoàng khi tức-vị,
Trưởng-tịch cũng phân-minh.

Hoàng-Trần khi đắc-quốc,
Dân cũng có đặc-quyền;
Dự bàn việc quốc-hội,
Phá được quân Hồ Nguyên.

Hoàng Lê khi khải-vận,
Dân cũng có thịnh-danh;
Dự bàn việc quốc-hội,
Binh được quân Chu-Minh.

Ôi dân mạnh nước mạnh,
Dân giàu thì nước giàu;
Dân yếu thì nước yếu,
Dân nghèo thì nước nghèo.

Dân mà có giỏi được,
Thì nước mới vẻ-vang;
Dân mà hèn-hạ quá,
Thì nước sao hùng-cường.

Hoàng Nguyễn khi ngự vị,
Dân-chính cả thi-trương;
Lập ra phép cai-trị,
Thực cũng có kỷ-cương.

Trong xã có lý-trưởng,
Để giữ việc binh lương;
Và lại có phó-lý,
Để giúp việc đê-đường.

Tiên-chỉ và kỳ-mục,
Cầm giữ mối dân-quyền;
Trương-tuần và khán-thủ,
Coi giữ việc đồng điền.

Thôn xã và dân-giáp,
Đều có phân bi trì;
Quan hôn và tang tế,
Đều đinh có lễ-nghi.

Xét xem dân-chính đó,
Thực cũng tiểu-triều-đình;
So với Trần Lê trước,
Có phần rất phân-minh.

Nhưng vì hào-trưởng ngu,
Không biết thể lòng nước;
Chẳng suy ra mới dân,
Chỉ cầu ăn làm trước.

Đặt ra lệ khao cưới,
Hát xướng làm ầm rình;
Bày ra lệ tang tế,
Ăn uống rất linh-đình.

Phần biếu và phần ăn,
Kẻ đón và người rước;
Tốn kể nghìn quan tiền,
Phí kể vài trăm bạc.

Kể ra ngoài sự đó,
Còn nhiều điều tệ sao;
Cai đám và vị thứ,
Bán lão và mua nhiêu.

Có người cố ruộng đất,
Có kẻ mất ao vườn;
Có người bán nhà cửa,
Có kẻ cầm vợ con.

Lại còn nhiều tệ-chính,
Nói ra nghĩ cũng tồi;
Tranh nhau từng miếng thịt,
Cạnh nhau từng nắm xôi.

Thi nhau cỗ nhỏ to,
Giành nhau ngồi trên dưới;
Tị nhau từng khẩu trầu,
Ganh nhau từng quả chuối.

Cày nhau tranh công việc,
Tức nhau giọng ăn nói;
Phí tiền kẻ hàng khiêng,
Vứt bạc kẻ hàng gói.

Sắc cạnh như lưỡi dao,
Lừa nhau như miếng mộc;
Nói ngọt kiếm đeo lưng,
Miệng cười dao giắt bọc.

Không những như thế thôi,
Lại còn nhiều sự nữa;
Cãi nhau như mổ bò,
Chửi nhau như chém chả.

Đánh nhau kiện cáo nhau,
Chẳng nghĩ người cùng họ;
Phàm các công việc bàn,
Gõ thớt lại gõ mõ.

Phàm những khi họp-hành,
Cùng những khi thu bổ;
Đêm hãy cháo chim gà,
Ngày xoay chén lợn chó.

Phù-thu và lạm-bổ,
Trí trá với gian tham;
Khoe cùng vợ cả lẽ,
Vũ-đoán kẻ con em.

Ngoài chốn cổng hương-thôn,
Không còn có kiến-thức;
Ngoài mành chiếu trung-đình,
Không còn có tư-tưởng.

Qui-quan nay bảo-hộ,
Dân-ước mới công-truyền;
Hội-đồng cho thành-lập,
Được phép tự-trị-quyền.

Đầu có chánh-hương-hội,
Chính-đinh việc hương-trung;
Thứ có phó-hương-hội,
Cùng bàn mọi việc công.

Biên ký việc sổ sách,
Đặt ra có thư-ký;
Coi giữ việc tiền-nong,
Đặt ra có thủ-quĩ.

Mỗi họ một tộc-biểu,
Giúp công việc hương-thôn;
Mỗi thôn một xã-đoàn,
Canh phòng trong xã nội.

Sĩ nông công thương cổ,
Đều có phép ước-thúc;
Dân-sự và quan-kỷ,
Phân-định có điều-mục.

Xem dân-chính ngày nay,
Thực là tiểu-bang-quốc;
So với Hoàng-triều xưa,
Lại có phần trấn-tác.

Nhưng vì bảo-cường tối,
Chẳng thiết gì mới dân;
Tạ quyền phép nhà-nước,
Quấy rối để mà ăn.

Nửa bớt tiền cheo cưới,
Nửa bớt tiền chay ma;
Cùng nhau mua trầu rượu,
Cùng nhau mổ lợn gà.

Khi đi nói dối quan,
Để lấy tiền phụ-cấp;
Khi về nói dối dân,
Khoe mình thực ghê-gớm

Kể ngoài mấy sự đó,
Còn nhiều điều rất hủ;
Nín lặng nghĩ buồn tênh,
Nói ra thêm xấu-hổ.

Có khi cầu thân quan,
Lễ các thức chim cá;
Có khi tạ thần-quyền,
Ăn các thứ gỗ đá.

Nhằm cả danh và vôi,
Xơi cả gạch và ngói;
Nghĩ mưu để cướp ngày,
Bày kế ăn sương tối.

Ăn hiếp đứa con côi,
Dối lừa người gái hóa;
Ức chế kẻ trai nghèo,
Lừa đảo con nhà khá.

Khi mở sòng cờ bạc,
Lúc thết tiệc rượu chè;
Chỉ mưu lấy hồ thổ,
Chỉ mong kéo mạnh bè.

Phàm khi gặp bầu cử,
Đều mưu ăn chè lá;
Phàm khi đi việc quan,
Đều xoay chén giò chả.

Phàm khi trù việc làm,
Đều bày kế ăn hút;
Phàm các khoản tiền nong,
Đều ra tay chấm mút.

Trong đảng hội-đồng lỗi,
Đều cùng che đậy cả;
Ngoài đảng hội-đồng lỗi,
Đều xoay kế ăn vạ.

Có khi nhờ lính-tráng,
Để đè-ép dân-đinh;
Có khi ỷ quan-lại,
Quấy rối trong dân-tình.

Bới cả xương người chết,
Ăn cả thịt trâu toi;
Chiếm cả công-điền-thổ,
Tiêu cả công-tiền-tài.

Ôi tôi muốn không nói,
Vì đừng chẳng được thôi;
Im đi lòng nghĩ đắng,
Nói lại dạ càng cay.

Đó là thực sự đấy,
Không phải nói không mà;
Ai không tin lời đó,
Xin xét các dân ta.

Này thì buổi ngày nay,
Khác thì buổi ngày trước;
Điện-thoại khắp năm châu,
Phi-cơ thông các nước.

Dân nước nào tiến-hóa,
Thế-giới nức khen thay;
Dân nước nào hủ-bại,
Thế-giới đua nhau cười.

Dân ta đương buổi này,
Ai có lòng công-đức;
Trước mới tự tâm thân,
Sau mới ra dân nước.

Bao nhiêu lệ hủ-tục,
Trước kia vẫn thi-vi;
Mượn điện hỏa Thái-tây,
Đem mà đốt cháy đi.

Khuếch-trương việc nông-giới,
Tổ-chức việc thương-trường;
Sáng-lập sở công-xưởng,
Kiến-thiết sở học-đường.

Để dân-nghiệp tinh xảo,
Để dân-trí mở-mang;
Để dân-tài phong-phú,
Để dân-lực hùng-cường.

Dân người được bình-đẳng,
Dân ta cũng sánh tầy;
Dân người được tiến-bộ,
Dân ta cũng theo đòi.

Bao nhiêu thói đồi-phong,
Xưa kia vẫn phục-tòng;
Dùng cường-thủy Âu Mĩ,
Đem mà rửa sạch trong.

Nào Đông Tây học-thuyết,
Nào kim cổ giáo-khoa;
Nào phú-cường thực-nghiệp,
Nào thánh-triết tinh-hoa.

Diễn-thuyết để hóa-dân,
Quảng-đại sự tư-tưởng;
Hiểu-cáo để khuyên dân,
Tiến-hóa lên cao-thượng.

Dân người được văn-minh,
Dân ta cũng sánh bậc;
Dân người được phú-cường,
Dân ta cũng thế được.

Nếu dân ta đương nay,
Dân nào hay thế ấy;
Dẫu ngây cũng hóa khôn,
Dẫu hèn cũng hóa giỏi.

Mấy lời khuyên dân nước,
Xin chớ lấy làm khinh;
Phá tan khí hắc-ám,
Mở ánh sáng quang-minh.

Tổ-chức trong quốc-gia,
Sinh-tồn trong thế-giới;
Nên tư-cách quốc-dân,
Mọi người đều tự mới.

Gọi là cách tự mới,
Há có lạ gì đâu;
Công-tâm và công đức,
Thân-tín cùng như nhau.

Hạnh-phúc thì cùng hưởng,
Họa-hoạn thì cùng đau;
Buổi đời tân-vận-hội,
Liệt-hàng cùng Mĩ Âu.

Muôn vái quốc-dân ta,
Một lòng cùng nghĩ lại;
Bửa sạch ổ dã-man,
Xua trừ ma hủ-bại.

Các cơ-quan chính-trị,
Đã được biết đại-cương;
Các chủ-nghĩa tôn-giáo,
Cũng nên biết cho tường.

TIẾT THỨ XVIII

Tôn-giáo

Tôn-chỉ nhà tôn-giáo,
Cốt khuyên người làm thiện;
Lý-luận rất uyên-thâm,
Pháp-môn mở phương-tiện.

Nước ta nghìn năm trước,
Tôn-giáo ở Tàu sang;
Gọi là Nho, Đạo, Thích,
Khai-hóa dân Việt-thường.

Thích sùng về Phật-pháp,
Khởi-tổ tự Thích-ca;
Từ-bi và quảng-đại,
Phổ-độ khắp gần xa.

Đạo thờ về thần-tiên,
Khởi-tổ tự Lão-tử;
Thanh-tĩnh mà vô-vi,
Tiêu-dao ngoài thế-sự.

Nho trọng học thánh-hiền,
Khởi-tổ tự Khổng, Mạnh;
Sửa mình chuộng « minh, tân »,
Ở đời dùng trung-chính.

Khoảng hơn trăm năm nay,
Tôn-giáo ở Tây lại;
Gọi là giáo Gia-tô,
Gốc tự bên Do-thái.

Kính trời và yêu người,
Khởi-tổ tự Cơ-đốc;
Thác nói là giáng-sinh
Vì người để tạo phúc.

Tóm bàn cả bốn giáo,
Đều tự nước ngoài vào;
Chùa miếu và nhà thờ,
Tín-ngưỡng kể dường bao.

Về phần nội-quốc ta,
Tôn-giáo rất hỗn-tạp;
Gọi là thần với ma,
Xem ra càng tạp-nhạp.

Người thờ đức thánh Quan,
Người thờ đức thánh Trần;
Kẻ tôn bên Chư-vị,
Kẻ lễ các bách-thần.

Thằng quỉ ở cây đa,
Con ma ở cây gạo;
Oản chuối và gà xôi,
Rượu chè và bỏng cháo.

Nhận kỹ mà xem ra,
Thực là cầu minh-phúc;
Cũng bởi dân u-mê,
Sinh ra nhiều tệ-tục.

Thiết nghĩ việc tôn-giáo,
Càng nhiều càng thêm phiền;
Chỉ kính một cụ-tạo,
Ấy chính là bản-nguyên.

Sáp hoa là đủ lễ,
Xôi thịt rất phiền-văn;
Nên bỏ thói vật-chất,
Theo chung thói tinh-thần.

Các chủ-nghĩa tôn-giáo,
Nay cũng đã lược-trần;

Lại nên suy xét rộng,
Xem đến phong-tục dân.

TIẾT THỨ XIX
Phong-tục

Mỗi nước một phong-tục,
Tập-thành tính-chất quen;
Duy-trì lấy phong-hóa,
Cổ-vũ tự người trên.

Nước ta nghìn năm xưa,
Được tiếng là văn-hiến;
Vài mươi năm gần đây,
Hủ tục không kể xiết.

Nay tạm cử và điều,
Là sự có quan-hệ;
Ngoại-quốc thường chê bôi,
Cho làm nhiều tục tệ.

Một là việc hôn-nhân,
Thường thường hay cưới sớm;
Tiền cưới cũng đã ghê,
Tiền cheo cũng lại gớm.

Hai là việc danh thọ,
Thường thường hay khao vọng;
Ăn uống rất linh-đình,
Xướng ca nghe náo-động.

Ba là việc tế-tự,
Đình đám với hội hè;
Thịt xôi ganh cũng gớm,
Vị thử nghĩ mà ghê.

Bốn là việc tang-ma,
Là thói ăn đám chết;
Không những người mất rồi,
Lại đến của cũng hết.

Năm là việc đốt mã,
Trai tiếu khoảng xuân-thu;
Bao nhiêu là tiền của,
Một phút hóa thành tro.

Sáu là việc kỵ-lạp,
Khiên-liên hai ba ngày;
Ngày giỗ không thương nhớ,
Mở tiệc lấy làm vui.

Tóm lại các tệ-tục,
Phí đã lắm tiền-tài;
Kể bao công kiếm củi,
Chỉ đốt một giờ thôi.

Nay thì-buổi văn-minh,
Chớ nên theo thói hủ;
Tỉnh-giảm cách sa-hoa,
Gây lấy nền dư-dụ.

Bao nhiêu những việc vui,
Chỉ dùng một tiệc nhỏ;
Còn như về sự buồn,
Ăn uống nên bớt bỏ.

Để khỏi người mai mỉa,
Để khỏi người chê-bôi;
Sau thành phong-hóa tốt,
Há kém gì Đông Tây.

Đại-lược về phong-tục,
Cũng đã kể qua qua,
Đại-khái về giáo-dục,
Nay nhân tỏ bày ra.

TIẾT THỨ XX
Giáo-dục

Hóa dân cho thành tục,
Tất bởi ở việc học;
Vua thánh và quan hiền,
Đều lấy đó làm trọng.

Nước ta thuở Hùng-vương,
Khi đầu mới mở-mang;
Đem luân-thường Trung-quốc,
Khai-hóa dân Việt-thường.

Thiện-giáo khắp muôn dân,
Thuần-phong hóa trăm họ;
Thời buổi mới phôi-thai,
Giáo-pháp chưa tường rõ.

Phong-hội dần dần mở,
Bể học dần mênh-mang;
Phong-trào bên Bắc-hải,
Dào giạt sang Nam-dương.

Đương buổi thời Đông-Hán,
Có hai quan Thú hiền;
Giao-chỉ có Tích-Quang,
Cửu-chân có Nhâm-Diên.

Khuyên nhủ dòng Hồng-Lạc.
Theo chuộng đạo Hi-Nông ;
Rườm rà nơi thảo-dã,
Bát-ngát vẻ hoa-phong.

Gặp buổi đời Tam-quốc,
Nho-lưu có Sĩ-vương ;
Thủ Tứ khoi xa lối,
Thi-thư mở rộng đường

Nguồn văn lan núi rừng,
Mạch đạo tràn đương biển ;
Khắp cõi đất Văn-lang,
Thành phương trời văn-hiến.

Trải đến triều Hoàng-Lý,
Nho-phong cả thịnh-hành ;
Dựng nhà Quốc-tử-giám,
Thi khoa Thái-học-sinh.

Anh-tài từ đấy dấy,
Náo-động bốn phương trời ;
Trong triều và ngoài nội,
Chen gót bước thang mây.

Qua đến triều Hoàng-Trần,
Nho-học càng thịnh lắm ;
Đặt quan Giám-học-thần,
Tam-khôi Trạng, Bảng, Thám.

Danh-nho hàng lũ ra,
Phấp-phới khắp bốn bể ;
Kẻ Trại với người Kinh,
Chen vai vin cành quế.

Hoàng Lê khi rồng dấy,
Học phép có qui-trình ;
Nhà học cả sửa rộng,
Ruộng học cấp phân-minh.

Ở Kinh có quốc-học,
Dạy tôn-sinh ấm-sinh ;
Các lộ có lộ-học,
Dạy sĩ-tử học-hành.

Định tam-xá-sinh lương,
Đặt ngũ-kinh bác-sĩ ;
Dạy cả bọn quân-nhân,
Cũng đều biết văn-tự.

Mở ra khoa hương-thí,
Thi hương-cống sinh-đồ ;
Mở ra khoa hội-thí,
Thi tiến-sĩ trạng-nguyên.

Huyền-ca vang cả nước,
Nho-sĩ dấy như mây ;
So với Lý Trần trước,
Cũng được nhiều nhân-tài.

Hoàng-Nguyễn khi rồng bay,
Học-pháp càng chấn-chỉnh ;
Học-đường cả mở-mang,
Sĩ-phong cả sửa định.

Kinh có quan Tế-tửu,
Dạy cử tú ấm-sinh ;
Ngoài có Đốc, Giáo, Huấn,
Dạy sĩ-tử tập tành.

Làng làng có hương-trường,
Nhà nhà có tư-thục ;
Đại-tập tới công-trường,
Tiểu-tập học tư-thục.

Mở ra khoa hương-thi,
Thi cử-nhân tú-tài ;
Mở ra khoa hội-thi,
Thi tiến-sĩ phó-bảng.

Trống còi vang bể học,
Cờ biển rợp non văn ;
So với Trần Lê trước,
Cũng nhiều bậc nho-thần.

Xét lịch-triều giáo-dục,
Đều bắt-chước Trung-hoa ;
Xét lịch-triều thi-cử,
Cũng đều giống thế mà.

Nói về việc giáo-dục,
Bắt đầu học luân-lý ;
Y theo lối học Tàu,
Đầu Tam-hoàng Ngũ-đế.

Nói về sự thi cử,
Dùng thơ phú sách nghĩa ;
Y theo lối thi Tàu,
Hỏi Kinh Truyện Sử Tử.

Ôi hay thì thực hay,
Nhưng nhiều điều khuyết-điểm ;
Vì nhiều lối văn-chương,
Mà ít đường thực-nghiệp.

Vả lại khinh tự-kỷ,
Chỉ chú-trọng ngoại-nhân ;
Thuần là dùng Hán-tự,
Chẳng dùng đến Việt-văn.

Mưa Âu hòa gió Á,
Sóng Tây tràn bể Nam;
Lăng-sa sang bảo-hộ,
Văn-minh mới gieo mầm.

Nhân thấy điềm khiếm-khuyết,
Bổ thêm cách hoàn-toàn;
Than thiêng đem nung ôc,
Bộ máy để đúc hồn.

Phép thi và phép dạy,
Nghị-định đã cải-lương;
Thiết-lập các thư-viện,
Mở ra các học-trường.

Hợp khoa học kim-cổ,
Tuyển-bổ các giáo-sư;
Phân lớp đại, trung, tiểu,
Dạy đủ cả công-tư.

Kể về cách giáo-dục,
Cần nhất là quốc-ngữ;
Cũng kiêm-dụng nho-thư,
Và phổ-cập Pháp-tự.

Kể về các khoa-học,
Vệ-sinh cùng cách-trí;
Thiên-văn cùng địa-dư,
Toán-pháp cùng cơ-khí.

Học-sinh tới trường học,
Ngày dạy làm hai kỳ;
Sáng ra tự bảy giờ,
Chiều đến tự hai giờ.

Xét thời giờ đi học,
Không ai được trễ-tràng;
Ra vào nghe tiếng trống,
Học nghỉ định giờ chuông.

Phàm bọn thiếu-niên ta,
Tiền-trình rộng như bể;
Thế-giới vị-lai này,
Cố chèo thuyền mãnh-tiến.

Lập định chỉ phương-châm,
Thực-hành theo nghĩa-vụ;
Hút lấy khí văn-minh,
Trèo lên đường tiến-bộ.

Học Âu cũng là Âu,
Học Mĩ cũng là Mĩ;
Ta có kém chi người,
Có làm thì cũng thế.

Các công-việc giáo-dục,
Đã được biết đại-lược;
Các vật-sản thổ-nghi,
Phải suy-xét mới được.

TIẾT THỨ XXI
Vật-sản

Tinh-anh trời đất đúc,
Rất thiêng nhất là người;
Giúp đỡ cả trời đất,
Sai khiến cả muôn loài.

Khí-chất hóa-công nung,
Kết thành ba giống vật;
Khoáng-sản không biến hình,
Động thực đều hiện chất.

Vật-sản nước Nam ta,
Động-vật kể hàng đội;
Thực-vật kể hàng rừng,
Khoáng-vật kể hàng núi.

Trên khoảng đại-sơn-lâm,
Hạc công hùm rím gấu;
Trong khoảng núi tầm-thường,
Hươu nai cầy thỏ cáo.

Thủy-sản chốn giang-hà,
Tôm cá giải ba-ba;
Súc-mục chốn bình-nguyên,
Ngựa trâu chó lợn gà.

Bình-nguyên xứ Nam-Bắc,
Thóc gạo kể bao nhiêu;
Duyên-giang khoảng Mi, Nhị,
Tằm dâu kể cũng nhiều.

Các tỉnh duyên sơn-lâm,
Ngũ kim cũng rất ôi;
Các tỉnh duyên hải-ngạn,
Dầu than thực vô-khối.

Thự-dự bạch-hương-phụ,
Kỳ-nam đại-ngọc-quế;
Yến-sào long-diên-hương,
Tiếng lừng trong nước để.

Xà-cừ và đá hoa,
Đồi-mồi với trân-châu;

Sâm, kỷ, tứ-thiết-mộc,
Nổi tiếng khắp hoàn-cầu.

Gạo thơm Phú-xuân-kinh,
Gạo cánh tỉnh Bắc-ninh;
Nếp đen tỉnh Gia-định,
Là thóc tốt hữu-danh

Cá rô đầm Linh-đàm,
Cá chép tỉnh Hưng-hóa;
Sâm-cầm ở hồ Tây,
Là thứ chim ngon lạ.

Cải Nam, hồng Bạch-hạc,
Cam Đông, quít Hương-cầu;
Cau Nghệ muống Linh-chiểu,
Là vật trồng rất ngon.

Ta phỏng hay nghiên-cứu,
Cố chí để chấn-hưng;
Nhân-vật thiên-nhiên sẵn,
Làm cho địa-lợi tăng.

Bán cho người ngoại-quốc,
Cạnh-tranh lấy lợi-quyền;
Được lời năm ức triệu,
Tiến-ích ngày muôn nghìn.

Vật-sản của tổ-quốc,
Đã biết đại-lược rồi;
Nghề nông công thương-mại,
Bày ra để thử coi.

TIẾT THỨ XXII

Nông công thương-mại

Làm cho nước giàu có,
Ấy là bởi nghề nông;
Làm cho nước khôn-khéo,
Ấy là bởi nghề công.

Làm cho nước giao-thông,
Ấy là bởi nghề thương;
Trong ba nghề nghiệp ấy,
Là cơ-sở phú-cường.

Nói về sự nông-nghiệp,
Là gốc sự làm ăn;
Đại-bản trong thiên-hạ,
Xưa nay đều phải cần.

Nước ta thuở Thần-nông,
Lấy nghiệp nông khai-quốc;
Xét xem tính thổ-ngơi,
Gieo trồng trăm thứ thóc.

Kinh-dương lên nối nghiệp,
Đầu trọng việc canh-nông;
Nhân nước triều lên xuống,
Khuyên dân việc cấy trồng.

Duyên khoảng sông Cửu-long,
Và khoảng sông Nhị-hà;
Tàm-tang dư vạn-hộ,
Nông-mẫu khắp muôn nhà.

Nam-mẫu kể nghìn khu,
Đông-cao dư vạn khoảnh;
Linh bốn nghìn năm nay,
Thóc gạo ngày càng thịnh.

Đời Thánh-thái đinh-mùi,
Thóc gạo bốn vạn tôn;
Kể các hàng xuất-cảng,
Không thức nào nhiều hơn.

Nhưng vì đất sơn lâm.
Hãy còn nhiều ruộng đá;
Và những đồ cày bừa
Toàn dùng lối cũ cả.

Nắng lớn và nước to,
Không biết phòng-bị trước;
Ngòi lạch và đầm cừ,
Không chỗ chứa tháo được.

Được mất chỉ nhờ trời,
Xấu tốt toàn nhờ đất;
Ví một năm mất mùa,
Thì thành ra cơ-cận.

Nay phỏng theo Tây-pháp,
Bổ-trợ phép Thần-nông;
Suy cùng lẽ địa-học,
Giúp đỡ sức thiên-công

Máy nước vận vào ruộng,
Máy điện để cày trồng;
Máy hơi dùng cắt gặt,
Máy than dùng trị trùng.

Hung-hoang phòng-bị trước,
Kênh-cừ chứa tháo ngay;
Hà-bá khôn làm hại,
Bạt-thần khó giáng tai.

Mấy lời khuyên nông-xã,
Nông-giới phải khuếch-trương;
Cần chăm nghề bản-nghiệp,
Tấc đất ấy tấc vàng.

Nói về việc công-nghệ,
Là gốc nảy tri-xảo;
Công-nghệ ta xưa nay,
Xét xem cũng rất khéo.

Chuyên-mĩ khảm xà-cừ,
Nền soi trông lóng-lánh;
Yên-thái dệt lĩnh hoa,
Mầu hoa coi nhấp-nháng.

Nhị-khê nghề tiện chạm,
Xem ra thực cũng mầu;
Cũng giống khuôn Công-Thủy,
Và giống mực Công-Thâu.

Tử-dương nghề thợ thêu,
Coi xem cũng rực-rỡ;
Chẳng kém gấm thiên-tôn,
Không khác nhung tiên-tử.

Với Tàu cùng so-sánh,
Ta há kém chi Tàu;
Lừng danh trong nước đế,
Nổi tiếng khắp hoàn-cầu.

Nhưng vì giữ cựu-qui,
Chưa hay dựng tân-cách;
Nên chế-hóa hơi lâu,
Mà tiêu-thụ chưa mạnh.

Phỏng hay học Thái-Tây,
Hợp quần mở xưởng thợ;
Và lại vận cơ-tâm,
Suy ra làm cơ-sự.

Tư-bản cốt cho hậu,
Quần-lực cốt cho nhiều;
Rồi ra công-nghệ thịnh,
Chẳng kém gì Mĩ Âu.

Mấy lời khuyên công-nghệ,
Tinh và khéo mới được;
Nghề khéo có kiệu vàng,
Nghề sành có danh bạc.

Nói về việc thương-mại,
Đổi trác để cùng thông;
Đem của ở chốn có,
Chuyển vận ra nơi không.

Nước ta từ thuở trước,
Đều coi rẻ nghề thương;
Những người thương-mại ấy,
Cũng là bọn thông-thường.

Chuyền nọ di ra kia,
Mua rẻ mà bán đắt;
Làm sinh-kế nhỏ-nhen,
Cầu lợi-nguyên lặt-vặt.

Chưa ai hợp-cổ buôn,
Chưa ai mở chợ lớn;
Vì vậy việc kinh-thương,
Chưa thể hay phát-đạt.

Từ khi phong-hội mở,
Thế-giới cùng giao thông;
Lăng-sa sang bảo-hộ,
Khuyên nhủ việc thương-công.

Hải-phòng và Hà-nội,
Đà-nẵng với Sài-gòn;
Trên đất mở hiệu bán,
Dưới bể đỗ tầu buôn.

Hàng-hóa bên Âu Mĩ,
Muôn thuở chất núi non;
Thương-trường người Hoa, Nhật,
Muôn bâu tầy suối nguồn.

Các bậc danh-nhân ta,
Mới biết nghề thương qui,
Hợp-cổ để kinh-thương,
Tổ-chức cũng rất kỹ.

Chế tạo ra luân-thuyền,
Kén chọn các hóa-vật;
Ganh với khách ngoại-thương,
Hiện nay đương tăng-tiến.

Mấy lời khuyên thương-hội,
Thương-nghiệp có tấn-tới;
Để giữ lợi quốc-trung,
Và thu quyền hải-ngoại.

Tóm bàn nông công thương,
Đều là nghề thực-nghiệp;
Siêng-năng thì mạnh hơn,
Nhác biếng thì hèn kém.

Phàm nông công thương ta,
Cố lòng làm sẵn-sỏ,
Nước giàu cũng ở đó,
Nước mạnh cũng ở đó.

Các nghề nông công thương,
Đã hơi biết rò-rõ;
Lại nên suy rộng ra,
Xem hàng-lộ thiết-lộ.

TIẾT THỨ XXIII
Hàng-lộ thiết-lộ

Nước ta từ thuở xưa,
Chưa có tầu xe-hỏa;
Đi nước dùng thuyền buồm,
Đi cạn dùng xe ngựa.

Từ khi Đại-Pháp sang,
Mới đặt máy hành-động;
Tầu thủy và xe hỏa,
Vận đi rất mau chóng.

Này xem đường tầu thủy,
Phân ra có bốn ngành;
Đường đi sáu mươi dặm,
Khoảng trong một trống canh.

Một là đường đi sông,
Trải Nam Bắc giang phận;
Hai là đường đi bể;
Trải Nam Bắc hải-tấn.

Ba là đường đi Tây,
Tới sang nước Lăng-sa;
Bốn là đường đi Đông,
Tới sang nước Chi-na.

Này xem đường xe hỏa,
Phân ra có bốn đường;
Đường đi xa trăm dặm,
Chỉ khoảng vài giờ chuông.

Một là từ Hà-nội,
Bắc đến tỉnh Lạng-sơn;
Hai là từ Hà-nội,
Nam tới đất Tu-ran.

Ba là từ Hà-nội,
Đông tới đến Hải-phòng;
Bốn là từ Hà-nội,
Tây tới lên Lão-nhai.

Nghĩ xem tầu thủy hỏa,
Thực tiện việc binh thương;
Rút đường thiên-lý-lộ,
Tỏ lối vạn-trùng-dương.

Nước ta tự thuở xưa,
Chưa có đường cầu sắt;
Cầu thì dùng cầu phao,
Đường thì toàn đường đất.

Từ khi Đại-Pháp sang,
Gia công để mở-mang;
Cầu sắt và đường sắt,
Phép mới khéo sửa-sang.

Này xem con đường sắt,
Chia ra có bốn đường;
Làm khuôn đường xe hỏa,
Kể rất là khang-trang.

Này xem các cầu sắt,
Coi rất là kiên-cố;
Làm gác chốn giang-hà,
Xây nền thành đạo-lộ.

Một là cầu Đô-mĩ,
Ở trên sông Nhị-hà,
Hai là cầu Hàm-rồng,
Ở trong tỉnh Thanh-hóa.

Và các cầu thiết-giá,
Ở các tiểu-chi-giang;
Và các cầu si-măng,
Ở các chốn sơn-nguyên.

Nghĩ xem đường cầu sắt,
Tiện dân và lợi quan;
Qua suối không dùng cốn,
Qua sông chẳng dụng thuyền.

Các đường và các cầu,
Cũng đã biết tường thực;
Lại nên suy rộng ra,
Xem bưu-chính điện-cục.

TIẾT THỨ XXIV
Bưu-chính điện-cục

Công-văn nước ta xưa,
Đưa truyền dùng dịch-lệ;
Tư-thư chốn dân-gian,
Riêng cùng nhau ký-đệ.

Còn các khoản tiền-tài,
Và các thức hàng-hóa;

Không có kế gì cả,
Không có phép gì lạ.

Từ khi Đại-Pháp sang.
Bày lập cách giản-tiện:
Dựng ra sở trạm bưu,
Bày ra đường truyền-điện.

Này xem sở bưu-cục,
Lập ra khắp thị-thành;
Không đâu là không có,
Lệ định rất phân-minh.

Chuyển các đồ hàng-hóa,
Chạy các bức văn-thư;
Không cứ đường viễn-cận,
Chẳng kể việc công-tư.

Phàm ai gửi cho ai,
Tường tính-danh cư-quán;
Đề ngoài mặt phong-bì,
Mua năm xu tem dán.

Bỏ vào hòm bưu-cục,
Đã có dịch-phu truyền;
Hoặc do hỏa-luân-xa,
Hoặc do hỏa-luân-thuyền.

Gần thì một vài ngày,
Xa ra hơn chủ-nhật;
Phu-dịch sở trạm đưa,
Không thể nào di-thất.

Nghĩ xem sở bưu-cục,
Giao-thông tiện lắm đường;
Truyền tin người nghìn dặm,
Chẳng sai của lạng vàng.

Này xem sở Điện-báo,
Đặt các nơi thành trấn;
Không đâu là không truyền,
Nhanh nhẹ hình như bắn.

Kìa kìa phi-không điện,
Điện ấy chạy như bay;
Tức là vô-tuyến-điện,
Thông các nước Đông Tây.

Kìa kìa hải-trung-điện,
Điện ấy chạy đi ngầm;
Theo các đường hàng-hải,
Thông các bể bắc nam.

Kìa kìa địa-thượng-điện,
Điện ấy rất nhanh-nhẹn;
Tức là hữu-tuyến-điện,
Thông các đường non biển.

Ai muốn gửi cho ai,
Mỗi tiếng là bốn xu;
Đã có nhà điện-báo,
Ghép vào máy điện cho.

Gần ra chỉ phút chốc,
Xa ra khoảng một ngày;
Đưa thông người mặt biển,
Vượt tới kẻ chân trời.

Nghĩ xem sở Điện-cục,
Tiện-lợi kể đường nào;
Thông tin người sáu giống,
Tỏ giá của năm châu.

Các công việc nội-trị,
Đại-lược biết ít nhiều;
Lại nên suy xét rộng,
Xem chính-thể ngoại-giao.

TIẾT THỨ XXV

Ngoại-giao chính-sách

Giao-tân là sự trọng,
Rất quan-hệ lắm thay;
Văn-từ khi thông-tiếp,
Sứ-mệnh lúc vãng-lai.

Biên phương dòm mạnh yếu,
Quốc-thể hệ trọng khinh;
Giảng tín và tu mục,
Sao cho được thỏa-tình.

Nước ta từ thuở trước,
Giao-thiệp với Chi-na;
Bắc Nam tuy khác nước,
Lễ-nghĩa cùng một nhà.

Từ Đinh Lê Lý Trần,
Từng được gia phong sách;
Huy-hiệu rệt y-thường,
Vinh-quan thêu ngọc bạch.

Sinh-vấn lễ-nghi-trung,
Lịch-đại tùy thời dụng;
Quốc-thể vẫn tôn-nghiêm,
Bắc-nhân thường kiến trọng.

Kịp đời Hoàng-Lê xưa,
Sáng-nghiệp bình Chu-Minh ;
Điều hòa rất ủy-khúc,
Mới được hưởng hòa-bình.

Đến đời Lê Trung-hưng,
Trừ được quân Mạc-nghịch ;
Nghĩa-lý kể rõ-ràng,
Danh-phận mới được chính.

Hoàng Nguyễn khi long-hưng,
Tuế-cống theo thường-lễ ;
Sứ Bắc cùng vãng-lai,
Đối-đãi vẫn trọng-thể.

Đế-quốc cũng ngợi khen,
Là một nước văn-hiến ;
Hiền-hiệu rệt cồn-ba,
Từ-chương treo nhật nguyệt.

Đến thì buổi ngày nay,
Giao-thiệp với Lăng-sa ;
Là một nước giàu mạnh,
Ở châu Âu-la-ba.

Nguyên từ đức Gia-long,
Dùng cố Bá Đa-Lộc ;
Mở mang đất ba kỳ,
Gây nên nền nhất-thống.

Quĩ-dị rất hậu-tình,
Gia-ban lấy trọng-lộc ;
Điều-đình các sự-nghi,
Người Tây đều thán-phục.

Kịp đời vua Tự-đức,
Xẩy ra việc can-qua ;
Chưa được bao lâu đó,
Cuộc chiến thành cuộc hòa.

Đến triều vua Đồng-khánh,
Đôi nước ước hòa-thân ;
Không kể chi Ngô Việt,
Cùng nhau kết Tấn Tần.

Hoàng-thượng nay long-phi,
Gồm cả lòng nhân trí ;
Ngoài nghĩ cách đôn-lân,
Trong mưu cơ tự-trị.

Ở buổi đời tiến-hóa,
Thực cũng bậc văn-minh :
Tây-Âu vang vinh-dự,
Đông-Á dậy uy-thanh.

Ôi buổi đời ngày nay,
Là buổi đời giao-thông ;
Giao-thông cả muôn nước,
Thì ta mới thỏa lòng.

Các chính-sách ngoại-giao,
Đã hơi biết đại-khái ;
Phải nên suy rộng ra,
Xem Man Thổ chủng-loại.

TIẾT THỨ XXVI
Man Thổ nhân-chủng

Ở quanh rừng núi ta,
Ấy là loài Thổ Mán ;
Ngôn-ngữ thực bất-đồng,
Phong-tục cũng sai-biệt.

Hợp cả Bắc Trung Nam,
Cộng bốn-mươi bốn giống ;
Nay chép phụ thêm vào,
Để cho kiến-văn rộng.

Ở Thượng-du Bắc-kỳ,
Có hai-mươi-mốt giống ;
Dáng xưa người Tàu sang,
Đuổi giạt vào sơn-động :

Người Thổ ở rừng lớn,
Mười-hai họ xum vầy ;
Người Nùng ở núi thẳm,
Ba họ cùng sánh tầy.

Người Mãnh ở Bảo-lạc,
Tính ác hay nguyền rủa ;
Người Mường ở Thủy-vĩ,
Hay dối người lấy của.

Người Mọi ở Phân-mao,
Áo đen viền chỉ hồng ;
Người Mán hay lừa đảo,
Phụ-nữ quần trắng bông.

Người Bè ở Lão-nhai,
Người Giao ở Bắc-cạn ;
Hay làm hại hành-nhân,
Và không sợ ác vật.

Con gái mang cung đao,
Ấy là người Mán Xá ;

Con gái tài bắn tên,
Ấy là Thổ Thiện-xạ.

Thổ Ân-dương Mĩ-đức,
Buôn bán đêm đốt đèn;
Mán Quải-tiền Chiêu-tấn,
Giữa bụng đeo đồng tiền.

Khê-động Thổ Sơn-gót,
Cao Lạng Thổ Sơn-đầu;
Hưng-hóa loài Mán-Chó,
Quảng-yên giống Mán-Mèo.

Người Xá mũ sừng dê,
Ở trong rừng Lai-châu;
Người Rào đốt tóc đầu,
Ở về châu Phong-thâu.

Người Mán thích châu-tay,
Ở núi cao tỉnh Đoài;
Người Mọi chân xỏ-mũi,
Ở Bạch-thông tỉnh Thái.

Thổ Cam-mĩ Cao-bằng,
Tức dòng Lê cung-nhân;
Cùng giống Đào-nguyên-khách,
Tránh loạn khi giặc Tần.

Ở trong xứ Trung-kỳ,
Ước cộng mười lăm giống;
Nói thì rất tinh ma,
Giống thì rất nanh-nọc.

Người Mán tiêm hút máu,
Ở về châu Lương-chính;
Người Mán đốt củi than,
Ở về trong bến Trịnh,

Ngậm lá ngải vào rừng,
Ấy là Mán Hàm-ngải;
Tài-sản chết chia đôi,
Ấy là loài Mãnh-Mọi.

Cày mà không nộp thuế,
Ấy là Nùng Thạch-lâm;
Đeo rủ kim-thoa ấy,
Là loài Mán Thoa-trâm.

Mán Cam-môn xứ Nghệ,
Hay nấu thuốc thịt gà;
Mán Cam-nanh Quảng-trị,
Hay nấu canh thịt xà.

Người Giao xỏ mũi tai,
Người Thổ ở Cần-thủy;
Người Mán ở Hải-đảo,
Đều lắm phép quỉ-dị.

Ở về xứ Nam-kỳ,
Chín giống cũng yêu ma;
Tứ-sát và tứ-hại,
Đã có thành lời ca.

Phong thổ động Siêm-tinh,
Kha-bạng đất Mường-vanh;
Mê-giang trong đột-bãi,
Suối Tóc huyện Sơn-tranh.

Dược-sòng mười-hai xứ,
Suy-lạc động Hàm-tinh;
Già trẻ nên ghi nhớ,
Sĩ-tái chép biên rành.

Tóm bàn người Thổ Mán,
Đều cùng quyến-thuộc ta;
Non xanh pha tính quỉ,
Rừng biếc hóa hồn ma.

Ta nên đem văn-phong,
Mà hóa loài Man-tục;
Mai sau tiến văn-minh,
Mán cũng nhờ hạnh-phúc.

Mán Thổ hoàn sơn lâm,
Đã được biết đại-lược;
Lại nên suy rộng ra,
Xem hoàn-bang tiểu-quốc.

TIẾT THỨ XXVII

Hoàn-bang chư-quốc

Vòng quanh tổ-quốc ta,
Cũng còn nhiều tiểu-quốc;
Rộng hẹp tuy chẳng cùng,
Chép ghi cũng đều khác.

Nghiên-cứu trong sử xanh,
Hỏi tìm dấu cổ xưa;
Văn-sử ghi còn rõ,
Chữ bia dấu chửa mờ.

Một là nước Chân-lạp,
Duyên-sơn và duyên biển;
Tức là đất Nam-kỳ,
Khai-thác từ triều Nguyễn.

Hai là nước Chiêm-thành,
Trần Lê xưa khai-thác;
Hoàng Nguyễn nay long-hưng,
Mới sáp-nhập từ-Quảng.

Ba là nước Phù-nam.
Cách Xiêm bốn mươi dặm;
Trước triều cống Chi-na,
Nay thuộc về Chân-lạp.

Bốn là người Đồ-bàn,
Nổi tiếng tự đời Đường;
Văn-minh theo Ấn-độ,
Là tiểu đảo Nam-dương.

Năm là nước Côn-luân,
Ở giữa miền hải-đảo;
Là lối sang Nam-dương,
Làm chủ-đường đông-đạo.

Sáu là nước Ai-lao,
Đất nước toàn rừng rậm;
Xưa qui-phục Hoàng-triều,
Nay thuộc về Đại-Pháp.

Bảy là nước Nam-chưởng,
Nước này thuộc sơn-khê;
Trước phục-tòng tổ-quốc,
Nay thuộc về Ăng-lê.

Tám là nước Cao-miên,
Hoàng-triều xưa quản-trị;
Từ khi Đại-Pháp sang,
Lại ra tay kiêm-lý.

Chín là nước Vạn-tượng,
Là nước sản nhiều voi;
Trước về ta quản-trị,
Nay về Xiêm-la coi.

Mười là nước Xiêm-la,
Ngày nay đương tự-cường;
Cùng trong Vạn-quốc hội,
Đồng-minh rót chén vàng.

Tóm bàn lân-bang ta,
Chín nước như dưa bổ;
Duy còn có Xiêm-la,
Là một nước tự-chủ.

Sau này nước ta khá,
Nên làm chính liên-bang;
Lớn nhỏ cùng giàng giữ,
May ra quyết tự-cường.

TIẾT THỨ XXVIII

Kết-luận

Nhủ người yên tổ-quốc,
Trước phải học địa-dư;
Địa-dư học hay lắm,
Chẳng nên cần lắm dư.

Người giỏi cùng đất thiêng,
Văn-hoa và trời qui;
Trong sách địa-dư ghi,
Xem ra thực thích ý.

Non sông mầu gấm vóc,
Cỏ cây vẻ thái-bình;
Trong sách địa-dư chép,
Xem ra thực hữu-tình.

Chúng ta người Nam-quốc,
Sinh-trưởng đất Viêm-bang;
Thổ-địa rất quí báu,
Cùng lòng cố điềm-trang.

Quốc tổ xưa lam-lũ,
Mở mang bức địa-đồ;
Kể đến công khai-sáng,
Chúng ta phải nhớ cho.

HẾT

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

HÁT CHÈO

BÍCH-CÂU KỲ-NGỘ (1)

(Truyện Tú-Uyên)

II

Cảnh thứ III. — Đền Bạch mã Phông đường đi

Tú-Uyên và đồng cùng ra

Tú-Uyên nói:

A đồng, mau vượt nẻo Bích-câu; dạo qua đền Bạch-mã.

Cùng hát đường trường đi:

Khéo ôm lòng (song) nhắn liễu nhắn liễu (mà) thăm hoa, biết đâu (có bên) sắc sắc (y ối y mấy) vẫn là không không; nói thôi (tình) lần bóng ngàn thông. Lần bóng ngàn thông, nói thôi (song) lần bóng lần bóng (mà) ngàn thông, hương trầm (có bên) còn thoảng (y ối y) thoảng với dòng nước khơi; cảnh loan (tình) gió cuốn lưng trời. Gió cuốn lưng trời, cảnh loan (song) gió cuốn gió cuốn lưng trời, tiên về (có bên) động bích (y ối y mấy) tình rơi cõi trần; nhác trông lên năm sắc sắc mây vần.

(Các hạ)

Thầy đoán thẻ ra nói đếm:

Tôi nhà nho đến khi mạt-nghệ; phải xoay nghề đoán thẻ kiếm xu. Bởi từ xưa quen thói lu-bù; học gồm cả y nho lý số. Học nho mãi mà thi cóc đỗ; cuốn văn-chương đút hũ dề dánh. Xoay ra nghề làm thuốc lại không lành; cắt thuốc bổ bỗng người lành ốm chết. Sau vỡ hiện ô cầu bán tiệt; lại xoay ra địa-lý địa-liền. Trỏ hồ long qui mã quàng xiên; phạm toàn huyệt phản-sư mới ác. Quay xem số Tử-vi Hà-lạc; lại không phân Tri Các với nguyên-đàng, Cứ đặt xu là lão đoán quàng; gặp vận bĩ nên cửa bàng vắng ngắt. Nay quá cùng thêm ngặt; nghĩ túng dất liều chân. Tiện đây đền Bạch-mã tới gần, ngồi lần-thần câu thơ thần đoán láo. Ngày mươi quẻ kiếm tiền đong gạo, nào biết đâu huyền-bão sự con hươu.

Tán: Nào hãy đi xem nào,

Vừa hát xầm vừa đi:

Mù thì mù, lão bói hay mà mắt lão không mù, cứ liếc trông các cô lịch-sự lão gật-gù đoán ngay; cái tướng cô hay hạt mỏng mày. (*Láy*), có chồng hay dù chưa có sau này hẳn nên sang; coi cô nào bóng-bẩy nhẹ-nhàng. (*Láy*), hẳn sau này gánh vác đảm-đang cho chồng; nếu cô nào hớn-hở má hồng (*Láy*), tính chai-lơ cười cợt hẳn ông chồng hay ghen; nếu cô nào rưng-rức răng đen, (*Láy*), nói cười khin-khít hẳn hay ghen nghiến chồng, còn như các cậu đàn-ông. (*Láy*), những ông công-tử bột hẳn chơi ngông tuyệt đời; còn như ai cầm ên mày ngài. (*Láy*), ắt là tay quấy nước chọc trời toang-hoang, còn những người mặt xám da vàng, (*Láy*) ắt là tay cùng-kiết chỉ toan đàng bon-xu; cứ trông người lão đoán căn-do, (*Láy*), chắc là các cậu các cô mất tiền, dẫu thần-thơ thơ-thần thơ thánh thơ tiên, cũng là thơ các ông dồ cổ bom tiền vẽ ra; cái trò đời xem bói ra ma. (*Láy*), lão sáng thì hay đoán thẻ chứ ông lòa vô-xu hay đi hớt cẳng anh mù.

(Hạ)

(1) Xem *Nam-Phong* số 179.

Khách đi lễ đền xem thẻ. Cô tiền-thư ra nói lối :

Tôi con nhà đại-phiệt ; cũng một bậc tiểu-thư. Chỉ vì duyên mà ra ngẩn vào ngơ ; còn giận phận luống nay chờ mai đợi. Đền Bạch-mã nay đà dạo tới ; số hồng-loan xem bởi vì sao ? Biết khi nào xe cuốn sợi tơ đào ; cho bõ lúc đề trao thơ lá thắm, a chị em.

Vỉa hát đào lẳng điệu cầm giả :

Vỉa : Chị em ơi, chứ ở đời nếu chẳng chai-lơ, thì sắc tài mang tiếng tiểu-thư làm gì, a chị em ?

Hát : (A mà) ở đời (kia còn sao) nếu (a) chẳng chai (ối a thôi mà) chai-lơ.

Vỉa : Chị em ơi, chứ ở đời nếu chẳng chai-lơ, thì sắc tài mang tiếng tiểu-thư làm gì, a chị em ?

Hát : (A-mà) sắc tài (kia còn sao) mang (a) tiếng (a ối a, ới ới a, a hà mà đề có) tiểu-thư làm (ối a thôi mà) làm gì ; (a mà) nhởn-nhơ (kia còn sao) trăng (a) chị gió (ối a thôi mà) gió đi.

Vỉa : Chị em ơi, chứ nhởn-nhơ trăng chị gió đi, mà nếu không trăng gió nữa quá thì gió trăng, a chị em !

Hát : (A mà) nếu không (kia còn sao) trăng (a) gió (a ối a, ới ới a, a-hà mà đề có) nữa quá thì gió (ới a thôi mà) gió trăng ; (a mà) bắc thang lên (kia còn sao) tôi (a) hỏi chị (ối a thôi mà) chị Hằng.

Vỉa : Chị em ơi, chứ bắc thang lên tôi hỏi chị Hằng, mà hỏi thăm ông Nguyệt sợi xích-thằng xe sao ? a chị em.

Hát : (A mà) hỏi thăm (kia còn sao) ông (a) nguyệt (a ới a, ới ới a, a hà mà đề có) sợi xích (a) thằng xe (ối a thôi mà) xe sao ? (a mà tôi) ngẫm xem (kia còn sao) cái (a) số hoa (ối a thôi mà) hoa đào.

Nói : Nào mình hãy đi lên đền xin quẻ thẻ xem nào, rõ cái số hoa-đào nghĩ chán quá. (*Hạ*)

Thay phông cảnh đền

Thầy cúng ra ngồi cúng đọc sớ :

Thiết duy Thăng-long thắng-địa ; Bạch-mã sùng-từ. Thần-tiên diễu-mang, anh-linh hách-trạc. Huệ vũ phả thiên chi hạ, thánh-trạch uông-dương ; xuân phong táp địa chi lai, nhân yên tấu-tập. Hoặc chiêm mộng-mi, hoặc cầu nhân-duyên ; hữu cảm tất thông, hữu cầu tất ứng. Kim thần đệ-tử cẩn phụng sớ dĩ văn.

Tuế tại (mỗ) niên.... nguyệt.., nhật, thần cẩn sớ.

Ngồi đốt sớ rồi hạ.

Tiểu-thư vào vái xin thẻ ra xem.

Thầy đoán thẻ ngồi ngoài cửa đền.

Tiểu-thư nói :

A này ông thầy, tôi xin được quẻ thẻ, nhờ thầy đoán cho có khá không ?

Ông thầy nói :

Ố, chao ôi xem thẻ thì cô có thể sưu không mới được chứ ? Cô tên là gì, bao nhiêu tuổi, đã có chồng hay chưa, gia-sản được bao nhiêu, xưa nay có can khoản gì không ? Phải cứ thực tường khai, thì thầy mới đoán xét được.

Tiểu-thư cười nói :

Ô hay ông thầy đoán thẻ mà lại hỏi ngay như tòa-án này, rõ nực cười.

Ông Thầy nói :

Ấy cô hay cười cợt thế, sau lỡ lại lấy phải ông chồng hay ghen, thì khốn đấy. Cô cứ xem người nào cù mì lầm-cầm như ông cụ này này, sẽ lấy, a cô.

Tiểu-thư nói :

Rõ ông thầy phải gió, mình nhờ đoán hộ quẻ thẻ, lại bàn ngay ra sự lấy chồng, ai lấy chồng như nhà ông già đã sọc hoa tai ra ấy.

Ngâm :

Ông già đã sọc hoa tai,
Khéo còn ong bướm lả-lơi gật-gờ.

Ông thầy nói :

Thì cô đã xin thẻ cũng cốt cầu duyên

cầu tài chứ gì ? Ông lão mà sẵn xu, thì cũng nên lấy.

Ngâm :

Mướp nào là mướp chẳng xơ,
Ông lão lắm của gái tơ liều mình.

Tiểu-thư nói :

Thôi ông trả quẻ thẻ và tiền tôi, để tôi về tôi mượn người khác xem vậy.

Ngâm :

Ông già có củ phục-linh,
Lại còn giở giọng đa-tình ghẹo xuân.

Ông thầy ngâm :

Trời mưa nước chảy qua sân,
Cô về cô lấy ông cụ qua lần thì thôi.
Bao giờ ông cụ chầu trời,
Thì cô sẽ kiếm một người trai tơ.

Tiểu-thư giật lấy quẻ thẻ và tiền.

(Hạ)

Tú-Uyên và đồng vào đền vái xin thẻ ra xem :

A ông thầy, tôi xin được quẻ thẻ, nhờ thầy đoán cho.

Ông thầy cầm lấy xem rồi nói :

Vậy cậu đặt tiền đi, thần cũng cốt vị tiền đã chứ.

Tú-Uyên đưa tiền.

Ông thầy nói :

Quẻ thẻ này tốt lắm, triệu phong-vân tế-hội đây mà, cậu này chắc có tiền-duyên thế nào đây, sau rồi cũng được gặp-gỡ, chớ phiền-não chi, a cậu.

Ngâm :

Chớ thấy duyên muộn mà phiền,
Duyên tuy rằng muộn có tiên đợi chờ.

Tú-Uyên nói :

Vâng vâng, thầy đoán thẻ hay lắm. Tôi từ hôm xem hội chùa Bà-ngô, gặp tiên-nữ, từ đó về ốm tương-tư, giờ muốn lên đền này, ăn chay nằm mộng, liệu có gặp được chăng, a thầy ?

Ngâm :

Gặp tiên sá phải duyên vờ,
Ăn chay nằm mộng luống vẩn-vơ vì tình.

Ông thầy :

Cậu xin được quẻ thẻ này, thầy đoán quyết là gặp được hẳn, vả đền ngài đây anh-linh lắm, ai cầu phúc cầu duyên cũng được, thôi cậu thưởng thêm tiền lão đi, cho lão về kẻo tối, hễ có tiền thì mua tiên cũng được a cậu.

Tú-Uyên thưởng 3 quan. Thầy hạ

Tú-Uyên vào đền nói với ông thầy cúng :

A này ông thầy cúng, tôi xin được quẻ thẻ tốt lắm, giờ tôi muốn ăn chay nằm mộng ở đền này, vì tôi trước có gặp người tiên-nữ ở chùa Bà-ngô, nay tôi muốn cầu duyên đó ông ạ.

Thầy cúng :

Được được, đền đây ngài thiêng-liêng lắm, ai cầu gì cũng được. Vậy nhà thầy vào lễ đó, rồi ra mà ăn chay nằm mộng xem thế nào.

Thầy cúng hạ.

Tú-Uyên vào lễ khấn vái, rồi ra ngồi phủ khăn nằm mộng.

Đồng cũng lăng ra ngồi ngủ gật ở một mé.

Thần Bạch-mã hiện ra, mặc áo mũ cân đai cầm cành hoa đến bảo mộng nói lối :

Rỏng xiêm cao mũ ; phẩy gió phất hoa. Riêng chiếm cõi Hồng-hà, vốn ta thần Bạch-mã. A Tú Uyên : giấc trầm mộng chi còn ẻo-nả ; đàng tiên-duyên sắp đã tao phùng. Rạng ngày lên nẻo Cầu-đông, sớm đợi bên sông Tô-lịch. May hẳn gặp người Đồng-bích ; rồi sau chắp mối chỉ hồng, Ta nói rồi biến hiện thần-thông ; mặc ai đó mơ-màng mộng-mị a.

(Hạ)

Tú-Uyên sực tỉnh dậy nói lối :

Mảng nghe lời thần-mộng ; sực tỉnh giấc chiêm-bao. Nẻo Cầu-đông chưa rõ nơi nao ; sông Tô-lịch còn trao lời dặn. Hồn còn thơ-thẩn ; tình lại ngẩn-ngơ. Ngồi khêu gảy ngọn đèn mờ; luống hãy u ông chờ bóng rạng.

Ngâm sầu :

Hồn hoa vơ-vẩn thần-thơ.
Sao vừa thưa-thớt trời vừa hắt-hiu.
Mối sầu như gợi như khêu,
Giở chiều như tỉnh giở chiều như mê,
Nhác trông phong-cảnh buồn tê,
Bóng trăng dường xế hoa-lê lại gần.
Lại càng mê-mẩn tâm-thần,
Duyên kia ai giắt dần dần lại cho.

Đồng cũng giật mình chạy đến hỏi :

Chớ cậu có chiêm-bao mộng triệu gì không ? Con vừa mới chớp mắt đi, bỗng ngồi giấc chiêm-bao, thấy ông cụ đầu râu tóc bạc bảo con rằng : « Mày cứ chịu khó theo cậu mày, hễ cậu mày gặp được tiên thì mày cũng gặp được những cô be-bé ngày xưa đấy. » Con thích đáo-để.

Hát đếm :

Tôi ngồi chiêm-bao, tôi ngồi chiêm-bao, lạm sao mới lạ, gặp ông già cả, giông-giả dặn đồng, tình tính tình đồng, quá lời nọ đồng-mông *(1 dịp)*. Lên phố Cầu-đông, lên phố Cầu-đông, bên sông Tô-lịch, gái tơ rúc-rích, tôi thích tuyệt trần, tình tính tình trần, quá lời nọ trần-ai *(2 dịp)*. Gái đẹp như trời, gái đẹp như trời, mỉm cười gấp-ghé, những cô be bé, cậu để cho mày, tình tính tình mày, quá lời nọ mày là tôi đây.

Nói :

Dạ thưa cậu, thế cậu có chiêm-bao thấy gì không ?

Tú-Uyên :

Chi thằng, cậu cũng chiêm-bao thấy ngài. Ngài bảo sớm mai lên phố Cầu-đông, bên sông Tô-lịch, rồi khắc gặp được tiên-nữ ngày nọ đấy.

Ngâm :

Chốn Lam-kiều cách nước mây,
Ơn thần báo mộng hẳn mai ngày gặp tiên.

Đồng :

Vâng, thế sớm mai cậu cháu ta cùng đi, cậu nhé.

(Hạ màn)

Cảnh thứ IV. — Phố Cầu-đông và nhà học

Phông đường đi

Tú-Uyên cùng đồng ra.

Tú-Uyên nói lối :

Đền Bạch-mã ăn chay nằm mộng ; dòng Bích-câu tưởng vọng tuôn sầu. Nẻo Cầu-đông thử dạo tới mau ; sông Tô-lịch biết đâu dò hỏi.

Tán : A đồng, ra đi với cậu đây.

Đồng nói đếm :

Dạ thưa cậu, cậu gọi đồng, lên phố Cầu-đông, tới sông Tô-lịch, nhất tôi là thích, mà cậu cũng tình, gặp cô nào xinh, thì tình mới thú, thú, thú lắm a cậu.

Cũng hát dịp chở đi :

Nhờ hoa đạo gót gót xem hoa, con cá chìm lặn bóng chiếc nhạn sa tuyệt vời ; khéo ngẩn-ngơ sắc nước nước hương trời, song cô bay bên mỉm cười, khéo ngẩn-ngơ sắc nước nước hương trời *(Láy)*, luống nay còn mơ-tưởng nét mặt người mĩ-nhân ; mây mưa xa cách nẻo non Thần, song cô bay bên ngại-ngần, mây mưa xa cách nẻo non Thần. *(Láy)*, gió bay nhành lá rụng (mấy) in ngần cỏ xanh ; có hay chăng hỡi khách nghiêng thành.

(Các hạ)

Thay phông cảnh phố Cầu-đông

Phật-bà hiện ra bà cụ bán tranh nói lối :

Mực dầm mưa phép ; bút điểm mây lành. Ả mày ngài khéo mạc bỗng nên tranh, duyên tơ nhện để dành trong bức họa. Ả như mình : vừa vẫy tay tạo-hóa ; mà vẩy bút thiên-tào. Tô nên vẻ gái hoa đào, giá đắt đợi trao người ngọc.

Cầm bức tranh ngắm rồi ngâm :

Làn thu-thủy nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh,

Kiếp hồng-nhan có mỏng-manh,
Một buồng như thể cây quỳnh cành giao.

Nói:

Hừ mình vẽ được bức tranh này, cô tố-nữ đẹp thật, mình để xem có ai là tài-tử tao nhân biết thưởng-thức mà giả đắt tiền thì mình mới bán chứ.

Đi quanh vào.

Tú-Uyên cùng đồng ra đứng trông ngơ-ngẩn.

Tú-Uyên ngâm :

Nước trong vắt cỏ xanh rì,
Thạch kiều thấy đó đãi-kỳ nào đâu ?

Đồng nói :

Quái cậu ạ, cậu cháu mình chuyến này đi chơi Cầu đông, tưởng là gặp nhiều món thú, mà giờ trời đã hôm, trông chẳng thấy ma nào cả, rõ chán quá ! Cái chiêm bao của cậu cháu mình đêm qua dễ nguội mất, chả còn hi-vọng gì a cậu !

Ngâm :

Chiêm-bao nào có chắc đâu.
Để cho cậu cháu lẩu-lẩu-lẩu buồn rầu !

Tú-Uyên nói :

Cậu cũng buồn lắm a đồng, nhưng ta hãy cố đợi xem.

Ngâm :

Gió chiều như gợi cơn sầu,
Chẳng thà ôm gẫy cột cầu đợi ai.

Bà cụ bán tranh ra rao :

Có ai mua tranh không ?

Tú-Uyên :

Chào cụ, cụ bán tranh thế nào ? Cụ cho tôi xem để tôi mua thưa cụ.

Bà cụ :

Tôi bán tranh tố-nữ đây, đẹp lắm, nhưng giá đắt lắm, cậu muốn mua à ?

Tú-Uyên :

Thưa cụ, cụ hãy cho tôi xem bức tranh có đẹp tôi mới mua, dẫu đắt thì đắt.

Bà cụ đưa bức tranh nói lối :

Đây đẹp lắm đẹp lắm ; mà xinh ghê xinh ghê, chắc cậu xem là cậu phải mê, nên tôi bán thì tôi bán đắt.

Ngâm :

Năm quan mua lấy miệng cười,
Mười quan không tiếc tiếc người xinh-xao.

Tú-Uyên mở bức tranh xem nói lối :

Mà đẹp thật đẹp thật ; khéo xinh sao xinh sao. Hết như người hồ Ngọc hôm nao ; hay để gái động-đào đó tá ?

Ngâm kiều lầy :

Vẻ chi một đóa yêu-đào,
Mừng mừng tủi tủi xiết bao là tình.
Ví chăng duyên nợ ba-sinh,
Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong.

Nói :

Thưa cụ, thế cụ bán bao nhiêu tiền, đắt tôi cũng mua.

Bà cụ :

Mười-lăm quan đó cậu ; năm quan miệng cười, mười quan người đẹp, cộng là mười lăm quan quí đó cậu.

Tú-Uyên xin vâng, trả tiền.

Bà cụ nhận tiền. Các hạ.

Đồng nói :

Cậu đưa bức tranh con xem nào.

Tú-Uyên không đưa, nói :

Này Đồng, bức tranh của cậu mua đắt lắm, nhưng đẹp lắm, y như người tiên sa hôm nọ, để cậu giữ mày không xem được.

Đồng lắc đầu nói:

Hừ tôi tưởng cậu cháu mình đi chuyến này lại gặp được cô tiên hôm nọ, có nhiều cô be-bé, thì tôi mới thích chứ, giờ chẳng gặp ma mèo nào, cậu mua được bức tranh, có mỗi cô tố-nữ, mà cậu giữ bo-bo, thì còn có thú-tình nước gì, thôi đi về a cậu.

Cùng hát cách về :

Rạng ngày (tình) ra chốn cầu Đông,
Mấy tay (bây giờ) mua bức (chứ đã)

tranh lồng tố-nga; tưng-bừng (song) nét liễu mày hoa (y ối y). Tưng-bừng (tình) nét liễu mày hoa, da mơn (là) mơn-mởn tuyết (chứ đề) tóc rà-rà mây; ngàn dâu (tình) bóng xế thành tây (y ối y). Ngàn dâu (tình) bóng xế thành tây, tớ thầy (bây giờ) thơ-thần (chứ đã) gian tay ra về: gió trăng (song) lưng túi đề-huề.

(Hạ màn)

Thay cảnh nhà học

Tú-Uyên ra ngồi nói lối:

Như tôi trước dạo chơi hồ Ngọc, gặp tiên-nương trao lá thơ hồng; nay qua phố cầu Đông, nhờ thần-mộng mua tranh thủy-mạc. *Tán*: A như bức tranh này. *Lối*: Vẻ người khuê-các; dáng khách lâu-đài. Trăng cong uốn nét mày ngài; sóng gợn in làn mắt phượng. Nhác coi thần-tượng; sực tưởng tiên sa. Nhìn càng tươi-tỉnh mặt hoa; sá nỡ lìa xa má phấn. *Tán*: Âu mình hãy treo lên vách này, để gần kề ngắm-nghía và ngâm đề mấy câu thơ chơi:

Ngâm thơ:

Má hồng ai khéo mạc nên tranh,
Liễu yếu đào thơ nét mỏng-manh;
Liếc gợn làn thu mày ngấn biếc,
Rẽ chờm vẻ nguyệt tóc rà xanh;
Muôn vin nghìn gọi e không nói,
Một mỉm trăm ưa muốn có tình;
Lòng thầm dễ đem đề bức họa,
Biết chăng chăng biết khách vườn quỳnh.

Ngâm thồng:

Hỡi ai nghiêng nước nghiêng thành,
Để mình bề ái trời tình ngả nghiêng.
Bút hoa khôn tả sầu riêng,
Thơ đề rụng lá rượu nghiêng chếch bầu.
Bức tranh ai điểm nên mầu,
Xem hoa luống những đeo sầu vì hoa.
May nay xum họp một nhà,
Đượm-nồng nét phấn mặn-mà tấm son.
Còn trời còn nước còn non,
Còn mây còn gió hãy còn đấy đây.

Đồng chạy ra nói:

Này cậu, gớm cậu mua được một bức tranh mà cậu làm quá như được người thật, tự cổ đến giờ, có ai lại ăn ngồi với tranh, năn-nỉ với tranh, rồi đến vật-vã vì tranh, ngơ-ngẩn vì tranh bao giờ, chả hay người đẹp trong tranh, có mài ra mà ăn được không, hử cậu?

Ngâm thơ Xuân-Hương:

Còn một thú vui sao chẳng vẽ,
Trách người thợ ấy khéo vô-tình.

Hát tiếp trống-quân:

Khéo vô tình mà sao cậu tình ngây, người trong tranh dù đẹp nhưng cay nỗi gì? Hay cay vì cái cù-kỳ, hay cay vì cái giấy mực đen sì trắng phau? Cậu đừng cay cú không đâu, lại càng thêm dãi tấm sầu sầu riêng. Dù tình có muốn ngả-nghiêng, sao bằng cưới vợ quây riêng động-phòng.

Tú-Uyên:

Chi thằng, cậu thấy bức tranh đẹp, mà cậu yêu cậu mến, yêu vì cách thanh-nhã, tình cao-thượng, chứ có phải như trần-tục đâu, a đồng. Thôi giờ mày hãy ở nhà sắp sửa cơm nước, để cậu đi học về cậu ăn, hay là mày thấy cậu đi, mày lại nhảy đi nô với trẻ đấy?

Đồng nói:

Vâng vâng, cậu cứ đi học, còn cơm nước ở nhà, mặc con sắp sửa a cậu.

Tú-Uyên vào.

Đồng nói ngoài:

Hử cậu tôi dặn thế, nhưng giờ cậu tôi đi vắng rồi, mình hãy đi ra ngoài này, rủ bọn trẻ đánh ô đánh đáo, quần ngựa nhảy vòng chơi, còn cơm nước đến trưa về sẽ hay.

Ngâm lối anh khóa:

Chớ này cậu khóa ơi, chủ vắng nhà thì gà mọc đuôi tôm, mình hãy đi đá

chọi về sắp bữa cơm hôm cũng vừa, (*pha giọng ca tam-thất*) tình bằng cũng vừa ơ ớ ơ ơ. (*Hạ*)

Dáng-Kiều từ trong bức tranh hiện ra làm cơm, nói lối :

Tôi Dáng Kiều thần-tiên hóa phép; cùng Tú-Uyên duyên kiếp hẹn-hò. Nhớ xưa dạo cảnh Ngọc-hồ, thơ đề rụng lá; ai đó tới đền Bạch-mã, mộng tưởng tìm hoa. Nẻo cầu Đông xa mượn phép Phật-bà; sông Tô-lịch hiện bàn tranh thần-nữ. Nay vì chàng tư-lự; ngày toan bữa sớm chiều. Nhân khi nhà cửa vắng teo; tạm chút hình thần hiện rõ. (*chớp điện*).

Lững-thững từ trong bức tranh ra ngồi vỉa bồng-mạc :

Này ớ ai ơi, hừ hừ mặt mày ai vẽ nên xinh, khéo ngẩn-ngơ chi một mảnh tình, bóng trăng chênh, nhành hoa nở, khi ngùi thương, khi ngẩn nhớ, những lần lần lữa lữa, lần lần lữa lữa sợi tơ mành vấn-vương. *Sa mạc* : Ngẫm mình tơ liễu Đài-chương, lồng tranh tỏ nét bóng gương in ngần; ví không duyên kiếp nợ-nần, thì đem thân xuống cõi trần làm chi? Tấm riêng riêng những nặng vì, khuê-phòng cơm nước nữ-nhi việc thường. *Gọi* : Ới a-hoàn ra đi làm cơm nước đây. (*chớp điện*)

A-hoàn bưng mâm cơm ra nói lối :

Chốn động-đào xa cách; từ trong vách hiện ra. Tiện cơm bưng nước rót việc nhà; đủ chả lụa giò hoa mọi món.

Bưng mâm cơm đặt xuống bàn nói :

Dạ, thưa cơm nước, tôi đã sắp xong rồi đây ạ.

Dáng-Kiều đứng xem mâm cơm ca hành-vân :

Lựa cơm trời, lựa cơm trời, lẫn vị vị trần-ai, mùi rau nước cá vược tôm tươi, ấy ưa mùi thanh-đạm.

A-hoàn ca tiếp :

Đàng xa cách lên non tiên, qua chợ trời mua, mùa gạo mùa nem hồ chả phụng.

Nói :

Thưa những thức ăn nem hồ chả phụng, tôi mua từ chợ trời mang xuống đấy ạ.

Dáng-Kiều ca tiếp :

Người tiên động, dọn cơm tiên, hết bao tiền, cơm vừng canh đậu, với đào tiên đào-tiên.

Nói :

Ới a-hoàn, sắm những thức cơm vừng canh đậu và đào tiên, đắt tiền lắm đó.

A-hoàn ca tiếp :

Chứ cơm đó, dọn xong rồi, sẵn thịt đồi-mồi rượu quỳnh-bôi, quỳnh-bôi; cơm dọn rồi, xin hãy xa lui, kẻo người bắt gặp, cuộc trần thêm sự lôi-thôi.

Nói :

Bẩm cơm rượu con dọn đủ các thứ rồi, có cả thịt đồi-mồi nữa đấy, xin tiên-chủ hãy lánh, kẻo quan-nhân sắp về lại bắt gặp chăng.

Dáng-Kiều nói lối :

Ê lộ-liễu cơ trời; sẽ biến dời gót ngọc.

Chớp điện, các hạ.

Thay phông cảnh đường đi

Đồng dắt trẻ hàng xóm ra nô đùa, hai đứa cùng hát đếm :

Dung-dăng dung-dẻ, dắt trẻ đi chơi, gặp đàn vịt trời, dương cung anh bắn, bắn bắn, con cốc nó lặn con le nó lội, con cò nó bay. (*Hai đứa cùng làm điệu bộ bắn, và cốc lặn le lội cò bay cùng đú dỡn*).

Tú-Uyên về bắt gặp, thét :

A đồng, mày không về làm cơm nước gì cho cậu về ăn, mày chỉ đi đú dỡn thôi à ?

Hai đứa cùng chạy tản lạc.

Tú-Uyên nói ngoài :

Hừ mình dặn thằng Đồng ở nhà sắp cơm nước, mà có lẽ bây giờ về phải nhịn đói, chớ cơm đâu mà ăn !

Thay phông nhà ở

Tú Uyên về nhà, Đồng cũng theo về. Tú-Uyên thấy mâm cơm dạy lồng-bàn để sẵn và lắm thức ăn lạ gọi Đồng hỏi :

A Đồng, chứ cơm nước mày sắp bao giờ, mà làm gì có những thức lạ như thế này? Chẳng biết là những thức gì cả !

Đồng ngó ra không biết nói :

Thưa cậu, cậu đi tôi cũng đi, cậu về tôi cũng về, không biết cơm nước ở đâu đem đến, hay là bên hàng xóm có ai đem cho chăng?

Tú-Uyên nói :

Chẳng biết ai cho, đang khi đói, thấy cơm mình hãy cứ chén đã.

Ngồi ăn nói lối :

A lạ thiệt lạ thiệt ; mà ngon thay ngon thay ! Hàng xóm đâu có đặng những thức này ; cõi trần nọ không ai hay vị ấy. Âu mình nay biết vậy ; hãy đợi mai xem sao. Có khi là cỗ thiên-tào ; không phải thức ăn hạ-giới, đó a Đồng.

Ca hành-vân :

Lạ thay là, lạ thay là, chả lụa lụa giò hoa, mùi rau nước so trước khác xa, dễ chăng tay thợ tạo ?

Đồng ca tiếp :

Đang xa cách, tôi đi chơi, nào biết là ai, mời dâng mời dâng mời mâm cỗ.

Tú-Uyên ca tiếp :

Giò hoa nọ đọ nem công, cỗ tơ hồng ăn nhiều thú vị, đặng còn mong, còn mong.

Đồng ca tiếp :

Chứ xơi đó, đợi mai ngày, có cỗ mâm đầy, lại càng hay càng hay. Chén rượu đào cậu nhấp nồng cay, hết đà lại rót, còn nhiều non nước mưa mây.

Nói :

Thưa cậu, có mỗi một nậm rượu bằng một tí này mà cậu uống mãi không hết, có lẽ là rượu hóa, cậu xơi rồi cậu thử cho con nếm mỗi thức một tí, xem có ngon và lạ miệng lắm không a cậu ?

Tú-Uyên nói :

Đây, cậu ăn rồi, mày thử ăn xem.

Đồng ngồi ăn rồi ngâm :

Cơm ăn như cỗ nhà chay,
Nhưng mà kém ớt không cay chút nào.
Cơm rồi ngồi nếm quả đào,
Vị chua dôn-dốt nhạt thào không ngon.

Tú-Uyên nói :

Chi thằng, mày thì còn biết gì a Đồng.

Giật Đồng ra mé ngoài nói :

Này Đồng, cái mâm cơm này, cậu lấy làm lạ quá, âu là bây giờ mày cũng đi trường học với cậu, rồi về sớm ta nấp xem mâm cơm ở đâu, ai đem đến ? a Đồng.

Đồng nói :

Vâng vâng, cái sự đó lạ thật, nếu hàng xóm không có ai đem cho, có lẽ ở bếp nhà trời đem đến hay sao ? Vậy cậu cháu mình hãy đi, rồi sẽ về nấp xem a cậu.

Cùng hát cách đi :

Thông minh (song) vốn sẵn tư trời, còn khi (bây giờ) đồng-ấu (chứ hãy) mua vui cửa Trình ; trải xem (song) phong-cảnh hữu-tình (y ối y). Trải xem (song) phong - cảnh hữu-tình, lâm-tuyền (bây giờ) pha lẫn (chứ mấy) thị-thành mà ưa ; hoa đào (kia) còn đó trơ trơ (y ối y). Hoa đào (kia) còn đó trơ trơ, cỏ cao (bây giờ) hơn thước (chứ đã) liễu xơ-xác cảnh ; nhớ người (song) gặp chốn Văn-đình (y ối y). Nhớ người (song) gặp chốn Văn-đình, lòng thơm (bây giờ) quanh cả (chứ mấy) bên

mình mĩ-nhân; một khi (đà) ra tới tràng văn (y ối y).

(Các hạ)

Dáng-Kiều lại từ trong bức tranh hiện ra nói lối:

Chàng xơi qua bữa sớm; mình liệu sắp cơm chiều. Trước mành ngọn gió hắt-hiu; nương bóng lồng tranh biến-hiện.

Chớp điện.

Đi lững-thững từ trong bức tranh ra ngồi soi gương sửa khăn áo, vỉa bồng-mạc:

Này ơi ai ơi, hử hử, tơ duyên gái nặng vì chồng, bức tranh hồng, lồng gương bạc, việc nhà gánh vác, nặng một gồng giang-sơn.

Sa mạc:

Chàng còn vui mảng sách đờn, sửa sang xiêm áo chập-chờn bước ra. Sắm-sanh dưa mắm tương cà, mọi mùi dã-vị đề mà sớm hôm.

Tú-Uyên và Đồng về đứng lóng nghe. Tú-Uyên nói:

A Đồng, cậu nghe có tiếng người văng-vẳng, mày sẽ lẻn vào mày nấp xem, hễ thấy người, mày sẽ lẻn ra mày mách cậu nhé, lẻn cho khéo a Đồng.

Đồng vâng, lẻn vào nấp nom, mải miết chạy ra, giật cậu ra mãi ngoài xa, hát đêm bảo:

Người đẹp như trời, người đẹp như trời, cậu ơi hỡi cậu; cậu vào lối hậu, cậu nấp cậu rình, tình tình tình rình, quá lới nọ rình cho đích danh (*1 dịp*). Người đẹp trong tranh, người đẹp trong tranh, hiện hình ra đó; cậu vào cậu ngó, đó nọ kia kia, tình tình tình kia, quá lới nọ kia trong kia (*2 dịp*). Cậu vào bên kia, cậu vào bên kia, trông tia người đẹp, cậu vào đứng nép cửa xếp ma dòm, tình tình tình dòm, quá lới nọ dòm rồi vớ ngay.

Tú-Uyên nói:

Mày chớ nói om-xòm lên kẻo lại biến mất, để cậu vào cậu xem.

Hai thầy trò cùng rén bước vào, mỗi người một bên nấp xem.

Dáng-Kiều ngâm sa-mạc:

Mặt trời đã xế về hôm, cái xiêm thắt áo trông nom bữa chiều.

Đồng chạy vội ra thét lối:

Ở cậu ơi cậu ơi; rõ cô nhé cô nhé. Người như tranh vẽ; đẹp bằng tiên sa. Thôi cô đừng biến ra ma; kẻo cậu tôi đà hóa mãnh.

Dáng-Kiều biến không kịp. Tú-Uyên chạy vội vào vớ lấy vạt áo, nắm lấy cổ tay nói lối:

A tình riêng một mảnh; mà nghĩa nặng trăm năm. Vì ai gió bắt mưa cầm; để bạn trăng chờ tuyết đợi. Lá thơ hồng hẹn thề sơn hải; duyên chi đào mong mỏi mưa mây. Người trong tranh may bắt gặp đây; gái cung nguyệt vò vầy chi tá. Thôi tự đây trao lời vàng đá, kết bạn sắt cầm. Đã nguyền hai chữ đồng-tâm; chi để năm canh giấc mộng. *Tán*: Vậy tên nàng là gì, xin ngỏ cho nhau biết, a nàng?

Dáng-Kiều nói:

Thương ơi, thiếp Tiên-chân là hiệu; xưa tên gọi Dáng-Kiều. Lẻ mười lăm mây nước dặt-dìu; ngoài đôi tám gió chiều ngần-ngại. Bởi kiếp trước nặng lòng ân-ái: luống e đàng duyên trái chông-chênh. Chốn Ngọc-hồ vẽ lá gửi thơ tình; sông Tô-lịch buông tranh lồng vẽ nguyệt. Nay thấy chàng nghiên bút vững lòng kim-thiết; thiếp cơm canh suy siết sự khuê-phòng. Khéo hay đâu vội nhác bóng hồng; âu đành vậy xe duyên chỉ thắm.

Nói tán: Dạ đàm thưa lương-quân, thiếp với chàng vốn là duyên kiếp, nên tự lúc đề thơ là rụng, khi lần bóng tranh lồng, thấy chàng vẫn một niềm vàng đá, nên thiếp mới hiện ra, mà sửa sang cơm nước, dỡ việc khuê-phòng, giờ chàng lại bắt gặp, vậy xin hãy buông ra, rồi sẽ nên đạo sướng tùy, giờ thiếp không biến-hiện chi nữa mà nghi ngại a chàng.

Tú-Uyên nói:

Ừ nhé, thế giờ tôi buông ra tiên-nương đừng biến hiện nữa nhé, kẻo tôi đã sống thác vì tình lắm bận rồi.

Ngâm:

Cùng nhau sinh-tử đã nhiều,
Còn trơ vàng đá bỏ liều trăng hoa.

Đồng nói:

Này cậu, cậu chớ buông mợ ra, kẻo mợ lại biến mất, thì rõ là rình chực công khống a cậu.

Ngâm:

Những là mơ-tưởng tiên sa,
Tiên mà biến mất ra ma thiệt hoài.

Nói:

Ấy cậu chớ nghe.

Tú-Uyên nói:

Chi thằng, mày biết đâu, thôi chạy ra để cho cậu tự-tình với mợ.

Đồng chạy.

Tú-Uyên cùng Dáng-Kiều ngồi ca kim-tiền:

Đôi ta dải đồng-tâm, khéo sánh so đôi bạn sắt cầm, hỡi người tri-âm, ấy là tri-âm; vương tơ tằm, vương tơ dện, duyên không nhầm, chừ mai trúc-mai hòa hợp, đặng hợp cung cầm, đặng hợp cung cầm; vương vì một mối tình-thâm, vương vương vì một mối tình thâm, trăm năm tình tự, muôn sự nào sai, chớ phai hỡi người tình tự.

Dáng-Kiều nối lối:

A này duyên đà họp mặt; nghĩa kết đồng-tâm, vin tay thử rút ngành trâm; làm phép hóa ra thể-nữ.

Tán: A này cậu, giờ tôi đã nên ngãi vợ chồng, âu thiếp phải rút chiếc trâm này, vạch lá thảo tờ thư, để gọi cho a-hoàn nó xuống ở hầu đây, a cậu.

Tú-Uyên nói:

Nếu thế được thì còn nói gì nữa!

Đồng chạy vội đến:

Thưa mợ ngày xưa con thấy mợ có nhiều những cô be-bé, coi xinh xinh đáo để, giờ xin mợ gọi xuống cho con vài cô thì con thích quá, lạy mợ.

Dáng-Kiều rút trâm vạch lá thảo thơ, ném lên trên luồng gió, cầm cành hoa phất gọi:

Ớ a-hoàn, lai đáo, lai đáo.

Hai ả-hoàn hiện ra, Chớp điện.

Cùng hát điệu đào-nghiêm:

Cõi trần-thế tơ tình xắc-mắc, cung Quảng-hàn vằng-vặc bóng trăng soi; nửa vầng trăng ai xẻ làm đôi, thoảng trận gió pha đồi rụng lá. Nghe tiên-nữ thay hình trong bức họa, gọi a-hoàn nay vạch lá thảo thơ; thích ngành trâm mượn gió đưa tờ, phận hồng-thủy dám lửng-lơ ngần nước biếc. Khéo nhơ-nhởn hoa cười trăng liếc, xâu hạt vàng nâng chiếc kim-thoa; ngập-ngừng hai ả tố-nga.

Đồng nom thấy ngấp-nghé chỉ trỏ hát trống quân:

Ngập-ngừng hai ả tố-nga, nhác trông rõ thật tiên sa xuống trần. Thằng tôi bé chửa biết xuân, mắt thịt phàm-trần coi cũng sướng sao. Nếu tôi lấy được cô nào, tôi về tôi bán cả ao lên trời. Trời nghe trời cũng nực cười, cười thằng bé tục lại đòi lấy tiên. Lấy tiên nhưng cóc có tiền, vậy nên thằng bé nó lên trời bán trời. *Nói:* Ở trời ơi đẹp là đẹp.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

VĂN-UYỂN

Khuyến việc học Quốc-văn

I

Đàn ta, ta gảy vui thay,
Tiếng ta, ta nói nghe hay tạ-lùng.
Người Nam quên tiếng Tiên-Rồng,
Tấm lòng há chẳng ngại cùng nước non.

CAO VĂN-HAI (*Gò-công*)

II

Riu-rít đàn chim kêu,
Cha truyền con nối theo;
Huống là tiếng mẹ đẻ,
Ta có lẽ không yêu?

III

Chim không quên tiếng gọi,
Người sao quên tiếng nói?
Nghe chim dạ bàn-hoàn,
Nước non tình khắc-khoải!

ĐỖNG-HỒ (*Hà-tiên*)

TRỌNG-TOÀN *sao-lục*

Mấy lời khuyên học-sinh về dịp Nguyên-đán

Ông Nguyễn Văn-Kiêm giáo-học Tăng-hòa Gò-công, trước đã tìm-cách cổ-động việc học quốc-văn ở tỉnh Hà-tiên, nay lại cổ-động ở tỉnh Gò-công. Nhân tết Nguyên-đán vừa đây có tổ-chức một cuộc lễ ở trường sơ-đẳng làng Tăng-hòa. Có mấy lời khuyên học-sinh sau này:

Chiều sớm những dùi-mài kinh-sử,
Lấy bút-nghiên phận-sự làm vui;
Thì giờ thấm-thoắt đưa thoi,
Gió đông đã báo cho người xuân sang.
Tiết xuân đến hơi dương đầm-ấm,
Việc sách đèn nay tạm nghỉ-ngơi;
Ngày xuân bạn trẻ vui cười,
Trong xuân lại có mấy lời cảm xuân:
Đời niên-thiếu khỏi phần lo nghĩ,
Chỉ sớm hôm gắng chí học-hành;
Mà trong biển học mông-mênh,
Biết đâu phương-hướng cho rành mà
Gọi là có đôi điều khuyên-nhủ, [theo.
Học sao cho khỏi bỏ công-phu;
Dầu sao cũng tiếng học-trò,
Thì sao cũng phải rán cho kịp người.
Vận-hội mới đổi dời thế-cục,
Đời cạnh-tranh khoa-học phải chuyên;
Hoàn-cầu trong bấy nhiêu niên,
Làm nên động-địa kinh-thiên đùng-đùng.
Văn-hóa cũ chớ lòng rẻ-rúng,
Biết đem ra ứng-dụng càng hay;
Văn-minh hình-thức đổi thay,
Trong tinh-thần dẫu đông-tây khác nào.
Khéo là biết đắn-đo suy-nghĩ,
Biết tu-thân lập-chí cho kiên;
Hồn Đại-Việt, giọng Hàn-Thuyên,
Tiếng ta ta phải biết chuyên học-hành.
Có luyện-tập mới thành lợi-khí,
Năng trau dồi ý-vị càng thanh;
Vẽ vời nước biếc non xanh,
Nói-năng tư-tưởng cảm-tình cùng nhau.
Chỉ tiếng ấy ta mau hiểu biết,
Mới mong đem giải hết tâm-can;
Tẻ vui những lúc hợp tan,
Lời mừng lời tủi muôn vàn ái-ân.
Tấm hi-vọng nồng-nàn là thế,
Những ước-mong bạn trẻ mai sau;
Cuộc đời nào biết chừng đâu,
Ai hay những kẻ anh-hào là đây!
Còn trong buổi thơ ngây trẻ dại,
Còn phải lo gắng-gỏi học-hành;
Ngày xuân này với tuổi xanh,
Cứ chơi cho thỏa tấm tình trẻ thơ.
Cho tỏ những thì giờ mệt-nhọc,
Cho tâm-hồn đầu óc thảnh-thơi;
Còn xuân, còn học, còn chơi,
Chơi thời thỏa-thích, học thời siêng- [năng.

NGUYỄN VĂN-KIÊM *soạn*

TRÚC-HÀ *nhuận sắc*

Ngày xuân mừng bạn : Nguyễn Trọng-Toàn

Mát-mẻ đất Dương-hòa, vườn Tri-đức, đượm màu hoa Vạn-thọ ;

Êm-đềm trời Tân-trụ, cửa Văn-tài rạng vẻ nét Tam-đa.

NGUYỄN HUỲNH-MAI (*Gò-công*)

Mừng quan Thanh-tra sơ-học tỉnh Gò-công Nam-kỳ

(Bài này tôi đã đọc về tháng 12 năm 1932, thử tìm cách cổ-động quốc-văn, tôn-trọng quốc-văn, thử dùng quốc-văn để đối với một người Pháp rất có cảm-tình với con em Nam-Việt, ông N. H.-M. có nhuận-sắc).

Khổng-tước trấn, nức mùi lan huệ,
Đốc-học-đường mai quế điểm-trang ;
Kính thành dâng mấy lời vàng,
Ngẩng trông lượng cả qui-quan chứng
Ngài từ thuở xem trong ty-giáo, [lòng.
Biết bao phen dạy bảo nhủ khuyên ;
Dắt-dìu con cháu Rồng Tiên,
Dò đường Tri-đức theo miền văn-minh.
Thầy cần-mẫn, học-sinh chăm-chút,
Trường học đều đông đúc khắp nơi ;
Gật đầu gõ dịp hát chơi,
Tỏ lòng thành-thật bằng lời quốc-văn.
Tân-xuân, phước lộc thọ tăng.

NGUYỄN VĂN-KIỆM

. .

Tặng bạn lúc phân-ly

I

Yến oanh hoan hội hẳn còn khi,
Gặp cảnh nên đành phải dứt đi ;
Giấc mộng mơ-màng cơn hội hợp,
Mối sầu giong-ruổi bước phân-ly ;
Sơn-hà ngảnh lại hoa thơ-thớt,
Phong-cảnh trông qua cỏ rậm-rì ;
Mây nước mênh-mang cơn gió giật,
Nỗi niềm chăng thấu khách tương-tri ?

II

Cách biệt thêm xui nỗi đoạn-trường,
Bóng chiều như nhuộm vẻ thê-lương ;
Cuối ngàn lạc bạn chim nhao-nhác,
Đáy nước trơ tình cá vẫn-vương ;
Ngao-ngán thay cho tình với cảnh,
Xa-xôi đâu nỡ phụ hay phàng ;
Mảnh trăng ai xẻ làm đôi nhỉ ?
Nửa chiếu phương trời nửa cố-hương.

Nghĩ mình

Nghĩ cái thân ta cũng nực cười,
Như trò của lũ trẻ con chơi ;
Nghe văn dạn mặt đành an phận,
Nói võ run gan lại thẹn tài ;
Điều muốn qua non e ngược gió,
Ngư toan tới bể sợ ngăn chài ;
Non sông cũng muốn đền ơn lớn,
Bởi thế nên mang tiếng miệng đời.

Cảnh hoàng-hôn

Bóng thiềm trước mái thung-thăng mọc,
Mảnh ác bên đoài lẳng lặng trôi ;
Còi rúc điểm tuần vang ngõ trúc,
Gió hiu-hiu thổi hạt sương rơi.

Khách nhà quê ra Hà-nội

I

Nghĩ mà thêm chán gái nhà quê,
Hà-nội cô nào cũng thích mê ;
Môi thắm xen vào răng trắng lốp,
Má hồng pha lẫn tóc đen ghê ;
Quần buông thướt gót, giầy thêu bướm,
Khăn quấn ngang đầu mái giắt huê ;
Ta thấy ta nhìn ta lại ước,
Nhưng mà e sợ lúc khi về.

II

Khi về e tối lạc đường ta,
Gai góc đâm vào lại rách ra ;
Đứng lại càng thêm sinh thói nguyệt,
Đi về kẻo nữa chết vì hoa ;
Trong lòng có biết ai ra các,

Ngoài mặt đừng xem vểnh tóc gà;
Thân giữ thân mà e kẻo lạc,
Thôi về yêu vậy gái quê nhà.

III

Quê nhà gái ghét cũng nên yêu,
Khỏi phải săn nuôi khỏi phải chiều;
Son phấn mua mà e phận kiết,
Nâu sồng chọn lấy truyện duyên keo (1);
Choang-loang chẳng ước gì tươi-tốt,
Mộc-mạc thôi đành nỗi mốc-meo;
Một nọ hai kia ai chẳng thế,
Can gì ước nữa họ sinh kiêu.

Chơi hồ Hoàn-kiếm

Một vũng trong xanh bóng xế chiều,
Dịp cầu Thê-húc ghếch non kiêu;
Làn cây gió giạt chim nhao-nhác,
Mặt nước sương sa cá dập-dìu;
Bóng Kiếm hồn Rùa tăm đã lặn,
Đài Nghiên tháp Bút cảnh như thêu;
Một vùng hương ngát tình quên tục,
Cái cảnh phồn-hoa cảnh dễ yêu.

Mùa đông ở Bá-giang

Trời đông cảnh Bá những tiêu-điều,
Vân-vụ mây tầng cảnh quạnh hiu;
Mưa rót-rót sa đầm ngọn trúc,
Gió hiu-hiu thổi giạt tầu tiêu;
Cuối làng lác-đác đàn trâu mộng,
Cạnh xóm lao-xao dẫy chợ chiều;
Ngọn nước xa khơi trông đỏ ảy,
Cảnh tình chan-chứa biết bao nhiêu.

Cảnh nhàn

Xuân hoa tiết cuối mầu tươi nhạt,
Thu-nguyệt thời qua bóng sáng lòa;
Nguyệt sáng hoa tươi ta gặp buổi,
Dật-dìu chén rượu tiếng ngâm-nga.

THANH-TƯ (*Hà-đông*)

(1) Duyên keo sơn.

TRUNG-DU TÙNG-VỊNH

中遊雜詠

(Du-lịch xứ Trung-kỳ năm 1928)

1.— Núi Non-nước

Núi Non-nước tên chữ là Dục-thúy 浴翠, đứng mé bờ sông phía tây tỉnh-lị Ninh-bình, dưới chân có động, trên ngọn có đình, thổ-nghi trồng được thứ kim-cúc thơm. Đời Trần ông Trương Hán-Siêu 張漢超 khi về hưu-quan thường tới ngâm-vịnh, hiện nay vách đá đề thơ, còn nhiều di-mực của cổ-nhân lưu lại.

Vô tận kho trời nước với non,
Ai người non-nước trạnh lòng son;
Ba-đào lái thuận con thuyền nhẹ,
Phong-vũ bia cao vách đá mòn;
Động cũ chuông reo hồi hắc-dạ,
Đình xưa ác dọi bóng hoàng-hôn;
Lâm-tuyền đây tá, hay thành-thị,
Chén cúc tiêu-dao gọi đỡ buồn.

2.— Đền Sùng-sơn

Đền Sùng gần đường xe hỏa thuộc ga Bỉm xứ Thanh, thờ bà Liễu-hạnh công-chúa 柳杏公主, nơi này rừng thiêng núi độc, lắm hổ báo dữ, ngoài ngày hội về hạ-tuần tháng hai ra, ít người vãng-cảnh.

Ga Bỉm đường quan tạm gác xe,
Sùng-sơn nơi ấy hỏi gần kề;
Hương thơm lửa ngát thờ muôn thủa,
Cỏ đẹp hoa xinh cảnh bốn bề;
Chặt núi hầm-beo chồn mất ngầm,
Vang rừng chuông trống ngần tai nghe;
Chút thành khấn khứa trời a-hộ,
Hồ-thỉ hai vai quản nặng-nề.

3.— Cầu Hàm-rồng

Sông Hàm-rồng gần thành Thanh-hóa, sâu và chảy mạnh, dưới lòng nhiều đá, hai bờ núi ngất, vì sự khó-khăn đó Chính-phủ phải bắc cầu sắt treo, trông xa dáng như một nửa vành trăng.

Hai bên núi đứng, giữa sông lao,
Rồng hỡi cầu đây khởi lúc nào?
Cánh phượng thẳng bay đôi mố nhẹ,
Lưng xà khom vất một luồng cao;
Treo-leo khách giữa cơn mây biếc,
Đi-lại người trên ngọn nước trào;
Ai nhỉ vô Thanh đây trước nhỉ,
Đề-kiều tích cũ nhớ chăng nao?

4.— Động Bích-đào

Động Bích-đào 碧桃 thuộc huyện Tống-sơn Thanh-hóa, là một động trong 36 động. Tục truyền đời Trần Thánh-tôn ông Từ-Thức 徐式 gặp nàng Giáng-tiên 絳仙 nơi đó. Từ đồng bằng tới cửa động đã có bậc đá lát sẵn vào trong hang chạy nhiều ngách, ngã ba ngã bảy. Phong-cảnh thiên-nhiên hình đá xuất-hiện thường giống như là: Quần-tiên hội-ẩm, bàn cờ, kho thuốc, chạn muối, ao bèo, cùng là cây thóc, kho bạc, rồng ấp, hổ phục, v.-v...

Trời-đất đùa chơi khéo thủ-thêm,
Động sâu tơ vướng xiết bao tình;
Đường vào trăm ngóc, hang quanh-quất,
Cửa bước muôn thang, đá gập-ghềnh;
Chén rượu quần-tiên say tỉnh gác,
Nước cờ hóa vật xóa bày quanh;
Ba mươi sáu động đây là một,
Duyên nợ thương ai lại gớm mình.

5.— Động Lam-sơn

Động Lam-sơn 藍山 ở Thanh-hóa, là nơi rừng rậm pha ít núi đất, còn xung-quanh thì núi đá, Sử chép vua Thái-tổ 太祖 triều Lê 黎 khởi-nghĩa chống quân Minh, phát-tích tự đây.

Linh thiêng động cũ tiếng truyền nay,
Ấy động Lam-sơn cái động này;
Bốn mặt quan san nền đế-nghiệp,
Một mầu hoa thảo thú Thiên-thai;
Hồ ôm lốt cũ gầm hang tối,
Cuốc trạnh hồn xưa thét nắng ngày;
Lăng cốc cơ trời bao biến-đổi,
Gươm thần phảng-phất gió còn gây.

6.— Đền vua Thục

Núi Mộ-dạ 暮夜 thuộc huyện Nghi-lộc xứ Nghệ, sườn núi có nóc đền thờ vua Thục An-dương-vương 蜀安陽王 xa cách bãi bể không mấy. Sử-ký chép: Vua người nước Thục tên là Phán 泮, sang ta thay họ Hồng-bàng làm vua được 50 năm, gọi nước là Âu-lạc 甌貉. Bình-nhật có xây thành Loa-thành 螺城 vòng-xoáy như ruột ốc, và nhờ được thần kim-quy giúp sức, thần có trụt móng cho vua làm máy nỏ, trong một phát tên bắn trúng muôn người. Bấy giờ bọn giặc là Triệu Đà 趙佗 giả-cách xin hòa, mà cho con là Trọng-Thủy 仲始 sang cầu-hôn nàng Mỵ-châu 媚珠 là con gái vua, rồi trộm máy nỏ đưa về. Không lâu Triệu Đà kéo quân sang, vua thua chạy đến núi Mộ-dạ này thì cùng đường, liền cầm mảnh văn-thiên-tê xuống bể đi mất. Sách nói « Nam-hải đồ cùng 南海途窮 » là vậy.

Muôn dặm xanh-xanh giải núi trường,
Miếu thần tha-thướt bóng tà-dương;
Giang-sơn trải mấy tường mưa gió,
Đống vũ còn lưu dấu lửa hương;
Thành ốc bia ghi nền kiến-trúc,
Vỏ rùa máy gác truyện hưng-vương;
Năm-mươi năm chẵn trời Âu-lạc,
Qua lại xui ai luống đoạn trường.

7.— Đảo Song-ngư

Đảo Song-ngư 雙魚 ở giữa bể Chân-phúc tỉnh Nghệ, cách bờ ước hai cây số. Đảo chia làm hai ngọn, trông xa giống như đôi cá úi phơi mặt nước. Cổ-sấm có câu: « Bao giờ đảo cá tới bờ, trong làng Chân-phúc có vua ra đời. » 雙魚到地，眞福生王。

Một trời một biển chốn mênh-mông,
Đảo cá trơ trơ trấn giữa dòng;
Muôn dặm đường Côn toan chắp cánh,
Ba tầng ải Vũ cố ra công;
Buồi trào lơ-lửng làn cây phủ,
Vẩy đá gô-ghề lớp sóng chồng;
« Chân-phúc sinh vương » còn truyện cũ,
Liền bờ ai những đứng trông mong.

8.— Núi Hồng-lĩnh

Núi Hồng-lĩnh 鴻嶺 nhất danh là núi Phượng-hoàng 鳳凰, vì lúc trước chim phượng và chim hồng thường đậu, nhân mới thành tên. Núi này gần bờ bể giáp Nghệ giáp Tĩnh, có 99 ngọn, ngọn cao nhất trong có động Hương-tích 香積, Thời Lê-mạt cụ Nguyễn Tiên-điền 阮仙田 thường tới ngâm-đề và săn-bắn, tự-hiệu là Hồng-sơn liệp-hộ 鴻山獵戶,

Chín-mươi-chín ngọn ngất mù cao,
Trái núi Hồng-sơn cảnh thế nào;
Lấp bể trơ gan vòng tuế nguyệt,
Ngang trời vững cánh lớp phong-
Đường trèo đá dốc cây xô-xát, [trào;
Động cũ hương bay gió ngạt ngào;
Ướm hỏi kìa ai săn bắn cũ,
Đàn văn còn thoảng nét tiêu-tao.

9.— Sông Lam-giang

Lam-giang 藍江 thuộc tỉnh Nghệ, sông sâu sóng dữ, hai bờ xa cách, khi bồi khi lở, phát-nguyên gần đảo Song-ngư, thuận dòng mà trông thì núi Hồng-lĩnh đứng ngay phía nam mé bờ có nhiều trại làm muối, và xưởng làm nước mắm, tối đến bọn đi bể đỗ về bán cá, thuyền như lá giải.

Bát-ngát canh khuya nước một dòng,
Sông Lam hờ-hẳng đứng ta trông;
Sóng nhô đầu bạc làn xuôi ngược,
Bờ tít gân xanh bóng nhạt nồng;
Mái điếm diêm-nhân hồi mõ gác,
Con thuyền ngư-phủ ngọn đèn giong;
Bốn mùa cảnh sắc coi như vẽ,
Trên đảo Sông Ngư, dưới núi Hồng.

10.— Đá Lập thạch

Thuộc huyện Nghi-lộc tỉnh Nghệ có bãi sa-mạc trồng những thứ thông, giữa bãi mọc một quả núi nhỏ, gọi là đá Lập-thạch 立石, trong có hang rỗng đi ngầm xuống tìm đất, rộng không biết bao mà kể. Đời Tây-sơn ông Phạm Nguyễn-Du 范阮攸 đưa gia-quyến tới đó lánh loạn, có đem cầm, kỳ, thi, tửu, khắc vào tảng đá, di-tích vẫn còn. Tương-truyền có nữ-tinh ở, và đêm tối có tiếng thần-đồng đọc sách. Cổ-nhân coi hình-tượng có đề câu rằng: « Muốn theo Hồng-lĩnh khom mình cợp, toan nuốt Ngư-sơn há miệng rồng ».

Dạn mặt tang-thương đá một hòn,
hênh-thênh trong rỗng biết bao chồn;
Ôm tài đặc-xuất nên thêm vững,
Bầm số dương-tinh vóc chẳng mòn;
Rượu chén cờ bàn di-tích cũ,
Mưa chiều gió sớm khối tình con;
Thần đồng gắng dữ nghề nho lại,
Thi, lễ đêm đêm tiếng thoảng còn.

11.— Đèo Ngang

Đèo Ngang tên chữ là Hoành-sơn 橫山, thuộc hạt Quảng-bình, luồng đá chạy dài, ngang chắn bờ bể, coi xa như là một dải Vạn-lý trường-thành, thật là một nơi thiên-hiểm, có cái thế một người sất-phu đương cửa, trăm người đứng ngoài không dám tiến-nhập. Thế-kỷ 18, hai chúa Nguyễn và Trịnh khởi cuộc chiến-tranh, đều lấy đèo ấy làm giới-hạn, trở về nam thuộc quyền chúa Nguyễn, trở về bắc thuộc quyền chúa Trịnh. Khi xưa bà huyện Thanh-quan ở Huế về, đã có bài thơ « Qua cảnh đèo Ngang », nay vẫn còn truyền-tụng.

Nam Bắc chia đôi cõi chiến-tràng,
Non sông ghi lại dấu đèo Ngang;
Xanh-xanh đá dựng muôn tầng ngất,
Trắng-trắng mây phong một dải trường;
Mỏi cánh trời hôm chim tới tổ,
Lầm tăm bể đục cá tìm hang;
Hồn văn sực tỉnh thơ bà Huyện,
Nỗi khách buồn tênh lại nỗi làng.

12.— Sông Danh

Sông Danh tức sông Linh-giang 靈江 ở Quảng-bình, sâu và rộng như bể, sóng reo nước chảy, chim muông không dám qua lại, mỗi ngày đò ngang chỉ đi được và lượt là tối, hành-khách ai cũng đổi chết. Lâu nay khai-hóa mở rộng, nhân nơi thượng-nguyên

hơi hẹp, bắc vững cầu sắt, khởi đầu từ đầu năm 1928, xe hỏa ở Bắc vào đã qua cầu này đi suốt tới Huế.

Sông sâu ai xẻ cát ai vo,
Một dải Linh-giang một bức đồ;
Rót bể nước gieo mầu bát-ngát,
Ngậm trời sóng giật luống lô-mô;
Dứt đường bằng-lẳng chim chồn cánh,
Vượt bãi lênh-đênh khách giối đò;
Khai-hóa ơn nay cầu bắc vững,
Tiêu-dao thêm tiện nước giang-hồ.

13.— Núi Ngự-bình

Núi Ngự-bình 御屏 đáng như chiếc màn chắn trước mặt kinh-thành Huế, nên gọi là Ngự-bình.

Danh-lam trời mở chốn kinh-thành,
Tiện nẻo vui chơi núi Ngự-bình;
Năm vẻ tường-vân hang lớp lớp,
Bốn mùa xuân sắc đá xanh xanh;
Quản-huyền tiếng luyện chim quen giọng,
Vũ-lộ ơn chan cỏ nhuận cành;
Đôi mắt kiền khôn cao ngắm lại,
Kia nền lang-miếu nếp công-khanh.

14.— Sông Hương-giang

Sông Hương-giang 香江 ở phía nam kinh-thành Huế, nước trong sóng lặng, hai bờ cây-cối xanh-tốt, điếu-đài của vua chúa khi trước, di-chỉ hãy còn. Hành-khách vô kinh đêm thanh thời thường đưa bọn kỹ-nữ buông thuyền bát-xướng, cho là một cuộc thắng-hội.

Sông sâu, sóng lặng, nước trong veo,
Phong thú Thần-kinh bát-ngát nhiều;
Một dải hoa trôi đào đỏ rậc,
Hai bờ lá dủ trúc xanh reo;
Khúc đàn gió sớm chen tầng gác,
Tiếng hát trăng khuya lần mái chèo;
Hồ hải ai người du-tử đó?
Tình riêng chan chứa biết bao chiều.

NGÂN-VÂN-ĐÌNH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tòa Nội-các nước Pháp

Tin Paris ngày 28 janvier

Tòa Nội-các nước Pháp lại bị đổ.— Tòa Nội-các bị 390 vé phản-đối, và được có 193 vé tán-thành. Tòa Nội-các bị đổ là vì đảng xã-hội bỏ không tán-thành cho và không ưng bỏ vé y việc tăng thuế lên 5 % mà ông PAUL BONCOUR thì lại xướng vấn-đề tín-nhiệm về việc ấy. Tòa Nội-các liền đưa giấy xin từ-chức với quan Giám-quốc LEBRUN.

Quan Giám-quốc đã cử ông DALADIER lập tòa Nội-các mới. Ông DALADIER năm nay 49 tuổi, nghị-viên ở hạt *Vaucluse*. Ông đã từng sung chức chủ-tịch đoàn Xã-hội cấp-tiến chức tổng-trưởng bộ Thuộc-địa, bộ Học-vụ, bộ Chiến-tranh và bộ Công-tác. Trước ông làm chủ-nhiệm báo *La République* là cơ-quan của tả-phái trong đảng cấp-tiến.

Tòa Nội-các mới đã thành-lập.— Ông DALADIER đã trình với quan Giám-quốc LEBRUN danh-sách các viên-chức trong tòa Nội-các mới như sau này:

Tổng-lý Nội-các, kiêm bộ Chiến-tranh: M. DALADIER;

Phó tổng-lý, kiêm bộ Tư-pháp M. PENANCIER;

Ngoại-giao: M. PAUL BONCOUR;
Nội-vụ: M. CHAUTEMPS;
Tài-chính: M. BONNET;
Sổ chi-thu: M. LAMOUREUX;

Hải-quân : M. LEYGUES ;
Thương-thuyền : M. FROT ;
Giáo-dục : M. DE MONZIE ;
Lao-động : M. FRANÇOIS ALBERT ;
Thuộc-địa : M. ALBERT SARRAUT ;
Hàng-không : M. COT ;
Trợ-cấp : M. MIELLET ;
Y-tế : M. DANIÉLOU ;
Bưu-điện : M. LAURENT EYNAC ;
Thương-mại : M. SERRE ;
Công-tác : M. PAGANON ;
Nông-phố : M. QUEUILLE.

Các chức phó-trưởng thì có những vị sau này :

Tại bộ tổng-lý Nội-các : M. GUY LA CHAMBRE ;

Tại bộ Chiến-tranh : M. HULIN ;
Tại bộ Kinh-tế : M. PATENÔTRE ;
Tại bộ Giáo-dục : M. DUCOS ;
Tại bộ Công-tác và Du-lịch : M. APPELL.

Trong tòa Nội-các mới có 19 ông thứ-dân nghị-viên, là M.M. DALADIER, BONNET, LAMOUREUX, CHAUTEMPS, MIELLET, FRANÇOIS ALBERT, PIERRE COT, QUEUILLE, PAGANON, HULIN, DUCOS về đảng xã-hội cấp-tiến.

M. APPELL về đảng cộng-hòa xã-hội.

M. de MONZIE về đảng xã-hội.

M.M. LAURENT, DANIÉLOU về tả-đảng cấp-tiến.

M.M. PATENÔTRE, GUY LA CHAMBRE độc-lập tả-đảng.

M.M. FROT và LEYGUES. không biên tên vào chính-đoàn nào cả.

Ngoại giả có bốn ông nguyên-lão nghị-viên là :

M. PAUL BONCOUR độc-lập.

M. M. PENANCIER, ALBERT SARRAUT và SERRE về đảng dân-chủ cấp-tiến và cấp-tiến xã-hội.

Tòa Nội-các mới đã tuyên-bố chương-trình như sau này : Có thành-thực thi-hành cái chế-độ nghị-viện tập-quyền thì mới chỉnh-đốn được tình-thế. Kíp chỉnh-đốn ngay việc tài-chính, lập lấy một số chi-thu quân-bình, và tu-chỉnh các dụng-cụ quốc-dân, đó là ba độ đường trong việc khôi-phục cho quốc-dân cộng-hòa và là công-việc tiên-phong về cuộc khôi-phục kinh-tế. Cái mục-đích sau cùng là sự khôi-phục việc giao-dịch thương-mại, mà muốn đạt mục-đích ấy phải tiến-hành dần dần mới được.

Ngày thứ ba này, tòa Nội-các đệ-trình nghị-viện một cái chương-trình chỉnh-đốn tài-chính, sẽ xướng vấn-đề tín-nhiệm mà xin nghị-viện kíp ưng-chuẩn ngay cho. Sổ chi-thu đã được quân-bình rồi, thì tòa Nội-các sẽ thi-hành một cái chính-sách hợp với tôn-chỉ của các chính-đảng dân-chủ lớn.

Cái chính-sách ngoại-giao của tòa Nội-các là đứng vào giữa hai cái mục-đích sau này : Bảo-vệ tổ-quốc cộng-hòa và duy-trì hòa-bình thế-giới. Tòa Nội-các quyết chí lo toan sự bảo-an cho nước Pháp, và các dân-tộc muốn có quyền-lợi ngang nhau phải gánh vác nghĩa-vụ bằng nhau. Nếu không như vậy, thì trên thế-giới mất lòng tin cậy lẫn nhau, và không sao khôi-phục lại nền kinh-tế thế giới được, không sao lập được chương-trình tài-binh, hoặc chương-trình trọng-tài, và Âu-châu cùng thế-giới không sao tiến-hóa trong cuộc hòa-bình được.

Chính-phủ Pháp sẽ bênh-vực cái lý-thuyết của nước Pháp về vấn-đề tài-binh tại Hội Vạn-quốc, và sẽ dự cuộc hội-nghị kinh-tế thế-giới, vì nhờ về cuộc hội-nghị ấy sẽ tìm được phương-sách phân-giải các việc phân-tranh gốc ở cuộc chiến-tranh mà sinh ra. Tòa Nội-các sẽ theo tôn-chỉ hòa-hiếu quốc-tế mà tìm lấy cái điều-kiện gây dựng một cuộc hòa-bình kinh-tế mà không phải tốn kém là bao. Tòa Nội-các sẽ điều-hòa cái chí-nguyện của nước Pháp với cái chí-nguyện của liệt-cường hữu-bang, và cố-sức bồi-đắp

mối liên-lạc các hữu-bang ấy với các cường-quốc có lòng giữ gìn không xâm-phạm đến các chế-độ của nước khác. Sau cùng tòa Nội-các quyết-chí giữ-gìn cái thanh-thế của một tòa Nội-các dân-chủ.

Lời tuyên bố của tòa Nội-các lời lẽ ngắn, và quả-quyết, nhất là có ý tôn-trọng các chế-độ dân-chủ, và tin cậy về cái năng-lực của một chính-phủ cộng-hòa. Ông DALADIER đọc ở Thứ-dân nghị-viện giọng đĩnh đạc. Đảng xã-hội cấp-tiến, và một số nghị-viên về đảng xã-hội vỗ tay biểu-đồng tình về đoạn cuối cùng.

Nghị-viên bàn bạc rồi bỏ 370 vé đối với 200 vé tỏ lòng tín-nhiệm.

Ông PENANCIER thì đọc ở Nguyên-lão nghị-viện, phần nhiều trong nghị-viện biểu-đồng-tình.

Hải-ngoại chính-đàm

Vì sao Nhật và Mĩ chưa giao-chiến? — Báo *Đuốc-Nhà-Nam* đã đăng nhiều bài tường-thuật tình-hình nước Nhật, nước Mĩ, nước Nga, nước Anh, nước Tàu ở cõi Viễn-đông này. Đứng trước những việc gay-go đã xảy ra ở Mãn-châu Thượng-hải và ở Hội Vạn-quốc bên *Genève*; đứng trước cái dư-luận ồn-ào, náo-nhiệt của báo-giới ở trong các nước ấy; đứng trước sự phòng-bị chiến-tranh hăng-hái cần kíp của mấy cường-quốc, nào là kiểm-điểm lục-quân, nào là thao-diễn hải-quân, nào là luyện-tập phi-thoàn, nào là phái đại-biểu đi du-thuyết để gắn-bó cái tình bang-giao cùng lân-quốc; đứng trước các cái cảnh-tượng ấy những môn-đệ thờ thần Hòa-bình đều phải lo sợ cho biển Thái-bình nay mai sẽ có máu chiến-tranh pha vào đỏ lòm.

Ôi thôi! những là: « Nhật Mĩ chiến-tranh, Nhật Nga chiến-tranh, Nhật dữ Anh Mĩ chiến-tranh, Thái-bình-dương thượng vị-lai chi chiến-tranh. Thái-bình-dương chiến-tranh vị-lai ký », v. v.. kể nội hai nước Nhật và Tàu, đã biết bao nhiêu sách, bao nhiêu bài nghị-luận về trận xung-đột sau này và phỏng-đoán cuộc thắng-bại cùng những sự kết-quả của cuộc bại-thắng!

Nhưng từ hồi nào tới giờ đại-bác thần-công vẫn còn im tiếng, lại thỉnh-thoảng có điện-tín cho ta hay rằng Nhật và Nga đang thương-thuyết ký tờ hòa-ước: Nga và Tàu đã kết tình thân-ái, Mĩ và Nhật muốn điều-đình phân-chia quyền-lợi.

Thấy những tin ấy, ta ở xa cuộc, tất-nhiên phải tự hỏi:

Có lẽ biển Thái-bình chưa đến lúc nổi trận ba-đào chăng? Ta tự hỏi vậy rồi mừng hay buồn, ấy là tùy theo quan-niệm về chủ-nghĩa quốc-gia riêng của mỗi người.

Nhưng vì những lẽ chi mà chưa có Nga, Mĩ, Anh, Nhật, Hoa chiến-tranh?

Lẽ thứ nhất là vì không ai dám chắc trước sẽ toàn-thắng.

Nhật có: 10 chủ-lực-hạm, 38 tuần-dương-hạm, 80 tiềm-thủy-hạm, 5 hàng-không-mẫu-hạm.

Mĩ có: 17 chủ-lực-hạm, 32 tuần-dương-hạm, 122 tiềm-thủy-hạm, 7 hàng-không-mẫu-hạm.

Anh có: 18 chủ-lực-hạm, 53 tuần-dương-hạm, 84 tiềm-thủy-hạm, 8 hàng-không-mẫu-hạm.

Vậy là sức hải-quân chiến-hạm của ba nước gần bằng nhau đàng 10, đàng 8, đàng 7. Nếu Anh hiệp-lực với Mĩ, thì số chiến-thuyền sẽ gấp ba số chiến-thuyền của Nhật, nhưng Anh Mĩ xa cách Nhật muôn dặm, chiến-thuyền khó đường vận-tải lương-thực, cũng bị giảm bớt nhiều công-hiệu đi. Vả lại Ấn-độ, Phi-luật-tân gần Nhật liệu có thể đối-thủ với Nhật được không?

Nếu Nhật và Anh hiệp sức thời cũng khó hạ được Mĩ, vì Mĩ nhiều lương thực, nhiều vàng bạc, nhiều

nguyên-liệu, hễ cuộc chiến-tranh càng dài bao nhiêu càng lợi cho Hoa-kỳ bấy nhiêu.

Nếu Huê-kỳ, Nga và Tàu đồng-minh, nhưng Nga và Tàu không có thủy-binh thì làm chi đặng quần-đảo Nhật? Vả lại Nga xa cách Nhật ngàn trùng, còn Tàu thì nội-loạn tứ-tung, biết đâu Nhật không khéo vận-động, dùng đảng nọ đánh đảng kia, tướng nọ đối thủ với tướng khác ngay ở nước Tàu? Ai có thể tin cậy lòng « tin » của con cháu họ Khổng họ Tôn ?

Vả lại dầu thắng dầu bại nước nào cũng vậy, sau cuộc chiến-tranh sẽ yếu sức, sẽ thua kém xa những nước ngoài vòng. Mà hình như Anh, Pháp chỉ muốn đứng ngoài vòng, mong hưởng những lợi-quyền của « ngư-ông » để bán được nhiều vật-liệu và súng đạn. Nhưng Mĩ, Nga, Nhật, có phải là kẻ dại đâu mà đi đánh nhau để thiên-hạ coi, để cho thiên-hạ lợi?

Lẽ thứ hai là mấy nước Nga, Mĩ, Anh, Nhật, Tàu, nước nọ đối với nước kia, đều là cừu-địch. Hiện tại Trung-hoa, như anh chàng có bốn gánh nặng trên vai: Nga chiếm-cứ Mông-cổ, Anh muốn thâu đoạt Tây-tạng, Nhật làm chủ-nhân-ông ở Mãn-châu, Mĩ lập hội truyền-giáo và nhà ngân-hàng khắp thành-thị, muốn giám-đốc cả cách sinh-hoạt về tư-tưởng và về kinh-tế của con cháu họ Tôn. Đánh nhau, nếu Nhật bại thì tăng thế-lực cho Nga, cho Anh, cho Mĩ; gánh bên hữu nhẹ hơn thời gánh bên tả nặng thêm. Trái lại, nếu Nga, Mĩ thua trận thì dân Nhật lại rộng cẳng tung-hoành thêm, làm thân cá nhỏ khó mà tránh khỏi cái số-phận bị cá lớn nuốt đi.

Đối với Hoa-kỳ và Anh-quốc một bên nạn cộng-sản lưu-thông khắp nước Tàu, một bên nạn dân Nhật di-cư sang Mãn-châu, muốn tiêu-diệt nạn nọ thì nạn kia thêm dữ, mà hai nạn đều có hại lớn cho việc thương-mại của hai nước. Đối với Nga-quốc, Nhật là cừu-địch ở Mãn-châu, mà Hoa-kỳ Anh lại cừu-địch ở khắp thế-giới, chủ-nghĩa cộng-sản đâu đâu cũng chạm trán với chủ-nghĩa tư-bản, đồ hàng-hóa của Nga đâu đâu cũng gặp đồ hàng-hóa của Mĩ, của Anh. Còn dân Anh không những lo nạn cộng-sản, trong các thuộc-địa lại phải lo sự cạnh-tranh hàng-hóa của Nhật, của Mĩ ở Viễn-đông, và sự cạnh tranh hải-quân của Mĩ ở Đại-tây-dương nữa.

Lẽ thứ ba là tuy quyền-lợi của Nga, Mĩ, Anh, Nhật, Tàu phản-đối nhau, nhưng mấy nước cũng phải cần nương tựa vào nhau. Nhật phải cầu dầu bôi là một nguyên-liệu cần dùng cho tầu thủy và máy bay. Nga ở phương tây có nhiều lân-bang ra sức phản-đối chủ-nghĩa cộng-sản và chỉ tìm cơ-hội tốt để trừ-diệt chánh-phủ Nga hiện-tại đi. Vả lại Nga thi-hành cái chương-trình cộng-tác năm năm, cho nên cũng muốn giao-hảo với Nhật ở phương Đông cho được rảnh trí để xây dựng nền xã-hội mới trong nước được vững-vàng. Còn Nhật đối với Mĩ thời là một bạn hàng tiêu-thụ nhiều hàng-hóa.

Một trăm phần bông gòn Hoa-kỳ xuất-cảng, Nhật mua hơn 40 phần. Thợ làm nghề dệt tơ lụa ở Hoa-kỳ có tới 30.000 người, mà tơ lụa ấy 78% mua ở Nhật. Như mấy tháng trước người Mĩ là LOWELL đề-xướng lên việc tẩy-chay hàng hóa Nhật, tức thì hơn 300.000 gia-đình Mĩ phải lâm vào cảnh thất-nghiệp làm náo-động cả trường chính-trị trong nước.

Vậy ta có thể hỏi: Mĩ cùng Tàu đánh Nhật hay cùng Nhật đánh Nga? Nga cùng Mĩ đánh Nhật hay cùng Nhật đánh Mĩ? Anh cùng Mĩ đánh Nhật đánh Nga hay cùng Nga cùng Nhật đánh Mĩ?

Ta lại còn có thể hỏi nữa: hay là vì quyền-lợi phản-đối lẫn nhau, vì quyền-lợi liên-lạc với nhau, vì không biết ai thắng-bại, vì nước nào cũng muốn

ngọn lửa phát lên ở nhà hàng xóm trước, còn mình thời làm khách bàng-quan, để được hưởng cái bản được nhiều súng đạn.

Vì những nguyên-do ấy, biển Thái-bình còn được yên sóng trong đôi ba năm nữa chăng?

Nếu có ngọn lửa chiến-tranh, chỗ phát-hỏa có lẽ không phải là ở Thái-bình-dương, mà có lẽ ở chỗ Pháp Ý giáp-giới, hay là ở chỗ biên-cương Đức Pháp, ở chỗ biên-cương Đức *Pologne*, hay ở chỗ biên-cương *Roumanie-Hongrie*.

Còn Pháp-quốc sẽ hiệp lực với nước nào?

TÂN-BỬ-NHO

(Đuốc-Nhà-Nam)

. . .

Thời-cục nước Tàu

Tình-hình miền Hoa-Bắc — Sang đầu tháng Janvier năm nay tình-thế miền đông-bắc nước Tàu lại càng nguy-ngập; quân Nhật và quân Mãn-châu đem đến họp cả ở biên-cảnh Nhiệt-hà và Sơn-hải-quan đến hàng mươi vạn. Quân Nhật định trong một tháng tiến chiếm Nhiệt-hà, làm cho Đông-tam-tỉnh lại càng lan rộng, để xoay đổi cái không-khí quốc-tế, để ngày 16 tháng giêng khi hội Quốc-liên khai hội phải hãm vào khốn-cảnh.

Tin Bắc-bình nói rằng: ngày 3 Janvier quân Nhật đánh vào Sơn-hải-quan, đoàn quân Thạch Thế-An có hơn nghìn người, chia 500 người giữ thành, 500 người ra ứng-chiến. Vì quân Nhật dùng máy bay ném bom và trái phá bắn vào dữ quá, 500 quân giữ thành chống lại không nổi, đều bị chết trận cả. Còn 500 người do Thạch Thế-An đốc-suất liều chết đánh nhau suốt ngày, sau sức kiệt phải lui đến Thạch-môn trại. Hiện các phố-xá và nhà cửa ở đó đều bị cháy và bị đổ cả, toàn-thành chỉ còn trơ một bãi đất đen.

Quân Nhật đã cướp được chín ải ở dưới Vạn-lý trường-thành. Quân Nhật lại quyết chiếm cho kỳ được Tây-môn-ký là một cái ải lớn ở Vạn-lý-trường-thành nữa.

Nếu quân Nhật mà hạ trại ở mấy nơi ấy xong, thì Nhiệt-hà sẽ lọt vào tay quân Nhật, mà đến cả Thiên-tân và Bắc-bình cũng khó lòng giữ được nữa. Người Nhật chẳng những chỉ đánh lấy Sơn-hải-quan mà thôi. Người Nhật chiếm lấy Sơn-hải-quan là cốt mượn đường vào đánh lấy luôn Bắc-bình và Thiên-tân.

Người ta nói trận hai quân Trung Nhật đánh nhau ở Sơn-hải-quan ấy, thực là một trận kịch-liệt ở Trung-quốc chưa thấy bao giờ.

Sau khi lấy được Sơn-hải-quan, quân Nhật liền cử tên Hán-gian là An Bắc-Công làm cục-trưởng ở đó, tra xét bốn cửa thành rất nghiêm-nhặt, cấm dân dời đi nơi khác. Cái biển gỗ to treo trên cửa thành có khắc năm chữ lớn: « Thiên-hạ đệ-nhất-quan 天下第一關 », người Nhật đã lấy xuống đem về Đông-kinh bày cho quốc-dân xem.

Theo tin Tàu, thì quân Nhật chỉ chiếm cứ Sơn-hải-quan có bốn giờ đồng hồ mà thôi; quân nghĩa-dũng Tàu đổ dầu săng đốt cháy cả sông, khói xông bay ngất trời, thừa cơ-hội ấy quân Tàu kéo vào liều chết đánh một trận, cho nên quân Nhật lại bị cả thua.

Người Tàu nói rằng quân Nhật thừa lúc quân Trương Học-Lương kéo đi Nhiệt-hà, Triêu-dương, cho nên mới đánh được Sơn-hải-quan.

Hiện nay Mĩ phái 5 chiếc chiến-hạm, Anh chín chiếc chiến-hạm và Pháp 3 chiếc chiến-hạm, lên gần Sơn-hải-quan để gìn-giữ sinh-mệnh và quyền-lợi của người ngoại-quốc.

Từ khi quân Nhật đã chiếm Sơn-hải-quan, cách đó một con sông Thạch-hà đã thành ra chỗ phân-giới của hai quân, quân Nhật ở bờ bên đông, đào hào đắp lũy, làm thế giữ lâu; quân Tàu ở bờ bên tây ra sức phòng-giữ. Cứ xem tình-hình, thì quân Nhật đã quyết tâm tiến đánh Nhiệt-hà.

Tư-lệnh quân Nhật là Trung-thôn đã tỏ ý về việc đánh Nhiệt-hà rằng: « Trương Học-Lương điều-khiển đại-binh kéo đến Nhiệt-hà, định chiếm lấy Nghĩa-huyện và Cẩm-châu, cắt đứt đường liên-lạc của quân Nhật đánh đồ Mãn-châu-quốc. Nước Nhật ta vì muốn thực-hành việc Nhật, Mãn quân-sự hiệp-định, tất phải dè nén cái mưu của Trương Học-Lương, vì vậy sự tiến đánh Nhiệt-hà đã thành là cái sự-thế bắt buộc phải thế ».

Nguyên ở Bắc-bình muốn ra Nhiệt-hà, thì phải do đường xe lửa Bắc-bình đi Sơn-hải-quan, đi ngang thành Thiên-tân. Nếu mà mất Sơn-hải-quan thì Nhiệt-hà thành ra cô-thế.

Còn thành Thiên-tân là cửa ngõ của thành Bắc-bình, nếu quân Tàu muốn ra cứu Sơn-hải-quan, thì quân Nhật sẽ đánh lấy Thiên-tân và đoạt luôn Bắc-bình, thì Sơn-hải-quan vững như bàn-thạch. Đó là cái phương-lược của quân Nhật đã hoạch-định như thế.

Các nhà đương-cục tây-nam có phát bức thông-điện tỏ ý căm-tức về việc mất Sơn-hải-quan, có nói đến bây giờ mà còn có kẻ vẫn giữ chủ-nghĩa bất-đề-kháng thì coi như kẻ thù chung, và nếu có kẻ để mất một tấc đất của nước nhà cũng coi là kẻ thù chung.

Diêm Tích-Sơn có điện cho Trương Học-Lương nói rằng quân địch đã có lòng mở to chiến-họa, việc ngữ-vũ rất là quan-hệ, tự mình xin đem đại-quân giúp Trương Học-Lương chống Nhật. Hiện nay dự-bị đã xong, chỉ chờ có lệnh chính-phủ Trung-ương, lập-tức đi tiên-phong, cùng quân Nhật quyết sống mái.

Phùng Ngọc-Tường có nói rằng: «Quân Nhật đã đánh vào môn-hộ miền Hoa-bắc, trừ cách liều chết chống đánh ra, không còn có cách gì nữa, mình quyết lấy tư-cách bình-dân, dự vào quân nghĩa-dũng, cùng quân Nhật liều quyết một trận thư-hùng ».

Tin Thiên-tân: Quân Nhật ở Sơn-hải-quan mật-nghị chia ra hai đường tiến đánh, một đạo từ Cửu-môn-khẩu nhằm Cổ-bắc khẩu xuất-động mưu cướp Thừa-đức (tỉnh-lỵ Nhiệt-hà); một đạo ở đường lớn Bình-du đặt trọng-binh để chống quân Trung-hoa.

Hiện ở một dải từ Sơn-hải-quan đến Long-hà số quân Nhật nhiều lắm. Sau khi tướng Linh-Mộc đến Sơn-hải-quan lại mang khí-giới và lương-thực đến rất nhiều. Trận-thế của quân Trung-hoa, một dải từ Loan-hà đến Trạch-hà, thực-lực kém xa quân Nhật, cho nên quân Trung-hoa phải đem quân đội hậu-phương họp nhiều ở khoảng Loan-hà, Thiên-tân để phòng quân Nhật đến đánh.

Tin Tần-hoàng-đảo nói: «Đêm ngày 10, pháo-đội Trạch-giả quân Nhật lại đánh Cửu-môn-khẩm; lại có một liên-đội do Vạn-gia-đồn sấn đến đánh. Một bộ kỵ-binh đến đánh Thạch-môn-trại. Lữ-đoàn thứ 9 quân Trung-hoa và một bộ kỵ-binh ra sức chống đánh, quân Nhật dù nhờ có đạn trái-phái dữ-dội giúp sức, nhưng không dám xung-phong. Cửa Trường-thành có vài nơi bị đạn trái-phá bắn lở, nhưng quân Trung-hoa vì đau lòng về mất Sơn-hải-quan, ai nấy đều căm giận, dù quân Nhật đánh dữ-dội, mà ai nấy đều liều mạng chống đánh, dầu ở trong cơn mưa to gió lớn, rét như cắt ruột, mà vẫn hăng-hái xông vào vòng đạn lửa. Trận này quân Nhật thiệt-hại nhiều.

Quân Nhật ở Sơn-hải-quan lại đến Giác-sơn giúp sức toán quân đánh Cửu-môn-khẩm. Hà Trụ-Quốc hiện ở một nơi đốc-chiến, nhờ có Trường-thành hiểm-cố, nên nhiều lần đánh lui được quân Nhật.

Sau trận đánh dữ-dội chiều 13, quân Nhật chiếm được Cửu-môn-khẩu, lại nhằm mặt Cô-tử, Cốc-giới, Lĩnh-khẩu mà tiến, để làm bước thứ nhất áp-bức Nhiệt-hà, mà mở rộng cái kế-hoạch phong-tỏa sự giao-thông của hai tỉnh Ký, Nhiệt. Hà Trụ-Quốc là tổng-chỉ-huy quân Trung-hoa, có khuyên sĩ-tốt rằng: « Nhật-bản không những tứ-đồ xâm-chiếm thổ-địa Trung-quốc và mưu diệt dân-tộc nước ta. Cái đường sống duy-nhất của chúng ta là phải hết sức đề-kháng, dù chỉ có một người lính cũng nên đề-kháng đến cùng. Nước Nhật vì các phương ở trong Sơn-hải-quan đối-kháng, cho nên hãy tạm bỏ việc lấn Nhiệt-hà. Sơn-hải-quan đã mất, Cửu-môn-khẩu về quân-sự không thể giữ vững được, cho nên quân ta không được không phải cắn răng chịu đau mà bỏ lui. Hiện nay đất phòng-thủ của Trung-quốc vì cách biển hơi xa, hải-quân Nhật không làm gì được, cho nên so với Sơn-hải-quan dễ giữ hơn nhiều ».

Toàn-quyền đại-sứ Nhật là Võ-Đằng ở Cầm-châu đã đến Tuy-trung xem xét, chỉ-huy cái kế-hoạch tiến binh đánh Nhiệt-hà, quân Nhật ở một dải Cửu-môn-khẩu và Lý-gia-bảo, cùng quân nghĩa-dũng đánh nhau kịch-liệt.

Quân Nhật chia ba đạo đánh Nhiệt-hà, việc chiến-tranh vẫn dữ-dội.

Quân Nhật lại phái thêm trọng-binh đến, tình-hình Khai-lỗ cũng rất nguy cấp.

Hơn nghìn kỵ-binh thuộc bộ-hạ Phùng Chiếm-Hải, đánh dữ-dội với quân Nhật ở Đạt-câu, Tiền-gia-điếm. Cùng thời quân nghĩa-dũng ở các nơi Chương-khẩu-dải, Hồng-thành-tử đều nổi lên như ong. Quân Nhật từ núi Đả-hổ vội phái sư-đoàn thứ 8 hơn bảy nghìn người đến cứu. Tình-thế biên-cảnh Nhiệt-hà ngày càng khẩn-cấp.

Thang Ngọc-Lân điện đến Bắc-bình nói rằng: « Quân Nhật do Cầm-tây, Tuy-trung xuất-động, tiến bách Lăng-nam, Bình-toàn, Triều-dương, Nam-lĩnh, đánh nhau dữ-dội với quân nghĩa-dũng.

Các toán quân nghĩa-dũng ở biên-cảnh Nhiệt-hà đã liên-hợp tổ-chức một đội quân nghĩa-dũng được hơn vạn người, sắp tổng-công-kích quân Nhật.

Bọn Phùng Chiếm-Hải, Lý Hải-Thanh vây đánh Thông-liêu và đánh úp Khắc-mộc-lý, chực cắt đứt đường Đại-thông. Cái kế-hoạch đánh Nhiệt-hà của quân Nhật vì thế bị ngăn trở rất to.

Lại có tin rằng: Quân Phùng Chiếm-Hải đánh được Vạn-bảo-sơn, nông-dân ở đó vui sướng quá, tranh nhau dự vào quân nghĩa-dũng. Đã tiến đánh Nông-an.

Tin Thừa-đức nói: Cuộc đại-chiến ở biên-cảnh Nhiệt-hà đã bắt đầu dữ-dội. Ngày 29, kỵ-binh Nhật và chừng một nghìn phỉ-quân Mông-cổ từ Thông-liêu đánh Khai-lỗ. Quân Tàu đều ra sức chống đánh, quân Nhật không tiến lên được. Hai bên giữ nhau ở một giải Đại-thu, Doanh-tử. Năm chiếc máy bay Nhật ném hơn 20 quả bom nặng xuống Kha-lỗ và Tuy-lại. Các nhà cửa ở Oa-gia bị thiệt hại rất to. Quân Lý Hải-Thanh ngày 30 đánh nhau kịch-liệt với quân Nhật ở động Lạt-ma.

Thang Ngọc-Lân chủ-tịch Nhiệt-hà có thông điện nói rằng: Quân Nhật đã bắt đầu đánh Nhiệt-hà, có trách-nhiệm giữ đất, xin chống đánh đến cùng, mong cả nước đều phấn-khởi giúp đỡ.

Quân Nhật từ sau khi chiếm Sơn-hải quan, liền ra sức tiến đánh Nhiệt-hà, đều phái máy bay ném bom xuống một dải Triều-dương, Khai-lỗ phá hủy

các thôn-trang, nhân-dân bị hại không biết bao nhiêu mà kể. Bộ ngoại-giao Nam-kinh đã điện kháng-nghị chính-phủ Nhật và xin lập tức thôi việc tàn ác ấy đi. Quân Nhật bộ hạ Gia-đằng đánh nhau với quân nghĩa-dũng vì không rõ địa-lý, nên phải bị thua. Quân Cảnh Kế-Chu lại đánh lấy lại được Triều-dương.

Ngoại-giao bộ có gửi thư cho Đông-kinh phản-đối việc Nhật dụng binh ở Sơn-hải-quan và có một bài tố-cáo với thế-giới về cái cơ-mưu của Nhật muốn thôn-tính lục-địa Á-tế-á.

Đoàn đại-biểu Tàu vừa chuyển-đạt đến phòng Tổng-thư-ký hội Vạn-quốc một bức điện-tín kể rõ về lý-thuyết của Nam-kinh trong việc quân Nhật chiếm đóng Sơn-hải-quan và đổ cả trách-nhiệm cho Nhật.

Người Nhật có ý muốn cho việc Sơn-hải-quan chỉ là một việc xung-đột xoảng xảy ra ở đường cương-giới. Họ tuyên-bố hiện nay họ không có ý chiếm-cứ Thiên-tân và Bắc-bình. Nhưng họ cần phải lấy Nhiệt-hà cho đủ bộ Mãn-châu-quốc. Họ muốn điều-đình cho ổn thì hơn, nhưng nếu cần phải dùng binh thì họ cũng dùng để đạt mục-đích.

Người Nhật cho rằng Sơn-hải-quan có phải là của Tàu đâu, mà là của Mãn-châu kia, việc xảy ra ở Sơn-hải-quan đã điều-đình xong rồi, không chịu cho một nước thứ ba nào can-thiệp vào hết. Vì vụ này vẫn là chuyện riêng của nước Mãn-châu.

Hội-đồng 19 viên, xét việc phân tranh Trung Nhật, định rằng trong khoản của đại-hội-đồng khuyên các nước, sẽ tỏ ý phản-đối việc công-nhận cho Mãn-châu-quốc và khuyên nên tuân các bản hiệp-ước ký ở *Paris*, hiệp-ước chín nước của Hội Vạn-quốc và của chín nước. Hội-đồng bãi các lời bàn khác, như lời nước Thụy-điển bàn nên khuyên các nước chớ có giúp đỡ cho Nhật-bản về đường tài-chính.

Bọn Nhan Huệ-Khánh, Cố Duy-Quân và Quách Thái-Kỳ là ba đại-biểu Trung-quốc ở *Genève* điện về chính-phủ Nam-kinh xin xuất binh thu phục Sơn-hải-quan, và nói ta phải tự giúp ta, rồi hội Quốc-liên và các nước bạn mới có thể giúp ta được.

Về việc đại-biểu Trung-quốc là bọn Nhan Huệ-Khánh điện về Nam-kinh xin chính-phủ xuất binh thu-phục Sơn-hải-quan, người trong hội Quốc-tế liên-minh đều chấn-động, vì e Trung Nhật nếu lại tranh chiếm Sơn-hải-quan, thế sẽ diễn thành cuộc chiến-tranh công khai. Đại-biểu Trung-quốc có nói : Trung-quốc dẫu đề-kháng sự xâm-lược của Nhật-bản, nhưng vốn tôn-trọng chương-trình của hội Quốc-tế liên-minh. Sơn-hải-quan đã là lĩnh-thổ của Trung-quốc, thì việc thu-phục đất ấy là thuộc về tính-chất phòng-ngữ, cũng như năm ngoái phòng-ngữ Thượng-hải vậy. Sơn-hải-quan là cửa ngõ ở phía bắc Trung-hoa, rất là trọng-yếu. Trung-quốc chuẩn-bị cuộc hi-sinh rất lớn để thu-hồi đất ấy.

Nội-tình chính-phủ Nam-kinh. — Ở Nam-kinh có tin rằng Tôn-Khoa đã nhận chức chủ-tịch viện lập-pháp. Viện ấy có một ban hội-đồng soạn một bản hiến-pháp cho Trung-hoa.

Tôn Khoa nói : Việc Sơn-hải-quan là cái kế-hoạch dự-định quấy rối miền bắc của Nhật, tiến một bước nữa là lại lợi-dụng bọn Hán-gian làm bồ-dìu việc chính-trị. Ta chỉ còn có cách dùng võ-lực đề-kháng, không thì nước mất đến nơi. Các tướng-lĩnh Hoa-bắc rất là cảm-tức, chắc chẳng chịu kém quân đạo 19. Tôn lại nói : Cánh quân-phiệt Nhật đã mất hết cái tính lý-trí, mượn cớ công-kích, các nước đều biết rõ mưu gian, chỉ vì còn mắc-míu nhiều việc, ẩn-nhẫn chưa phát, chắc rằng hễ có dịp đến tất đua nhau dậy để đánh bọn quân-phiệt dám đối với cuộc hòa-bình của thế-giới mà khêu-chiến.

Tống Tử-Văn quyền chủ-tịch hành-chính có nói việc người Nhật nói rằng bắt được bom đặt ở sở Sen-đầm của Nhật ở Sơn-hải-quan, và lấy thế làm cớ mà khiêu-chiến, chuyện ấy chẳng qua cũng là một chuyện bịa đặt như bom nổ trên đường hỏa-xa Nam-Mãn trong đêm hôm 18 Septembre 1931.

Tống nói mục-đích của Nhật muốn lấy Sơn-hải-quan mà dọa Bắc-bình và Thiên-tân, để chiếm-cứ lấy Nhiệt-hà là cổ họng của Mông-cổ.

Tống nói nếu trong mùa đông này Nhật đánh miền rừng núi ấy, tất phải đánh nhau dữ-dội. Tống nói trong lúc đầu năm 1933 này, thế-giới đương cần sự hòa-bình, mà Nhật lại đem cái đế-chính chủ-nghĩa mà định quấy rối.

Uông Tinh-Vệ hiện ở nước Đức sắp về nước. Uông có phát-biểu lời tuyên-ngôn rằng: Trung-quốc bấy lâu vẫn dùng cái chính-sách vừa tố-cáo hội Quốc-tế liên-minh và đề-kháng cái lối xâm-lược mới. Nếu hội Quốc-liên đối với việc Sơn-hải-quan, mà chịu bó tay không giải-quyết được ra thế nào, Trung-quốc sẽ không phải thay đổi chính-sách, mong rằng thế-giới nên chú-ý về cuộc đó.

Tin Nam-kinh nói: Tưởng Giới-Thạch có mời bọn Tôn Khoa, Vũ Hữu-Nhiệm, Chu Bồi-Đức, Hà Ứng-Khâm đến họp ở nhà riêng để bàn việc ngoại-giao. Ai nấy đều nhận rằng không dùng võ-lực không thể mưu còn được, đối với việc xâm-lược của Nhật, quyết đem toàn-lực chống lại để cứu nguy-vong.

Theo tin của các nơi biết rõ tin tức, thì Chính-phủ Trung-hoa nhân dịp Đoàn Kỳ-Thụy đến Nam-kinh, định mời cả các tướng bắc-phương như Đoàn Kỳ-Thụy và Phùng Ngọc-Tường, và cả các tướng tây-nam vào dự hội-đồng quốc-phòng. Hội-đồng quốc-phòng tây-nam mới lập ở Quảng-châu sẽ trở nên một chi của hội-đồng quốc-phòng trung-ương. Hội-đồng quốc-phòng đông-bắc do Trương Học-Lương chủ-trương cũng vậy.

Chính-phủ Nam-kinh giục Trương Học-Lương nhận chức ủy-viên-trưởng hội quân-sự ủy-viên ở Bắc-bình và hạ lệnh các đội ngũ ở phía Bắc Trung-hoa nhất-luật phải do Trương tiết-chế.

Ở Nam-kinh có tin rằng các tướng ở miền Bắc xin phép đối-phó với Nhật-bản, thì Tưởng Giới-Thạch đáp rằng ai nấy cứ nên dự-bị sẵn-sàng, nhưng phải đợi mệnh-lệnh mới được hành-động. Hiện nay có tới mười vạn lính Trung-hoa tụ-tập ở Sơn-tây.

Chính-phủ Nam-kinh vừa rồi có phái Hoàng Thiệu-Hùng xuống Quảng-đông nói rõ cái lòng quả-quyết kháng Nhật của chính-phủ, dù có phải hi-sinh trọng-đại đến thế nào, quyết chẳng lui nhường. Hoàng lại nói chính-phủ Trung-ương đã liệu định việc chống Nhật ngày nay khác hẳn trước, tiền-tuyến dẫu ở miền bắc mà các nơi duyên-hải tây nam, cũng khó giữ địch quân khỏi quấy rối, muốn được bảo-toàn thì việc quốc-phòng ở các tỉnh duyên-giang đông-nam cũng cần phải chú-ý. Hiện nay quân-lính ở miền bắc có thể đánh nhau với Nhật được đã có 40 vạn rồi, tạm-thời không cần phải dùng đến quân lính ở các tỉnh xa.

Ở Nam-kinh có tin rằng chính-phủ trả lời ưng-thuận bức điện-tín của phái bộ Trung-hoa ở hội Vạn-quốc gửi về yêu-cầu phải đánh lại được Sơn-hải-quan thì mới mong các nước tán-trợ cho.

Tôn Khoa chủ-tịch viện lập-pháp bàn nên lập một chính-phủ quốc-phòng do Tưởng Giới-Thạch chủ-trương.

Các báo nghịch với Tưởng đều nổi lên phản-đối cho rằng Tưởng là tay trong của Nhật mà bây giờ để cho Tưởng làm đầu chính-phủ quốc-phòng ấy thì chẳng khác gì «gửi trứng cho ác».

Các quân-nhân ở Quảng-đông lấy việc mất Sơn-hải-quan làm căm giận quá, muốn được đối-phó với cái thời-cục nghiêm-trọng ấy, cần phải đoàn-kết quân-nhân cả nước để chuẩn-bị việc kháng địch, nên đều triệu-tập cuộc hội-nghị, trừ đã chia điện đến chính-phủ Trung-ương và các tướng-lĩnh Hoa-bắc kiên-quyết đề-kháng, lại quyết định liên-hợp 5 tỉnh tây nam là Vân-nam, Qui-châu, Phúc-kiến, Quảng đông, Quảng-tây nên cùng dự-bị binh-lực, đến lúc cần ra sẽ tổ-chức một đạo liên-quân phái lên miền Bắc chống Nhật.

Các yếu-nhân Quảng-đông do Trần Tế-Đường đứng đầu điện xin Tưởng Giới-Thạch lập tức mang đại-binh lên miền bắc chống Nhật, tập đoàn quân thứ nhất ở Quảng-đông cũng xin phái binh lên miền bắc dự việc sát-địch. Nếu bảo việc tiễu Cộng còn nặng, thì việc tiễu Cộng ở Giang-tây do Quảng-đông chịu trách-nhiệm.

Thái Đình-Khải vừa rồi trong một cuộc điểm-binh ở Phúc-châu, đối với quân-lính có khuyên bảo rằng: Sơn-hải-quan bị hãm, nước nhà nguy đến nơi, các quân-nhân ta nên phải có một cái tinh-thần hi-sinh lớn, dự-bị một cuộc lưu-huyết to, cùng quân cường-đạo thế-giới kia liều chết.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng giêng năm 1933)

Ngự-giá Nam-tuần

Hồi 6 giờ mai ngày rằm tháng chạp ta tức là ngày 10 Janvier 1933, Hoàng-thượng cùng quan Khâm-sứ CHATEL đã khởi-hành từ Kinh-đô vào tuần-du các miền Nam Trung-kỳ.

Có cụ Võ-hiển NGUYỄN HỮU-BÀI và quan Ngự-tiền Đồng-lý văn-phòng PHẠM QUỲNH cùng quan Chánh sở mật-thám SOGNY theo đưa. Quan danh-dự Toàn-quyền CHARLES cũng theo đưa đặng viếng tỉnh Quảng-nam là xứ lúc xưa ngài hành-chánh.

Đoạn đạo-ngự lúc đến đèo Hải-vân thì có quan Công-sứ ALERINI và quan Tổng-đốc NGÔ ĐÌNH-KHÔI đến nghinh-giá. Đạo-ngự vào thành Quảng-nam rồi thẳng đến hành-cung. Trong thành-phố đều treo đèn kết bông, rất hoa-lệ, nhân-dân đều nô-nức kéo nhau ra cung-yết thánh-giá còn các học-sinh lại phất cờ An-Nam và tung-hô mừng đức Kim-thượng.

Từ Quảng-nam đến Hội-an, hai bên đường và thành-phố đều có treo cờ xí rất tề-chỉnh, có vẻ rất long-trọng.

Tại nơi hành-cung lại trần-thiết nghiêm-trang hơn nữa. Lúc ngự-giá đến hành-cung quan Công-sứ và quan Tổng-đốc có đọc bài chúc-từ kể rõ tình-hình việc bình-trị trong tỉnh và đã dẹp yên đảng cộng-sản gây lên trong năm 1931. Quan Công-sứ lại nói rằng: toàn trong tỉnh lấy làm hân-hạnh được dịp gặp quan cựu Công-sứ CHARLES.

Các quan chức Tây Nam và dân Thuộc-địa Tây và Tàu đến yết-kiến đức Kim-thượng rất đông.

Sau lúc ngự-thiện tại hành-cung, đức Kim-thượng có đến thăm trại lính khố xanh, nhà bệnh, trường học và có ngự đến chùa ngũ-bang Tàu, có năm vị bang-trưởng nghinh-giá và tung hô đức Kim-thượng cùng hai Chính-phủ. Lại có chúc quan danh-dự Toàn-quyền CHARLES và nhắc lại tiểu-công của ngài giáo-hóa trong tỉnh.

Chiều lại đức Kim-thương ngự đến thăm chùa Triều-châu. Lúc trở về hành-cung nhân-dân theo đưa rất đông. Tối

lại, đức Kim thượng ngự-thiện tại hành cung, còn quan Khâm-sứ cùng các viên-chức Tây lại yến tiệc tại dinh quan Công-sứ.

Ngày 11 Janvier, Hoàng-thượng ngự cùng các quan-chức tùy-giá, đến Chiên-sơn để quan-chiêm lăng Đức-bà Hiếu-văn và Hiếu-chiêu phu-nhân của nhị-vị chúa Nguyễn.

Hồi này, chung quanh lăng thì dân-chúng bao bọc đua chen nhau bái-hạ đức Kim-thượng rất hoan-lạc. Lúc trở về có quan Khâm-sứ quan danh-dự Toàn-quyền, quan thủ-hiến NGUYỄN HỮU-BÀI, quan công-sứ ALÉRINI và quan Tổng-đốc NGÔ ĐÌNH-KHÔI, thì đạo-ngự ngừng lại phủ Duy-xuyên, có kỳ-lão cùng các hào-mục ra nghinh giá và tung-hô một cách rất trọng-thể.

Sau lúc ngự-thiện tại dinh Công-sứ, Hoàng-thượng lại ngự đến tháp Đông-dương kinh-đô thứ nhì của Chiêm-thành, và chính đó trường Bác-cổ Viễn-đông Pháp đã tìm ra nhiều dấu-tích rất quan-trọng về sự văn-minh của người Chiêm-thành thuở xưa. Rồi lại ngự đến phủ Thăng-bình, có ông nghị-viên ở làng đó. NGUYỄN THÀNH-HƯNG ra bái-yết cùng các học-sinh các trường và nhân-dân đều ra hậu-bái tỏ ý rất hoan-nghinh.

Chiều lại, Ngự giá hồi thành Quảng-nam. Trong thành có mở cuộc bán bóng, tối lại có bày cuộc lễ đêm, nên thành ấy ra một vẻ náo-nhiệt thạnh-hội.

Qua ngày mai, Hoàng thượng cùng các quan-chức tùy-giá đã từ Quảng-nam mà vào tuần-du tỉnh Quảng-ngãi.

Ngày 12 Janvier, tối hôm qua, tại hành-cung, quan Tổng-đốc, Quảng-nam có thiết đại-tiệc cung-yến đức Hoàng-đế, quan Khâm-sứ, quan danh-dự Toàn-quyền CHARLES, đãi các quan chức tùy-giá cùng các nhà danh-sách và thân-hào trong tỉnh. Tiệc gồm có nhiều món đồ ăn Tàu và An-Nam. Tối ấy trong thành có bày cuộc lễ đêm; ở trong thành nhân-dân nô-nức chen lấn đến xem rất đông; kể có trên vạn người, đều có phép-tắc và chỉnh-đốn cả. Đức Hoàng-đế phải ngự lên nền cột cờ để cho dân-chúng được trông thấy rõ dặng tung-hô. Ai ai cũng tỏ ý hân-hoan được ủy-lòng ngưỡng thấy Thiên-nhan.

Các bang Thương-khách có chung-cộ kiểu Tàu và mở cuộc múa long-hổ rất tài, diễn nên một vẻ rất náo-nhiệt ít có, được Hoàng-thượng cùng các quan khen-ngợi.

Còn các học-sinh chung-cộ đèn, hình như hai hên đua nhau đặng hiến vui đức Kim-thượng.

Quan Tổng-đốc lại có mời các quan và các bà Tây và Nam đến dự cuộc rất đông.

Cuộc lễ vừa xong, đức Hoàng-đế cùng quan Khâm-sứ có ban khen quan Tổng-đốc.

Ngày 12 Janvier. Sớm mai hồi 7 giờ. Ngự-giá đã từ hành-cung khởi-hành đến phủ Tam-kỳ. Ngài Ngự đến quan-sát xưởng thợ làm đường xe-lửa Đông Pháp. Quan chánh sở ấy có dắt các viên-chức trong sở ra bái-yết đức Hoàng-đế.

Phủ Tam-kỳ trần-thiết rất trang-hoàng và chỉnh-đốn; lúc đạo-ngự đình tất tại đó thì có các hương-mục và kỳ-lão tề-tựu ra bái-yết. Các học-sinh cầm cờ kéo qua hậu-bái và tung-hô « Hoàng-thượng vạn-tuế ».

Đức Kim-thượng có ban thưởng các hạng huy-chương cho những viên-chức làm việc Nam-triều có công-trạng.

Vừa rồi đạo-ngự vào thẳng tỉnh Quảng-ngãi, giữa đường lại có trồng nhiều cửa nguyệt-cung và các nơi đình

chùa lại có đóng cờ xí, nhân-dân tề-tựu rất đông, đều ra hậu-bái Thánh-giá.

Quan Công-sứ và quan Tổng-đốc Quảng-nam cung-tiễn đến địa-đầu tỉnh Quảng-ngãi rồi xin phép trở lui, thì có quan Công-sứ MORIZE và quan Tuần-vũ NGUYỄN BÁ-TRÁC đến cung-nghinh. Đức Kim-thượng ban lời mừng tỉnh Quảng-ngãi được thạnh-hội.

Ngự-giá thẳng đến hành cung theo thể-lệ ở Kinh-đô. Hoàng-thượng ngự bên bửu-tọa, các quan làm lễ bái-khánh; xung quanh dân-chúng bao-bọc, nhưng ngó rất khuôn phép và chỉnh-đốn. Hôm ấy cũng có một đạo binh đông hầu. Quan Tổng-đốc tuyên đọc hạ-sớ; quan Công-sứ đại-diện toàn-tỉnh và các quan-lại Tây Nam kính lời chúc đức Kim-thượng trị vì thiên-hạ và bồi bổ cho dân-chúng càng ngày càng văn-minh và thịnh-lợi. Đức Hoàng-thượng phán rằng rất cảm-động và tỏ ý Ngài sẽ hết lòng dung hòa hiệp-tác cùng Chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều mà cứu chữa dân-chúng và sửa-sang chính-trị cho có thứ lớp, nếu không có chính-trị thì chắc nhân-dân phải lầm-lỗi không biết cách-thức ăn ở, không hưởng được hạnh-phúc và không tán-thành hòa-bình được.

Trưa này, đức Hoàng-thượng, quan Khâm-sứ và các quan-chức tùy-giá dụng tiệc đại-yến tại dinh Công-sứ có các quan văn-võ trong tỉnh tiếp-yến. Ngự-thiện xong rồi, Ngài lại đi quan-chiêm : nhà bệnh, trại lính khố xanh, các trường học, nhà binh và qui-binh bộ thuộc-địa và có ngừng một hồi lâu nơi nhà bán đồ làm phước của các bà Tây và Nam thiết-lập. Ngài ngự lại có quan-sát những đồ xưa và những vật-sản trong tỉnh trần-thiết tại hành-cung.

Tối nay, quan Tuần-vũ có thiết đại-tiệc cung yến đức Hoàng-thượng và quan Khâm-sứ cùng các quan chức tùy-giá.

Ngày 13 Janvier. Đức Hoàng-thượng và quan Khâm-sứ đi quan-chiêm các miệt trong tỉnh. Tối hôm qua, Ngự-thiện tại dinh tư quan Tuần-vũ. Cụ Tuần NGUYỄN BÁ-TRÁC chầu ngự-thiện cùng tiếp rước đoàn đạo-ngự một cách hậu-tình. Trong lúc yến tiệc, có mấy người Mọi diễn trò múa hát rất nên vui vẻ, mọi người trông thấy cũng mến tài. Lúc tiệc gần mãn, lại có đốt pháo bông. Cả buổi mai. Ngự-giá đến tuần-du phủ Sơn-tịnh, các hương-mục và kỳ-lão cùng nhân-dân ra bái-yết rất đông. Trong đám ấy cũng có các nhà tu-hành mang áo rộng mực ra bái-hạ thánh-giá. Ngài ngự lại đến đồn lính bội thuộc-địa. Ngài có khen lính ấy về cách ăn mặc và cách tập rèn rất nghiêm-chỉnh và quan binh đã tận-lòng ra tài dẹp yên việc rối loạn xảy ra trong tỉnh lúc trước. Đạo-ngự lại do theo đường Thu-xã mà ngự đến trại lính Mĩ-Tịnh, tuy vật-liệu ngó sơ-sài nhưng kết-quả được mĩ-mãn. Các bang thương-khách lại nghinh-tiếp thánh-giá tại chùa Thu-xà. Trong chùa trần-thiết rất trang-hoàng. Vừa rồi, đức Hoàng-thượng lại ngự đến trại lính khố xanh, khi trở lui, ngài ngự đi bộ lải-rải. Hai bên đường, trước các nhà có thiết hương án bái-hạ thánh-giá. Sau lúc dùng đại-yến ở dinh Công-sứ, đức Hoàng-thượng lại ngự-giá lên các miền sơn-cước, là những chỗ mà dân An-Nam đã vào giao-thiệp với Mọi, nay đã khai-phá thành điền, rẫy rất rộng lớn và có nước vào ra đủ đầy.

Tối lại, Ngự-thiện tại dinh tư quan Tuần-vũ, qua ngày mai, Ngự giá vào tuần du tỉnh Bình-định.

Ngày 14 janvier khi 6 giờ 30 phút đạo-ngự từ Hành-cung Quảng-ngãi; Hoàng-thượng quan Khâm-sứ và các

quan Tây Nam hộ-giá cùng quan Công-sứ và quan Tuần-vũ tỉnh-lỵ đi thăm các phủ hạt Mộ-đức và Đức-phổ, đâu đâu cũng đều trần-thiết đẹp đẽ, tuy trời mưa to mà những bàn bái-hạ và những cửa tam-quan đều còn vẻ huy-hoàng rực-rỡ. Đến đồn lính Phú-lộc, đạo-ngự có dừng lại một chút để cho quân lính bái chào. Hoàng-thượng hạ-lệnh cho nghỉ một ngày.

Hết biên-giới tỉnh Quảng ngãi, quan viên Tây Nam bái từ đạo-ngự. Liền có quan thanh-tra về việc chánh-trị là ông THIBAUDEAU và quan Tổng-đốc ƯNG-BÀNG chực sẵn nghinh giá. Đạo-ngự nghỉ tại Hồng-sơn, ở đấy Hoàng-thượng hạ lệnh cho quân lính bãi hầu vì trời mưa to.

Đến tỉnh thành Bình-định. Trần-thiết cũng đẹp đẽ như mọi nơi. Cờ phất, súng nổ chào.

Mười một giờ tại hành cung quan Tổng-đốc và quan THIBAUDEAU đọc bài chúc mừng. Quan công-sứ THIBAUDEAU đại-khái kể công-trình của những bậc vĩ-nhân đã làm cho tỉnh thành đã nổi tiếng trong nước Nam, ấy là tại tỉnh-thành này mà Tây-sơn hùng-cứ mà chúa nhà Nguyễn đã dẹp yên được. Quan Công-sứ nói rằng dân-gian trong tỉnh đều ham yên lặng làm ăn và khi nào cũng tuân theo pháp-luật. Ngài nhắc sơ qua những thảm-hại trận vừa rồi và tình-hình cát-cứ của dân trong tỉnh sẽ nhờ công việc làm đường xe lửa mà sẽ giảm bớt.

Hoàng-thượng cảm ơn quan lại Tây Nam trong tỉnh.

Bài diễn-văn của quan Công-sứ Qui-nhơn Thibaudeau đọc chúc mừng Hoàng-thượng

« Kính tâu Hoàng-thượng,

« Tôi rất lấy làm hân-hạnh xin Hoàng-thượng nhiệm cho những lời thành-thực chí-ý của những người Lang-sa trú-ngụ tại tỉnh Bình-định và sự vui mừng được thấy Hoàng-thượng ngự-lâm đến một tỉnh của qui Đại-việt.

« Vậy bổn-phận của tôi là xin trình cùng Hoàng-thượng các sắc dân của tỉnh này và xin Hoàng-thượng ban phép cho tôi được trần-tình tại sao tỉnh này với các tỉnh ở phía Bắc mà Hoàng-thượng mới vừa tuần-du lại có những điều giống nhau một cách rất lạ lùng.

« Nếu ở tỉnh Thanh-hóa là nơi phát-tích triều Nguyễn thì tỉnh Bình-định này là nơi mà đức Thế-tổ Cao-Hoàng-đế đã khôi-phục giang-sơn vì bọn Tây-sơn đã chiếm-đoạt. Vậy thì tỉnh này vốn là nơi phục-hưng cả hồng-đồ của Nguyễn-tộ và đối với xứ Trung-kỳ thì dẫu sao đi nữa cũng đã dựng nên một tấm bia kỷ-niệm không khác gì tỉnh Thanh-hóa.

« Về phương diện khác thì hai tỉnh Nghệ-an Hà-tĩnh Hoàng-thượng cũng vẫn rõ biết là nơi liên-hợp hai xứ Trung và Bắc-kỳ mà phong-tục tập-quán đã tiêu-tụ tại tỉnh Thanh-hóa.

« Vậy thì xin Ngài dỗng tất rằng hai tỉnh Bình-định Phú-yên cũng có thể nói là nơi tích-tụ của phong tục tập-quán xứ Nam-kỳ và kinh-đô Huế như tỉnh Thanh vậy.

« Nhưng chúng ta hãy nên để ý mà phân-biệt rằng xứ Bắc kỳ vì tình-hình phong-thổ và cũng vì ở xa Kinh-đô, vì chính-sách cai-trị có phần khác hơn ở Huế nên trong xứ vẫn còn giữ nhiều cổ-tục, còn xứ Nam-kỳ là một xứ có ảnh-hưởng đến các xứ Nam Trung-kỳ và nhất là hai tỉnh Bình-thuận Phú-yên thì lại nhiễm phong-tục Chàm, khmers hay của Cao-mên và lâu nay lại chịu tiếp xúc với văn-minh Âu Mĩ nữa.

« Hai tỉnh Bình, Phú dẫu giống hai tỉnh Nghệ Tĩnh nhưng cũng vẫn có hơi

khác nhau một ít, vậy tôi xin kính tỏ cho Hoàng-thượng đồng-tất tình-thế hiện-thời, ấy cũng là một vấn-đề đáng lưu-ý vậy.

« Ở phía Bắc Trung-kỳ thì ở Vinh Bến-thủy là nơi rất trọng-yếu về thương-mại, thế thì hai tỉnh Bình, Phú cũng là một nơi trọng-yếu ở phía Nam Trung-kỳ và theo tình-hình địa-lợi thì hai tỉnh ấy cũng giống như ở Bến-thủy, và lại là nơi yếu-điểm có quan-hệ đến vấn-đề thương-mại rất cần-thiết của các xứ qui Đại-Việt và những nước ngoài cùng miền này mà tỉnh Qui-nhơn chúng tôi đây lại là một thị-trường rất quan-hệ.

« Sau nữa là tỉnh Bình-định có một số dân Mọi ở và miền này sẽ thành ra một miền có dân Mọi thường đem bán các sản-vật rất có ích cho dân trong xứ này.

« Cách ở chung như vậy thế nào cũng làm cho dân-chúng vọng-tưởng đến những sự tốt đẹp khác và được giao-thiệp với người ngoại-quốc nhiều hơn đồng-bào các xứ.

« Vả lại, không khi nào trong những cuộc có ảnh-hưởng bề ngoài thi-hành mà lại không làm cho các viên-chức hào-mục, các người có văn-học chuyên kiếm ra những phương-sách mà lợi-dụng đặng làm cho lạc nẻo cái luân-lý gia-đình là một cái cơ-sở tốt trong xã-hội đặng cho tránh khỏi được ra ngoài vòng pháp luật, nhưng chúng lại còn bắt bọn a-tùng phải qui hướng theo một cái bội-dưt đối với người đồng-bào.

« Cái luân-lý của một đoàn-thể đã thành ra suy-đồi mà người ta lại thấy xảy ra những câu chuyện phi-thường là những đứa bạo-động đã vào các làng mà bênh-vực dân-chúng để đánh đập các viên-chức hào-mục rồi chúng nó lại bắt bọn ấy theo để giúp cho chúng nó.

« Những cách hành-động trái luật-lệ như thế có thể làm cho ta rõ được một ít và hiện bây giờ chắc thế nào cũng có sự bất-đồng trong sự cai-trị và cách hành-động, thế thì sự giáo-hóa cho một số người có tư-tưởng khác thường thật rất nên có ích.

« Một sự quan-sát rất trung-lập về tình-hình hiện nay đã có nhiều kết-quả tốt. Tâu Hoàng-thượng, chúng dân tỉnh Bình-định này thật rất nhiệt-tâm về phương-kế của họ đang muốn tô-bồi, tấm lòng nhiệt-thành và trung-thành của họ đối với Hoàng-thượng ai có biết rõ mới thưởng-thức được.

« Những điều mà ta có thể trách họ được là sự dại dột của họ thường không lợi-dụng quyền-lợi của họ và thường tưởng rằng vâng theo ý muốn của những người đứng cai-trị họ hay là người có quyền thế có thể làm cho họ sợ được là phận-sự của họ vậy.

« Bởi thế nên hồi năm 1931 là năm mà làn sóng cộng-sản mới tràn vào thường xảy ra những sự trái người là những người dân-giả thường theo cộng-sản một cách dễ-dàng quá.

« Xét ra thì nhân-dân nào đâu có phải chịu trách-nhiệm gì, thế thì đối-đãi với họ nghiêm-khắc quá thật là một sự rất bất-công.

« Tâu Hoàng-thượng, tôi muốn cho dân-chúng đừng tin đến sự tục-truyền rằng tỉnh Bình-định là một tỉnh giàu có, vì rằng nếu tỉnh ấy thường được thủy-thổ điều-hòa, thổ-chất phì-nhiêu nhiều thứ huê-lợi thật thì ruộng đất có trồng trỉa vẫn không được bao nhiêu và những sản-vật của kỹ-nghệ bản-xứ không sao đủ để nuôi được dân-cư trong tỉnh.

« Hằng năm thường có hàng nghìn người đi vào Nam để kiếm việc làm độ-

khẩu ; thường thường cũng có về, nhưng đấy chỉ vì nhớ làng nước bà con chờ đến mùa xuân nào lại cũng đi tha-phương như thế.

« Thật ra thì trong tỉnh chưa bao giờ gặp những năm khốn-đốn vì nhờ các thứ hoa-lợi và những mùa lúa gặt kỳ tháng 3, tháng 5 tháng 8 và tháng 10 là những mùa rất quan-hệ thì người du-lịch đi qua, thấy thế thường tưởng rằng xứ này rất giàu có.

« Nhưng thật ra thì vì huê-lợi không đủ cho dân-chúng dùng nên ở tỉnh Bình-định đã thấy nhiều nơi bị cơ-hàn.

« Bởi vậy sự tô-bồi những nơi có thể để cho người đến ở được thật không phải là dễ. Những sông lạch để đem nước vào dùng thì đã có giới-hạn và những nhà chung vốn để trồng trọt thì dùng hết cả rồi.

« Còn những đập ngăn nước mặn thì có thể chấn-hưng thêm được, những sự dùng đập để trồng-trĩa thêm rộng hơn thì không có thể ước-ao được.

« Vậy thì nếu nhà-nước lấy tiền của ngân-sách mà giúp đỡ, hoặc cho mở cuộc cho vay thì các nhà hùn vốn bấy lâu thường đem tiền ra làm và coi sóc những công-tác ấy và nay được thế thì rất lấy làm hoan-nghinh. Ấy là những sự có phép làm được mà thôi.

« Tỉnh chúng tôi cũng bị ảnh-hưởng của sự kinh-tế khủng-khoảng. Vậy nên những sự giao-thiệp về thương-mại với xứ ngoài là một sự rất có lợi cho xứ Qui-nhơn và cũng có thể làm cho xứ này bán được huê-lợi và mua những thức dùng, thì trong hai năm nay, sự bán gạo đành phải chịu không sao bán được. Còn những hàng-hóa có thể bán được thì giá tiền lại hạ quá đỗi, và mới đây tuy cũng đã có hơi tăng nhưng đối với các nhà buôn cũng chẳng cao cho lắm.

« Sau nữa là ngày 16 Octobre 1932, một trận bão phi-thường đã tàn-phá tỉnh này và làm cho tình-thế càng ngày càng ngay-ngáp. Và theo như sự hiểm-hoi của sản-vật xứ này thì đối với sự tai-họa ấy không thể nào mà bù cho được sự thiệt-hại, luôn nhìn chúng tôi cũng nên nghĩ rằng trận bão ấy sẽ có ảnh-hưởng đến các miền đã bị tàn-phá, ít nữa là hai năm ; các miền ấy dân-cư có đến hai nghìn và chỉ trông vào sự trồng cây mà làm kế sinh-nhai thôi.

« Nhưng với những số tiền của những nhà từ-tâm đã quyên để chẩn-cấp và tiền của nhà-nước đã trả để mua đất đặt đường xe hỏa cùng tiền tiêu vào công-tác ấy cũng có thể đỡ bớt sự khốn khó của dân rất nhiều vậy. Tâu Hoàng thượng, rồi đây chúng tôi cũng sẽ trù-định thế nào cho dân-chúng được yên hàn vô-sự mà chịu cho qua cơn cực khổ này.

« Dầu không làm đi nữa chúng tôi cũng đã biết rõ sự tán-thành của Hoàng-thượng và của quan Khâm-sứ mới rồi đã cho rất nhiều tiền để giúp kẻ bị nạn ở đây và lòng thương dân mà tô-bồi nền học-vấn xứ này đặng trước nữa để làm lợi cho con dân, sau để cho Hoàng-thượng và Chính-phủ bảo-hộ được thấy các thần-dân có học-thức vậy.

« Hôm nay Hoàng-thượng đi tuần-du đây đã làm cho nhân-dân trong tỉnh biết đến lòng nhiệt-thành của Hoàng-thượng và trí-não thêm được thảnh-thơi vui-sướng.

« Sự tuần-du này đã theo như những ý-kiến rất khôn-ngoan đã định trước và ai nấy cũng thấy đều biết thì nay đã đạt được ý nguyện rồi và Hoàng-thượng cũng đã thấy rõ nhân-dân các tỉnh đã đến đứng hai bên lộ-tất để tỏ lòng thành-kính đối với một vị minh-quân vậy ».

Chiều ngày ấy đạo-ngự đến Qui-nhơn : Hoàng-thượng ngự viếng các công-sở nhà thương, trường-học, đồn lính, đâu đâu Hoàng-thượng cũng thấy những điều đáng khen.

Ngự-thiện rồi, đạo-ngự trở về hành-cung Bình-định.

Ngày 15 Janvier. Đoàn đạo-ngự đình trú tối hôm qua tại hành-cung Bình-định, mai sáng đạo-ngự lại hiệp cùng quan Khâm-sứ và các quan tùy-tùng của ngài trước nhà máy dệt *Flachet* Lê Văn Nhan, hai nhà lãnh-hành, người Pháp và người Nam. Sở này dệt những tơ lụa nội-hóa tiêu dùng trong hàng tỉnh. Đức Hoàng-đế có ngự vào quan-chiêm trong xưởng và có thưởng huy-chương cho hai người đốc-suất nhà máy. Tiếp lại quan Thanh-tra chính-trị dẫn thánh-giá theo đường thuộc-địa số 19 đến quan-chiêm sở máy làm hàng lụa *Delingon* ở Phủ-phong. Đường ấy có nhiều khúc bị ngập. Lúc Ngự-giá đến gần xưởng thợ đặt đường rầy xe lửa thì có ông Bác-sĩ Broussin ra nghinh-giá, rồi đem địa-đồ ra trần tấu những công việc của lãnh hành *Grosse* đã làm thành-thục. Ở Phủ-phong người ta đến chen chúc hậu-bái rất đông, đường sá cờ xí nguy nga và có thiết nhiều cửa cung-nguyệt. Ông Frouzet quản-lý nhà máy kia, cũng ra cung-nghinh thánh-giá và cung-thỉnh đức Hoàng-thượng và quan Khâm-sứ vào sở quan-chiêm các máy móc mới. Hoàng-thượng quan-sát một cách kỹ-càng và kiểu-vẽ. Ngài rất để ý sở này lắm, vì là các máy đều mới và lại nhân-công thì toàn là người Nam hết, Đức Hoàng-đế có thưởng huy-chương cho ông Frouzet và các người Nam tùng-sự trong sở lâu năm.

Sau khi Ngự-thiện tại dinh Công-sứ, đức Hoàng-thượng lại ngự ra thăm cửa tầu Qui-nhơn. Chỗ này thiên-hạ đều đua nhau gây lên nhiều công-sở để mở mang sự thương-mại ở bến tầu. Ông Chánh sở Công-tác miền đó M. Guihot có đọc bài điều-trần các công việc ấy đặng Hoàng-thượng ngự lãm.

Đoạn rồi, Ngự-giá cùng quan Khâm-sứ đến Kim-châu gần thành Bình-định đặng quan-chiêm nhà nuôi con trẻ, do các chị nhà phúc lập: đức Cha trưởng ở nhà thờ Kim-châu có đọc bài chúc rồi dẫn Hoàng-thượng đến quan-sát các công-cuộc của ông ta quản-lãnh có bề bổ-ích cho dân chúng. Hoàng-thượng rất chủ-ý các công việc của ông làm.

Sau khi Hoàng-thượng ngự quan-chiêm trường học Bình-định thì có ngự đến quan-sát cuộc đấu-xảo những vật-sản trong tỉnh và những đồ nhân-công rất tinh-xảo do quan Tổng-đốc tổ-chức.

Đoạn rồi Ngự-giá hồi hành-cung còn quan Khâm-sứ và quan Thanh-tra chánh-trị trở về Qui-nhơn.

Ngày 16 janvier tối hôm qua, đức Hoàng-đế ngự thiện cùng các quan tùy giá tại hành-cung Bình-định, kế tiếp quan Khâm-sứ cùng quan Thanh-tra chánh-trị và các quan tùy-tùng đến dự cuộc lễ đêm. Đâu đâu cũng trần-thiết rất nghi-vệ đẹp-đẽ. Hôm ấy có mở cuộc hát bội và múa thiên-cầu, lại có chưng có đèn và đốt pháo bông diễn nên một vẻ rất thinh-hội. Quan Tổng-đốc có mời đông đủ các quan lại Tây Nam tề-tựu tại hành-cung rất đông.

Qua mai sớm, đạo-ngự lại vào tuần-du tỉnh Sông-cầu. Lúc đạo-ngự đến đèo Cù-mông, thì có quan Công-sứ Fugier Garrel và quan Tuần-vũ Nguyễn Hữu-Tri đến địa-đầu cung-nghinh thánh-giá. Đạo-ngự thẳng đến hành-cung, theo thể-lệ Kinh-đô Hoàng thượng ngự lên bảo-tạo, các quan làm lễ bái-khánh. Quan Tuần-vũ tuyên đọc hạ-sớ; quan Công-sứ lại đọc bài chúc-từ và nhắc lại những sự-tích, hồi xưa

thành đó liên-dự danh-vọng nhà Nguyễn, quân-tặc phản loạn, mấy thành lân-cận đều thất-thủ, nhưng mà dân-tình trong tỉnh vẫn trung-thành, tận-tâm phò tá nhà Nguyễn. Đức Hoàng-thượng trả lời cảm tạ quan Công-sứ và tỏ tình rất yêu-mến dân-chúng. Đức Hoàng-thượng ước chúc cho trong tỉnh được thạnh-hội, trời yên, bể lặng, gió thuận, mưa hòa cho được mùa màng.

Đức Hoàng-thượng ngự-thiện tại dinh Công-sứ, chiều lại ngự đến quan-chiêm nhà bệnh. Quan đốc ỨNG-HOÁT đại-diện các viên-chức và bệnh-nhân kính lời cảm-tạ đức Hoàng-thượng và tỏ tình rất hân-hạnh được cung-chiêm thánh-giá. Quan đốc lại tỏ tình nhờ có thuốc men của Tây-phương nên bảo-tồn sinh-mệnh rất nhiều. Dân-số trong nước càng ngày càng tăng lên. Đoạn đức Kim-thượng cùng quan Khâm-sứ quan-sát bệnh-viện đều sạch-sẽ và coi sóc rất kỹ-càng. Ngài và quan Khâm-sứ có lời khen và thưởng huy-chương cho những người có công. Đạo-ngự lại đến quan-chiêm trại lính và trường học. Ngài rất đẹp lòng xem xét các trò nhỏ và biểu cô trợ gọi học trò lên đọc bài và hỏi nghĩa.

Tối lại, Ngự-thiện tại hành-cung.

Ngày 17 janvier đức Hoàng-thượng tối hôm qua ngự-thiện cùng quan Khâm-sứ và các quan tùy-giá tại hành-cung. Đức bà Công-chúa Ngọc-Lâm, lệnh-tỉ-nương của đức Hoàng-Khảo Hoằng-tôn Tuyên-hoàng-đế, phu-nhân của quan Tuần-vũ Sông-cầu cung-thỉnh Hoàng-thượng ngự đến dinh tư của Đức bà trong thành. Lúc tiệc gần mãn, lại có đốt pháo bông rất là vui-vẻ.

Sớm mai đức Hoàng-thượng đã vào tuần-du miền Tuy-hòa; lúc thánh-giá đến nơi thì có lính khố-xanh đóng hầu. Đức Kim-thượng ngự đi bộ lải-rải, hai bên đường thiên-hạ đông như kiến, chen lấn bái-hạ thánh-giá, khác thể như hai hàng rào. Tuy trời mưa, đường-sá trơn-trợt, nhưng đức Hoàng-thượng, quan Khâm-sứ CHÂTEL, quan Thanh-tra chính-trị THIBAUDEAU và các quan tùy-giá, cũng đến sông Darang để quan-chiêm, bắt đập để dẫn-thủy nhập-điền. Xưa nay khoảng đất ấy đều bỏ hoang, từ ngày đắp đập ấy lên mới cấy hái được. Ông Kỹ-sư công-tác AUVRAY, thủ-lãnh sở ấy giới-thiệu cái đập ấy mà người ta đặt cho cái tên có vẻ oai-nghiêm ấy và trần-tấu các công-việc ăn làm từ đầu mùa cho đến cuối mùa.

Đoạn rồi đạo-ngự trở lui Sông-cầu, buổi mai và tối ngày ấy, ngự-thiện tại dinh Công-sứ. Chiều ấy, trước lúc dụng-tiệc, quan và bà Công-sứ FUGIER GARREL có mời phần nhiều các quan, các bà viên-chức, dân thuộc-địa cùng các nhà danh-sách và thân-hào An-Nam tề-tựu bái-yết.

Qua ngày mai lại, ngự-giá đã hồi kinh-đô.

Ngày 18 Janvier. Đức Kim-thượng cùng quan Khâm-sứ, hồi 8 giờ mai đã từ giã quan Công-sứ và quan Tuần-vũ tỉnh Sông-cầu đặng ngự giá hồi Kinh-đô. Trước khi khởi-hành, Đức Hoàng-đế có ban lời khen nhân-dân trong tỉnh đã tỏ lòng nhiệt-thành bái-hạ và cung-nghinh thánh-giá có vẻ rất long-trọng. Lúc đạo-ngự trở ra từ Bình-định Phú-yên thì nhân-dân nô-nức chen lấn nhau ra bái-biệt thánh-giá rất đông và rất khuôn phép. Ngự-giá đình-tất, ngự-thiện tại trạm lính khố xanh Bồng-sơn; tối nay đạo-ngự đã ra đến Huế.

(*Báo Tiên-Long*)

Nghĩa-địa người Nam tại Tân-đảo Nouvelles Hébrides. — Những người Nam ta ứng-mộ đi *Nouvelles Hébrides* trong mấy năm trước đây, có một số

người chẳng may chết chôn ở xứ ấy. Vì thế năm 1931 các anh em bạn ở xứ ấy có rủ nhau lập nên một nghĩa-địa để qui-táng cho những người bất-hạnh đó, trước nghĩa-địa có xây cửa tam-quan, trên cửa có đề hàng chữ Pháp : « *Cimetière Indochinois 1931* » và hàng chữ Hán.

Đức Bảo-đại phê chuẩn cho một tờ sớ tâu xin 12 khoản. — Ngày 2 tháng chạp An-Nam, bộ Binh, bộ Hộ, và bộ Lại tâu xin thi-ân về dịp Hoàng-đế mới hồi-loan 12 khoản như sau này :

1) Các ấn-quan văn-võ từ tam, tứ-phẩm trở lên mới thăng-thưởng ở trong năm nay thì đều được phong-tặng cha mẹ hoặc nhị-đại, tam-đại, đều chiếu theo phẩm-trật gia-tặng.

2) Những cử-nhân, tú-tài ngoài 30 tuổi mà không can án đều cho thọ hàm điền tịch và đãi-chiếu.

3) Trường Quốc-tử-giám Quốc-học ở Huế và các trường trung-đẳng, cao-đẳng ở Hà-nội và các trường tỉnh, phủ, huyện, làng, không kể trường công hay trường tư, đều do quan sở-tại xét nghĩ, tùy theo hạng xét người nào dạy-dỗ học-trò thuần-mĩ tấn-ích thì tùy theo lượng-thưởng kim ngân-tiền, cấp giấy treo ở trường để thị-khuyến.

4) Chánh-tổng làm việc được 3 năm, phó-tổng 5 năm, lý-trưởng 9 năm không có lỗi đều thưởng-thọ phẩm-hàm.

5) Ở các địa phương có người nào tài-phẩm ưu-trường, ẩn-dật sơn-lâm, hoặc làm sách sử hoặc lập nhà báo nghị-luận thông-bác có ích cho quốc-dân đều giao quan địa-phương xét để gia-thưởng.

6) Quan mà thọ đến 80 tuổi, dân mà thọ đến 100 tuổi trở lên, đều giao quan địa-phương xét hỏi chiếu lệ thưởng cấp.

7) Những lính ngụ ở Trung-kỳ Bắc-kỳ, không kể ngạch binh nào, ai có quân-công và có lao-cán thực-trạng xuất-sắc thì do quan trên xét thưởng phẩm-hàm hoặc huy-chương.

8) Người nào làm ruộng nhiều, mở hiệu buôn to, công-nghệ khéo, giúp được công-lợi và có lòng háo-nghĩa giúp kẻ nghèo khó tàn-tật côi-cút, đều do quan trên xét mà nghĩ thưởng.

9) Những tù giam-hậu và tội lưu trở xuống thì do quan địa-phương xét nên giảm, nên tha để về bộ Hình xét nghĩ.

10) Những tổng-lý ở các tỉnh phủ. nhân việc công phải tội suy tội trượng, hay là cách dịch bãi dịch và các người năm trước can tình-nghi xét không chứng-cớ giao về sở-tại quản-thúc, nay giao quan địa-phương xét hỏi để tha tội-danh và tha quản-thúc.

11) Những mộ-binh mất tích chưa được châu-cấp, nay giao quan địa-phương xét lại để chuẩn cho thân-nhơn, chiếu theo lệ trận-vong.

12) Những điều thi-ân ở trên đó tư nghĩ xin xét khoản nào thì do Viện-trưởng Cơ-mật thương-đồng cùng quan Khâm-sứ duyệt xong làm phiến tâu lên sẽ cho thi-hành.

Hội-nghị Nông-phố ngân-hàng tại Huế.—Hồi 9 giờ sáng ngày 5 tháng giêng này, Hội-đồng Nông-phố ngân-hàng đã họp tại Hội-quán hội Dân-biểu ở phố *Jules ferry* Huế, Đức Bảo-đại và quan Khâm-sứ Trung-kỳ có đến dự và đều đọc diễn-văn khai-mạc. Hội-đồng họp do ông Yves Henry Tổng-thanh-tra Nông-Lâm Súc-mục, ông Cantaloube chánh sở Nông-phố ngân-hàng và ông De Kergos thanh-tra Nông-phố ngân-hàng chủ-tọa, ở Trung-Bắc-kỳ tỉnh nào có Nông-phố ngân-hàng thì có nghị-viên và ông chủ ngân-hàng ấy hoặc quan Sứ tỉnh, và nhiều thân-hào Tây Nam đến dự. Họp bàn luôn đến

chiều ngày 7. Có đức Bảo-đại, quan Toàn-quyền PASQUIER quan Khâm-sứ CHÂTEL đến dự; ông YVES HENRY đọc diễn-văn nói qua việc Nôn-phố, rồi quan Toàn-quyền đọc bài diễn-văn của ngài. Xong thì Hội-đồng bế-mạc.

Chính-phủ đã công nhận xứ Trung-kỳ được thông-dụng chữ quốc-ngữ. — Từ năm 1926, viện Dân-biểu Trung-kỳ có thỉnh-cầu Chính-phủ cho toàn-xứ thông-dụng chữ quốc-ngữ thay cho chữ Hán trong các giấy-má việc công việc tư cùng các giấy-má công tư giao-thiệp. Từ đấy cứ mỗi năm đến kỳ hội-nghị lại nhắc đến vấn-đề ấy; đến kỳ hội-đồng Thượng-thư ngày 12 tháng 11 năm 1932, ông nghị-trưởng Dân-biểu lại đề-nghị đến. quan Khâm-sứ thương-đồng với các quan Thượng-thư quyết-nghị công-nhận dùng chữ quốc-ngữ thay cho chữ Hán trong hết thảy các giấy-má văn-án việc quan, cùng việc quan-dân giao-thiệp trong toàn xứ, và đã thông-tư ra các tỉnh đạo nhất-luật thi-hành.

Một y-viện Pasteur *nữa ở Dalat.* — Quan Toàn-quyền có nghị-định Chính-phủ Đông-dương trích ra một món tiền 15 vạn đồng để sửa-sang và cất thêm một Y-viện *Pasteur* ngành nữa ở Dalat, đã khởi-công từ tháng 12 năm 1932, chừng đến năm 1934 mới hoàn-công.

Hội-đồng Cố-vấn. — Hồi 5 giờ chiều ngày 6 tháng giêng, Hội-đồng Cố-vấn đã họp tại phòng hội-đồng phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ chủ-tọa.

Dân mọi đánh đồn lính ở Cao-miên. — Theo báo Trung-lập đăng như sau này:

Dân mọi « Phnong » ở về miền giữa Cao-miên và Đà-lạt là một thứ mọi bất-phục-tùng. Đã nhiều lần, chúng nó nổi lên giết chết mấy người Pháp tới khuyến-dụ chúng đầu-hàng.

Năm 1914, mọi « Phnong » nổi lên giết ông MAITRE. Cách đây không bao lâu chúng lại giết ông GATILLE ở cây số 17 gần Srektum. Nay dân mọi lại đùng đùng kéo nhau đánh phá một cái đồn tại cây số 65.

Đại-úy BRUNET cai-quản cơ lính đóng ở đó, lãnh trách-nhiệm coi việc mở mang miền ấy. Mấy hôm trước, một người mọi tới báo cho ông biết rằng: dân mọi bất-phục-tùng nay mai sẽ kéo xuống đánh các đồn lính. Liền cho thêm người đi đóng giữ các đồn.

Ngày 6 tháng giêng năm 1933 vừa mới hửng sáng viên cai đồn tại cây số 65 cho hay rằng dân mọi tụ-họp ở gần đó đông lắm.

Viên đội CASTEL, cai-quản 60 người lính, một mặt sai người đi phòng-thủ, một mặt sai người phi-báo cho đại-úy BRUNET ở cây số 25 hay.

Trong lúc đó quân mọi hè nhau kéo tới định đánh lấy đồn, nhưng súng liên-thanh của lính bắn xả ra, chúng phải thoái lui tìm mưu kế khác. Chúng nó rút vô trong bố rồi nổi lửa đốt cỏ chung quanh, chắc thế nào lửa cũng sẽ bắt lan cháy đồn.

Lính phải dùng lựu-đạn ném ra.

Bên dân mọi cũng có bốn cây súng « mút-co-tông ». Súng này chúng nó giật của lính sau khi giết ông GATILLE trước. Vì chúng không thạo cách bắn nên bên phía lính không ai bị đạn hết.

Đến 1 giờ rưỡi trưa, người phi-báo mới đi tới cây số 25. Đại-úy BRUNET hay tin lập-tức lên xe hơi đi với hai viên đội. Lên đến cây số 55, lại chở thêm 30 người lính theo nữa.

Tới cây-số 58 không có đường xe hơi, quân lính phải xuống xe đi bộ.

Tới cây số 62.500, viên đội LA CONTE đi dò đường trước, dẫm phải cái chông của mọi đặt dưới đất.

Bị thương nơi chân, lính phải khiêng viên đội lên cây số 65 mới buộc băng được. May cây tên ấy không có tẩm thuốc độc.

Thấy lính tới đông, dân mọi rút vào rừng. Tối bữa ấy, chúng lại còn định đánh lấy đồn nữa, nhưng lính giữ gìn chặt lắm,

Qua ngày mồng bảy, vâng lệnh đại-úy BRUNET, một toán lính đi vào chỗ mọi tụ-họp báo cáo cho chúng biết rằng muốn đánh lấy đồn lính tất chúng bị thiệt-hại. Lại tỏ cho chúng biết rằng : quân lính Pháp không phải muốn đàn-áp bằng cách đổ máu đâu...

Quan Toàn-quyền vào Huế và sang Cao-miên. — Ngày mồng 6, quan Toàn-quyền vào Huế để dự cuộc Hội-đồng Nông-phố-ngân-hàng

Ngày mồng 9 ngài sang *Savannakhet*, cùng quan Khâm-sứ và quan Giám-đốc Thương-chính Lào bàn xét về các vấn-đề quan-thuế ở Lào. Mồng 10 ngài đi *Saravane*. Ngày 11 ngài thăm Cao-nguyên *Bolovens* thăm trại thí-nghiệm Cà phê và chè, qua *Pak Sé*, dự lễ *basi* cùng quan Tổng-đốc BASSAC và các quan-chức Lào, rồi đi tới *Khong*. Ngày 12 ngài đi *Siem Reap*, Ngày 13 ngài tới *Pnom Penh* là kinh-thành Cao-mên. Ngày 14 ngài vào tới Sài-gòn. Hạ tuần tháng 2 này thì ngài về Hà-nội.

Đặt Hội-đồng trừ nạn chó dại. — Ngày 5 tháng giêng này, quan Toàn-quyền mới ra đạo nghị-định đặt một hội-đồng để khảo-cứu về bệnh dại của súc-vật và tìm mọi cách trừ bệnh ấy đi, cùng là phòng-bị cho mọi người khỏi mắc lây bệnh dại của súc-vật.

Quốc-vương Johore tới thăm Đông dương — Ngày 17 tháng giêng này S. A. SIR IBRAHIM là quốc-vương *Johore* và vương-hậu đã từ Cao-miên tới Sài-gòn, có quan lãnh-sự Pháp ở *Singapore* là ông BALLERAULT cùng đi với quốc-vương. Ngày 19 quốc-vương đi thăm Da-lát rồi ra Huế, đức Bảo-đại tiếp Quốc-vương tại điện Cần-chính có tặng Quốc-vương nhất-hạng Nam-long bội-tinh và Vương-hậu Kim-bội, quan lãnh-sự BALLEREAULT thì được tặng đệ-tứ hạng Nam-long bội-tinh. Quốc-vương đi thăm các lăng-tẩm, Khải-định-bảo-tàng viện, Văn-miếu và các cung điện, rồi ra Hà-nội. Ngày 28 Quốc-vương ở Hà-nội đi thăm quan Phó Toàn-quyền GRAFFEUIL, quan Thống-sứ PAGÈS và quan Thống-tướng BILLOTTE, đi thăm các viện bảo-tàng *Maurice Long*, *Louis Finot*, đền Ngọc-sơn, các phố Tây Nam, Văn-miếu, đền Quan-thánh, chùa Một-cột. Ngày 29, Quốc-vương xuống thăm Hải-phòng rồi đi Hương-cảng.

Giảm lương các quan chức ở Đông-dương. — Ngày 18 tại Hội-đồng Thường-trực Sài-gòn, quan Toàn-quyền đã ký nghị-định giảm tiền lương và phụ-cấp của các quan-chức người Tây cùng người Đông-dương lĩnh lương bằng bạc Đông-dương kể từ ngày 21 Janvier 1933 trở đi. Nhất-tề đều giảm mười phần trăm (10%). Còn quan Toàn-quyền, quan Phó-Toàn-quyền cùng quan Chánh-Tài-chính thì giảm mười-lăm phần trăm (15%).

Sau cuộc biến-động cả thảy 6.897 người bị tội. — Theo báo Trung-Bắc đăng : Vì có những lời chất-vấn của ông nghị-viên GUERNNT, mới đây quan Thuộc-địa Tổng-trưởng có công-bố rõ ràng số người bị khép tội sau cuộc biến-động ở Yên-bay và cuộc biến-động cộng-sản như sau này :

Số người Việt-Nam bị khép tội cả thảy là 6.897 người.

Trong số ấy thì 1.094 người do các Hội-đồng Đề-hình khép tội.

5.803 người do các tòa Nam-án ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ khép tội

Trong số những người bị khép tội ấy thì có 164 người bị khép tử-hình và đã đem xử-tử 88 người rồi.

Trong số những người bị kết-án tử-hình đó thì 85 người Bắc-kỳ, đã bị hành-hình 38 người rồi ; 75 người Trung-kỳ đã bị hành-hình 46 người rồi và 4 người Nam-kỳ đều đã bị hành-hình cả.

Hiện nay số người can tội còn bị giam ở Bắc-kỳ 1.094 người, và ở Trung-kỳ 1.879 người

Số tội-nhân được ân-xá cả thảy là 965 người và 2.810 người được tạm tha.

Đạo Cao-đài lan đến Paris. — « Đạo Cao-đài » thịnh-hành ở Nam-kỳ và Cao-miên, nay đã có người truyền-bá sang đến *Paris*. Trong số những đệ-tử của đạo Cao-đài đi cổ-động tại *Paris* thì có quan cai-trị CHARLES BELLAN và ông GABRIEL ABADIE.

Chi-hội định nay mai sẽ dựng một đền ngay tại kinh-thành *Paris*.

Gạo và ngô xuất cảng. — Trong hạ-tuần tháng chạp 1932 và trung-tuần tháng giêng 1933, tại bến Sài-gòn xuất-cảng gạo và bột tới 28.952 tấn.

Trong tháng giêng tại bến Hải-phòng xuất-cảng gạo 1 705 tấn và ngô 1.631 tấn.

Báo mới và sách mới. -- Báo «*Essor commercial* », là tập báo làm quảng-cáo cho các nhà buôn, viết bằng chữ Pháp, mỗi tuần lễ ra một số, giá một năm 3$00, sáu tháng 1$80, mỗi số 0$05. In tại nhà in Mạc Đình-Tích. Chủ-nhiệm là ông Nguyễn Văn-Tam, Báo-quán ở phố Đỗ Hữu-Vị, giây nói số 874.

— **«Sách chơi xuân năm quí-dậu».** Của hiệu Nam-ký xuất-bản, khổ sách 0m30 × 0m22, 48 trang, bán tại số 17. Boulevard Francis Garnier Hà-nội.

— **Phép kết-cấu bài.** Của ông Nguyễn Toan soạn, có năm đoạn là : Bài, sáng ý, bố-cục, lập-từ và dàn bài, in tại nhà in Phụ-nữ Thời-đàm Hà-nội, khổ sách 15 × 22 phân tây, 46 trang, giá 0$50, bán tại nhà ông Nguyễn Toan ở Phát-diệm và ở các hàng sách Hà-nội, Nam-định, Thái-bình.

— **Phổ-thông độc-bản.** Của ông Ôn-như Nguyễn Văn-Ngọc soạn về lớp đồng-ấu, có phân ra hai tập : tập trên và tập dưới. Ôn-như tiên-sinh từ năm 1918 đến giờ, vẫn giữ một mục tập-đọc và học thuộc-lòng trong « *Học-báo* »,

nên soạn ra được đến hàng mấy nghìn bài, nay đem ra xuất-bản, lại sửa-soạn rất là kỹ-càng, cách lựa chọn và xếp bài thì mỗi bài độ mươi mười hai dòng, câu đặt ngắn chữ, mà mạch cũng ngắn câu, Trong mỗi bài, đều ngụ được một ý-tưởng hay hàm được ít trí-thức có lợi cho trẻ. Lại có giải nghĩa rõ ràng, để cho ông thầy tùy tiện bắt học trò tập định nghĩa cho thông. Trong các bài lại lấy ra những chữ thuộc về một môn loại, như những chữ danh-từ hình-dung-từ, động-từ, đại-từ, hay trợ-ngữ, để cho học trò dễ ghi nhớ mà đưa dẫn vào cho biết môn văn-pháp của tiếng nam. Câu hỏi câu tập viết đều có đặt sẵn cả, cuối mỗi tập lại có in năm ba truyện giải-trí để học trò đọc cho vui. Cả hai tập giầy 118 trang, giá mỗi tập 0$20, bán tại Vĩnh-hưng-long thư-quán, 49-51 phố hàng Đường Hà-nội.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan.
   (In lần thứ hai). 5 hào.
11. — La Poésie annamite. 4 hào.

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.

QUỐC-NGỮ ĐÍNH-NGOA

Tập « Quốc-ngữ đính-ngoa » này là của một ông bạn thân của bản-chí từ hồi đầu đến giờ, là ông Thuận-giang Trần Mạnh-Đàn soạn ra đã lâu. Ông có giao cho bản-chí đăng cũng đã lâu, nhưng từ khi đăng tập « Pháp-Việt tự-điển » thì trong báo-chương không còn có dư chỗ mà đăng tập này nữa. Nay xét sự viết chữ quốc-ngữ trong Nam ngoài Bắc rất cần phải cho nhất-trí, mà người viết lại thường hay lầm-lộn nhiều lắm, không có sách nào tra-cứu cho tiện, tập này lại càng có giá-trị lắm. Vậy hẳng tạm-đình tập « Pháp-Việt tự-điển » mấy kỳ, mà đăng tập này để công đồng-lãm. « Pháp-Việt tự-điển » là công-việc lâu dài, không phải trong khoảng mấy tháng mà làm xong được. Còn tập này thì có ích-lợi ngay nhỡn-tiền, và đăng cũng chỉ vài ba kỳ là hết, khi đăng xong sẽ lại tiếp-tục bộ « Tự-điển » như trước.

N.-P.

TỰA

Tiếng Nam ta nay đã đúng nhằm hồi bắt đầu phát-đạt, văn-chương đã xuất-hiện được nhiều giai-tác, ngôn-luận đã phát-xiển được nhiều tân-lý; duy có cái tự-hoạch thì người nước sai-suyễn còn nhiều. Không kể những cái tư-thư, có kẻ viết sai hết chân-âm, bất-thành nghĩa-lý; đến những kẻ dạy học, kẻ làm sách, mà cũng không khỏi sai lầm; kể cái nguyên-cớ, thì chỉ vì thổ-âm mỗi nơi mỗi khác mà ra cả.

Nếu kể cho tường-tận, thì mỗi làng có mỗi tiếng sai, mỗi xóm có mỗi tiếng sai, không sao kể cho xiết được.

Nhưng cái sai lầm về các hương-thôn, thì cái địa-vị chiếm-choán không nhiều, nên người sai chẳng bao lâu mà tự tỉnh-ngộ, dần dần rồi cũng sửa-đổi lại được. Duy có cái sai lầm cả toàn-kỳ; cái địa-vị chiếm-choán rất nhiều, thành ra một cái công-bệnh, nên không biết đối-chứng cùng ai mà sửa-đổi, cứ phải giữ cái ngộ-điểm cho đến lâu đời.

Nay nói đại-khái: thì Bắc-kỳ thường sai về mấy tiếng vô-âm (consonne), *tức như đọc « trăm năm » bằng « chăm năm », thế là vận « Tr » sai ra vận « Ch »; đọc « sinh nhai » bằng « xinh nhai », thế là vận « S » sai ra vận « X ».*

Trung-kỳ mấy tỉnh phía trong thường sai về tiếng phát âm (voyelle), *tức như đọc « lan huệ » bằng « lang huệ » thế là vận « an » sai ra vận « ang »; đọc « bát phẩm » bằng « bác phẩm » thế là vận « at » sai ra vận « ac ».*

Còn Nam-kỳ thì lại sai cả hai tiếng vô-âm và phát-âm, tức như đọc « vợ chồng » bằng « giợ chồng », thế là vận « v » sai ra vận « gi »; đọc « lan huệ » bằng « lang huệ », thế là vận « an » cũng sai ra vận « ang ».

Lại Nam-kỳ và mấy tỉnh phía nam Trung-kỳ thì có khi lại sai tiếng vô-âm ra tiếng phát-âm nữa, tức như « hoan hỷ » đọc bằng « oang ỷ » « hòa-thuận » thì đọc bằng « òa thuận », thế thì chữ « ha » lại sai ra thành chữ « a » nữa.

Không những thế thôi, vì một cái lầm ấy, mà những tiếng từ xưa đã nói trúng, nay lại ngộ-nhận cho là mình nói sai, rồi đem sửa lại, như « chung chạ » thì đổi ra « trung trạ » « đường hoàng » thì đổi ra « đườn hoàn », thế thì cái sai lại đi ra mấy ngàn dặm nữa.

Vậy tôi xin trích cái sai lầm của ba kỳ như đã kể trước, mà phân theo các chữ cái, chính âm thuộc về chữ nào, thì biên theo chữ ấy, và có dàn thứ tự kẻ sau bài mục-lục rõ-ràng, để cho người viết cứ tìm theo số hiệu mà tra-cứu cho được tiện. Xin các ngài thử xem cái liệt-biểu sau này, và xin cải-chính những chỗ sai suyễn lại cho, thì chúng tôi cám ơn lắm.

Năm thứ 1er Bảo-đại (1926)

THUẬN-GIANG, TRẦN MẠNH-ĐÀN

LIỆT BIỂU CÁC TIẾNG SAI LẦM CỦA BA KỲ

CHÁNH CHỮ:		ĐỌC SAI RA:	VÍ-DỤ NHƯ CHỮ:	THÌ ĐỌC RA:
Bắc-kỳ	tr	ch	trăm năm	chăm năm
	s	x	sinh-nhai	xinh nhai
	r	gi	ra vào	gia vào
	d	gi	dân-tình	giân tình
Nam-kỳ và miền nam xứ Trung-kỳ	v	gi	vợ chồng	giợ chồng
	ha	a	hoan hỷ	oan-ỷ
Trung-kỳ Huế	nh	gi	nhà cửa	già cửa
Trung-kỳ từ Huế trở vào cho đến cả Nam-kỳ	an	ang	lan huệ	lang huệ
	at	ac	bát phẩm	bác phẩm

TIẾNG SAI XỨ BẮC-KỲ (VỀ TIẾNG CONSONNE)

I.— Ch. Tr.

1er

Cha Cha mẹ, cha chả.

Tra Tra cứu, tra khảo, tra nã, tra xét, tra miệng vào, chim ông tra, tra lão, tra trỉ (cặn bã), quả sơn tra.

Chà Chà xát, chà nát ra, chà mái, nước Chà-và.

Trà Trà rượu, trà cánh xuống, bay trà trà, nói trật trà trật trẹo.

Chá Chá lấy nước, khoái chá (ngon lành).

Trá Trá ngụy, giả trá, dối trá, man trá.

Chạ Làm chạ, chẳng chạ, chung chạ.

Trạ Cành cây trạ ra (hai bên đường), trách trạ (đồ bằng đất).

Chả Chả nem, chả thèm làm, ả chả.

Trả (Tức sữa của con trẻ bú).

Chác Chác hai ra, chác lấy việc đời.

Trác Trác tử, trác lạc, điêu trác, bị ma trác.

Chạc Chạc nhợ, chẳng chạc.

Trạc Trạc chừng... tầy trạc, bạt trạc, trợn trạc, quân trục trạc (là người hung-hăng vô-lễ), cái trạc (để gánh đất).

Chách Tiếng rơi xuống nghe «chách», lách chách (tiếng nước nhỏ).

Trách Trách mắng, oán trách, trách nhiệm, chức trách, khắc trách, cái trách (để nấu cá).

Chạch Con cá chạch.

Trạch Ẩn trạch, điền trạch, sơn trạch, trạch nhân (lựa người).

Chai Chai rượu, ống bằng chai, con cá chai, ăn nhiều thành chai miệng, chai phà (người ta lấy mà thắp được).

Trai Trai gái, trai khiết, trai giới, hạt trai, con trai (loài ốc), cây rau trai.

Chài Kẻ chài, mồi chài, làng chài, con làng chài.

Chái Cái chái nhà.

Trái Tay trái, phải trái, trái phép, trái ý, trái mùa, trái khoản (món nợ), trái cây (tức quả cây).

Trại Trại lính, lều trại.

Chải Chải tóc, chải chuốt, cái bàn chải.

Trải Trải sự đời, từng trải, trải chiếu, chiếc trải.

Tram Đam-tram (cách ngồi lâu).

Chàm Chàm nhuộm áo, nước Chàm (tức Chiêm-thành).

Tràm Nổi tràm lên (như cái mụt), trái tràm, cây tràm.

Trám Trám để gắn chai, trám miệng lại.

Chạm Chạm trổ, đụng chạm.

Trạm Trạm chạy giấy (công-văn).

Trảm Trảm quyết, trảm giảo (chém và thắt cổ).

Chan Chứa chan, chan canh vào cơm.

Tran Cái tran thờ.

Tràn Tràn trề, tràn nhơn.

Chán Chán chê, chán ngán, chán chường.

Trán Cái trán (trên mặt).

Chạn Cái chạn đựng thóc.

Trản Đài trản (chén).

Chang Cái chang trống, chang với người ta, nắng chang chang.

Trang Trang lứa, trang trại, trang trải, trang sức, trang hoàng, trang nghiêm, nữ trang, hành trang.

Chàng Chàng với thiếp, chàng ràng, đục chàng, con chim chàng, chim chàng làng.

Tràng Chiến tràng (tức chiến trường), học tràng (học trường), tràng áo, tràng hoa.

Tráng Tráng đinh, tráng kiện, tráng dõng (mạnh mẽ), tráng chí, ăn tráng miệng, tráng qua một lớp.

Chạng Chạng chân ra.

Trạng Trạng-nguyên, trạng-sư, trạng-mạo, tình-trạng, hiện-trạng, hay nói trạng, rú trạng (rú có cây cối lúp xúp).

Chảng Tiếng vấp vỡ nghe « chảng ».

Trảng Trống trảng, trảng gió.

Chanh Quả chanh, lanh-chanh (cách lật-đật).

Tranh Tranh lợp nhà (tức là gianh), tranh-cạnh, tranh-đấu, một bức tranh.

Chành Chành cây (tức ngành cây), bành-chành.

Chánh Chánh-sự, chánh-trị, chánh-kiến, chánh-thanh, chánh-đạo, cải-chánh (cũng đọc là chính), chánh cây (tức cành cây).

Tránh Trốn tránh, tránh mặt, tránh trút, gián-tránh (can ngăn).

Chạnh Chạnh lòng, chạnh niềm.

Trạnh Con trạnh (như con rùa).

Chao Vị chao (một giống tương), chao vào nước, chao giong, chao ôi!

Trao Trao tay, đao trao (cách trân lý).

Chào Chào hỏi, chào tiếu, phong chào.

Trào Nước trào ra, trào-đình (tức triều-đình).

Cháo Cơm cháo, học thuộc cháo đi.

Tráo Tráo đổi, lùng tráo.

Trạo Gạo trạo (là gạo rang vừa vừa) trộn trạo.

Chảo Xanh chảo.

Trảo Trảo nha (nanh vút), ngũ trảo (năm cái móng), trảo lảo, trảo tranh.

Tráp Cái tráp (đựng đồ).

Chạp Kỵ chạp tháng chạp.

Chát Chua chát.

Trát Trát sức, tờ trát.

Chau Lau-chau, chim chau-chau.

Trau Trau giồi, trau tria, trau lúa (phơi lúa).

Trâu Cá trâu (tức cá đô).

Cháu Con cháu, một cháu lúa (một bó con con).

Tráu Cú tráu, tráu mặt lại.

Trậu Trị trậu (không khuôn phép).

Chảu Nói chảu, bộ dạng lanh chảu.

Trảu Trảu tranh (là ăn nói liến láo).

Chay Đám chay, chay ma, ăn chay tầy chay (để chế), cây chay (dùng để ăn trầu).

Chày Cù chày, cái chày đâm gạo.

Cháy Lửa cháy, con cá cháy.

Chạy Đi chạy, chạy tiền bạc, công việc chạy.

Chảy Nước chảy.

Trảy Trảy lỗi mình (không nhìn) nói trảy, róc trảy đi.

2e

Chắc Chắc chắn, quyết chắc, hột lúa chắc, một chắc.

Trắc Trắc đạc, trắc lượng, trắc trở, bằng trắc. cây gỗ trắc.

Trặc Trặc lại, trì trặc.

Chăm Chăm nom, chăm chỉ, lúa chăm, chạy lăm chăm.

Trăm Trăm ngàn, trăm tiếng mọi.

Chẩm Cái chẩm (có nước), cái nạng chẩm, chẩm bậy, chẩm cái tơi.

Trẩm Trẩm trồ, đôi trẩm (đeo tai).

Chẩm Tóc chẩm ngang vai.

Chặm Chặm vào nơi lửa, chặm nước mắt.

Trặm Tròn trặm, nước da trặm, đồ ăn trặm.

Chăn Chăn gối, chăn trâu, chăn giữ, chăn sóc.

Trăn Con trăn, (như con rắn) trăn xuống đất.

Chắn Đem cái chi mà chắn xuống đất, mụ chắn.

Trắn Trắn nghiêng xuống, trắn trọc.

Chắn Cái chắn (như cái đục) chắn hai ra.

Trắn Trắn xuống nước.

Chẵn Chẵn lẻ, số tiền chẵn.

Chăng Phải chăng, có chăng ?

Trăng Mặt trăng (tức mặt giăng) trăng da ra, trối trăng, thằng trăng trăng.

Chằng Dây chằng, bắt chằng ra, lôi chằng ra.

Trằng Trằng đen.

Chặng Một chặng đường.

Chẳng Phải chẳng, chẳng biết, chẳng hề. ..

Chấp Chấp nối, làm bấp chấp, lấp chấp (nước gần đầy).

Trấp Cái trấp (tức cái tráp).

Chặp Một chặp, (một hồi).

Chất Cháu chất, chất béo, chất lót, chất lưỡi, chim chất chất.

Trất Gạo trất (gạo lớn hột) ăn trất.

Chặt Chặt chún.

Trặt Trèo trặt, trặt trịa, (chắc chắn kỹ lưỡng).

3e

Châm Châm-chích, châm-chước, kim châm vào, đá nam-châm, phương-châm (kim chỉ phương hướng).

Trâm Trâm giắt đầu, dòng trâm anh (nhà quan).

Chầm Đầm chầm vào.

Trầm Trầm hương, thâm-trầm, trầm-trệ, phù trầm, trầm mặc, trầm một, trầm mịch, trầm trọng (cách bệnh nặng).

Chấm Chấm nước mực, chấm văn bài.

Trấm Trấm vào (mà đánh) sàm trấm (gièm chê).

Chậm Chầy chậm, chậm trễ.

Trẫm Trẫm triệu (là điềm gì hiệu ra trước) xưng trẫm (là tiếng riêng của vua tự xưng).

Chân Chân tay, chân chính, chân thành.

Trân Trân bảo, trân tàng, trân trọng, trân trối, trân lề, trân liều, dây trân (chạy ngoài vành tròn).

Chăn Chần lại (không cho đi hoang chơ) đem nước nóng mà chần (hoặc cơm hoặc xôi).

Trần Trần truồng, trần-thế, trần-gian, trần-bì, trần-thiết, trần-mễ, cái màn trần, bức ván thừa trần.

Chấn Va chấn, phấn-chấn, chấn-động,

chấn-hưng, chấn chỉnh, cần khẩm cấn chấn.

Trấn Phiên-trấn, quan trấn-thủ, trấn tĩnh, trấn áp.

Trận Chiến trận, trận địa (chỗ đóng quân) trận giặc, trận mưa.

Chẩn Chẩn-thải, chẩn cấp, chẩn đậu (trồng đậu cho trẻ con).

Trẩn Trẩn đi (không ra mặt).

Chận Chận lại (không cho chạy đi).

Chấp Chấp trách phụ chấp (bạn với cha) đởn chấp (là cầm cố) chấp tay mà vái.

Trấp Cầm trấp (ngăn cấm).

Chập Chập chồng.

Trập Mi mắt trập trập.

Chất Tính chất, chất phác, chất đống, chất ngất.

Trất Trất ngại, trây trất (qua việc thì thôi).

Chật Chật nich, nhà chật.

Trật Trật tự, phẩm trật, trật đi (không trúng) trầy trật (làm không trúng).

Châu Châu ngọc, châu báu, châu mày lại.

Trâu Trâu bò nước Trâu.

Chầu Chầu chực, nhắm chầu, đánh trống chầu, một chầu hát.

Trầu Trầu cau (tức giầu cau).

Chấu Cái chấu võng, con châu chấu, chấu vào mà xem.

Trấu Đi trấu (tức đi điếu) hột trấu (vỏ thóc).

Chậu Cái chậu (đựng nước).

Trây Trây trất, trây tra, trây huyết nhầm.

Chầy Chầy chậm, bấy chầy, chầy chà.

Trầy Trầy da ra (chợt da) trầy trật.

Chấy Chấy hòa (cho có tiền bạc).

Chậy Sai chậy.

Trầy Đi trầy (là đi đường xa bằng thuyền).

4°

Che Che chở, che lấp, che đậy.

Tre Tro tre, trương tre, cây tre.

Chè Cây chè (uống nước) cháo chè, xương bánh chè (ở đầu gối).

Trè Trè cánh ra.

Ché Cái ché (độc bình lớn).

Tré Nem tré.

Trẹ Trọ trẹ (tiếng nói của con trẻ).

Chẻ Bữa chẻ, chẻ hai ra.

Trẻ Trẻ con, trẻ trung, khoe trẻ.

Chéc Tiếng kêu (chéc chéc).

Chẹc Bắt chẹc ra.

Chem Chem bẻm (rõ mặt gian ra).

Chém Chém giết.

Trém Hay nói trém.

Chẽm Miệng nói chem chẽm.

Trẽm Ngoài trẽm (ngoài sông về chỗ đã ra sâu)

Chen Chen chúc, chen vai, đua chen.

Chèn Cái chèn quần.

Chén Chén rượu.

Chẹn Một chẹn lúa.

Chẽn Cái áo chẽn (tức áo chít chật tay).

Trẽn Trơ trẽn, không biết trẽn (là không thẹn).

Cheo Cheo leo, cheo cưới, chim cheo bẻo.

Treo Treo lên chỗ cao, cái móc treo, treo buộc, treo trủ.

Chèo Chèo thuyền, hát phường chèo, chèo đi (chuầy đi).

Trèo Trèo lên cao.

Chéo Cái chéo áo, tiếng van bó chéo.

Tréo Bắt chéo lại, cái ghế tréo.

Chẹo Chẹo đi (không được vuông vắn).

Chép Biên chép, con cá chép (cá gáy) con chép chép.

Chét Cái chét (như cái cuốc mà nhỏ) con bọ chét, tâm-địa nhỏ chét, chét vào.

Trét Trầm trét (tức gọi là đá trời đánh) tô trét.

Chẹt Chẹt hẹp, chẹt chân há miệng.

Trẹt Trẹt mặt (dáng mặt mỏng mét) cái trẹt (để say gạo).

5°

Chê Chê cười, chê khen, chán chê (nhiều lắm).

Trê Cá trê, trê tra (cho đủ tiền).

Trề Tràn trề, trề môi ra.

Chế Áp-chế, chế-độ, chế-biến, chế-tạo, pha chế, bào-chế, đề-chế (người Tàu gọi tầy chay) chịu chế (chịu phục .

Trệ Trầm trệ, yềm trệ, ngưng trệ, trì trệ.

Trễ Chậm trễ, trễ nải.

Trếc Đếc trếc (cách ngồi vênh-vào).

Chệc Người chệc (tức người nước Mãn-Thanh).

Chếch Chếch lệch, chếch méo, chếch mác.

Chêm Chêm vào (cho khỏi lỏng).

Trên Trên dưới, trên cao.

Chết Sống chết.

Trết Trết miệng (cách nói làm không ra tiếng). dính trết.

Trệt Ngồi trệt (tại giữa đất quê trệt).

Trêu Trêu chọc, trêu ghẹo, trêu ngươi.

Trếu Răng mọc trếu (không sửa hàng).

Trệu Trệu trạo (nhà không giàu không đói).

6°

Chi Chi tiêu, chi phí, chi dụng, chi thể, làm chi vậy? can chi (can: như là giáp, ất ; chi : như là tí sửu).

Tri Tri thức, tri kỷ, tri giác, tri giao tri tri (cách khẩn vó).

Chì Chì thiếc, bút chì, mặt bủng da chì.

Trì Trì chậm, trì xuống, trì trặc, nặng trì trì, ông Tú trì, điện trị (bình chứa điện).

Chí Chí thú, chí xứ, chu chí, vô sở bất chí, người chí-sĩ, con chí trên đầu.

Trí Trí khôn, trí lự, trí tuệ, trí thức, yên trí (để tâm vào) yên trí (cho ở một nơi) dĩ trí... (cho đến nỗi...)

Chị Chị em.

Trị Trị yên, bất trị, cai trị, chánh trị, giá trị

Chỉ Chỉ dụ, sợi chỉ, chỉ trỏ, điểm chỉ, chỉ trích, chỉ thế mà thôi.

Trĩ Tra trĩ (cặn bã) ấu trĩ (thơ trẻ) chim trĩ, bệnh trĩ (dưới trôn lở lây ra).

Chia Phân chia, chia phôi.

Tria Trau tria.

Chìa Chìa khóa.

Trĩa Trĩa lúa (xuống đất).

Chích Châm chích, con chim chích.

Trích Trích lục, trích bác, chỉ trích ngồi dích trích, con cá trích.

Chiếc Lẻ chiếc, một chiếc giày, một chiếc thuyền.

Chiêm Chiêm bao, chiêm nghiệm, lúa chiêm, nước Chiêm-thành.

Triêm Triêm nhiễm, triêm ân.

Chiếm Chiếm cứ, chiếm đoạt.

Chiên Chiên xào, lông chiên, con chiên (trong hội giáo).

Chiền Chùa chiền.

Triền Triền núi.

Chiến Chiến trận, chiến tranh, bút chiến (đánh nhau bằng ngòi bút).

Triến Gắn triến lại, làm cho triến môi lại, nói triến mồm, (nói luôn).

Chiện Chỉnh chiện, chim chiện chiện.

Triện Chữ triện, cái đồn triện

Chiêng Chiêng trống, bồ lăn chiêng.

Triêng Triêng gánh, triêng lưới.

Triềng Trùng triềng (không vững).

Chiếng Người tứ chiếng.

Triệng Trụng triệng (ra vào lôi thôi không chịu đi).

Chiết Chiết đoán, chiết biện, chiết tự, khúc chiết.

Triết Triết học, triết lý, hiền triết, con chim triết

Triệt Thấu triệt, triệt lô, triệt ngăn đi, triệt hai ra, triệt ngọn đi.

Chiêu Chiêu hồn, chiêu mộ, chiêu tập.

Triêu Triêu mộ (mai và hôm).

Chiều Chiều dài, theo chiều, buổi chiều hôm.

Triều Triều đình, hoàng triều, nguy triều, triều trực.

Chiếu Chiếu giường, chiếu chỉ (của vua), chiếu theo, con bọ chiếu.

Chinh Chinh chiến.

Trinh Trinh tiết, trinh chính, trinh khiết, trinh thám.

Chình Con cá chình.

Trình Nhật trình, hành trình, lộ trình, trình độ, cái trình dựng nước.

Chính Chính đáng, chính trị, chính sách, chính kiến, chính thanh (cái tiếng về chính trị giỏi).

Trính Cái trính nhà.

Trịnh Trịnh trọng, họ Trịnh, nước Trịnh.

Chỉnh Chỉnh đốn, chỉnh tề, chỉnh mảng.

Trỉnh Trỉnh ra (hơi to ra).

Cho Cho bai, cho hay.., cho đến nỗi...

Triệu Triệu tập, chỉ triệu, trẫm triệu, cát triệu, cái lồng triệu (về đám ma).

7e

Tro Mun tro, tro tro (cách giữ kỹ), tro tre, một cây tro.

Trò Học trò, trò vè, trò chuyện, cô nhà trò, một cây trò.

Thó Con chó, chó mèo.

Chọ Một chọ (như một góc).

Trọ Nhà trọ (chỗ trú), trọ trẹ (giọng trẻ nói), cái trọ (cái đầu).

Trỏ Chỉ trỏ, ngón tay trỏ.

Choác Lở choác miệng (của một cái mụt).

Choạc Há choạc ra.

Choách Loách choách (cách người nhỏ).

Choai Con gà choai (không lớn không nhỏ).

Choái Cái choái của cây bầu, cây bí (tức cái tì).

Choán Chiếm choán, choán phần.

Choàng Ôm choàng (ôm hai vai), buộc choàng.

Choáng Loáng choáng (mắt xem không rõ).

Choạng Chập choạng (khi trời gần tối).

Troạng Mở troạng ra.

Choảng Tiếng đồ sành vỡ nghe choảng.

Choạp Loạp choạp (tiếng heo ăn).

Troắn Troắn troéo (cách mặt không tươi tốt).

Tróc Tróc phược (bắt trói lại), truy tróc (theo mà bắ).

Chọc Chọc nhẹo, chọc gan, chọc cồ heo.

Trọc Trọc trụi, trần trọc, trọc phú (giàu mà bẩn).

Tròe Chim tròe cánh.

Chóe Một chóe lúa.

Troéo Troắn troéo (không tươi tốt).

Choét Cơm nhão choét.

Troét Mỡ troét ra (về sự nấu cơm cháo).

Choi Loi choi (cách chảy).

Troi Con troi (tức con ruồi trong mắm).

Chòi Chòi mọc, chòi chọt, cái chòi canh.

Chói Sáng chói, chói lói, chói chang, nơi chói, chói nóc nhà lại.

Trói Trói buộc.

Trọi Trơ trọi, hết trọi cả, gà trọi, trứng trọi với đá.

Chòm Chòm xóm, chòm nhà, chòm sao.

Chỏm Lỏm chỏm (cách nhảy của loài cóc nhái).

Chon Lon chon (cách chạy).

Tròn Tròn méo, vuông tròn.

Chọn Kén chọn, lựa chọn.

Trọn Trọn vẹn, trọn đời.

Chong Thức chong, thắp chong đèn, đi chơi chong.

Trong Trong ngoài, nước trong hay đục.

Tròng Con tròng (tròng con mắt) mắt ngó tròng trành, tròng trọc, tròng tréo.

Chóng Mau chóng, chóng mắt, cái long chóng.

Tróng Cái tróng (trong họng) cái tróng (dùng để buộc cổ chó) tróng cổ lại.

Trọng Trọng vọng, kính trọng, khinh trọng, bá trọng (anh em) trần trọng, trịnh trọng.

Chỏng Chỏng chân lên.

Chõng Cái chõng nằm.

Chóp Chóp nón, chóp núi.

Chót Đầu chót, chót núi, cao chót vót.

Trót Trót đời, trót kiếp, đã trót làm, một quả trót.

Trọ Cái trọt (là nơi nước chảy).

8e

Trô Trô da, trô tri.

Trồ Trần trồ, một trồ chỉ.

Chỗ Một chỗ ngồi.

Trổ Trồ bông, trồ đường ra.

Trỗ Một trỗ mưa.

Chốc Chốc lát, bỗng chốc, chốc vít.

Trốc Cái trốc (tức cái đầu).

Trôi Trôi nổi, trôi giạt.

Chồi Chồi cây (tức rễ cây), chồi móng.

Trồi Trồi trụt, (trồi lên trụt xuống), trồi đầu ra.

Chối Chối cãi, từ chối.

Trối Nói trối, (lời di chúc), trối trăng.

Trội Trội tiền ra (thừa ra).

Chổi Cái chổi quét nhà, cái sao chổi.

Trổi Trổi tiếng, học lực trổi.

Chôm Bồ chôm xuống, đâm chôm chôm lên trên.

Trộm Trộm cắp, trộm nghĩ rằng :

Chồm Lồm-chồm (cách đá mọc không bằng bặn).

Chôn Chôn xuống đất, bôn chôn.

Trôn Cái trôn « đít », trôn ốc.

Chồn Con chồn, chồn mồi.

Chốn Nơi chốn.

Trốn Trốn tránh.

Chộn Chộn rộn.

Trộn Trộn trạo, trộn món này với món kia.

Chông Chông gai.

Trông Trông nom, trông cậy, trông mong.

Chồng Chồng vợ, sắp chồng, chồng lên trên, chập chồng, một chồng sách.

Trồng Trồng cây.

Chống Chống cự, chống đỡ, chống cửa lên, chống nhau.

Trống Trống chiêng, trống không, trống trải.

Trộng Trộng mất lớp đáy đi.

Trồng Trồng gió, trồng trảng.

9e

Trơ Trơ trơ, tru trơ, trơ tráo, trơ trọi.

Chờ Chờ đợi.

Chớ Chớ làm như vậy.

Trớ Trù trớ, (cách nói không suôn sẽ.

Chợ Cái chợ buôn bán.

Trợ Bồ trợ, tư trợ, cứu trợ, trợ trệt, thầy trợ giáo.

Chở Chuyên chở, che chở, lở chở.

Trở Trở lại, ngạnh trở, ngăn trở, hiểm trở, tráo trở, trác trở, trở lực.

Trỡ Gà gáy một trỡ.

Chơi Chơi bời, chơi đùa, chơi vơi.

Trơi (Ma le) trơi đời, trơi đĩa, trơi gạo, con ma trơi.

Trời Trời đất (tức giời đất).

Chơm Cái chơm (để chơm cá).

Chờm Chờm vào (để mà đánh).

Chỡm Lỡm chỡm, con gà chỡm đá (sắp sửa đá), nói chỡm (nói nhát, người ta).

Trơn Trơn tru, trơn nhẵn, sạch trơn.

Chớn Chớn nước (lên đến chừng nào).

Trợn Trợn trạc, trợn mắt lên.

Trơng Cây trơng (có nhựa).

Trờng Con cá trờng lên khỏi mặt nước.

Chớp Chớp nháng, chớp mắt, chớp ảnh, mít chớp ra.

Trớp Hột thóc trớp (lòng ruột không có gạo).

Chợp Chơi chợp.

Chớt Nói chớt (không sửa giọng), chớt chát.

Trớt Hỏng trớt (không được chi cả).

Chợt Chợt da ra, chợt trông thấy, chơi chợt, chụt chợt.

Trợt Trợt chân ngã xuống.

10e

Chu Chu đáo, chu chi, chu tất, chu chu (tiếng kêu gà).

Tru Tru trơ, tru duyệt, tiếng tru lên.

Chủ Con chủ (như con chuột).

Trù Trù tính, trù nghĩ, trù rủa.

Chú Chú bác, chú ý, chú mục, chú thích, chú trọng.

Trú Trú ngụ, trú trớ, ông Trú-tri.

Trụ (là cái cột), trụ thạch (cột đá), trụ lại cho vững.

Chủ Chủ nhân, chủ nghĩa, chủ ý, chủ quyền, quân chủ, dân chủ, chủ trương.

(*Còn nữa*)